NEW YORK TIMES BESTSELLER

"Một cái nhìn sâu sắc đáng ngạc nhiên." – *The Economist*

Những đứa trẻ thông minh nhất thế giới



Các siêu cường giáo dục và bài toán "lò luyện thần đồng"

Amanda Ripley

alphabooks knowledge is power

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Mục lục

Công thức chung nào để đào tạo nên những đứa trẻ thông minh?

Bạn đọc đang cầm trên tay một cuốn sách rất hấp dẫn. Không phải ngẫu nhiên, ngay từ khi xuất bản, tháng Bảy năm 2014 đến nay, *Những đứa trẻ thông minh nhất thế giới* luôn giữ vị trí đầu bảng trong danh mục sách về Giáo dục nói chung và Giáo dục trẻ tài năng nói riêng tại Mỹ. Tác giả cuốn sách, Amanda Ripley, một phóng viên của nhiều tờ báo nổi tiếng ở Mỹ, người từng được trao tặng hai giải thưởng báo chí quốc gia, đã viết cuốn sách này, xuất phát từ một thực tế rằng điểm kiểm tra PISA của học sinh Mỹ trong độ tuổi 15 thấp hơn so với nhiều quốc gia khác, đặc biệt là điểm toán học. Cô đã theo chân ba học sinh trao đổi của Mỹ, đến những đất nước có điểm PISA đứng đầu thế giới, là Hàn Quốc, Phần Lan, Ba Lan để khám phá những bí mật giúp các nước này đào tạo nên những học sinh tài năng.

Thực ra, nếu bạn từng đọc cuốn sách *Những kẻ xuất chúng* của Malcolm Gladwell, bạn sẽ phần nào hiểu được nguyên nhân vì sao học sinh các nước châu Á như Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Philipines... lại giỏi toán đến vậy. Tôi nghĩ hẳn Amanda Ripley không xa lạ với tác phẩm của Malcolm Gladwell và cách lý giải của ông. Nhưng cô vẫn muốn tìm ra những nguyên cớ mà nhờ đó có thể giúp nước Mỹ cũng như phần còn lại của thế giới (cách dùng từ của tác giả) soi chiếu vào chính sách giáo dục của nước mình, soi chiếu vào chính những công dân sống trong đất nước mình, để tìm ra giải pháp khả thi.

Qua quan sát và trải nghiệm cùng ba học sinh trao đổi Mỹ, Amanda đã rút ra những nguyên nhân làm nên thành công trong học tập cho ba đại diện thế giới là Hàn Quốc, Phần Lan và Ba Lan. Ở Phần Lan, giáo viên được tuyển chọn hết sức khắt khe và khác với nhiều quốc gia, trở thành nhà giáo ở nước này là việc vô cùng khó. Họ cho rằng “cách duy nhất để nghiêm túc về giáo dục là lựa chọn giáo viên có trình độ cao, những người giỏi nhất và thông minh nhất trong mỗi thế hệ.” Những người sẽ trở thành giáo viên trong tương lai sẽ được đào tạo một cách nghiêm ngặt nhất. Amanda nhận định rằng: “Đó là một chiến lược hoàn toàn cấp thiết mà ít quốc gia làm được.” Amanda còn nhận ra một điểm hết sức quan trọng, không chỉ giúp các học sinh ở những siêu cường giáo dục đạt điểm số rất cao, mà còn là phẩm chất cần có cho bất kỳ thành công nào, đó là sự tận tâm. Chính sự tận tâm (cùng tính kiên trì) sẽ dẫn đến khả năng chịu trách nhiệm, tính chăm chỉ và có tổ chức. Sẽ không quá khi nói rằng, sự tận tâm đem đến thành công cho một người còn hơn cả trí thông minh hoặc nền tảng xuất thân của người đó. Đó là một lý do không mới, nhưng để làm được điều đó, người ta phải tự khắt khe với chính mình. Bài học ấy vẫn luôn có ích cho bất kỳ ai, trong bất kỳ hoàn cảnh nào và làm công việc gì.

Trân trọng giới thiệu tới độc giả!

Hà Nội, tháng 1 năm 2015

CÁC NHÂN VẬT CHÍNH

Đức

Thomas Neville Postlethwaite: Nhà khoa học Anh, người đi đầu trong công tác nghiên cứu về kiến thức của trẻ trên toàn thế giới. Cố vấn của Andreas Schleicher.

Andreas Schleicher: Nhà khoa học Đức tại Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organisation for Economic Co-operation and Development – OECD), người đã góp phần tạo ra kỳ thi PISA, vốn được thiết kế để đo lường các kỹ năng ở trẻ 15 tuổi trên toàn thế giới trong thế kỷ XXI.

Hoa Kỳ

Scott Bethel: Huấn luyện viên bóng đá kiêm giáo viên môn Đại số I của Kim tại Sallisaw, Oklahoma.

Mark Blanchard: Hiệu trưởng trường trung học của Tom tại Gettysburg, Pennsylvania.

Charlotte: Mẹ của Kim và cũng là một giáo viên tiểu học ở Sallisaw, Oklahoma.

Scott Farmer: Quản lý tại trường của Kim ở Sallisaw, Oklahoma.

Deborah Gist: Ủy viên Hội đồng Giáo dục tại Rhode Island.

Elina: Một học sinh trao đổi người Phần Lan, đã rời Helsinki năm 16 tuổi để dành một năm ở Colon, Michigan.

Ernie Martens: Hiệu trưởng trường của Kim tại Sallisaw, Oklahoma.

William Taylor: Giáo viên toán trường công lập tại Washington, D.C.

Hàn Quốc

Cha Byoung-chul: Thanh tra trưởng đội tuần tra học tập tại văn phòng giáo dục quận Gangnam, Seoul, Hàn Quốc.

Le Chae-chul: Người sở hữu chuỗi năm trung tâm học thêm ở Seoul, Hàn Quốc.

Eric: Một học sinh trao đổi người Mỹ rời Minnetonka, Minnesota năm 18 tuổi để học tại Busan, Hàn Quốc trong năm học 2010-2011.

Jenny: Học sinh Hàn Quốc đã sống ở Mỹ và là bạn của Eric ở Busan, Hàn Quốc.

Lee Ju-ho: Bộ trưởng Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc. Một nhà kinh tế với tấm bằng tiến sỹ từ Đại học Cornell.

Andrew Kim: Giáo viên tiếng Anh, phất lên nhờ Megastudy, một trong năm trung tâm học thêm tư nhân lớn nhất Hàn Quốc.

Ba Lan

Miroslaw Handke: Nhà hóa học giữ chức Bộ trưởng Giáo dục của Ba Lan từ năm 1997 đến năm 2000, trong suốt giai đoạn cải cách căng thẳng.

Urszula Spalka: Hiệu trưởng trường của Tom tại Wroclaw, Ba Lan.

Tom: Một học sinh trao đổi người Mỹ, năm 17 tuổi đã rời Gettysburg, Pennsylvania để đến học tại Wroclaw, Ba Lan trong năm học 2010-2011.

Paula Marshall: CEO của Bama Companies ở Oklahoma, Trung Quốc và Ba Lan.

Phần Lan

Kim: Một học sinh trao đổi người Mỹ đã rời Sallisaw, Oklahoma năm 15 tuổi để dành năm học 2010-2011 ở Pietarsaari, Phần Lan.

Tiina Stara. Giáo viên lớp tiếng Phần Lan của Kim ở Pietarsaari, Phần Lan.

Susanne: Cô chủ nhà của Kim trong 6 tháng đầu cô bé ở Pietarsaari, Phần Lan.

Heikki Vuorinen: Giáo viên tại trường Tiistilä, nơi một phần ba học sinh là người nhập cư, có trụ sở tại Espoo, Phần Lan, ngay cạnh Helsinki.



Bản đồ Nhiệt: Hầu hết trẻ em ở một số quốc gia nằm rải rác khắp hai bán cầu đều tập trung học cách tư duy phản biện trong môn toán học, môn đọc hiểu và môn khoa học.

Lời nói đầu

Bí ẩn

Trong suốt những năm tháng gắn bó với nghề báo, tại tờ Time cũng như nhiều tạp chí khác, tôi luôn tìm cách né tránh những câu chuyện giáo dục. Nếu các biên tập viên đề nghị tôi viết về trường học hay các kỳ thi, tôi sẽ phản đối bằng cách đưa ra ý tưởng về chủ nghĩa khủng bố, các tai nạn máy bay hay đại dịch cúm chẳng hạn, để trốn tránh. Việc làm đó của tôi luôn có tác dụng.

Tôi chỉ nói vậy thôi chứ kỳ thực những câu chuyện giáo dục có vẻ khá đơn giản. Các bài viết có tựa được in bằng phông chữ nét phấn và trang trí bằng những nét vẽ bút chì nguệch ngoạc. Chúng đầy ắp những ý định tốt đẹp nhưng thiếu dẫn chứng thực tế. Những người được trích dẫn chủ yếu là người lớn; bọn trẻ chỉ xuất hiện chớp nhoáng trong câu chuyện, mỉm cười và im lặng.

Sau đó, một biên tập viên đã đề nghị tôi viết bài về một nhà lãnh đạo mới ưa tranh cãi về các trường công tại Washington, D.C. Tôi không biết nhiều về Michelle Rhee, ngoại trừ việc cô ta đi giày gót nhọn và chuyên nói "tào lao" trong các cuộc phỏng vấn. Vì vậy, tôi nghĩ đó sẽ là một câu chuyện hấp dẫn, dù nó đồng nghĩa với việc tôi sẽ loạng choạng bước vào làn sương mù mang tên giáo dục.

Nhưng có một điều bất ngờ đã xảy ra trong làn sương mù ấy. Tôi đã dành nhiều tháng trò chuyện với bọn trẻ, các bậc phụ huynh và giáo viên, cũng như những người đã và đang nghiên cứu về giáo dục đầy sáng tạo theo những cách hoàn toàn mới. Tôi nhanh chóng

nhận ra rằng Rhee là một người rất thú vị, nhưng cô ấy không phải là bí ẩn lớn nhất đối với tôi lúc đó.

Bí ẩn thực sự nằm ở câu hỏi: *Tại sao một số trẻ học quá nhiều – trong khi số khác lại hầu như không học gì?*

Giáo dục đột nhiên ngập đầy dữ liệu; chúng ta biết nhiều hơn bao giờ hết về những gì đang xảy ra hoặc không thể xảy ra – từ vùng này đến vùng khác hay từ phòng học này đến phòng kế bên. Và dữ liệu ấy không tăng thêm chút nào. Dù đến bất cứ đâu, tôi cũng thấy những đợt sóng thăng giáng vô lý liên quan đến kiến thức của trẻ: ở các khu phố giàu và nghèo, các khu phố của người da trắng và da đen, các trường công và tư. Nguồn dữ liệu quốc gia cho thấy các vị trí đỉnh và đáy giống nhau, uốn lượn như một chiếc tàu lượn siêu tốc đủ màu rực rỡ, đầy choáng váng. Người ta vẫn cho rằng một phần những thăng giáng này là do các vấn đề về tiền bạc, chủng tộc hay sắc tộc. Nhưng không hẳn vậy. Một điều gì đó khác nữa cũng đang tồn tại song song với chúng.

Trong vài năm sau đó, khi viết về những câu chuyện về giáo dục nhiều hơn, tôi tiếp tục chạm trán bí ẩn này. Tại trường Tiểu học Kimball ở Washington, D.C., tôi bắt gặp hình ảnh các học sinh lớp 5 cầu xin thầy giáo (theo đúng nghĩa đen) để chúng thực hiện một phép tính chia phức tạp trên bảng. Nếu làm đúng, chúng sẽ nắm bàn tay, giương lên như người chiến thắng và rít giọng: "Được rồi!" Đây là một khu phố nơi có các vụ giết người diễn ra hàng tuần, nơi có tới 18% dân số thất nghiệp.

Ở nhiều nơi khác, tôi bắt gặp những đứa trẻ chán ngán đến đờ đẫn, chúng ngước lên khi một người lạ như tôi bước vào phòng, chờ xem liệu tôi sẽ làm gì để kéo chúng ra khỏi thế giới vô nghĩa ấy.

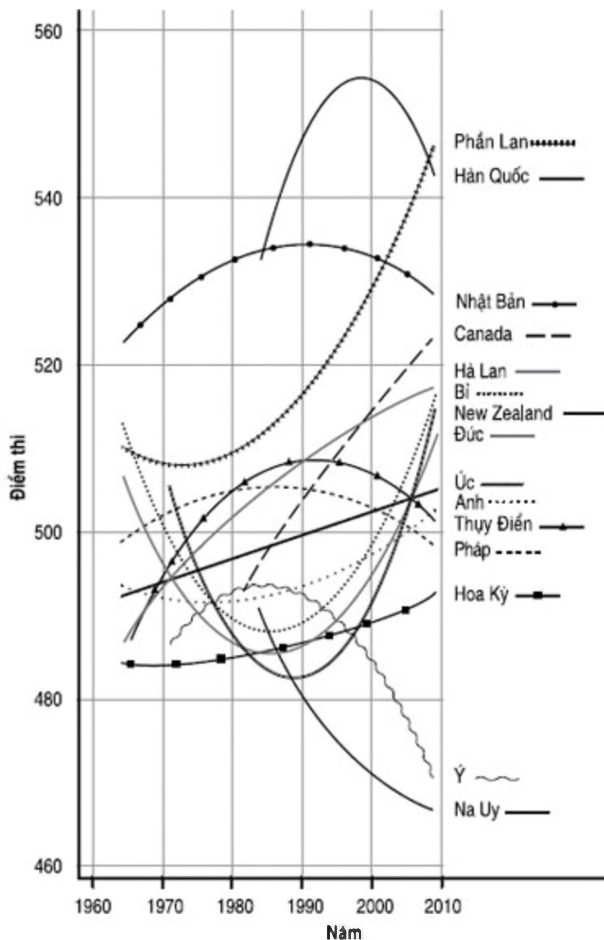
Tôi chợt tự nhủ đây là điểm khác biệt mà bạn sẽ thấy giữa các khu phố, giữa các hiệu trưởng và giáo viên. Tôi cho rằng một số trẻ đã gặp may, nhưng phần lớn những khác biệt quan trọng chủ yếu đều viện đến thế lực và đồng tiền.

Rồi một ngày, khi nhìn thấy biểu đồ này, tâm trí tôi đã thay đổi.

Về cơ bản, Hoa Kỳ vẫn không có nhiều đổi thay theo thời gian, nhưng hóa ra đó lại là một ngoại lệ. Hãy nhìn vào Phần Lan! Đất nước này lội ngược dòng từ đáy thế giới lên đỉnh, thậm chí không dừng lại để thở. Còn người hàng xóm Na Uy ngay sát vách thì sao? Họ dường như đang trượt dài xuống vực thẳm, dù tỷ lệ nghèo đói ở trẻ em tại đây gần chạm mức 0. Còn Canada, đất nước này đang lảo đảo đi từ lưng chừng đến đỉnh cao ngang tầm Nhật Bản. Nếu giáo dục là một mắt xích trong văn hóa thì liệu sự thay đổi về văn hóa có diễn ra đột ngột đến vậy không?

Khắp nơi trên thế giới, các kỹ năng của trẻ "thăng trầm" đầy bí ẩn và phấp phỏng những hy vọng, đôi khi chỉ trong những khoảng thời gian rất ngắn. Bí ẩn mà tôi đã phát hiện ra ở Washington, D.C. càng trở nên thú vị hơn nhiều khi được quan sát từ bên ngoài. Đa số các quốc gia không nỗ lực đưa trẻ tiếp cận nền giáo dục cao hơn, ngay cả với những trẻ là con em các gia đình khá giả. So với hầu hết các nước, Hoa Kỳ là một ví dụ điển hình, không tốt cũng chẳng tệ hơn. Tuy nhiên, tại một số ít các quốc gia, vài quốc gia có tư tưởng

cấp tiến, một điều khó tin đã xảy ra. Hầu như *mọi* trẻ em đều được học kỹ năng tư duy phản biện trong các môn toán học, khoa học và đọc hiểu. Chúng không chỉ ghi nhớ các sự kiện; mà còn học cách giải quyết vấn đề và thích nghi với hoàn cảnh sống. Hay có thể nói, chúng được dạy cách tồn tại trong nền kinh tế hiện đại.



Vũ điệu của các quốc gia: Trong hơn một nửa thế kỷ qua, những quốc gia khác nhau đã tạo ra 18 kỳ thi khác nhau cho trẻ em nước họ. Các nhà kinh tế, Ludger Woessmann và Eric Hanushek đã đưa thành tích của trẻ vào một khung tiêu chuẩn chung. Kết quả cho thấy trình độ học vấn có thể và đã thay đổi đáng kể theo thời gian, cả chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực.

Chúng ta giải thích sao về điều đó? Trung bình, trẻ em Mỹ có chất lượng đời sống cao hơn so với trẻ em Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc, thế nhưng chúng lại kém về toán học hơn nhiều so những đứa trẻ ở các quốc gia này. Thanh thiếu niên có điều kiện nhất tại Mỹ,

con của các bậc cha mẹ có học vấn cao, được học tại các trường danh giá nhất thế giới, nhưng lại chỉ xếp hạng 18 về môn toán so với bạn đồng lứa có điều kiện tương tự trên toàn thế giới và đạt điểm số thấp hơn những đứa trẻ có hoàn cảnh khá giả ở New Zealand, Bỉ, Pháp và Hàn Quốc, v.v... Một đứa trẻ bình thường ở Beverly Hills đạt điểm dưới mức trung bình so với tất cả trẻ em tại Canada (ở ngay Canada, chứ không phải tại vùng đất xa xôi nào). Nhìn qua có thể thấy một nền giáo dục tuyệt vời theo các tiêu chuẩn của nước Mỹ chỉ ở trên mức trung bình.

Lúc đầu, tôi luôn nhắc bản thân đừng cường điệu vấn đề. Liệu việc xếp hạng nhất thế giới về kết quả giáo dục có thực sự quan trọng? Thậm chí thứ 10 thì sao? Học sinh tiểu học Mỹ đã làm tốt trong các kỳ thi quốc tế, đặc biệt là ở môn đọc hiểu. Vấn đề chỉ phát sinh ở môn toán và môn khoa học, đồng thời chúng trở nên rõ ràng nhất khi trẻ bước sang tuổi thanh thiếu niên. Đó là khi các học sinh Mỹ đứng thứ 26 trong bài thi tư duy phản biện ở bộ môn toán – một vị trí dưới mức trung bình dành cho khu vực các nước phát triển. Nhưng, như vậy thì sao? Từ trước đến nay, thanh thiếu niên Mỹ vẫn đạt mức trung bình hoặc dưới mức trung bình trong các kỳ thi quốc tế. Điều đó có ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế Mỹ từ trước đến nay đâu; vậy tại sao phải để ý đến nó trong tương lai?

Hoa Kỳ là một cường quốc đa sắc tộc. Chúng tôi có những lợi thế khác lấn át mức trung bình về giáo dục? Chúng tôi có các trường đại học nghiên cứu đẳng cấp thế giới và vẫn tiếp tục đầu tư nhiều hơn nữa vào nghiên cứu và phát triển hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Việc khởi nghiệp ở đây dễ dàng hơn bất cứ đâu trên trái đất. Giá trị của nỗ lực và sự độc lập là mạch nguồn xuyên suốt đất nước cờ hoa này, đã, đang và vẫn mãi như thế.

Nhưng ở bất cứ đâu tôi đặt chân đến với tư cách một phóng viên, tôi luôn thấy những tín hiệu nhắc nhở rằng thế giới đã thay đổi. 2.300 ngày mà những đứa trẻ Mỹ miệt mài trên ghế nhà trường trước khi tốt nghiệp trung học quan trọng hơn bao giờ hết. Ở Oklahoma, CEO của công ty sản xuất những chiếc bánh táo McDonald nói với tôi rằng cô đã gặp khó khăn trong việc tìm đủ số người Mỹ có thể xử lý các công việc trong nhà máy hiện đại – trong thời kỳ suy thoái. Cái thời cần người nhào bột và đóng gói bánh vào hộp đã xa rồi. Cô cần người có thể đọc, giải quyết vấn đề và truyền đạt những gì diễn ra trong ca làm của họ nhưng các trường trung học và Cao đẳng Cộng đồng Oklahoma không cung cấp đủ những người như thế.

Giám đốc của Manpower, một công ty tuyển dụng và đào tạo nhân lực với các chi nhánh tại 82 quốc gia, cho biết một trong những công việc khó tìm người nhất là nhân viên kinh doanh. Trước đây, một nhân viên bán hàng phải "chai mặt" và giỏi giao tiếp. Tuy nhiên, trong vài năm qua, các sản phẩm và thị trường tài chính đã trở nên cực kỳ phức tạp, thông tin luôn có sẵn với tất cả mọi người, kể cả khách hàng. Các mối quan hệ không còn là chiếc chìa khóa vạn năng. Để thành công, các nhân viên bán hàng phải hiểu về các sản phẩm ngày càng tinh vi và biến đổi linh hoạt mà họ đang bán đồng thời nắm rõ các kỹ thuật để tạo ra chúng giống như các kỹ sư sản xuất.

Khá bất ngờ, mức trung bình về học vấn đã trở thành một di sản nặng gánh. Nếu không sở hữu một tấm bằng tốt nghiệp trung học, bạn thậm chí không thể làm việc như một công nhân vệ sinh môi trường ở New York; bạn không thể gia nhập lực lượng không quân. Thế nhưng, khoảng một phần tư số trẻ em Mỹ vẫn bước ra khỏi cổng trường trung

học và không bao giờ trở lại.

Cách đây không lâu, không quốc gia nào có tỷ lệ tốt nghiệp trung học cao hơn Hoa Kỳ; đến năm 2009, 20 quốc gia đạt được con số này. Trong thời đại mà tri thức giữ vai trò quan trọng hơn bao giờ hết, tại sao bọn trẻ lại biết ít hơn những gì chúng nên biết? Bao nhiêu phần trăm các vấn đề của nước Mỹ là do sự nghèo đói hay sự rộng lớn và đa thành phần của quốc gia này? Các điểm yếu của nước Mỹ phần lớn là do thất bại của các chính sách hay văn hóa, của các chính trị gia hay các bậc cha mẹ?

Chúng tôi tự nhủ rằng ít nhất mình cũng đang nuôi dạy những đứa trẻ sáng tạo hơn, chúng có thể không nổi trội ở kỹ thuật điện, nhưng dám lên tiếng, sáng tạo và xác định được những gì khả thi. Tuy nhiên, liệu có cách nào để biết chúng tôi đúng hay sai không?

Những robot Bắc Âu huyền thoại

Các chuyên gia giáo dục đã miệt mài nỗ lực tìm cách giải thích những kết quả rất khác nhau của những quốc gia khác nhau. Họ đã đến thăm nhiều trường học xa xôi trong các chuyến công tác. Họ phỏng vấn các chính trị gia, các hiệu trưởng và lấy số liệu trình chiếu cho những người ở nhà xem. Tuy nhiên, kết luận của họ còn khá trừu tượng.

Lấy Phần Lan, quốc gia đứng hàng đầu thế giới, làm ví dụ. Các nhà giáo dục Mỹ mô tả Phần Lan như một thiên đường trong mơ, nơi mà tất cả các giáo viên được trọng vọng còn bọn trẻ được yêu thương. Theo họ, Phần Lan có được kết quả tuyệt vời này một phần là do quốc gia này có tỷ lệ trẻ em nghèo rất thấp, trái ngược hoàn toàn so với Mỹ. Nếu cứ theo suy luận đó thì chúng ta sẽ không bao giờ thay đổi được cục diện các trường học cho đến khi giảm được tỷ lệ đói nghèo.

Câu chuyện về cái nghèo mang ý nghĩa rất trực quan. Tỷ lệ trẻ em nghèo ở Mỹ rơi vào khoảng 20%, một con số thật đáng xem xét. Trẻ nghèo luôn bị đè nặng bởi áp lực rằng trẻ em không cần phải quản lý. Thường thì chúng học rất ít ở nhà và cần sự giúp đỡ nhiều hơn ở trường.

Tuy nhiên, bí ẩn không dễ giải quyết đến vậy. Nếu nghèo đói là nguyên nhân chính thì chúng ta sẽ phải nói sao về trường hợp của Na Uy? Một hệ thống phúc lợi Bắc Âu với các loại thuế cao, dịch vụ chăm sóc sức khỏe phổ biến, các nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, giống Phần Lan, tỷ lệ trẻ em nghèo ở Na Uy cũng chiếm chưa đến 6%, một trong những quốc gia có tỷ lệ trẻ em nghèo thấp nhất thế giới. Na Uy cũng chi một khoản tương tự như Mỹ vào giáo dục, có thể nói, đó là một khoản không nhỏ đối với các nước khác trên thế giới. Thế nhưng, trẻ em Na Uy lại đạt được kết quả không mấy ấn tượng như trẻ em Mỹ trong kỳ thi quốc tế về kiến thức khoa học năm 2009. Có điều gì đó không ổn ở Na Uy và đó hẳn không phải là do nghèo đói.

Trong khi đó, bản thân người Phần Lan lại đưa ra những lời giải thích mơ hồ về thành công của họ. Họ cho hay, giáo dục luôn được coi trọng ở Phần Lan từ hàng trăm năm trước. Đó là lý do của họ. Nhưng tại sao chỉ có 10% số trẻ học hết trung học ở Phần Lan trong những năm 1950? Tại sao có những khoảng cách rất lớn giữa hiểu biết và hành động của trẻ em nông thôn và thành thị ở Phần Lan trong những năm 1960? Có vẻ, niềm đam mê đối với

giáo dục của Phần Lan khá thất thường. Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Hơn thế, Tổng thống Barack Obama và Bộ trưởng Giáo dục Hoa Kỳ từng nói rằng họ ghen tị với hệ thống giáo dục của Hàn Quốc, với đội ngũ giáo viên có uy tín và các bậc phụ huynh đề cao giáo dục. Ít nhất là ở bề nổi, Hàn Quốc dường như không có điểm gì chung với Phần Lan. Hệ thống giáo dục Hàn Quốc bị chi phối bởi các kỳ thi và thanh thiếu niên Hàn Quốc dành nhiều thời gian cho việc học hơn thời gian trẻ em Mỹ thức mỗi ngày.

Khi nghe những luồng thông tin trái chiều này, trong đầu tôi luôn băn khoăn rằng liệu một đứa trẻ ở trong những vùng đất huyền bí với điểm số cao, không bỏ học và tốt nghiệp đại học trông như thế nào. Liệu bọn trẻ ở Phần Lan có thực sự là những chú robot Bắc Âu mà tôi vẫn được đọc? Những đứa trẻ ở Hàn Quốc nghĩ chúng đang đầu tư xứng đáng để nhận về những trái ngọt sau này? Thế còn cha mẹ chúng thì sao? Không ai nói về họ. Các bậc phụ huynh không quan trọng hơn các giáo viên sao?

Tôi đã quyết định dành một năm đến và khảo sát thực địa tại các quốc gia có trẻ thông minh trên khắp thế giới. Tôi muốn tận mắt nhìn thấy “những chú robot nhỏ” này. Chúng làm gì vào 10 giờ mỗi sáng thứ Ba? Cha mẹ bọn trẻ đã nói gì với chúng khi chúng về nhà? Chúng có vui vẻ không?

Các đặc vụ thực địa

Để gặp được các robot Bắc Âu, tôi cần những “chân trong”: bọn trẻ, những đứa có thể thấy và làm những điều mà tôi chưa từng tự làm được. Vì vậy, tôi tuyển dụng một đội ngũ chuyên gia trẻ để được giúp đỡ.

Trong năm học 2010-2011, tôi đã theo dõi ba thanh thiếu niên Mỹ khi chúng trực tiếp sinh sống tại các quốc gia có trẻ thông minh hơn. Những đứa trẻ này tình nguyện là một phần của dự án khi tham gia vào các cuộc phiêu lưu trao đổi môi trường sống tại nước ngoài, sống xa gia đình trong hàng năm trời. Tôi đến thăm chúng ở nơi ở mới tại nước ngoài và chúng tôi giữ liên lạc thường xuyên.

Chúng là Kim, Eric và Tom, làm nhiệm vụ đưa tôi đến những ngôi nhà chúng đang ở; những quán ăn tự phục vụ và các trụ sở tình nguyện ở một đất nước xa xôi. Kim từ Oklahoma đến Phần Lan, Eric từ Minnesota đến Hàn Quốc và Tom từ Pennsylvania tới Ba Lan. Họ đến từ các vùng khác nhau trên đất Mỹ và cũng ra đi vì những lý do riêng. Tôi đã gặp Kim, Eric và Tom với sự giúp đỡ của American Field Service (AFS), Youth for Understanding (YFU) và Rotary Clubs, các tổ chức điều hành những chương trình trao đổi trên toàn thế giới.

Tôi đã chọn những người Mỹ này như là các cố vấn, nhưng hóa ra, chúng lại là những nhân vật thật sự trong bức tranh tổng thể. Chúng không đại diện cho mọi trẻ em Mỹ và trải nghiệm của chúng cũng không thể phản ánh hàng triệu số phận ở quốc gia sở tại. Tuy nhiên, trong câu chuyện của chúng, tôi tìm thấy phần cuộc sống vốn không xuất hiện trong các chỉ thị về chính sách.

Kim, Eric và Tom luôn khiến tôi thành thực. Chúng không muốn nói về các chính sách

bảo hộ hay Mẹ Hổ[1]; không đau đáu trước những khó chịu của người lớn; chúng nói nhiều về những đứa trẻ khác, những ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến cuộc sống của các thanh thiếu niên. Trong suốt thời gian đó, chúng trải nghiệm đủ các cung bậc của một cuộc sống mới, từ căn bếp của gia đình nơi chúng đang sống đến nhà vệ sinh tại trường trung học. Chúng có rất nhiều điều để nói.

Ở mỗi quốc gia, những đặc vụ thực địa người Mỹ của tôi giới thiệu tôi với những đứa trẻ khác, cha mẹ và giáo viên của chúng, các cộng sự trong cuộc tìm kiếm này. Ví dụ, ở Hàn Quốc, Eric đã giới thiệu tôi với Jenny, bạn của cậu, một cô bé có nửa tuổi thơ ở Mỹ và hiện đang sống tại Hàn Quốc. Jenny, một chuyên gia tình cờ về giáo dục, kiên nhẫn trả lời những câu hỏi mà Eric không thể. (Các bạn có thể tìm thấy video phỏng vấn các học sinh của tôi trên trang web của cuốn sách này tại địa chỉ *www.AmandaRipley.com*.)

Để đưa ra kết luận về những người cung cấp thông tin này trong đúng bối cảnh, tôi khảo sát hàng trăm học sinh trao đổi khác về trải nghiệm của chúng tại Mỹ và nước ngoài. Không giống như phần lớn những người đưa ra quan điểm về giáo dục tại các nước khác, những người trẻ này được trực tiếp trải nghiệm cuộc sống nơi đây. Tôi hỏi chúng về cha mẹ, trường học và cuộc sống ở cả hai nơi. Câu trả lời của chúng đã làm thay đổi suy nghĩ của tôi về các vấn đề và thế mạnh của nước Mỹ. Chúng biết điều gì làm nên sự khác biệt ở nền giáo dục Mỹ, cả theo chiều hướng tích cực lẫn tiêu cực và không ngại chia sẻ.

Cuối cùng, khi trở về Mỹ, tôi cảm thấy rất lạc quan. Rõ ràng, nước Mỹ đã quá lãng phí thời gian và tiền bạc vào những thứ không cần thiết; hơn bất cứ điều gì khác, trường học và gia đình tại Mỹ có vẻ bối rối trước sự thiếu mục đích rõ ràng mà tôi thấy ở Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan. Tuy nhiên, tôi cũng không nhìn thấy bất cứ điều gì – ở bất cứ đâu khiến tôi nghĩ cha mẹ, bọn trẻ và các giáo viên Mỹ không thể làm tốt hoặc tốt hơn vào một ngày nào đó.

Những gì tôi thấy đó là toàn bộ thế hệ trẻ được trải nghiệm nền giáo dục mà chúng xứng đáng. Không phải lúc nào thứ chúng nhận được cũng hoàn hảo nhưng ít nhất chúng cũng đã được trải nghiệm. Bất chấp các hoạt động chính trị, hệ thống quan liêu, các hiệp ước công đoàn cổ lỗ và những gì cha mẹ bọn trẻ còn mù mờ – những bệnh dịch phổ biến đáng ngạc nhiên của mọi hệ thống giáo dục ở khắp nơi – nó vẫn diễn ra. Và các quốc gia khác sẽ cho chúng ta thấy đường.

Chương 1. BẢN ĐỒ KHO BÁU

Thi thoảng, anh vẫn làm vậy: lẻn vào những lớp học mà anh không chủ định tham gia. Lúc đó, vào khoảng giữa những năm 1980, anh đang là sinh viên vật lý tại Đại học Hamburg, một trong những trường đại học danh giá nhất tại Đức.



Cuộc truy tìm: Để có đủ tiền đến Phần Lan, Kim đã dựng quầy bán bánh ở ngoài một siêu thị tại thành phố quê hương cô, Sallisaw, Oklahoma.

Chương 2. RỜI ĐI

Nếu thị trấn Sallisaw, Oklahoma, nổi tiếng với bất cứ thứ gì, thì đó là thứ mà người dân địa phương không hay nhắc đến. Trong cuốn sách năm 1939, **The Grapes of Wrath** (tạm dịch: Chùm nho nổi giận), một gia đình hư cấu, gia đình Joads, đã chạy trốn khỏi vùng hạn hán kéo dài và bão bụi liên miên (Dust Bowl) trong cuộc Đại Suy thoái. Khi họ lái xe đi tìm một cuộc sống khá khẩm hơn cũng chính là lúc họ đang chạy trốn khỏi Sallisaw.

"Những chiếc Hudson quá tải kêu sòng sọc và nặng nề hướng về đường cao tốc Sallisaw rồi rẽ về phía tây," John Steinbeck viết, "khi mặt trời chiếu những tia nắng gay gắt trong buổi chiều tà".

Đầu năm 2008, khi Kim 12 tuổi, vùng Sallisaw đang đứng bên bờ vực của cuộc khủng hoảng tồi tệ thứ hai trong lịch sử Hoa Kỳ. Nó không rõ ràng và cũng không diễn ra ngay lập tức. Đường cao tốc I-40 chạy dọc thị trấn nối Oklahoma với Arkansas. Một chuỗi các nhà nghỉ bình dân được dựng lên để phục vụ cho các tài xế xe tải đến rồi đi. Tại một cánh đồng bỏ hoang cách nhà Kim khoảng một dặm, Walmart đã cho xây dựng một siêu thị.

Ngay dưới phố, sòng bạc lớn của một người Ấn Độ thu hút một đám đông kha khá vào giờ ăn trưa. Những người đàn ông lớn tuổi đội những chiếc mũ cao bồi chăm chú tập trung vào những chiếc máy giật xèng trong bóng tối mát mẻ. Những người về hưu ghé qua để thưởng thức bữa trưa ba đô-la rưỡi đặc biệt. Trên tường phòng tắm, một hộp nhựa màu đỏ dùng để đựng đồ sắc nhọn được lắp sẵn dành cho những con bạc mắc bệnh tiểu đường,

cắm hàng tá những ống tiêm insulin đã qua sử dụng.

Bất chấp những hoạt động thương mại khiêm tốn này, Sallisaw vẫn là một thị trấn nông thôn, với dân số ít ỏi dưới 9 nghìn người. Ngân hàng mà Pretty Boy Floyd đã cướp trong cuộc Đại suy thoái hiện chỉ là một lô đất trống. Nhà ga xe lửa, nơi cơ thể hắn được chuyển đến trong một chiếc quan tài làm bằng gỗ thông sau khi bị bắn chết, được thay thế bằng một thư viện cộng đồng nhỏ.

Giống như Kim, hầu hết mọi người ở Sallisaw là dân da trắng, nhưng thẻ căn cước lại tùy thuộc vào tờ mẫu mà họ đã điền. Một nửa số trẻ có thẻ căn cước Ấn Độ, xác định chúng là con cháu của người Mỹ bản địa. Ngay cả khi chỉ mang trong mình 1/512 dòng máu Ấn Độ, bạn vẫn có thể nhận được thẻ với một số lợi ích nhất định, như đồ dùng học tập miễn phí hoặc được vào phòng đựng thực phẩm Cherokee. Khoảng một phần tư số trẻ tại khu học chánh Sallisaw chính thức được phân loại thuộc nhóm nghèo, vì vậy những lợi ích khi là người Ấn Độ phần nhiều được gìn giữ như di sản.

Các trường ở Sallisaw được cho là khá tốt – không phải tốt nhất nhưng cũng không phải tệ nhất. Tuy nhiên, nhận định đó còn phụ thuộc nhiều vào góc độ quan sát. Trong bài thi cấp bang, Kim và hầu hết các bạn cùng lớp đều làm đúng, nhưng bài thi đó vốn rất dễ. Trong một bài thi nghiêm túc hơn cấp quốc gia, chỉ một trong bốn học sinh lớp 8 ở Oklahoma làm hết phần toán học. (Trẻ em Sallisaw có khả năng khá tương đồng, mặc dù số trẻ tham gia bài thi ở cấp địa phương không đủ để có thể mang lại kết quả chắc chắn.)

Càng tiến xa, mọi thứ càng tồi tệ. Nếu các bang tượng trưng cho các quốc gia, thì Oklahoma sẽ xếp thứ 81 thế giới về môn toán, ở khoảng cùng bậc với Croatia và Thổ Nhĩ Kỳ.

Kim đã sống ở Sallisaw cả cuộc đời. Vào mỗi mùa đông, cô và ông nội tham gia vào cuộc đua tài Giáng sinh, lái những chiếc máy kéo cổ qua trung tâm thành phố cổ. Cô thích âm thanh rền rĩ của chiếc máy kéo mô hình H chậm chạp, tiếng la hét om sòm của những ban nhạc diễu hành sau cô và cái cách bọn trẻ gào thét sung sướng khi cô ném kẹo vào những bàn tay đang xòe rộng của chúng.

Tuy nhiên, giống như nhiều đứa trẻ 12 tuổi khác, Kim cảm thấy như thể cô thuộc về một thế giới khác. Cô đã cố gắng để thành công ở Sallisaw bằng mọi cách. Bởi không giỏi các môn thể thao truyền thống nên cô tham gia vào đội hoạt náo viên ở trường mẫu giáo. Cô luôn đứng thẳng lưng và mỉm cười trong bộ đồng phục màu vàng hoa để mọi người chụp ảnh. Nhưng, đến năm lớp 3, cô vẫn không thể nhào lộn, vì vậy cô từ bỏ.

Sau đó, cô bắt đầu mơ được chơi trong đội diễu hành của trường. Ước mơ về con đường dẫn đến sân vận động bóng đá, trung tâm văn hóa của thành phố, nơi không có những nụ cười giả tạo và những cú nhào lộn tung người. Cô chọn sáo và thực hành mỗi ngày cho đến khi hàm của cô mỏi nhừ. Tuy nhiên, sau hai năm, tiếng sáo vẫn mỏng và chỉ toàn hơi; đội trưởng đội diễu hành đã cho cô “ngồi ghế dự bị”.

Kim đương nhiên sẽ tò mò về thế giới. Cô học hành nghiêm túc và cảm thấy mình có gì đó ràng buộc với sự bất công ở những nơi xa xôi. Năm lớp 2, cô xem một đoạn tin tức

truyền hình về các nhà khoa học sử dụng chuột để dò bom. Đó là năm sau vụ 11/9, khi đất nước vừa mới bầu Bộ Trưởng An ninh Nội địa đầu tiên. Phóng viên bản tin giải thích rằng các nhà khoa học gắn các điện cực vào đầu những chú chuột để điều khiển chúng rẽ trái, rẽ phải hoặc đến bất cứ đâu mà con người không dám vào, biến chúng thành một chiếc máy dò bom điều khiển từ xa.

Kim cảm thấy như có mũi kim đâm vào lòng. Cô không có tình cảm đặc biệt nào đối với lũ chuột và hiểu rằng vòng đời của một con chuột ít có giá trị hơn mạng sống của một con người. Nhưng việc xâm nhập vào não của bất kỳ sinh vật nào có vẻ không phải là một lựa chọn đúng đắn. Điều đó thật đáng sợ, thậm chí có phần vô đạo đức. Cô nghĩ đến con rùa nuôi của mình và tưởng tượng đến việc chính phủ gắn máy vào đầu nó. Việc này sẽ dừng lại ở đâu? Chắc chắn sẽ có cách nào đó khả thi hơn để điều khiển con vật. Chúng ta có thể huấn luyện chúng không?

Sau đó, Kim đã làm một hành động được cho là bất thường đối với một đứa trẻ, hoặc ngay cả với một người lớn, liên quan đến việc này. Cô đã hành động để khắc phục một vấn đề ở nơi xa xôi nào đó mà một đứa trẻ như cô không cần phải bận tâm. Chiều hôm đó, cô ngồi bên chiếc máy bán hàng tự động tại trường tiểu học và viết thư gửi Tổng thống George W. Bush, nói rõ mối quan tâm của mình về hiện tượng dùng chuột để thí nghiệm. Cô cố gắng viết một cách lịch sự và thành kính, gấp lá thư cẩn thận và kẹp vào cuốn vở gáy xoắn của mình.

Khi hai người bạn của cô đi ngang qua, Kim kể với họ câu chuyện về những con chuột. Cô hỏi xem liệu họ có muốn ký vào thư không. Có lẽ nếu nỗ lực, họ có thể tạo ra một bản kiến nghị, với chữ ký của học sinh toàn trường.

Sau khi nhìn chằm chằm vào cô một lát, các cô gái ré lên: “Này! Kim! Ai quan tâm đến mấy con chuột chứ!”

Tiếng cười của họ vọng khắp hành lang sáng trưng đèn. Sau đó, họ còn chế một bài hát ngắn về Kim và ý tưởng điên rồ của cô. Nó giống một loạt các câu lặp đi lặp lại hơn là một bài hát có vần điệu. “Cứu lũ chuột! Cứu lũ chuột!” Nhưng dù sao thì mọi người vẫn hiểu.

Kim cảm nhận được khoảng cách giữa cô và bạn bè. Cô sẽ không sao dù các bạn cô nghĩ rằng việc thí nghiệm trên chuột là một ý tưởng hay; nhưng điều khiến cô tức giận là dường như họ chẳng mảy may quan tâm gì đến điều đó. Tại sao họ không quan tâm? Vào những lúc như thế này, có vẻ như bạn bè cô đang nói một thứ ngôn ngữ khác mà cô chỉ có thể bắt chước nhưng không bao giờ thực sự hiểu được nó.

Cô thôi không nói về lũ chuột và vờ như không nghe thấy bài vè chế giễu mình khi bước ra hành lang. Tuy nhiên, cô vẫn gửi lá thư đã viết tới Nhà Trắng.

Một lời mời

Một ngày nọ, năm lớp 7, giáo viên tiếng Anh của Kim nói chuyện với cô ở hành lang.

“Em được mời đến thành phố Oklahoma và dự thi SAT,” cô giáo nói với cô. “Đó là một

vinh dự."

Kim rất bối rối; cô bé mới chỉ 12 tuổi. Kim nhìn cô giáo mình, đôi mắt màu nâu đen đang chờ cô giáo chia sẻ thêm thông tin. Cô giáo giải thích rằng điểm kiểm tra tiêu chuẩn hóa của Kim và một số học sinh khác đủ điều kiện tham gia Chương trình Tìm kiếm Tài năng lớp 7 của Đại học Duke. Điểm số không quan trọng, nhưng đó có thể sẽ là một trải nghiệm thú vị.

Trên xe từ trường về nhà, Kim đưa cho mẹ cô một tập tài liệu. "Con muốn đến thành phố Oklahoma và thi SAT," cô nói. Qua cặp kính với chiếc gọng nhỏ, người mẹ nhìn chằm chằm vào các thông tin và sau đó là cô con gái. Thành phố Oklahoma cách Sallisaw ba giờ lái xe. Nhưng có vẻ đã lâu rồi Kim không hứng thú với bất cứ điều gì như thế này.

Mẹ của Kim, bà Charlotte, là một giáo viên tại trường tiểu học địa phương. Bà là một phụ nữ nhỏ nhắn với mái tóc ngắn, xoăn, chất giọng Oklahoma đặc sệt và nụ cười tươi tắn. Bà rất cưng chiều Kim và thường lái xe đưa cô bé đến trường mỗi ngày để cô không phải đi xe buýt. Tại ngôi nhà nông trại nhỏ của họ, bà treo các bức ảnh Kim đến thăm Thượng viện bang Oklahoma và Kim trong bộ đồng phục cổ vũ.

Gần đây, bà thấy rất lo lắng về thái độ của cô con gái. Khi không ở một mình, đọc sách trong phòng, Kim hầu như lúc nào cũng phàn nàn về trường học và Sallisaw. Charlotte đưa ra vài lý do cho hành vi này. Thứ nhất, vợ chồng bà thường xuyên tranh cãi. Đó là một vết rạn nứt đã lâu trong gia đình khiến những người trong cuộc mệt mỏi, nhưng khi Kim lớn hơn, cô bé đã bắt đầu phân biệt được đúng sai và ra mặt bảo vệ mẹ trước người cha đồng thời cầu xin bà ly dị.

Thứ hai là lý do về trường trung học. Năm lớp 6, Kim đã nhận được điểm C đầu tiên. Cô bé cho biết cô sợ đề nghị được giúp đỡ bởi cô giáo sẽ nổi giận nếu bọn trẻ không hiểu bài. Cuối cùng Charlotte đã kiến nghị việc này lên ban giám hiệu, nhưng không thấy chuyển biến. Dù sao, bà cũng đã bảo con đề nghị giáo viên giúp đỡ và Kim đã đến trường sớm với hàng loạt những buổi học căng thẳng. Đến cuối năm, cô bé đã thú nhận mình sợ môn toán và thề sẽ né tránh nó bất cứ khi nào có thể.

Là một người mẹ, Charlotte hiểu con gái mình đang phải trải qua một giai đoạn như thế nào. Con bé sắp trở thành trẻ vị thành niên; nó đã đóng rầm cửa, bật nhạc Avril Lavigne ở mức âm lượng rất lớn. Nhưng, là một giáo viên, bà cũng biết rằng trường trung học giống như "nhà lao" đối với bọn trẻ, là quãng thời gian khi trẻ em Mỹ bắt đầu thụt lùi – và cũng là khi một vài trong số chúng sẽ bỏ học hẳn.

Cô bé Kim này, người muốn lái xe ba giờ đến tham dự kỳ thi SAT, khiến bà nhớ đến Kim của ngày hôm qua, một người với rất nhiều kế hoạch. Khi lái xe về nhà, Charlotte im lặng nhẩm tính chi phí đến thành phố Oklahoma. Có lẽ họ sẽ cần phải qua đêm ở nhà nghỉ để đến tham dự bài thi đúng giờ, chưa kể xăng xe và thức ăn. Khi đến đoạn rẽ vào nhà, bà quyết định: "Được rồi, hãy tới đó và xem con làm thế nào."

Một vài tuần sau đó, tại một trường trung học vắng người ở thành phố Oklahoma, Kim ngồi cùng với một nhóm nhỏ các bạn đồng lứa để tham dự bài thi SAT. Cô trả lời các câu

hỏi tiểu luận tốt nhất có thể, liên tục xoắn lọn tóc nâu dài bằng ngón tay trỏ. Cô luôn thích viết và mọi người cũng cho rằng cô rất giỏi việc đó.

Tuy nhiên, đến phần toán học, vấn đề là có những chữ cái thay thế cho những chỗ vốn phải là các con số. Có lẽ là do lỗi in chăng? Cô nhìn quanh; không ai có vẻ bối rối, vì vậy cô tập trung vào xử lý các vấn đề về từ và đoán kết quả dựa trên phần còn lại. Cuối cùng, cô đã xoắn mái tóc của mình rối bù. Cô bị đau đầu khủng khiếp, giống như đầu bị hơ trên lửa vậy. Cô uống bốn viên aspirin và ngủ li bì trên cả quãng đường dài về nhà.

Một tháng sau, giáo viên của Kim đưa cho cô một chiếc phong bì báo điểm SAT của cô. Khi mẹ đón Kim từ trường về, hai mẹ con ngồi trong xe và nhìn chằm chằm vào tờ giấy, không tin vào những gì họ nhìn thấy.

"Ồ, xem này con: Họ nói rằng con đã làm tốt hơn 40% học sinh cấp ba Oklahoma sắp vào đại học trong phần tư duy phản biện!" mẹ cô nói.

"Gì cơ ạ?", Kim nói và với tay lấy tờ giấy. "Không thể nào."

Kim đọc đi đọc lại tờ giấy. Làm thế nào cô có thể làm tốt hơn các học sinh sắp vào đại học, mà đến những 40%? Họ làm gì trong năm năm chứ?

"Trời ơi, con thất vọng về bang mình quá."

"Kim!", mẹ cô nói, đưa mắt nhìn cô và lái xe đi.

Nhưng ngay sau đó, Kim đã có phản ứng thứ hai. Đây là lần đầu tiên cô giành được "giải thưởng". Đó không phải là một danh hiệu khích lệ tinh thần nhưng cô đã làm được điều đó. Cô nhìn xuống điểm số một lần nữa. Sau đó, cô quay ra cửa sổ xe để mẹ không thấy cô mỉm cười.

Cuối mùa xuân đó, Kim và cha mẹ lái xe đến Tulsa để tham dự một bữa tối được tổ chức dành cho các thí sinh tham dự kỳ thi SAT với số điểm cao. Kim mặc chiếc váy hoa ngắn mà cô đã mặc trong buổi biểu diễn của ban nhạc. Tạp chí *Sequoyah County Times* cho chạy một bài viết ngắn, cùng với bức ảnh Kim và chiếc huy chương bạc của cô. Thường thì, tờ báo này viết những câu chuyện về các cầu thủ bóng rổ và bóng đá ở Sallisaw, những người nổi tiếng ở địa phương; thật lạ khi thấy tên cô cũng xuất hiện ở đây.

Khi trở về nhà, Kim đặt chiếc huy chương vào trong ngăn kéo bàn học. Nó khiến cô hồi hộp nếu được đặt ở ngoài. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu đó là thứ cuối cùng cô giành được? Tốt hơn là nên quên nó đi đến khi cô tham dự kỳ thi SAT thực sự ở trường trung học.

Tuy nhiên, một vài tuần sau đó, một tờ giới thiệu được trại hè Duke gửi đến các học sinh có năng khiếu và tài năng. Điểm SAT của cô bé đã khiến họ chú ý; tuy nhiên, câu chuyện vẫn chưa dừng lại đó. Cô bé được mời đến để tìm hiểu về Shakespeare và nghiên cứu tâm lý ở Durham, Bắc Carolina.

Đọc tập tài liệu, Kim cảm thấy mất phương hướng, như thể cô vừa tình cờ nhìn thấy

một hành tinh mới. Chương trình này được quảng cáo là "rất khó và yêu cầu rất cao", tương đương với việc học chương trình một năm trung học chỉ trong ba tuần. Sao điều đó có thể chứ? Trại hè có vẻ giống một nơi bất thường; nơi mà cô được phép quan tâm đến những thứ như Shakespeare và tâm lý học cơ đấy.

Cô chạy đến nói với mẹ; phấn khích với ý tưởng sẽ được gặp gỡ những người bạn cùng tuổi và có những cuộc nói chuyện nghiêm túc. "Đây là cơ hội để con được sống bình thường. Chúng con có thể thảo luận mọi thứ – những điều thực!"

Kim chưa bao giờ giỏi thảo luận trong những nhóm nhỏ; cô cảm thấy lúng túng và giả tạo. Có lẽ trại hè này là một nơi mà cô có thể là chính mình, nơi cô có thể làm bất cứ điều gì mình muốn và được thoải mái đặt câu hỏi.

Tuy nhiên, chương trình mất phí và Charlotte cũng chưa sẵn sàng để cô con gái út của mình xa nhà trong cả mùa hè. Bà từ chối đề nghị của Kim.

"Ít nhất, chúng đang cố gắng."

Oklahoma, giống như phần còn lại của nước Mỹ, đã cố gắng để thay đổi cục diện các trường học của họ trong một thời gian dài. Từ năm 1969 đến năm 2007, bang đã tăng gấp đôi số tiền chi cho mỗi học sinh. Trong những năm qua, Oklahoma đã thuê hàng ngàn trợ giảng, tăng mức lương tối thiểu cho các giáo viên và giảm tỷ lệ học sinh/mỗi giáo viên. Đến năm 2011, hơn một nửa ngân sách bang được dành cho giáo dục, nhưng phần lớn trẻ em Oklahoma vẫn không thể chứng minh được khả năng toán học của mình.

Để động viên trẻ em và các trường học làm tốt hơn, các nhà lập pháp bang quyết định đưa ra một hình thức khuyến khích. Cuối những năm 1980, họ đã thông qua một đạo luật buộc các học sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp trung học. Kỳ thi cuối cấp này là tiêu chuẩn ở các nước đứng đầu thế giới trong kỳ thi PISA. Nó giao cho trẻ và các giáo viên một nhiệm vụ rõ ràng, từ đó khiến tấm bằng tốt nghiệp trở nên có giá trị hơn.

Thế nhưng, một vài năm sau, các nhà lập pháp của Oklahoma đã quyết định hoãn kỳ thi. Đó là vấn đề về lòng trắc ẩn, hoặc điều gì đó tương tự thế. Họ lo sẽ có quá nhiều học sinh trượt. Lúc đó, tình hình sẽ thế nào? Những đứa trẻ đó đã học bốn năm trung học mà không nhận được bằng tốt nghiệp. Điều đó có vẻ không đúng đắn cho lắm. Các bậc cha mẹ cũng không thích kỳ thi đó. Vì vậy, kỳ thi được đặt sang một bên và những đứa trẻ bị bỏ lại với thất bại sau đó, nếu không học toán đủ giỏi để đạt điểm cao trong các giờ toán tại đại học, chúng có thể không kiếm được một công việc với mức lương trên mức tối thiểu.

Sau đó, thống đốc của Oklahoma đã thử nghiệm một chiến lược nhẹ nhàng và nhân văn hơn. Ông đã thông qua một sắc lệnh buộc trẻ phải vượt qua một loạt các bài kiểm tra kỹ năng, bắt đầu từ lớp 8. Điều đó có nghĩa là chúng có bốn năm để làm lại bài thi nếu trượt. Tuy nhiên, ngay trước khi sắc lệnh mới có hiệu lực, cơ quan lập pháp của Oklahoma đã bác bỏ yêu cầu này. Các nhà lập pháp lo lắng về các vụ kiện từ những bậc phụ huynh tức giận.

Lịch sử của tiểu bang giống như một trò kéo co chậm chạp giữa hy vọng và sự sợ hãi, như thể không ai có thể đồng ý với những gì trẻ em tại Oklahoma có khả năng làm – một sự

thiếu hụt niềm tin mà chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các học sinh. "Trẻ em rất nhạy cảm về những gì người lớn nghiêm túc coi là quan trọng," như một báo cáo công đoàn của các giáo viên năm 1997 cho hay, "nếu chúng thấy điều đó không quan trọng, thì chúng sẽ không nỗ lực hết mình".

Năm 2005, Oklahoma đã thử nghiệm một lần nữa, thông qua một đạo luật buộc học sinh thể hiện khả năng vượt trội về tiếng Anh, đại số, hình học, sinh học và lịch sử Hoa Kỳ để nhận được bằng tốt nghiệp. Bang có bảy năm để thực hiện thử nghiệm, một cách nhẹ nhàng và đầy tính nhân đạo. Những trẻ trượt có thể thi lại đến ba lần trong một năm, hoặc có thể làm các bài thi thay thế, giống như SAT. Chúng thậm chí có thể chọn thực hiện các dự án đặc biệt để chứng minh khả năng của mình trong bất kỳ môn học nào mà chúng trượt.

Trong năm 2011, khi kỳ thi tốt nghiệp cuối cùng cũng sắp mang lại hiệu quả, các tờ báo địa phương cảnh báo rằng hàng ngàn trẻ có thể không được tốt nghiệp. Một quan chức của Hiệp hội Diễn đàn Trường học Oklahoma dự đoán rằng kết quả sẽ "hết sức kinh khủng". Một thị trưởng nói với phóng viên tờ *Tulsa World* rằng khóa tốt nghiệp của học sinh cuối cấp có thể được biết tới như "thế hệ mất tích". Một nhà lập pháp Đảng Cộng hòa đã đưa ra một dự luật để trì hoãn kỳ thi thêm hai năm nữa.

Lần đầu tiên tôi đến thăm quê hương của Kim, vị quận trưởng mới còn rất trẻ của Sallisaw đã đưa tôi đi một vòng thăm thú ngôi trường trung học một tầng xây bằng gạch, ngang qua những chiếc tủ khóa màu vàng và cam xếp dọc theo những hành lang bê tông làm bằng xỉ than. Ngôi trường trung học cuối cùng được xây dựng bởi các công nhân WPA trong cuộc Đại suy thoái. Ngôi trường này, được mở cửa vào năm 1987, giống như nhiều trường trung học khác ở Mỹ: chuẩn mực, gọn gàng với các khối màu sắc và ánh sáng. Sân bóng rổ là tâm điểm của trường. Linh vật được làm bằng than của trường, lấp lánh trên sàn gỗ cứng, được làm từ những năm 1920, khi khai thác than là một ngành công nghiệp lớn của địa phương.

Scott Farmer vừa mới được bổ nhiệm làm quận trưởng mới đầu tiên của thị trấn trong 20 năm. Anh có mái tóc ngắn màu nâu và khuôn mặt trẻ măng. Bang Oklahoma đã có 530 quận trưởng giống anh, mỗi người phụ trách một khu vực. Số quận trưởng ở Oklahoma tương đương với các thành viên Quốc hội trên toàn nước Mỹ. Truyền thống kiểm soát cục bộ này, chặt chẽ nhưng kém hiệu quả, là một phần của khoản chi khổng lồ vào giáo dục của nước Mỹ so với nhiều quốc gia khác.

Farmer kiếm được khoảng 100 ngàn đô-la mỗi năm, số tiền biến anh trở thành một trong những người có thu nhập cao nhất tại Sallisaw. Anh cũng có một trợ lý, cùng với tám quản lý và một hội đồng trường học. Đó là "bộ máy" của một quận chỉ bao gồm bốn trường. Nhưng điều này chẳng có gì bất thường. So với phần còn lại của bang, trên thực tế, Sallisaw vẫn là một trong những quận có hệ thống trường học hiệu quả nhất ở Oklahoma.

Khi tôi đề nghị Farmer mô tả thách thức lớn nhất của trường Trung học Sallisaw, anh chủ yếu nói về sự tham gia của các bậc cha mẹ, than vãn về tỷ lệ tham dự thấp trong các cuộc họp phụ huynh học sinh. "Tôi không nghĩ các bậc phụ huynh không quan tâm," Farmer vừa nói vừa lắc đầu, "nhưng đó là việc chúng tôi cần tập trung – nhắc nhở họ về

tầm quan trọng của việc học tập suốt đời.”

Tôi thường xuyên nghe thấy nhận xét này tại các trường học Mỹ, chứ không chỉ ở Oklahoma. Dường như việc cha mẹ vắng mặt không lý do ở trường học là chuyện thường tình. Ngay cả các bậc phụ huynh khác cũng nghĩ như vậy. Trong một cuộc khảo sát về những cách tốt nhất để cải thiện giáo dục, phần lớn người lớn ở Mỹ nhắc đến việc các bậc cha mẹ cần quan tâm con cái nhiều hơn.

Tuy nhiên, thực tế phức tạp hơn nhiều. Dù các bậc cha mẹ Mỹ làm sai điều gì, thì sự thật là họ vẫn xuất hiện ở trường học của con em mình thường xuyên hơn trong 20 năm qua. Trong năm 2007, 9/10 phụ huynh cho biết họ đã tham dự ít nhất một buổi họp phụ huynh hoặc gặp mặt ở trường vào mỗi năm học. Một số đã đến trường để tham dự các cuộc họp kỷ luật – những cuộc gặp mặt không mấy thoải mái với hiệu phó và những đứa trẻ cứng đầu. Nhưng cho dù đến vì những lý do tích cực hay tiêu cực, các bậc cha mẹ Mỹ có vẻ không lơ là đối với việc học của con em họ như chúng ta nghĩ.

Vậy, nguyên nhân của sự xao lãng là gì? Nó có thể phụ thuộc vào cách bạn định nghĩa *“sự quan tâm”*. Khi nói chuyện với Ernie Martens, hiệu trưởng trường Trung học Sallisaw, tôi được biết trong suốt thập kỷ qua, ông không có bất kỳ phàn nàn nào về sự quan tâm của các bậc cha mẹ. Chắc chắn, việc tham gia vào các buổi họp phụ huynh không được sát sao như các cấp thấp hơn, nhưng điều đó không sao, ông nói. Các học sinh trung học không cần kiểu giám sát đó nữa. Thay vào đó, khoảng ba phần tư các bậc cha mẹ ở Sallisaw quan tâm theo cách khác, thường là tập trung vào câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ bóng rổ trẻ hoặc Hội Nông gia tương lai Mỹ. Chỉ có một phần tư các bậc cha mẹ thuộc nhóm mà theo ông là không quan tâm.

Trong thực tế, hiệu trưởng Martens cho biết vấn đề lớn nhất không phải là sự quan tâm của các bậc phụ huynh mà là các kỳ vọng của họ với con trẻ – chúng quá cao.

Các chính trị gia và các nhà cải cách kỳ vọng quá nhiều ở học sinh của ông. “Chúng tôi có rất nhiều trẻ đến từ các gia đình không bình thường,” ông nói. “Chúng tôi là điều bình thường duy nhất mà chúng có trong cuộc sống.”

Sẽ chẳng sao cả nếu nói về những kỳ vọng cao trong các bài phát biểu về chính trị, nhưng ông đang sống trong thế giới thực, ở một phần của đất nước mà một số cha mẹ đọc sách cho con cái nghe còn một số thì không. Trong thế giới của ông, một số bà mẹ nghĩ bữa ăn sáng là một túi khoai tây chiên, còn một số người cha giấu thuốc kích thích trong bữa tiệc nướng ngoài trời.

Ở Sallisaw, một phần tư số học sinh không tốt nghiệp trung học trong vòng bốn năm. Martens và Farmer đã có những câu chuyện khác nhau về lý do tại sao điều đó xảy ra, nhưng cả hai đều đã đi cùng hướng. Không ai coi giáo dục là vấn đề hoặc giải pháp chính. Cả hai đều hướng đến các lực lượng bên ngoài: các bậc cha mẹ cẩu thả, tệ nạn xã hội, hoặc các kỳ vọng ngoài tầm với của chính phủ. Đó cũng là điệp khúc phổ biến trong lời chia sẻ của một số các nhà giáo dục trên toàn nước Mỹ. Cho dù vấn đề là gì đi chăng nữa, thì dường như chúng đều nằm ngoài tầm kiểm soát.

Và tất nhiên, họ đã đúng. Một danh sách dài các yếu tố nghiệt ngã nằm ngoài tầm với của họ, từ việc bọn trẻ ngủ bao nhiêu đến việc chúng xem truyền hình như thế nào. Sự căng thẳng mà trẻ phải chịu đựng trong nhiều gia đình khiến cơ thể và trí óc chúng mệt mỏi, gây ra những ảnh hưởng mà không trường học nào có thể cứu vãn nổi.

Vấn đề duy nhất với câu chuyện này đó là việc hình thành thói quen. Một khi bạn bắt đầu đưa nguyên do của vấn đề ra ngoài thẩm quyền của bản thân, rất khó để dừng lại, ngay cả khi câu chuyện đi sai hướng.

Ví dụ: Sallisaw cũng có rất nhiều học sinh giỏi. Ngoài những học sinh bỏ học và nghèo túng, trường Trung học Sallisaw cũng có những câu chuyện thành công riêng, giống như mọi thành phố khác. Khoảng một nửa số trẻ tốt nghiệp Sallisaw ghi danh vào các trường cao đẳng và đại học công lập ở Oklahoma. Số còn lại đăng ký vào các trường ngoài bang hoặc kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Chuyện gì đã xảy ra với những câu chuyện thành công sau khi chúng rời trường? Các trường đại học kiểm tra kỹ năng cơ bản và thấy chúng không đạt yêu cầu. Hơn *một nửa* số học sinh đã kịp thời được đưa vào các lớp học khắc phục hậu quả tại các trường đại học công Oklahoma. Điều đó có nghĩa rằng một số học sinh giỏi nhất của Sallisaw đang phải trả nhiều tiền hơn để học đại học, thường thì dưới hình thức các khoản vay học sinh, nhưng chúng lại không nhận được bằng đại học.

Những người trẻ này luôn được nhắc nhở về việc phải có được bằng tốt nghiệp trung học và vào đại học: Đó là giấc mơ. Nhưng khi vào được đại học, chúng bị chôn chân trong tình trạng lấp lửng, học lại đại số hoặc ngôn ngữ như thể chúng chưa bao giờ tốt nghiệp được trung học. Không khó để hiểu lý do tại sao, khi các khoản nợ gần đáo hạn, nhiều học sinh đã bỏ học hẳn. Cứ một trong hai học sinh Đại học Oklahoma không tốt nghiệp được trong vòng sáu năm.

Tôi hỏi hiệu trưởng Martens về tất cả các cựu học sinh Sallisaw phải thi lại toán hoặc ngôn ngữ. "Điều đó thực sự không khiến tôi lấy làm phiền lòng," ông nói, "bởi ít nhất, chúng cũng đã cố gắng." Mục tiêu chính là vào đại học dù việc các học sinh đã tốt nghiệp của ông có thành công ở trường hay không đều nằm ngoài tầm kiểm soát của ông hoặc gần như vậy.

Thực tế rằng những đứa trẻ này đã trải qua bốn năm ở trường trung học để chuẩn bị vào đại học và rằng ông đã trao cho chúng một tấm bằng công nhận chúng đã sẵn sàng – dường như chẳng mấy liên quan đến nhau.

"Những người giàu làm vậy. Chúng tôi không làm vậy."

Đó là cuối tuần thứ 4 của tháng Bảy, một năm sau khi cô tham dự kỳ thi SAT, Kim và mẹ cô đã ghé qua thăm các chị cùng cha khác mẹ của Kim ở Texas. Trời quá nóng để có thể làm bất cứ điều gì, do đó, họ ngồi trong phòng điều hòa, chơi Scrabble[3] và ôm lũ chó. Khi mẹ cô ra ngoài để hút thuốc, Kim nói với chị gái Kate rằng cô bé muốn rời khỏi Sallisaw.

"Em muốn sống ở đâu đó mà mọi người luôn tò mò về mọi thứ."

Kate lắng nghe và gật đầu. Cô là một người ưa hành động. Cô làm một công việc bán lẻ, nhưng vào những ngày nghỉ, cô thích nhảy dù và khám phá các hang động. Theo cô, nếu Kim muốn rời đi, cô bé nên nghĩ lớn.

“Tại sao em không trở thành một học sinh trao đổi?”

“Ý chị là đến một nước khác?” Trong đầu Kim nghĩ đến hình ảnh một đứa trẻ với mái tóc mềm, đôi dép xỏ ngón bằng da, khoác ba lô trên vai và đi khắp châu Âu.

“Tại sao không?”

Kim cười. “Những người giàu có làm vậy. Nhưng chúng ta thì không.”

Không phải đến khi Kim trở về nhà ở Sallisaw, ý nghĩ đó mới lại xuất hiện trong đầu cô lần nữa. Nếu Kate nghĩ cô có thể đến một quốc gia khác, thì hẳn đó không phải là một ý tưởng hoàn toàn vô lý. Qua Google, cô tìm kiếm “các chương trình trao đổi” và dành một giờ nhấp chuột vào các nước ngẫu nhiên, tưởng tượng mình ở mỗi nước.

Cô biết rằng một hoặc hai nghìn học sinh trung học Mỹ ra nước ngoài mỗi năm. Cô tìm thấy AFS, một trong những chương trình trao đổi học sinh lớn nhất, bằng cách đọc blog của một cô gái Mỹ đăng ở Thụy Điển. Kim thích câu chuyện về AFS. Tên đầy đủ của nó là American Field Service, một đoàn xe cứu thương được thành lập bởi các tình nguyện viên Mỹ nhằm giúp chở các thương binh đến nơi an toàn trong suốt các cuộc chiến tranh thế giới. Sau khi giải phóng các trại tập trung vào cuối Thế chiến II, các lái xe cứu thương mệt mỏi với sự tàn sát. Họ quyết định xây dựng lại nhóm, dùng nó để gây dựng lòng tin giữa các quốc gia thông qua hoạt động trao đổi văn hóa.

Càng đọc, Kim càng cảm thấy toàn bộ ý tưởng bớt phi lý hơn. Cô quyết định kể ý tưởng đó với mẹ. Nhưng, lần này, cô đã thử một cách mới.

“Con đang làm đơn xin tham gia một chương trình trao đổi,” cô nói vào một tối nọ, giữ giọng ở mức bình thường để tránh bị nghi ngờ. “Con muốn sống ở Ai Cập trong một năm.”

Charlotte đang uống trà, vội ngẩng lên. “Ồ, thú vị đấy,” bà nói, cố hành động như thể đó không phải là một ý tưởng điên rồ. Kim chưa bao giờ ra nước ngoài và bà cũng vậy.

Phản ứng của mẹ cô rõ ràng là “Không đồng ý”, giống như khi Kim đề nghị được đến trại hè Shakespeare ở Duke. Nhưng, lần này, bà đã sử dụng một cách phản ứng mới.

Charlotte và cha Kim đã ly hôn không lâu trước đó. Còn cả một quãng đường dài phía trước và Kim cho biết, cô thấy nhẹ nhõm trước cuộc ly hôn của cha mẹ. Tuy nhiên, Charlotte vẫn cố gắng bù đắp cho con. Vì vậy, nếu Kim muốn nổi loạn bằng cách tuyên bố sẽ đi xa, bà sẽ không ngăn con bé; bà chỉ khiến con bé tự từ bỏ.

“Ai Cập có vẻ không an toàn cho lắm”, Charlotte nói bằng giọng hợp lý nhất có thể. “Sao con không chọn một nước khác và cho mẹ vài thông tin về lý do con muốn đến đó?”

“Được mẹ ạ!” Kim trả lời, với một nụ cười kín đáo. Sau đó, cô đã đứng dậy và đi về phía phòng ngủ phụ, nơi có để một chiếc máy tính.

Charlotte cảm thấy có chút lo lắng. Bà vừa làm gì thế này? “Kim,” bà gọi với theo, “chỗ nào không có cát nữa!”

Trên máy tính, Kim cân nhắc các lựa chọn còn lại của mình. Cô không muốn sang Pháp hay Ý. Cô muốn nơi đến phải độc đáo, vì vậy cô bắt đầu đọc về những nơi cô không biết gì về nó, những quốc gia mơ hồ với thứ ngôn ngữ mà cô chưa bao giờ được nghe và những món ăn cô chưa từng được nếm.

Một hôm, cô đọc về Phần Lan – một quốc gia với tòa lâu đài bằng tuyết, với những đêm trắng và loại cà phê đặc. Cô đọc thấy người Phần Lan thích thứ âm nhạc mạnh mẽ và không mấy hài hước. Mỗi năm, quốc gia này tổ chức một chương trình mang tên Air Guitar World Championship. Điều đó có vẻ tuyệt – một nơi không quá đề cao chính nó.

Sau đó cô đọc được rằng Phần Lan có những đứa trẻ thông minh nhất thế giới. Điều đó có đúng không nhỉ? Thanh thiếu niên ở Phần Lan làm ít bài tập về nhà hơn người Mỹ, nhưng lại giành điểm cao nhất thế giới trong các kỳ thi quốc tế, thật lạ, bởi Phần Lan đến khá gần đây vẫn là một quốc gia nông-lâm nghiệp với tỷ lệ mù chữ cao.

Không gì về đất nước này mang lại nhiều ý nghĩa. Chắc chắn, Phần Lan là một đất nước nhỏ bé đầy những người da trắng, nhưng không có bang nào dù thậm chí là các bang nhỏ nhất, người da trắng ở Mỹ có thể cạnh tranh được với các kết quả giáo dục ở Phần Lan, ngay cả bang New Hampshire nhỏ bé, với 96% người da trắng và có thu nhập trung bình cao nhất tại Mỹ và là một trong những bang có tỷ lệ trẻ em nghèo thấp nhất. Tại sao New Hampshire không làm được những gì Phần Lan đã làm? Rõ ràng, mỗi đứa trẻ ở Phần Lan đều được giáo dục tốt, bất kể cha mẹ chúng đầu tư bao nhiêu tiền. Điều đó nghe có vẻ giống thế giới đã đảo ngược theo một cách nào đó.

Kim đã tìm thấy đích đến của mình. Nếu Phần Lan là quốc gia thông minh nhất thế giới, thì đó là nơi cô muốn đến. Cô viết vài dòng cho mẹ về lý do chọn Phần Lan như đã thỏa thuận. Cô nhấn mạnh vào khía cạnh giáo dục; suy cho cùng, mẹ cô là một giáo viên, vì vậy bà sẽ thấy lập luận này khó bác bỏ. Cô bổ sung những thông tin về dân số (ít hơn 5 triệu người), tôn giáo (chủ yếu là người theo thuyết Lu-ti) và thức ăn (cá, bánh mì đen và rất nhiều loại quả mọng có tên huyền bí như mâm xôi Bắc cực).

Một buổi sáng mùa thu, Kim đưa những thông tin về Phần Lan cho mẹ. Charlotte cầm và hứa sẽ đọc nó. Sau đó, họ rời nhà đến trường Trung học Sallisaw, nơi Kim là học sinh năm nhất. Mẹ cô để cô xuống chỗ cột cờ và dõi theo Kim đi vào tòa nhà gạch màu cam.

Giống như nhiều nơi ở Hoa Kỳ, chương trình giảng dạy của Oklahoma không theo các tiêu chuẩn quốc tế. Các tiêu chuẩn khoa học của bang thuộc nhóm ít khó khăn trong cả nước, đặc biệt là cấp trung học. Ví dụ, từ *“cải cách”* không xuất hiện ở bất cứ đâu trong bộ tài liệu 31 trang. Kim đã chọn môn sinh học trong năm đó. Cô dành thời gian ở lớp cả ngày cho việc chép các thuật ngữ và định nghĩa vào vở. Cô không chắc lý do tại sao; việc chép từ sách sang vở sẽ giúp cô có thể nhớ hơn hoặc không. Dù vậy, thời gian trôi qua thật chậm

chạp.

Giờ học yêu thích của Kim là ngôn ngữ, mà Oklahoma và hầu hết các bang đều coi trọng. Cô đang đọc cuốn sách Tuesdays with Morrie *(Những ngày thứ Ba với thầy Morrie)* và cô rất thích nó. Thời gian tuyệt vời nhất là khi cô giáo cho cả lớp ngồi thành vòng tròn và trao đổi với nhau về cuốn sách.

Môn học đáng sợ nhất đối với Kim cho đến giờ là môn toán. Sau những khó khăn năm lớp 6, cô cho rằng toán học không phải dành cho mình; cô chỉ muốn "qua" được môn này để tốt nghiệp.

Hôm đó, vào giờ Đại số I, thầy giáo của Kim đã nói chuyện về các cầu thủ bóng đá trong lớp học. Họ có rất nhiều chuyện để nói bởi ông cũng là một huấn luyện viên bóng đá và là một cựu cầu thủ bóng đá xuất sắc ở trường này trước đây. Ông là một người tốt, nhưng, giống như hầu hết mọi người ở Sallisaw, ông có vẻ quan tâm nhiều đến bóng đá hơn Kim.

Cô đưa mắt ra ngoài cửa sổ nơi lá quốc kỳ Mỹ đang tung bay trong gió nhẹ. Cô tự hỏi liệu các giáo viên Phần Lan của cô có gì khác biệt. Cô đã đọc được rằng, một giáo viên ở Phần Lan rất có "giá", giống như một bác sĩ ở Mỹ. Thật khó tưởng tượng. Cô muốn mẹ cô được đối xử như một bác sĩ ở trường tiểu học nơi bà đang theo dạy.

Cô biết Phần Lan không có môn bóng bầu dục; họ dành niềm đam mê cho môn hockey trên băng chứ? Họ sẽ dành rất nhiều giờ học qua trang ESPN.com chứ?

Chiều hôm đó, khi mẹ đón cô, Kim vội vàng lao vào ghế sau chiếc Hyundai Sonata và cố kiềm lòng để không hỏi bà đã đọc những thông tin về Phần Lan mà cô đưa chưa.

"Hôm nay con làm những gì?" Charlotte hỏi.

"Con phát chán ngấy rồi!" Kim trả lời, mắt vẫn nhìn thẳng về phía trước.

Charlotte không để tâm đến điều đó. Bà đã đọc bản thông tin Kim đưa và đã có một tối hậu thư dành cho Kim.

"Nếu con có đủ các giấy tờ và tự kiếm được tiền để trang trải chi phí, thì hãy đến Phần Lan."

Kim quay về phía mẹ. "10 nghìn đô-la đấy mẹ ạ!"

"Mẹ biết."

Những giấc mơ thịt bò

Kim đăng những bức ảnh về cây sáo của mình trên eBay và đặt giá 85 đô-la. Lúc đó là nửa đêm gần sáng vào đầu tháng Mười năm 2009 và mẹ cô đã ngủ từ lâu. Kim đã từng làm việc này một lần trước đây với các bộ đồng phục cấp 2 cũ; cô chẳng nhận được lời đề nghị

mua nào cả. Đó là một thất bại ê chề. Lần này, cô cố gắng không hy vọng quá nhiều. Cô nhìn chằm chằm vào màn hình một lúc, không chớp mắt, sau đó ngủ gật.

Hai ngày sau đó, Kim đăng nhập vào eBay. Cô vô cùng ngạc nhiên. Những lời đề nghị mua đến từ khắp nơi trên thế giới, trong đó có một đề nghị trị giá 100 đô-la từ một người ở các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất. Mọi người muốn mua sáo của cô. Cô hét lên và nhảy ra khỏi ghế, làm vài điệu ngẫu hứng trên thảm. Cây sáo của cô còn được đến một nơi xa hơn cả nơi xa nhất cô từng đến. Cô bắt đầu tìm một chiếc hộp. Thành thật mà nói, cô không thể chờ đến lúc bán nó đi.

Mùa thu năm đó, Kim đã dành tất cả thời gian rảnh để kiếm tiền đi Phần Lan. Lý trí mách bảo cô rằng cô sẽ không bao giờ kiếm được 10.000 đô-la, nhưng trái tim cô lại thúc giục cô nỗ lực hơn nữa. Cô đã mua một hộp thịt bò trực tuyến và bán trực tiếp đến từng nhà. Cô lãi được 400 đô-la. Không tồi lắm.

Cô nướng bỏng gạo cả đêm và bán chúng tại một chiếc bàn kê bên ngoài cửa hàng tạp hóa của Marvin. Cô lãi 100 đô-la. Với tốc độ đó, cô có lẽ phải bán bỏng ba ngày một lần để đến được Phần Lan.

Cô thử sức qua Internet, nơi dễ kiếm tiền nhất trong thế kỷ XXI ở Mỹ theo quan niệm của số đông. Cô tạo một blog, đề nghị những người lạ tài trợ cho hành trình của mình: "Tôi hiểu tình hình suy thoái kinh tế trong thời gian này, nhưng tôi sẵn sàng chấp nhận ngay cả những khoản tiền hỗ trợ nhỏ nhất." Cô viết: "Tôi mong quý vị hãy dành chỉ một vài đô-la để chắp cánh cho giấc mơ điên rồ của một cô gái." Để mọi người biết Sallisaw là nơi nào, cô đã tải cả một chiếc bản đồ I-40 lên blog.

Trước sự ngạc nhiên của cô, những khoản đóng góp nhỏ bắt đầu xuất hiện. Tất cả đều đến từ người thân, những người thấy thương hại cô, nhưng cô vẫn nhận tiền.

Tuy nhiên, cô không dám nói với ông mình về Phần Lan; cô chắc chắn ông sẽ nghĩ rằng đây là một trong những kế hoạch nông nổi của cô, giống như có lần cô trở thành một người ăn chay bí mật trong ba tháng. Làm sao cô có thể nói với ông rằng cô muốn đến châu Âu trong một năm? *Châu Âu* đấy. Nếu vậy, ông sẽ luôn miệng nói rằng ngài Obama mới là "Tổng thống của Kim".

Kim rất gần gũi với ông cô, người từng là một quản lý hoạt động khoan cho một công ty dầu. Họ dành nhiều thời gian bên nhau, nhưng cả hai đều không nói chuyện nhiều. Ông là một người của thế hệ trước, không bao giờ nghĩ sẽ rời mảnh đất Oklahoma. Cô sợ ông sẽ không bao giờ hiểu tại sao lại có người muốn đến Phần Lan.

Trong khi đó, xung quanh Kim, nền kinh tế Oklahoma đang rệu rã. Nhà máy của Therma-Tru, với lý do về sự suy giảm của thị trường nhà ở, đã công bố các kế hoạch đóng cửa nhà máy sản xuất gần đó, cuốn theo 220 công ăn việc làm. Một đường đua ngựa có tên Blue Ribbon Downs, một trong những điểm giải trí hấp dẫn lớn hơn của Sallisaw, cũng đóng cửa. Tỷ lệ thất nghiệp đạt mốc 10%. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhà tù hạt ráo túi.

Ngay cả những tin tức tốt lành cũng lẩn khuất những điềm lo lắng: Công ty Bama, nhà

cung cấp bánh táo của McDonald có trụ sở tại Oklahoma, đã được mở rộng. Công ty có bốn cơ sở tại tiểu bang. Năm đó, nó mở thêm một nhà máy mới nữa tại Quảng Châu, Trung Quốc.

Đối với Kim, những dòng tít này giống như những hơi khói báo, thúc giục cô chạy thoát thân khi có thể. Cô đã gửi đơn xin AFS và kiểm tra bệnh lao. Cô bắt đầu tự học tiếng Phần Lan, xem video về các ban nhạc Phần Lan trên YouTube và có ấn tượng rằng bất kỳ ngôn ngữ nào cũng có thể dùng sáu âm tiết chỉ để truyền tải từ “màu hồng” (pink). Cô đã mua một con cua ẩn sĩ và đặt tên nó là Tarja, sau khi Phần Lan có nữ tổng thống đầu tiên.

Tiền không phải là vấn đề duy nhất đối với cô. AFS không có bất cứ nhân viên nào trong khu vực của cô để thực hiện một cuộc phỏng vấn tại nhà; rõ ràng, cô đã sống quá xa trung tâm. Mẹ cô sẵn sàng lái xe đưa cô đến Tulsa, nhưng AFS khẳng định rằng người phỏng vấn phải đến tận nhà cô để xem cuộc sống của Kim tại đây. Cô chờ đợi trong lo lắng.

Để đỡ lo lắng, cô viết bài đăng trên blog và cố gắng để nhiều người trên thế giới biết về mình hơn. Có lúc cô đã thành công, đánh trúng điểm giao thoa giữa sự tự nhận thức về bản thân và sự chân thành. “Về cơ bản, tôi chỉ là một thực thể ẩn chứa sự mâu thuẫn đơn thuần. Ví dụ, ở bên ngoài tôi khá lạnh lùng, nhưng thực tế lại có một trái tim ấm áp,” cô viết. “Tôi thoáng buồn bất cứ khi nào bắt gặp một con nhện bị giết... nhưng tôi nghĩ lũ sóc thật tinh quái (tôi bị chúng đuổi hai lần và cắn hai lần).”

Đến tháng Mười một, cô đã thu hết can đảm để ngồi kể với ông bà về kế hoạch của mình; bà ngắt lời cô: “Ý cháu là chuyến đi đến Phần Lan?” Kim bàng hoàng. Hóa ra họ đã được biết nhiều tuần rồi. Bà của Kim lên Facebook hằng ngày. *Hằng ngày!* Trước sự ngạc nhiên của Kim, họ không hề phản đối. Ông của Kim hỏi liệu cô biết thủ đô của Phần Lan là gì không. *Helsinki*__. Ông không nói nhiều về chuyến đi và Kim cũng không hỏi. Cô nhớ ông cô đã từng đến các giếng dầu ở bảy quốc gia khác nhau khi còn trẻ. Hẳn là ông biết thế giới thật rộng lớn và đáng chiêm ngưỡng biết bao.

Ngay sau Lễ Tạ ơn, Kim nhận được học bổng 3.000 đô-la. Cô không chắc mình sẽ kiếm được phần tiền còn lại từ đâu, nhưng cô thấy ông bà bắt đầu nói về “thời điểm” Kim đi Phần Lan, chứ không phải là “liệu cô có đến được đó hay không.”

Tháng Mười hai năm đó, cô và mẹ đến Walmart để chụp ảnh hộ chiếu. Cô không muốn bất cứ điều gì xui xẻo xảy đến và kỳ thực cô rất mong ngóng để bắt đầu cuộc sống mới. Sau đó, cô đã may mắn một lần nữa, giành được học bổng 2 ngàn đô-la dành cho bất cứ ai đến từ Arkansas. Các quan chức AFS quyết định Sallisaw là một địa điểm không quá xa xôi.

Cuối cùng, AFS đã tìm thấy người phỏng vấn cô. Phải ba tháng sau đó, một phụ nữ đã phải lái xe hàng giờ để đến Sallisaw. Kim và mẹ dọn dẹp phòng tắm, đặt vài ngọn nến thơm trong nhà và chờ đợi trong lo lắng. Khi người phỏng vấn đến, Kim cảm thấy mình hơi lan man. Cô chỉ trích thị trấn nơi cô đang sống và chợt nhận ra mình đã phạm phải một sai lầm. Người phụ nữ có vẻ lo lắng.

“Cháu có vẻ đang cố gắng để thoát khỏi thị trấn này?”

Kim cố gắng trấn an cô ấy; đúng là cô muốn thoát khỏi đây nhưng cô cũng muốn khám phá, trải nghiệm để xem cuộc sống ở một nơi khác sẽ ra sao – và cô thích nghi với nơi đó như thế nào.

Cô nhận được thư ngay sau đó. Dù cuộc phỏng vấn vô cùng nặng nề, nhưng Kim đã hoàn thành nó. Cô đã chính thức trở thành học sinh thuộc diện trao đổi.

Cuối cùng, chỉ một vài tháng trước khi chính thức rời đi, Kim nhận được khoản tài trợ cuối cùng – từ chính ông bà mình. Cô tìm cách từ chối, nhưng bà cô vẫn viết séc và quay đi.

Với khoản tiền đó, Kim có đủ 10 ngàn đô-la.

Hết điều này đến điều khác và không lâu sau đó, tất cả mọi thứ trở nên hữu hình và cụ thể. Mùa hè năm đó, Kim đang ngồi trên chiếc ghế tựa của ông thì điện thoại reo. Cô nhận ra mã vùng quốc gia và nhảy dựng khỏi ghế. Cô kéo dài dây máy và chạy ra ngoài để có tín hiệu tốt hơn.

“Xin chào?”

“Xin chào, tôi là Susanne, gọi đến từ Phần Lan!” Giọng của cô chủ nhà có vẻ rất xa. Cô nói tiếng Anh rất lưu loát, dù vẫn còn chút giọng Bắc Âu trong đó. “Chúng ta không thể chờ đến lúc gặp cháu!”

Kim chạy vòng quanh bằng đôi chân trần trên con đường đá nóng. Susanne cho hay cô là một nhà báo và là mẹ đơn thân của hai cô con gái sinh đôi mới 5 tuổi. Họ sống trong một căn hộ ở Pietarsaari, một thị trấn nhỏ ở bờ biển phía tây của Phần Lan. Kim sẽ rời vùng quê này để đến một vùng quê khác; chia tay người mẹ đơn thân của mình để gặp gỡ một người mẹ đơn thân khác. Susanne bảo cô mang theo quần áo ấm nhất có thể.



Từ Minnesota đến Hàn Quốc:
Eric ở Busan

Chương 3. NỒI ÁP SUẤT

Mọi thứ đều như một giấc mơ khi cậu nhìn thấy tấm biển hiệu. Nó có màu hồng đậm với những dòng chữ xanh da trời, cậu đã quan sát xung quanh qua tấm kính trượt phía trước mặt, khi kéo hành lý về phía phòng chờ khách tại sân bay quốc tế Gimhae ở Busan. “Chào mừng cậu đến với Hàn Quốc, Eric!” theo kịch bản vui vẻ, những nữ tiếp viên thường viết *Cảm ơn!* ở cuối tấm vé của họ. Người cầm biển hẳn là em trai của chủ nhà, đứng bên cô chú chủ nhà. Cậu nghĩ đó là *omma* (mẹ) và *appa* (bố) mới của mình ở Hàn Quốc. Hoặc có thể đó chính là *appa* và *omma*.

Cậu đi chậm lại, cuối cùng thì cuộc sống của cậu cũng đang bị ảnh hưởng bởi quyết định của mình. Cậu đã dành trọn 18 năm đầu tiên trong cuộc đời ở Minnetonka, Minnesota, một khu vực ngoại ô giàu có của người da trắng ở Minneapolis. Giờ hiện thực đó đã xa. Trong năm tiếp theo, cậu chọn sống ở Busan, Hàn Quốc, với những người xa lạ. Cậu luồn tay vào lớp tóc dày màu nâu trên trán, hất ngược chúng ra sau. Độ ẩm bao xung quanh cậu như một tấm chăn len từ lúc cậu bước xuống máy bay. Những chiếc cửa kính mở ra rồi đóng lại liên tục. Cậu hít một hơi dài và kéo hành lý qua.

Trước khi rời Hoa Kỳ, Eric đã sống ở một đất nước hoàn toàn khác với Kim ở Oklahoma theo một khía cạnh nào đó. Minnesota là một trong số rất ít các bang thuộc nhóm 20 quốc gia đứng đầu thế giới về kết quả giáo dục. Minnesota không thuộc nhóm đầu với Phần Lan hay Hàn Quốc, nhưng trong toán học, thanh thiếu niên của bang này đạt kết quả tương tự như thanh thiếu niên Australia và Đức.

Thậm chí xét theo các tiêu chuẩn này, Eric đã được học tại một trường trung học rất có

tiếng. *Newsweek* thường xuyên xếp hạng trường Trung học Minnetonka trong nhóm các trường hàng đầu ở Mỹ. Nơi đó có bốn phòng tập thể dục và một sân khúc côn cầu, trông giống một trường đại học nhỏ hơn là một trường trung học.

Eric đã chọn tham gia Chương trình Bằng Tú tài Quốc tế, một bằng chứng mạnh mẽ cho thấy trường cậu được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Cậu được học một số giáo viên tài năng nổi tiếng ở Minnetonka. Cô Duncan, giáo viên lịch sử, đã tổ chức một phiên xét xử hàng năm cho Napoleon; các học sinh tự chọn bên, nghiên cứu các lập luận và sau đó trình bày về trường hợp của mình trong trang phục đầy đủ với bồi thẩm đoàn là các cựu học sinh. Dù sao, trên giấy tờ, Eric đã đi từ một trong những bang có tỷ lệ học sinh thông minh nhất Hoa Kỳ đến một trong những quốc gia thông minh nhất thế giới.

Eric đã tập những hành động cần làm khi gặp gia đình chủ nhà – cúi đầu thấp đến thắt lưng để thể hiện lòng biết ơn và tôn trọng. Cậu cũng mỉm cười rạng rỡ, giống như một cậu bé miền Trung Tây điển hình. Gia đình người Hàn Quốc đón cậu cũng cùng cúi đầu để đáp lại – không thấp nhưng rõ ràng là họ rất hài lòng với cách hành xử của cậu.

Sau đó, Eric đờ người. Cậu không lên kế hoạch cho những việc cần làm sau màn chào hỏi. Cậu có nên ôm họ? Hơi thái quá. Cậu có nên bắt tay họ? Quá khách sáo. Thay vào đó, cậu đã cố gắng tự giới thiệu bản thân bằng tiếng Hàn. Đây quả là một sai lầm; môi của cậu đã không hợp tác. Những âm thanh the thé phát ra từ miệng Eric giống như tiếng nhại của một con vẹt.

“Đừng lo,” cô chủ nhà người Hàn Quốc nói bằng tiếng Anh, ngắt lời cậu bằng một nụ cười. “Chúng ta sẽ dạy cháu cách làm điều đó.”

Sau đó, con trai cô chú chủ nhà Hàn Quốc đã ôm cậu và bắt đầu trò chuyện, hào hứng khám phá thứ tiếng Anh trầm bổng của một người gốc Mỹ khi tất cả mọi người cùng đi bộ ra bãi đỗ xe. Eric xếp những chiếc va-li nặng trịch của mình vào thùng chiếc xe Daewoo hatchback và họ bắt đầu hướng về ngôi nhà mới của cậu.

Lúc đầu, chiếc xe băng qua một đường hầm dài hút mắt và Eric chẳng được chiêm ngưỡng thứ gì của thành phố mới này. Nhưng sau đó, đột nhiên, chiếc Daewoo lao vọt ra khỏi đường hầm. Cậu ngoái lại qua cửa kính phía sau và nhìn thấy một ngọn núi dốc đứng và xanh ngắt. Họ vừa đi qua khu vực núi đá và hiện đang hướng về trung tâm Busan, một thành phố sôi động với dân số gấp gần 10 lần Minneapolis.

Đối với Eric, Busan (phát âm là PU-san) trông giống một thành phố xếp chồng lên đỉnh một thành phố khác, một chiếc kính vạn hoa về thương mại và màu sắc. Cậu rướn thẳng cổ, nhìn qua cửa sổ và nhận ra ngôi nhà trông giống một hiệu thuốc tây, được xây dựng trên nóc một đồn cảnh sát, phía dưới một cửa tiệm Dunkin' Donuts, với những tấm biển xanh lá cây, vàng và hồng rực rỡ xếp trên dưới nhau ở khắp các đường phố. Những cần cẩu cắt ngang bầu trời như những chiếc cối xay gió, mỗi chiếc đánh dấu một tòa nhà cao ngất đang được xây dựng.

“Thật tuyệt vời!” Eric thốt lên bằng tiếng Anh, khi chiếc xe tiến về cầu Kim cương, một cây cầu treo vắt ngang biển với độ dài tương đương khoảng 80 sân bóng đá. Từ ghế trước,

cô chủ nhà mỉm cười.

Ở một bên của cây cầu, Eric có thể nhìn thấy Thái Bình Dương mênh mông, hiền hòa và sáng loáng. Lúc đó là ban đêm và những trụ đèn cao áp trên cây cầu đổ thứ ánh sáng tráng gương láng bóng bề mặt nước phía dưới. Bên kia cây cầu, cậu nhìn thấy một thành phố đủ màu. Nó giống như việc xem tivi chia đôi màn hình. Những tòa nhà chọc trời sáng ánh đèn neon nằm gần kề nhau như những quân cờ domino dọc theo mép nước, như thể các vị thần đã đánh rơi một đô thị đang phát triển ngay bên bờ biển.

Gia đình cô chủ nhà sống trong một căn hộ trên tầng 7 một tòa nhà thuộc khu phức hợp chọc trời sang trọng có tên là Lotte Castle. Eric có phòng tắm riêng, một tiện nghi hiếm có tại các thành phố đông đúc của Hàn Quốc.

Buổi sáng ngay sau khi Eric đến, cậu và cô chủ nhà đi bộ ra ngoài để bắt xe buýt số 80. Lúc đó, Eric đã được nghỉ ngơi sau chuyến bay dài đầy mệt mỏi và háo hức đến thăm Namsan, ngôi trường trung học Hàn Quốc cậu sẽ theo học trong năm tiếp theo. Cậu đã đọc được rằng học sinh Hàn Quốc có thành tích hàng đầu trong các kỳ thi quốc tế, giống như Phần Lan. Cậu cũng biết Hàn Quốc có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cao nhất thế giới, cao hơn nhiều so với Mỹ, dù còn xa mới theo kịp Mỹ về tỷ lệ giàu có.

Khi lên xe buýt, cậu có chút lo lắng tự nhiên giống như một nhà nhân chủng học trong chuyến đi thực địa. Eric đã tốt nghiệp trung học tại tiểu bang Minnesota, nên cậu không lo lắng về việc vượt qua các kỳ thi hoặc nhận được chứng chỉ. Cậu đến Hàn Quốc để nghỉ ngơi, hoặc cậu tự cho là vậy.

Rất nhiều điều đã xảy ra trong vài năm qua đối với Eric. Cậu đã rất nỗ lực để theo kịp các lớp học tú tài quốc tế của mình, luôn tự nhủ phải thức khuya hơn và học hành chăm chỉ hơn. Cậu cũng muốn sống tách khỏi gia đình từ năm 16 tuổi. Cha mẹ cậu luôn ủng hộ cậu và hiện giờ cậu có thể thoải mái nói về tình dục một cách công khai. Cậu không định thường xuyên nói về việc mình là người đồng tính tại Hàn Quốc, một đất nước rất bảo thủ, nhưng cũng không có ý định lừa dối ai. Cậu hy vọng rằng, như một người ngoài cuộc, cậu sẽ được đặc cách khỏi những phê phán văn hóa tồi tệ nhất. Cậu đến đây để trải nghiệm, quyết tâm cởi mở với bất cứ điều gì cậu phát hiện ra. Năm tiếp theo, cậu sẽ học đại học và thật khó để nói xem khi nào mới có được chuyến phiêu lưu như thế này lần nữa.

Chiếc xe buýt dừng lại trên một ngọn đồi dài, bên ngoài chiếc cổng tò vò bằng kim loại mỏng manh. Eric và cô chủ nhà xuống xe, đi bộ qua khu sân vận động, nơi một nhóm học sinh đang chơi bóng bầu dục, xới tung đám bụi trên sân trong làn khí ẩm buổi sáng. Lờ mờ phía sau sân vận động, phía đường dốc thoai thoải, là trường trung học Namsan. Đó là một dãy nhà bốn tầng lớn, được xây bằng gạch đỏ, uốn tại các góc như thể để khớp với tất cả các nhà cao tầng lân cận.

Bên trong, một hành lang duy nhất chạy dọc theo chiều dài mỗi tầng. Nó có vẻ hẹp và thẳng đứng so với trường của Eric ở Mỹ. Mọi thứ đều khá sạch sẽ, nhưng rõ ràng trường được sử dụng khá nhiều. Các bức tường đều khá cũ và các tấm bảng trắng đã bị cọ mòn. Các tấm mành được buộc vội để đón chút không khí trong lành – thay vì để trông đẹp đẽ. Ở ngôi trường này, tính ứng dụng được ưu tiên hơn hình thức.

Eric và cô chủ nhà đã gặp một học sinh trao đổi người Canada cũng vừa mới đến. Hành lang im ắng và qua các cánh cửa mở, Eric có thể thấy các học sinh đang ngồi trật tự trong giảng đường.

Bất thình lình, tiếng la hét xuất hiện. Đầu tiên một nữ sinh và sau đó một nữ sinh khác và hàng tá nữ sinh đồng loạt hét lên. Eric ngây người. Chuyện gì xảy ra vậy? Cậu đã làm gì sai sao, cậu đã nhấn vào tiếng chuông báo vô hình nào sao?

Tiếng la hét là một loại tiếng thét lên mà cậu đã được nghe trong bản tin cũ khi The Beatles xuất hiện trên chương trình *The Ed Sullivan*. Nó có âm vực cao và vang đồng thời khơi mào cho một phản ứng dây chuyền. Học sinh từ các lớp khác tràn ra hành lang để xem có điều gì xảy ra.

Các nhóm nữ sinh đua nhau vào hùa với nhóm nữ sinh đang la hét, đó là khi Eric nhận ra rằng sự cuồng loạn này là do họ. “Xin chào!” một chàng trai hét lên bằng thứ tiếng Anh “có dấu”. “How are you?” (Xin chào) Eric mỉm cười, nhíu mày, không chắc liệu mình đang được tâng bốc hay bị dọa dẫm. Một cậu chàng tiến lại gần để high-five Eric và cậu thận trọng đáp lại. “Chúng ta là các ngôi sao nhạc rock,” cậu thì thầm với cô gái người Canada.

Người lớn nhanh chóng thúc giục họ đến gặp mặt hiệu trưởng. Họ không ở lại lâu; đối với các học sinh trao đổi, giờ học sẽ bắt đầu vào tuần tới. Không lâu sau đó, cậu và cô bạn Canada lại bắt xe buýt về nhà.

Khi đi bộ xuống các bậc thềm và ngang qua sân chơi, họ nghe thấy tiếng la hét phía sau. Eric ngoảnh lại và thấy các học sinh thò đầu ra cửa sổ của năm hoặc sáu lớp học gì đó để vẫy chào tạm biệt. Họ mỉm cười, giơ cao cánh tay. Cậu mỉm cười và vẫy tay chào lại. Trải nghiệm đó thật kỳ lạ và mang lại cảm giác tuyệt vời khi được nhiệt liệt chào đón.

Trước khi rẽ vào góc đường để bắt xe buýt một vài phút sau đó, Eric quay lại lần cuối. Những đứa trẻ vẫn ở đó, chen nhau ở các cửa sổ và vẫy tay – như thể chúng muốn tiễn họ xa nhất có thể.

Khi nhìn chúng, cảm giác về lòng biết ơn đã phai mờ đi chút ít. Thay vào đó, cậu cảm nhận được một điềm báo.

“Cậu từng bắn ai bao giờ chưa?”

Eric hy vọng rằng bộ đồng phục sẽ giúp cậu hòa nhập với nơi này. Vào buổi sáng sớm ngày đầu tiên đến trường, Eric xỏ vào chiếc quần màu xanh tím than và chiếc áo sơ mi cổ trắng bắt buộc đối với mọi học sinh Namsan. Nhân viên tư vấn trao đổi ở Câu lạc bộ Rotary đã đưa nó cho cậu. Cô ấy giải thích rằng cậu sẽ được vào học cùng với những học sinh kém cậu hai tuổi. Cô cũng nói rằng, những học sinh lớn tuổi hơn quá bận để có thể nói chuyện với cậu. Họ phải học để chuẩn bị cho kỳ thi vào đại học. Kỳ thi này rất quan trọng, vì vậy có thể nói rằng việc đến trường với họ chẳng khác nào việc đi học trong biệt giam. Eric đã gật đầu tỏ vẻ hiểu ý cô; SAT cũng là một kỳ thi quan trọng ở Minnetonka mà.

Khi đến lớp xã hội học, tiết học đầu tiên của cậu, Eric cố gắng khiến mình càng nhỏ bé

càng tốt, để hạn chế sự chú ý. Ở cuối lớp học, cậu đặt đôi giày đi ngoài trời vào một góc và đổi lại lấy một đôi đi trong nhà giống như các học sinh khác. Cậu nhận thấy nhiều học sinh đeo tất nhiều màu sắc với những câu chữ in trên đó mà cậu không thể hiểu và cả hoạt hình Batman. Trường cấm trang điểm, đeo bông tai, để tóc dài và nhuộm tóc, vì vậy tất dường như là một lối thoát chủ yếu để thể hiện sự tự do ngôn luận của họ.

Eric tìm thấy một chỗ trống gần phía bảng và ngồi chờ lớp học bắt đầu. Nhìn quanh, cậu thấy lớp học trông rất giống một lớp học Minnesota 30 năm trước đây. Những chiếc bàn gỗ và kim loại xếp thành hàng và một chiếc bảng đen mờ ở phía trước.

Tại trường trung học của cậu ở Minnetonka, mỗi lớp có một chiếc bảng điện tử trắng và thường có chi phí một vài ngàn đô-la còn các giáo viên có bút chỉ không dây để hướng dẫn học sinh. Tuy nhiên, nỗi ám ảnh mang tính văn hóa của Hàn Quốc đối với đồ chơi kỹ thuật số dường như chưa chạm đến lớp học này, vốn rất thực tế và hiếm có.

Khi các học sinh khác vào lớp, họ vây quanh bàn của Eric. Lớp học khá lớn theo tiêu chuẩn của Eric, với khoảng hơn 30 học sinh, nhưng lại là mẫu điển hình cho các lớp học Hàn Quốc.

“Cậu từng cưỡi ngựa chưa?”

“Cậu từng gặp Brad Pitt chưa?”

“Cậu có sở hữu một trang trại không?”

“Cậu từng bắn ai bao giờ chưa?”

Eric từng nghe nói rằng người Hàn Quốc nổi tiếng được biết đến như là người Ý của châu Á, sống khá cảm xúc và giỏi tán gẫu hơn người Nhật Bản hay người Trung Quốc. Giờ đây, tiếng la hét không còn, cậu thấy các bạn thật đáng yêu. Và cậu cũng rất thích nói chuyện.

“Tớ đã từng cưỡi ngựa,” cậu nói. “Tớ không được gặp nhiều người nổi tiếng. Tớ không sở hữu một trang trại và chưa từng bắn bất cứ ai.”

Giáo viên vào và đứng trước lớp. Cô giáo khá cao so với phụ nữ Hàn Quốc nói chung và đeo kính. Một tay cô cầm chiếc microphone khá nhỏ, tay còn lại cầm một cây gậy có một đầu gắn con ếch nhồi bông. Trông nó giống một chiếc gậy gãi lưng, thứ bạn có thể tìm thấy trong cửa hàng quà tặng tại các trung tâm. Eric ngừng nói và ngồi ngay ngắn tại bàn, băn khoăn không biết con ếch có tác dụng gì.

Kỳ lạ thay, không ai có vẻ phản ứng lại. Bọn trẻ nói chuyện với nhau trong khi giáo viên đứng đó, chờ đợi. Thật khó chịu khi xem cảnh đó. Cuối cùng, giáo viên đập cây gậy con ếch lên bàn để thu hút sự chú ý của mọi người và các học sinh dần ổn định chỗ ngồi. Khi cô giảng, một vài học sinh nói xấu sau lưng cô. Eric đã rất ngạc nhiên. Cậu còn thấy hành vi tồi tệ hơn thế, trước đây ở Hoa Kỳ, nhưng bởi một số lý do, cậu đã nghĩ học sinh Hàn Quốc lễ nghĩa hơn.

Vài phút sau, cậu liếc nhìn phía sau mình. Sau đó, cậu nhìn lại lần nữa với ánh mắt vô cùng kinh ngạc. Một phần ba lớp đã ngủ gật. Không phải đầu gục xuống, mà là tay chống cằm. Một nữ sinh đã đặt đầu trên một chiếc gối đặc biệt trượt trên cánh tay cô. Đây là kiểu ngủ có chủ tâm.

Sao điều này có thể xảy ra? Eric đã đọc rất nhiều về những học sinh Hàn Quốc chăm chỉ, vốn đánh bại người Mỹ về toán học, đọc hiểu và khoa học. Cậu chưa từng được đọc bất cứ thông tin đáng xấu hổ nào về việc ngủ gật trong lớp. Như thể để bù đắp cho các bạn trong lớp, cậu ngồi thẳng lưng hơn và chờ xem điều gì xảy ra tiếp theo.

Cô giáo vẫn tiếp tục giảng bài, không tỏ ra bối rối.

Ở cuối lớp, bọn trẻ tỉnh dậy. Chúng được nghỉ 10 phút và tận dụng từng giây. Các bạn gái ngồi lên bàn học hoặc các thùng rác lật ngược, trò chuyện với nhau và nhắn tin điện thoại. Một vài cậu chàng đánh nhịp trống trên mặt bàn học bằng bút chì. Họ thoải mái đến kỳ lạ trong lớp học, như thể họ đang ở phòng khách nhà mình vậy.

Tiếp theo là lớp khoa học. Một lần nữa, ít nhất một phần ba lớp ngủ gật. Thật nực cười. Làm thế nào học sinh Hàn Quốc thiết lập được kỷ lục về điểm số trong các kỳ thi nếu họ dành quá nhiều thời gian để ngủ trong lớp đến vậy?

Ngay sau đó, cậu đã phát hiện ra mục đích của cây gậy gãi lưng của giáo viên. Đó là chuông báo thức phiên bản Hàn Quốc. Một số giáo viên sẽ nhẹ nhàng gõ đầu gậy hình thú nhồi bông vào đầu các học sinh khi chúng ngủ thiếp đi hoặc nói chuyện trong lớp. Họ gọi đó là "cây gậy tình yêu".

Vào giờ ăn trưa, Eric đi theo những học sinh khác đến quầy tự phục vụ và bắt chước mọi việc chúng làm, lấy đầy khay *kim chi*___, món bắp cải muối cay xuất hiện trong mọi bữa ăn tại Hàn Quốc, cùng với mì trộn và món gì đó trông giống như rau và thịt bò hầm. Cậu cảm thấy nhẹ nhõm khi nhìn thấy người bạn Canada và ngồi xuống ăn cùng cô. Bữa ăn ở đây thật thú vị, một bữa ăn đồ chín tươi ngon, không phải là các món được làm sẵn và được hâm nóng mà cậu có ở Minnetonka.

Trong khoảnh khắc, việc ngồi trong quầy ăn tự phục vụ ấm áp, được ăn mì bằng đũa, Eric cảm thấy quyết định đến Hàn Quốc của cậu thật đúng đắn. Các bạn đồng môn với cậu đều đang học đại học. Họ mua tấm ga đôi rất dài tại Bed Bath & Beyond[4] và gặp bạn cùng phòng; họ sẽ đến các buổi học viết dành cho học sinh năm nhất và các bữa tiệc hội nam sinh đại học. Eric đã cố tình chọn bước ra khỏi nhịp điệu đó. Cậu đã dành 13 năm ở trường học và luôn chán ngán trong suốt quãng thời gian đó. Giống như rất nhiều đứa trẻ trên toàn thế giới, cậu dành rất nhiều thời gian nhìn chằm chằm vào đồng hồ, vẽ nguệch ngoạc bên lề sách và tự hỏi liệu đây là tất cả sao.

Trong hai năm cuối trung học, chương trình Tú tài Quốc tế đã khiến cậu chưa bao giờ hứng thú như thế. Và nó đã nhắc cậu nhớ lại cảm giác khi thực sự học – suy nghĩ và khám phá mọi thứ để mà khám phá chứ không phải vì buộc phải làm như vậy.

Vì vậy, sau khi được Đại học DePaul ở Chicago chấp nhận đơn xin học, cậu xin hoãn

thời gian nhập học. Cậu muốn sống ở châu Á – để khám phá một thế giới hoàn toàn khác, nơi mà cậu không hiểu gì hết đồng thời muốn đắm chìm vào sự kỳ lạ trong một thời gian. Sau đó, cậu có thể trở lại, trang trí một căn phòng ký túc xá và để cho cuộc sống sau khi rời trường trung học bắt đầu.

Những đứa trẻ Hàn Quốc ăn rất vội vàng rồi lao ra ngoài để tận dụng nốt thời gian giải lao ít ỏi còn sót lại. Một số chàng trai chơi bóng bầu dục trên sân đất, một số cô gái ngồi trên các bậc thềm, cắm cúi vào chiếc điện thoại, đăng nhập CyWorld – giống Facebook nhưng có các quyền điều chỉnh riêng tư nhiều hơn. Eric là một trong những học sinh cuối cùng ăn xong và rời quầy ăn tự phục vụ.

Giữa các tiết học, Eric hỏi một trong những học sinh khác về bài thi mà cậu vẫn được nghe nhắc đến – bài thi mà các học sinh năm cuối trung học Hàn Quốc phải tham gia trước khi tốt nghiệp. "Nó giống như kỳ thi SAT ở Mỹ," cậu bạn nói với Eric. Ngoại trừ một chuyện, điểm số đó sẽ quyết định phần đời còn lại của bạn.

"Ở Hàn Quốc, giáo dục có thể được giảm thiểu xuống còn một con số," cậu bạn giải thích. "Nếu bạn được điểm số cao, tương lai của bạn sẽ tươi đẹp."

Điểm số cao nhất đảm bảo việc bạn được chấp nhận vào một trong ba trường đại học uy tín nhất Hàn Quốc và nhờ đó, bạn chắc chắn sẽ nhận được một công việc lương cao, một ngôi nhà đẹp và một cuộc sống thoải mái. Tất cả mọi người sẽ tôn trọng bạn. Bạn đã được Chúa lựa chọn, một học sinh khác thêm vào, với giọng nửa đùa nửa thật.

Nhưng vấn đề là chỉ có 2% các học sinh cuối cấp vào được ba trường hàng đầu này. Vì vậy, kỳ thi là bước ngoặt cho những tham vọng của hàng triệu học sinh và cha mẹ chúng. Các bạn cùng lớp Eric nói về kỳ thi này trong sợ hãi. Họ dành hai năm tiếp theo trong đời để học, lên kế hoạch và cầu nguyện sẽ làm tốt bài thi này. Không một ai trong số họ mong đợi nó.

Minnesota cũng có một kỳ thi tốt nghiệp riêng. Eric đã chọn môn toán vào năm đầu, nhưng nó quá dễ đến mức cậu không nghĩ là mình có thể trượt. Những học sinh đạt điểm dưới mức trung bình tự động ghi danh vào một lớp học đặc biệt và được phép thi lại đến khi qua. Trái lại, kỳ thi của Hàn Quốc được chỉ định diễn ra vào một ngày trong năm và rất khó. Những học sinh nào làm kém có thể thi lại nhưng chúng phải chờ một năm sau đó.

Trong tiết học tiếp theo của Eric, giáo viên viết điểm thi của mỗi học sinh lên bảng, sử dụng số thẻ học sinh thay vì tên. Nhưng tất cả các học sinh trong lớp đều biết số thẻ của nhau. Đó là lần đầu tiên Eric thấy các bạn cùng lớp được xếp hạng công khai. Một bạn nữ ôm đầu và một bạn khác lắc đầu.

Hầu hết các bài thi ở trường được xếp hạng trên một đường cong, vì vậy chỉ 4% số học sinh đạt điểm cao nhất, dù tất cả có học hành chăm chỉ đến thế nào. Và cứ như thế, hệ thống phân cấp, điểm số giảm dần từ 9 đến tệ nhất có thể, mà 4% học sinh kém nhất trong lớp đạt được, lần nào cũng vậy.

Mọi học sinh trong lớp Eric đều biết thứ hạng của nhau, không chỉ trong bài kiểm tra

này, mà ở mọi môn học. 28 học sinh đứng đầu toàn khối là những người hùng của lớp và cũng là những người tử vì đạo. Bởi họ có thể mất rất nhiều thứ nên luôn nỗ lực hết mình.

Vào lúc 2 giờ 10 phút, Eric rời trường sớm. Vì là học sinh trao đổi nên cậu không bắt buộc phải tham gia ngày học đầy đủ tại Hàn Quốc. Cậu hỏi một người bạn cùng lớp về những việc sẽ diễn ra tiếp theo sau khi cậu rời trường.

"Chúng tớ tiếp tục đi học."

Eric ngây người nhìn cậu bạn.

"Đến khi nào?"

"Lớp học kết thúc lúc 4 giờ 10 phút," cậu bạn nói.

Sau đó, cậu ấy tiếp tục: Sau giờ học, học sinh phải dọn trường, lau sàn nhà, lau bảng và đổ rác. Những học sinh nhận hạnh kiểm kém – vì cư xử không đúng mực hoặc để tóc quá dài – phải mặc áo choàng đỏ và dọn phòng vệ sinh. Làm việc, gồm cả những việc khó chịu, là trọng tâm trong nền văn hóa học đường tại Hàn Quốc và không có bất cứ trường hợp ngoại lệ nào.

Vào lúc 4 giờ 30 phút, học sinh trở lại vị trí để tham gia các giờ học ôn thi, chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh đại học. Sau đó, họ ăn tối trong căng tin trường.

Sau bữa tối là *yaja,* hai giờ đồng hồ tự học được giáo viên giám sát lỏng lẻo. Hầu hết các học sinh đều xem lại những ghi chú trong ngày học hoặc theo dõi bài giảng trực tuyến chuẩn bị cho kỳ thi khi giáo viên đi khắp các hành lang và thi thoảng tịch thu những chiếc iPod được sử dụng trộm trong giờ.

Khoảng 9 giờ tối, các bạn cùng lớp Eric mới rời Namsan. Nhưng ngày học vẫn chưa kết thúc ở đó. Lúc này, đa phần các học sinh đều đến lớp học thêm hay còn gọi là *hagwon*. Đó là nơi mà họ học thực sự, cậu bạn nói. Họ học nhiều tiết ở đó cho đến 11 giờ, giờ giới nghiêm hagwon của thành phố. Và cuối cùng, họ về nhà ngủ một vài giờ trước khi trở lại trường học vào 8 giờ sáng hôm sau.

Eric lắng nghe lịch trình học này với cảm giác kinh hãi tột độ. Làm sao những thanh thiếu niên này có thể không làm gì – đúng theo nghĩa đen – ngoài việc học? Đột nhiên, cậu hiểu ra những gì đã thấy trong lớp học hôm đó. Các bạn học của cậu hành động như thể họ sống trong lớp học bởi về cơ bản *đúng* là vậy. Họ dành hơn 12 giờ mỗi ngày thường trong tuần ở đó – và họ đã đến trường nhiều hơn học sinh ở Minnesota gần hai tháng. Các bạn cùng lớp của cậu ngủ trong lớp học vì một lý do duy nhất: họ kiệt sức.

Đột nhiên, Eric muốn về sớm.

Đến 2 giờ 15 phút, cậu và bạn học người Canada đi bộ ngang qua sân đất, xa khỏi Namsan – sớm *bảy tiếng* so với thời gian các bạn cùng lớp của họ được ra về. Trong khi các bạn học Hàn Quốc miệt mài học tập, các học sinh trao đổi rẽ vào một cửa hàng tiện lợi. Eric

nhìn thấy một cây kem làm từ đậu đỏ, có hình con cá. Cậu đã mua nó, với hy vọng nó sẽ không có vị cá. Đúng như mong đợi của cậu, nó có vị vani. Khoảng 2 giờ 30 phút, cậu bắt xe buýt về nhà. Các bạn học người Hàn Quốc của cậu vẫn tiếp tục học.

Nằm trên giường của mình tại căn hộ của gia đình chủ nhà, Eric suy nghĩ mông lung về những gì cậu bạn đã nói với mình. Các học sinh Hàn Quốc thực sự đã đến trường *hai lần* mỗi ngày thường trong tuần. Cậu đã tìm ra một lời giải thích hợp lý cho mức điểm PISA cao của Hàn Quốc và điều đó thật đáng thất vọng. Các bạn của cậu học rất nhiều, nhưng họ đã dành một khoảng thời gian vô lý để làm vậy. Họ học toán ở trường – và lại còn học thêm toán tại *hagwon*. Cậu đã vô cùng kinh ngạc trước sự kém hiệu quả nói chung. Ở Hàn Quốc, *việc học không bao giờ dừng lại.*

Đưa mắt nhìn ra khung cảnh thành phố ngoài cửa sổ, cậu sắp xếp lại những suy nghĩ trong đầu. Trước khi rời Hoa Kỳ, cậu nghĩ rằng các trường học ở đó đã thực hiện quá nhiều kỳ thi tiêu chuẩn hóa và đặt quá nhiều áp lực lên học sinh và giáo viên. Mọi người có vẻ luôn phàn nàn về các kỳ thi còn học sinh thì quá tải với chương trình học. Giờ đây, khi nghĩ lại về các kỳ thi yêu cầu cao và những học sinh căng thẳng ở quê nhà, Eric suýt bật cười.

Các kỳ thi của Mỹ không yêu cầu quá cao đối với học sinh. Thực tế, yêu cầu cũng không thể quá thấp, đặc biệt là đối với các kỳ thi chuẩn hóa. Hậu quả, nếu có, sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến những người làm việc tại trường; ví dụ, trường của họ có thể bị chính phủ liên bang yêu cầu buộc phải thay đổi và, ở một vài nơi, một bộ phận nhỏ các giáo viên với điểm đánh giá thấp có thể bị mất việc làm. Nhưng đối với hầu hết học sinh, các kỳ thi tiêu chuẩn hóa diễn ra thường xuyên, không phức tạp và hoàn toàn không liên quan đến cuộc sống của họ.

Ở Mỹ, thậm chí các bài kiểm tra bình thường tại lớp cũng không có ý nghĩa nhiều như ở Hàn Quốc. Nếu trẻ không đạt được thành tích cao ở Hoa Kỳ, luôn có một cảnh báo rằng: *Bài kiểm tra này không công bằng*. Hoặc *Không sao! Không phải ai cũng giỏi toán*. Ở Hàn Quốc, bài học rõ ràng hơn: *Em học không đủ chăm và em phải cố gắng hơn nữa trong thời gian tới*.

Cậu bắt đầu nhận ra rằng áp lực chỉ là một thuật ngữ mang tính tương đối và do đó các kỳ thi cũng vậy. Từ những gì Eric thấy từ trước đến nay, thông qua các lớp học khắc nghiệt và hệ thống phân cấp tàn bạo, dường như Namsan được thiết kế để truyền tải một thông điệp rằng tương lai của trẻ không phụ thuộc vào trung bình các cú đánh bóng, lòng tự trọng, trạng thái trên Facebook, mà vào mức độ chăm chỉ của chúng trong học tập, để có thể làm chủ các tài liệu học thuật nghiêm ngặt.

Cậu băn khoăn liệu đây có phải là những gì cần thiết để đạt điểm số đứng đầu thế giới trong các kỳ thi quốc tế không? Nếu vậy, Eric không chắc chắn mình muốn vị trí số một.

Cuộc cạnh tranh của những đứa trẻ kiên cường

Tôi đã gặp Bộ trưởng Giáo dục Hàn Quốc, ông Lee Ju-Ho tại văn phòng của ông ở Seoul. Ông có nhúm tóc giữa trán như trẻ con với khuôn mặt luôn vui vẻ, cả hai điểm đó đều khéo léo che đậy tham vọng đã đưa ông lên đến vị trí này.

Ông Lee là sản phẩm của "chiếc nồi áp suất giáo dục kiểu Hàn Quốc". Ông đã theo học một trường trung học ưu tú rồi tiếp đến là Đại học Quốc gia Seoul, một trong ba trường đại học hàng đầu của xứ sở kim chi này. Sau đó, ông lấy bằng tiến sĩ kinh tế học tại Đại học Cornell. Ông thăng tiến nhanh chóng trong hệ thống phân cấp của Hàn Quốc, trở thành một giáo sư, sau đó là một chính trị gia. Nhưng khi trở thành Bộ trưởng Giáo dục, ông đã làm vậy với mục đích tháo gỡ chiếc nồi áp suất, từng mảnh một.

Chúng tôi uống trà bên một chiếc bàn lớn cùng với nhóm cố vấn của ông, nhưng không ai trong số họ cất lời. Khi tôi hỏi liệu ông có đồng ý với lời khen tặng của Tổng thống Obama về hệ thống giáo dục Hàn Quốc, ông mỉm cười, một nụ cười đầy mệt mỏi. Đó là câu ông thường xuyên được hỏi, thường là từ các phóng viên Hàn Quốc, những người không thể hiểu Tổng thống Mỹ hay bất cứ ai thấy thích thú điểm gì trong hệ thống giáo dục của Hàn Quốc.

"Người Mỹ các bạn nhìn thấy mặt tích cực của hệ thống giáo dục Hàn Quốc," ông nói. "Nhưng người Hàn Quốc không hài lòng với nó."

Ở một số phương diện, Hàn Quốc là biểu hiện cực đoan của một truyền thống châu Á xưa cũ. Các gia đình Trung Quốc từng thuê gia sư để phụ đạo cho con em họ trước kỳ thi từ thế kỷ VII. Các kỳ thi công vụ xuất hiện trước khi báo giấy xuất hiện. Trong thế kỷ X ở Hàn Quốc, những nam thanh niên trẻ tuổi đầy tham vọng phải vượt qua một kỳ thi khó để được làm việc trong triều đình. Thực tế, những kỳ thi yêu cầu cao chỉ dễ dàng đối với nam nhân thuộc tầng lớp địa chủ, những người có đủ khả năng đầu tư cho việc luyện thi phiên bản cổ.

Mặc dù người Mỹ mặc định rằng người châu Á rất giỏi toán học và khoa học, nhưng người Hàn Quốc nói chung từ xưa đã không phải quá thông minh. Người Hàn Quốc có thể đã thấm đẫm tư tưởng của Khổng Tử về giá trị của lòng hiếu học và tính cẩn trọng nhưng đất nước này vốn không có tiền lệ giỏi toán học. Thực tế, phần lớn công dân của quốc gia này mù chữ trong thời gian rất gần đây, vào khoảng những năm 1950. Khi đất nước bắt đầu xây dựng lại các trường học sau chiến tranh Triều Tiên, tiếng Hàn thậm chí còn không có từ ngữ nào diễn tả các khái niệm hiện đại của toán học và khoa học. Các từ mới phải được đưa ra trước khi sách giáo khoa được xuất bản. Năm 1960, Hàn Quốc có tỷ lệ học sinh/giáo viên là 59/1. Chỉ một phần ba trẻ em Hàn Quốc được học trung học. Nghèo đói là nguyên nhân dẫn đến thất học. Nếu PISA tồn tại từ thời đó, Hoa Kỳ có thể sẽ đánh bại Hàn Quốc trong mọi môn học.

Trong hơn 50 năm sau đó, Hàn Quốc đã trở thành một đất nước mà theo ông Lee là một "nguồn lực nhân tài". Đất nước không có tài nguyên thiên nhiên, do đó, họ phải khai thác nguồn nhân lực để thay thế, biến giáo dục thành tiền tệ. Giai đoạn tăng trưởng kinh tế điên cuồng này tạo ra một loại hình xổ số cho các bậc cha mẹ Hàn Quốc: Nếu con cái họ vào được các trường trung học tốt nhất, đồng nghĩa với việc chúng có cơ hội học tại các trường phổ thông tốt nhất, có khả năng cao sẽ được nhận vào các trường đại học hàng đầu, thì sau đó, chúng sẽ có được danh tiếng, một công việc lương cao và khả năng "nâng đỡ" cả gia đình.

Cuộc cạnh tranh này tuân theo những quy định rất rõ ràng: Điểm số trên một mức điểm chuẩn nhất định trong kỳ thi vào đại học đồng nghĩa với việc bạn đã tự động được

nhận vào một trường đại học hàng đầu. Mãi về sau, bạn vẫn luôn được trả lương cao hơn nhiều so với những người khác, thậm chí dù cả hai làm cùng một công việc. Hệ thống đó là hiển nhiên và vô cùng tàn bạo. Nó đưa ra một thông điệp rất rõ ràng cho trẻ về những gì quan trọng: Tuyển sinh Đại học dựa trên các kỹ năng của học sinh được đo lường bằng các kỳ thi. Không ai được chấp nhận vì lý do giỏi thể thao hoặc bởi cha mẹ từng học ở đó. Nó mang tính lựa chọn nhân tài nhiều hơn các trường đại học Mỹ.

Nếu không có nỗi ám ảnh về giáo dục này, Hàn Quốc chưa chắc đã trở thành cường quốc kinh tế vào năm 2011. (Từ năm 1962, GDP của nước này đã tăng lên khoảng 40.000%, biến nó trở thành nền kinh tế lớn thứ 13 trên thế giới.) Giáo dục đóng vai trò như một loại vắc xin chống đói nghèo ở Hàn Quốc, khiến nền tảng gia đình càng ngày càng ít liên quan đến cuộc sống sau này của trẻ theo thời gian.

Nhưng do không có đủ chỗ tại những trường đại học danh tiếng hay những công việc đáng mơ ước, trò chơi xổ số biến thành cuộc thi đứa trẻ kiên cường khiến các bậc cha mẹ và con cái họ phẫn nộ, dù họ chính là những người duy trì sự tồn tại của nó. Đó là một chế độ nhân tài cực đoan dành cho trẻ, được trui rèn thành một hệ thống đẳng cấp dành cho người lớn. Ngay cả khi có nhiều trường đại học xuất hiện hơn, công chúng vẫn tiếp tục gắn bó với ba trường đại học hàng đầu. Phần còn lại của thế giới hãy cảnh giác. Cuộc cạnh tranh tự thân nó kết thúc, chứ việc học không phải là nguyên nhân đẩy nó đến bước đường cùng.

Đất nước này đã tạo ra một con quái vật, ông Lee nói với tôi. Hệ thống này đã trở nên quá cạnh tranh, dẫn đến mối bận tâm không lành mạnh về điểm thi và sự phụ thuộc vào các trung tâm dạy kèm tư nhân. Thậm chí, trong kỳ nghỉ hè, các thư viện cũng quá đông đúc đến mức trẻ phải có vé mới kiếm được một chỗ ngồi. Nhiều trẻ phải trả bốn đô-la để thuê một phòng làm việc cá nhân ở thư viện có trang bị máy lạnh nhỏ trong hàng loạt các thư viện tự học vì lợi nhuận trong thành phố.

Ông Lee tin rằng điểm PISA rất cao của học sinh Hàn Quốc chủ yếu là nhờ những nỗ lực không mệt mỏi của các học sinh chứ không phải của các trường học tại đất nước này. Trẻ em và gia đình chúng chi phối kết quả học tập. Nói cách khác, thay vì các chương trình giảng dạy, động lực mới là nguyên nhân dẫn đến điểm PISA cao của Hàn Quốc.

Số tiền Hàn Quốc chi cho mỗi học sinh tại các trường học chỉ bằng một nửa so với Mỹ, nhưng các gia đình Hàn Quốc tự tạo nên nhiều sự khác biệt bằng tiền riêng của họ. Ngoài học phí hagwon, họ phải trả tiền cho các trường công lập, bởi khoản trợ cấp của chính phủ không thể chi trả hết. Trường của Eric không phải là trường công lập ưu tú nhất ở Busan, nhưng học phí vẫn có giá khoảng 1.500 đô-la mỗi năm.

Trên giấy tờ, trường trung học của Eric ở Minnesota và ở Hàn Quốc có một số điểm chung. Cả Minnetonka và Namsan đều tự hào vì có tỷ lệ bỏ học dưới 1% và cả hai trường đều trả lương giáo viên cao như nhau. Tuy nhiên, trong khi học sinh Minnetonka thể hiện sự xuất sắc trong các vở nhạc kịch thì học sinh Namsan lại học và học thêm nữa. Vấn đề không phải là học sinh Hàn Quốc học không đủ hay không đủ chăm chỉ mà bởi họ học thiếu tính khoa học.

Nền văn hóa "Đứa trẻ kiên cường" có khả năng lây lan lớn; thật khó để bọn trẻ và cha

mẹ chúng có thể cưỡng lại áp lực "học nữa, học mãi". Nhưng họ luôn miệng phàn nàn rằng quy định xếp hạng và điểm số khiến họ đau đầu, không cho phép họ được nghỉ ngơi mà phải luôn tỉnh táo.

Thiệt hại phụ thêm

Một buổi sáng Chủ nhật trong năm học đó, một học sinh tên là Ji đã đâm vào cổ mẹ mình tại nhà họ ở Seoul. Cậu ta làm vậy để ngăn mẹ không đến một buổi họp phụ huynh. Cậu ta sợ mẹ sẽ biết việc cậu nói dối về điểm thi gần đây nhất của mình.

Ji giữ bí mật của mình trong suốt tám tháng sau đó. Mỗi ngày, cậu đều đến trường và về nhà như không có chuyện gì xảy ra. Cậu nói với hàng xóm rằng mẹ cậu đã rời thị trấn. Để bưng bít mùi xác mẹ phân hủy, cậu đã dán kín cửa phòng bà bằng keo và băng dính. Cậu mời bạn bè đến ăn mì ramen. Cuối cùng, cha dượng của cậu phát hiện ra xác chết của người vợ và Ji đã bị bắt vì tội giết người.

Câu chuyện khủng khiếp này gây chấn động trong cả nước, đúng như dự đoán, nhưng vì những lý do cụ thể và rõ ràng. Trong tâm trí của nhiều người Hàn Quốc, tội ác của Ji không chỉ là một bi kịch; mà nó còn phản ánh một nền văn hóa học tập điên cuồng khiến bọn trẻ phát điên.

Theo điểm thi của cậu, Ji thuộc nhóm 1% học sinh trung học đứng đầu cả nước, nhưng trong điều kiện tuyệt đối, cậu vẫn đứng thứ 4.000 trên toàn quốc. Mẹ cậu đã khăng khăng rằng cậu phải đứng thứ nhất bằng mọi giá, Ji kể lại như vậy. Khi điểm số của cậu khiến bà thất vọng, bà đã đánh đập cậu và không cho cậu ăn.

Trước câu chuyện này, nhiều người Hàn Quốc tỏ ra thông cảm với người con trai đang sống hơn là với người mẹ đã chết. Các nhà bình luận đã kéo quá khứ chua xót của riêng họ về trường trung học vào vụ án của Ji. Một số người đã đi xa đến mức buộc tội người mẹ đã gián tiếp gây ra tội ác của người con. Một biên tập của tờ *Korea Times* đã mô tả nạn nhân là "một trong những bà mẹ hổ huênh hoang, không bao giờ hài lòng với thành tích học tập của con cái cho dù chúng đạt điểm cao đến mức nào."

Còn Ji, cậu nhận tội trước cảnh sát ngay lập tức, bật khóc khi nhắc đến việc mẹ cậu đã ám ảnh cậu trong những giấc mơ sau khi bà chết như thế nào. Tại phiên tòa, các công tố viên đã đề nghị mức án tù 15 năm. Thẩm phán, với lý do thuộc tình tiết giảm nhẹ, đã kết án cậu bé ba năm rưỡi tù giam.

Trong khi đó, các chính trị gia Hàn Quốc tuyên bố sẽ một lần nữa xử lý cơn sốt giáo dục của đất nước này, như người ta vẫn gọi. Dưới sự quản lý của bộ trưởng Lee, bộ đã thuê và đào tạo 500 cán bộ tuyển sinh để giúp các trường đại học của đất nước này lựa chọn các ứng viên theo tiêu chuẩn Mỹ, mà có thể nói, dựa trên một tiêu chí khác ngoài điểm thi.

Tuy nhiên, gần như chỉ qua một đêm, các hagwon đã bất ngờ giúp học sinh luyện thi theo các chương trình tuyển sinh thay thế mới. Hàng trăm học sinh buộc phải nói dối về quê hương xuất xứ của chúng để có được điểm ưu đãi dành cho các gia đình nông thôn nghèo. Một phụ huynh giả ly hôn để trẻ tận dụng lợi thế là con của các bậc cha mẹ đơn

thân. Cơn sốt bùng phát.

Các nhà lãnh đạo của đất nước lo ngại rằng trừ khi hệ thống phân cấp cứng nhắc này nuôi dưỡng thêm sự sáng tạo, nếu không mức tăng trưởng kinh tế sẽ chững lại và tỷ lệ sinh sẽ tiếp tục giảm khi các gia đình cảm thấy áp lực về tiền học thêm.

Để cải thiện triệt để các trường công lập, giúp các bậc cha mẹ cảm thấy ít cần tới các hagwon hơn, ông Lee đã cố gắng cải thiện tình trạng giảng dạy. Hàn Quốc có đội ngũ giáo viên tiểu học được đào tạo chất lượng cao, tương xứng với Hoa Kỳ và hầu hết các nước khác. Các giáo viên tiểu học Hàn Quốc đến từ hàng chục các trường đại học chấp nhận 5% các học sinh đạt điểm số đầu vào đứng đầu danh sách và được đào tạo rất tốt. Các giáo viên trung học đang được đào tạo ở Hàn Quốc nằm trong nhóm hàng đầu thế giới qua các bài thi toán học được thực hiện ở sáu quốc gia, đánh bại các giáo viên tương lai tại Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, các giáo viên phổ thông của Hàn Quốc không có thành tích ấn tượng như vậy. Trong tình trạng thiếu giáo viên ở nhiều thập kỷ trước đó, chính phủ đã đưa ra một quyết định vô cùng sai lầm, cho phép quá nhiều trường cao đẳng đào tạo giáo viên trung học. 350 trường cao đẳng này có các tiêu chuẩn thấp hơn các chương trình đào tạo cơ bản. Giống như hơn 1.000 trường cao đẳng đào tạo giáo viên tại Hoa Kỳ, các chương trình đào tạo của Hàn Quốc đào tạo đại trà nhiều giáo viên tương lai hơn số giáo viên mà đất nước này cần. Đào tạo giáo viên là một ngành công nghiệp sinh lời cho các trường cao đẳng, nhưng các tiêu chuẩn thấp hơn đã khiến ngành ít có uy tín và kém hiệu quả. Bởi, như một nhà hoạch định chính sách Hàn Quốc nổi tiếng từng nói: “Chất lượng của hệ thống giáo dục không thể vượt quá chất lượng của giáo viên mà nó đào tạo ra.”

Để nâng cao nghiệp vụ, ông Lee đưa ra một chương trình đánh giá giáo viên mới nhằm cung cấp cho các giáo viên thông tin phản hồi hữu ích và buộc họ phải chịu trách nhiệm về kết quả. Theo hệ thống mới, các giáo viên được đánh giá một phần bởi chính các học sinh của mình và cha mẹ chúng, những người điền vào các phiếu khảo sát trực tuyến, cũng như các giáo viên khác – một cách tiếp cận tương đương với phiếu đánh giá toàn diện được sử dụng trong nhiều doanh nghiệp. (Không giống như các mô hình được sử dụng bởi nhiều quận của Mỹ, chương trình đánh giá giáo viên của Hàn Quốc không bao gồm tỷ lệ tăng điểm thi của học sinh; các quan chức mà tôi đã nói chuyện có vẻ muốn sử dụng dữ liệu này, nhưng họ không biết cách gán trách nhiệm, bởi rất nhiều học sinh được nhiều giáo viên, gồm cả các gia sư bên ngoài, hướng dẫn chúng cùng một môn học.)

Theo các quy định mới của Hàn Quốc, các giáo viên có điểm đánh giá thấp phải được đào tạo lại. Tuy nhiên, ở các quận của Mỹ, nơi các nhà cải cách đã cố gắng áp đặt các chiến lược tương tự, các giáo viên và công đoàn đã phản đối, cho rằng các đánh giá này không công bằng và làm giảm giá trị của giáo viên. Các chính sách khá hay trên giấy tờ hóa ra lại thiếu khả thi trong thực tế. Như một hình thức biểu tình, một số giáo viên Hàn Quốc đã đánh giá tất cả đồng nghiệp của họ ở mức cao nhất có thể. Trong năm 2011, chưa đến 1% giáo viên của Hàn Quốc phải đào tạo lại và một số trong đó từ chối làm theo quy định.

Sau năm đầu tiên tại vị, một trong những thành tựu lớn nhất của ông Lee là từ chối chi tiền vào các hagwon. Các con số chỉ giảm 3,5%, nhưng dù sao ông vẫn coi đó là một chiến thắng lớn.

Lắng nghe ông Lee, tôi nhận ra rằng phần còn lại của thế giới có thể học hỏi rất nhiều từ những gì đã mang lại hiệu quả đến những gì không hiệu quả tại Hàn Quốc. Đầu tiên, các nước có thể thay đổi. Điều đó rất đáng hy vọng. Hàn Quốc đã gia tăng kỳ vọng của mình về những gì trẻ có thể làm được bất chấp đại dịch nghèo đói và mù chữ. Hàn Quốc đã không chờ xử lý được đói nghèo trước khi cải thiện hoàn toàn được hệ thống giáo dục, bao gồm cả các trường cao đẳng sư phạm. Niềm tin vào giáo dục và con người đã đưa Hàn Quốc vào nhóm các nước phát triển.

Thứ hai, sự chặt chẽ là một vấn đề. Hàn Quốc hiểu rằng việc làm chủ nội dung học tập khó nhằn rất quan trọng. Họ không có đường tắt, đặc biệt là trong toán học. Họ cho rằng thành tích học tập có được chủ yếu là nhờ sự chăm chỉ, thay vì tài năng thiên bẩm. Thái độ này có nghĩa là mọi trẻ đều phải cố gắng hơn nữa và điều đó có giá trị đối với một quốc gia hơn cả vàng hay dầu mỏ.

Như Eric nhận thấy trong ngày đầu tiên đến trường của mình, các trường học Hàn Quốc tồn tại vì một và chỉ một mục đích: để trẻ có thể nắm vững các tài liệu học thuật phức tạp. Đó là một sự khác biệt rất rõ. Trái lại, các trường của Mỹ quan tâm đến rất nhiều yếu tố và chỉ một trong số đó là khả năng học tập. Sự thiếu tập trung này đã khiến nó dễ dàng bị che mắt trước những gì được coi là quan trọng nhất.

Ví dụ, các trường của Mỹ chi một khoản tiền tương đối lớn vào thể thao và công nghệ, thay vì lương giáo viên. Khi tôi khảo sát 202 học sinh trao đổi đến từ 15 quốc gia, bọn trẻ đã nhất loạt đồng ý rằng chúng thấy công nghệ xuất hiện nhiều hơn ở các trường tại Hoa Kỳ. Ngay cả học sinh đến từ những nước có thành tích cao cũng cho biết họ thấy công nghệ xuất hiện nhiều trong các lớp học ở Mỹ hơn ở quê hương họ. 7/10 thanh thiếu niên người Mỹ học ở nước ngoài đồng ý với điều đó. Người Mỹ có các lớp học với bảng trắng tương tác, máy chiếu công nghệ cao và rất nhiều iPad. Tuy nhiên, có rất ít bằng chứng cho thấy những vụ mua bán này được thanh toán hết cho bất kỳ ai ngoài bản thân các nhà cung cấp công nghệ.

Thứ ba và là vấn đề cấp bách nhất đối với ông Lee: Ở những nơi có mức độ cực đoan liên quan đến động lực của học sinh, việc giành chiến thắng cuộc thi có thể trở thành mục tiêu của nơi đó. Các gia đình và học sinh không thể thấy mục tiêu học tập và bị ám ảnh bởi các bảng xếp hạng và điểm số. Ở một số khu dân cư có thu nhập cao tại Mỹ, trẻ được trải nghiệm sự bắt buộc kiểu này, nỗ lực ngày đêm để vào được một trường đại học hàng đầu và chứng minh sự hoàn hảo của bản thân trên giấy tờ, và sau đó mới tự hỏi tại sao phải làm vậy. Nỗi ám ảnh này vẫn chưa là gì tại Hoa Kỳ, như được thể hiện qua thành tích toán học liên tục thấp thậm chí là đối với cả những đứa trẻ giàu có tại Mỹ với thực tế rằng chỉ 15% thanh thiếu niên học thêm sau giờ học ở trường tại Hoa Kỳ (một tỷ lệ dưới mức trung bình đối với các nước phát triển). Tuy nhiên, một số ít trẻ (nhiều trong số đó là người Mỹ gốc Á) sống phiên bản phương Tây trong cuộc cạnh tranh “Đứa trẻ kiên cường”.

Nhưng rõ ràng sự đổi mới thực sự ở Hàn Quốc đã không xảy ra trong chính phủ hoặc các trường công lập. Nó đã xảy ra ở hệ thống giáo dục “trong bóng tối” của Hàn Quốc – những chương trình dạy kèm sau giờ học trị giá hàng triệu đô-la mà ông Lee đang cố gắng hạn chế. Tôi nhận ra rằng, nếu muốn xem hệ thống giáo dục tại thị trường tự do thực sự trông như thế nào, tôi sẽ phải thức rất muộn.

Xét trên quan điểm cá nhân, ông Lee nghĩ rằng Phần Lan có một mô hình giáo dục tốt hơn nhiều so với đất nước ông. Suy cho cùng, Phần Lan chi ít trên mỗi học sinh và chỉ 1/10 học sinh học thêm sau giờ học. Ở Hàn Quốc, 7/10 học sinh học thêm. Cả hai nước đã giành vị trí đầu bảng về điểm số PISA, tuy nhiên khi quan sát, học sinh Phần Lan có khả năng cân đối tốt hơn. Có nhiều cách để trở thành một siêu cường, ông Lee cảnh báo; hãy cẩn trọng và lựa chọn đường cái.

Sự tù túng tại Hàn Quốc

Sau khi ghé thăm bộ trưởng tại Seoul, tôi đã đi tàu cao tốc đến Busan, thành phố bên bờ biển đang phát triển rất mạnh mẽ ở phía nam Hàn Quốc. Eric đề nghị dẫn tôi đi một vòng. Cậu xuất hiện ở sảnh khách sạn tôi ở với kính râm gọng trắng và một chiếc balo thể thao, háo hức dẫn tôi đi.

“Cô thích món Hàn Quốc chứ? Cô đã ăn pizza Hàn Quốc chưa? Khiếp lắm! Hoặc chúng ta có thể ăn sushi.”

Eric thích Hàn Quốc. Khi chúng tôi lách qua đám đông chen chúc tại các quầy hàng mua sắm, cậu chỉ cho tôi thấy những đôi tất có in hình Tổng thống Barack Obama và cố mời tôi món sữa chua cậu thích. Chúng tôi dừng khá lâu tại một cửa hàng quà tặng để cậu có thể giới thiệu với tôi loại gối ngủ trưa ít người biết đến – và cho thấy chúng có thể trượt trên cổ tay để người dùng cảm thấy thoải mái nhất có thể như thế nào.

“Cháu thích ứng rất tốt với những nơi như thế này”, cậu nói với tôi. Cậu đã miệt mài học tiếng Hàn Quốc và bây giờ có thể giao tiếp cơ bản tại các nhà hàng và trong các cuộc trò chuyện bình thường. Cậu gọi một chiếc pizza khoai ngọt cho cả hai chúng tôi. Đến lúc đó, cậu đã từng qua đêm tại một ngôi chùa ở vùng núi; cậu đã học Taekwondo; vào một buổi tối khủng khiếp tại một chợ cá, cậu thậm chí còn ép mình ăn một con bạch tuộc sống quấn quanh chiếc đũa.

Eric đánh giá cao sự kỳ quái của Hàn Quốc và sự thân thiện của người Hàn. Thực sự, vấn đề duy nhất là trường học. Cậu đã cố gắng cởi mở nhất có thể, nhưng cậu rất sợ thời gian ở Namsan, ngồi sáu giờ liên tục với những bạn học quá căng thẳng hoặc quá mệt mỏi để có thể nói chuyện trong hơn năm phút giải lao giữa các giờ học, sau đó đi xe buýt về nhà một mình.

Không phải vì Eric không thể ở một mình. Thực tế, cậu đã quen với sự cô lập. Cậu đã dành nhiều năm sống riêng như một thiếu niên đồng tính ở Mỹ. Cậu đã nếm trải đủ nỗi cô đơn.

Nhưng cậu phát hiện ra rằng áp lực phải tuân theo vượt ra ngoài cả các vấn đề về tình dục tại Hàn Quốc. Các thanh thiếu niên ở trong đủ mọi loại không gian, khóa mình trong những không gian nhỏ, thiếu không khí, để ôn thi. “Những học sinh cháu đã nói chuyện đều coi thường hệ thống giáo dục nơi đây,” cậu nói, lắc đầu. “Họ hoàn toàn không ưa nó.”

Eric ngưỡng mộ một phần của hệ thống Hàn Quốc – những kỳ vọng cao mà tất cả mọi người đặt ở khả năng của trẻ. Cậu tò mò về hagwon, nơi mà các bạn cùng lớp nói họ học

được rất nhiều từ đó. Tuy nhiên, cậu cũng biết được rằng nhóm hàng đầu thế giới có thể là một nơi đơn độc và câu hỏi quan trọng không phải là việc trẻ sống ở đâu mà là họ phải trải qua những gì để đạt được vị trí đó.



Từ Pennsylvania đến Ba Lan:
Tom ở ngoài trường cấp 3 tại Wroctaw

Chương 4. MỘT BÀI TOÁN

Cách Mỹ 5 ngàn dặm, một giáo viên đã hỏi Tom một câu.

Đó là ngày đầu tiên đến trường ở Ba Lan. Cậu ngồi lặng lẽ ở cuối lớp, cố gắng để khiến mình nhỏ bé và không bị chú ý. Nhưng giờ đây cô giáo đang nhìn cậu, chờ đợi. Vì vậy, cậu lặp lại một câu nói đã học thuộc lòng:

Nie mówie po polsku. Em không nói được tiếng Ba Lan.

Sau đó, cậu mỉm cười với vai "chàng học sinh trao đổi thiếu khả năng cần thiết". Chiến thuật này rất hiệu quả đối với cậu từ trước đến nay.

Hai tuần nữa, Tom sẽ bước sang tuổi 18. Cậu có râu lún phún, đôi mắt đen, khuôn mặt của một chàng trai trẻ lắp vào thân hình của một cậu bé. Khi cậu mỉm cười, đôi lúm đồng tiền được thừa hưởng từ người mẹ lộ rõ, cậu nhìn trẻ hơn ít nhất ba tuổi so với tuổi thực. Nói chung, các giáo viên Hoa Kỳ thường chấp nhận lời biện hộ của Tom.

Tuy nhiên, giáo viên này lặp lại câu hỏi bằng tiếng Anh với cậu.

"Em có thể giải bài được chứ?" Cô ấy chìa ra một mẩu phấn và ra hiệu cho Tom tiến lên trước lớp. Đó là tiết toán học và cô đã viết một phép tính đa thức lên bảng.

Tom đứng dậy, tim đập nhanh hơn và chậm rãi tiến về phía bảng. 22 học sinh Ba Lan khác đang dõi mắt theo người bạn Mỹ, tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Câu chuyện về Ba Lan, một bản giao hưởng của nỗi đau và sự cứu rỗi, sẽ xuất hiện sau trong cuốn sách này. Nhưng, bây giờ, có thể nói rằng Tom đang ở một đất nước ảm đạm với quá khứ phức tạp, đó lại chính là lý do cậu muốn đến đây.

Ở Mỹ, Tom sống tại Gettysburg, Pennsylvania, chiến trường đẫm máu nhất trong cuộc Nội chiến Mỹ. Khoảng 51.000 người đã bị thương hoặc thiệt mạng trên những ngọn đồi của thành phố quê hương Tom. Hàng ngàn khách du lịch đến với những chiến trường yên lặng và hoang tàn mỗi năm, tìm kiếm di vật, những hồn ma hoặc trải nghiệm thứ cảm giác về chiến tranh còn sót lại.

Tuy nhiên, kể từ những năm 1800, theo Tom, Gettysburg đã trở nên kém hấp dẫn hơn. Đó là một ngôi làng nông thôn cách Washington D.C. khoảng hai giờ lái xe nhưng khác biệt như hai thế giới. Khi còn bé, Tom không hứng thú gì với những người lính đồ chơi mô phỏng quân miền Nam và quân đội Liên bang, thứ được bán đầy trong các cửa hàng lưu niệm của thành phố. Cậu thích những người lính Chiến tranh Thế giới II hơn.

Đến tuổi thiếu niên, Tom chơi cello, nghe Sonic Youth và xem phim Woody Allen. Cậu tự ngăn mình tách biệt khỏi thứ văn hóa trung học, vốn xoay quanh các môn thể thao và Hội Nông gia Tương lai của Mỹ (Future Farmers of America). Vào tháng Tám, đội bóng đá Gettysburg Warriors đã tổ chức một bữa tiệc tự chọn để khởi động mùa giải. Quán cà phê địa phương đóng cửa trước khi mặt trời lặn.

Tom sớm biết được rằng thế giới bên ngoài ngôi nhà của cậu có thể là một nơi rất phức tạp. Cha cậu là một luật sư về luật gia đình, tạo điều kiện ly hôn và xử lý các vụ tranh cãi. Mẹ cậu là trưởng biện lý của thị trấn. Bà làm việc trong một văn phòng tại tầng hầm không có cửa sổ, đại diện cho những cư dân ít phổ biến nhất của Gettysburg, trong đó có một người đàn ông trẻ phải đối mặt với án tử hình vì tội giết một sĩ quan bảo tồn động vật hoang dã.

Để thoát khỏi áp lực công việc, cha mẹ Tom thường dành thời gian để đọc. Họ đọc về cách các gia đình khác câu cá hoặc xem truyền hình, họ ngồi cùng nhau nhưng hoạt động tách biệt. Vào các buổi tối thứ Sáu, họ đưa Tom và hai anh trai đến hiệu sách Barnes & Noble, nơi họ sẽ đi lang thang theo các hướng khác nhau tùy sở thích; vào các ngày thứ Bảy mưa, có thể thấy họ đọc sách nhưng ở các phòng khác nhau. Tiếng ồn duy nhất chỉ là tiếng mưa.

Hai anh trai của Tom đọc thảnh thơi nhưng Tom thì đọc ngấu nghiến, như thể để tìm kiếm một phép màu mà cậu có thể không bao giờ tìm thấy được. Vào mùa hè, mẹ cậu sẽ thấy cậu ở sân sau, đọc trong nhiều giờ. Trong một mùa đông, cậu không đọc gì ngoài Anton Chekhov. Cậu đọc cuốn *The Pianist* (Nghệ sĩ dương cầm) những hai lần.

Đến năm cuối cấp trung học, Tom quyết định chuyển từ Gettysburg sang một trong những thế giới cũ bước ra từ những cuốn tiểu thuyết của cậu. Cậu muốn đến Đông Âu bởi cậu nghĩ thật lãng mạn khi được sống ở mảnh đất mà ai cũng biết tên Dostoyevsky và Nabokov. Cậu đã không được đi du lịch nhiều, nhưng cậu tin vào lời hứa về một miền đất xa xôi, nơi có thể giữ vẹn nguyên sự lãng mạn mà cậu được đọc và luôn gợn lên trong từng suy nghĩ. Cậu tưởng tượng mình đang học chơi Chopin ở quê hương của Chopin.

Và cuối cùng, cậu cũng đến Ba Lan. Mọi chuyện ít nhiều đi đúng theo kế hoạch. Vấn đề là: Khi Tom đứng trước lớp học tại Ba Lan vào ngày hôm đó, cậu đã mang theo một gánh nặng Mỹ mà không ai nhìn thấy được. Dù mặc chiếc áo sơ mi Yo La Tengo và mang trong mình mùa đông về Chekhov, nhưng ít nhất Tom vẫn là một thiếu niên Mỹ điển hình.

Tom không giỏi toán.

Cậu bắt đầu mất gốc từ trung học như rất nhiều trẻ em Mỹ khác. Điều đó diễn ra từ từ; đầu tiên, cậu không hiểu một bài rồi đến một bài khác và cứ như vậy. Cậu quá xấu hổ để đề nghị được giúp đỡ. Cậu không muốn thừa nhận rằng mình không thông minh như những bạn khác. Sau đó, cậu bị 0 điểm cho một bài kiểm tra đại số sơ cấp năm lớp 8. Trong các giờ học khác, điểm xấu có thể sửa. Nhưng, trong toán học, mỗi bài học được xây dựng dựa trên những gì được học trước đó. Dù cố gắng đến thế nào, cậu cũng không thể bắt kịp bài học. Cậu có cảm giác ngày càng kém đi và điều đó thật mất mặt. Năm sau đó, cậu nhận được một điểm F môn toán.

Môn toán luôn vượt quá tầm hiểu biết của thanh thiếu niên Hoa Kỳ, nhiều hơn bất cứ môn học nào khác. Khi mọi người nói về điểm số trung bình trong các kỳ thi quốc tế của Hoa Kỳ, họ không có ý ám chỉ môn đọc hiểu. Thanh thiếu niên Mỹ đạt 12 điểm môn đọc hiểu trong bài thi PISA, đó là một thành tích đáng nể, trên trung bình đối với các nước phát triển. Vẫn còn có một khoảng cách quá lớn giữa trẻ em giàu có và trẻ xuất thân từ những gia đình thu nhập thấp, nhưng mức điểm trên trung bình như vậy thật không tồi.

Ở môn toán, điểm trung bình đặt Hoa Kỳ vào vị trí 26 trên thế giới, dưới Phần Lan (thứ 3), Hàn Quốc (thứ 2) và Ba Lan (thứ 19). Thanh thiếu niên Mỹ cũng đạt điểm kém ở môn khoa học nhưng kết quả môn toán của họ, xét về mặt thống kê, là đáng quan ngại nhất.

Toán học có khả năng dự đoán tương lai của trẻ. Những trẻ học tốt môn toán ở các cấp cao hơn có nhiều khả năng tốt nghiệp đại học hơn, ngay cả khi gạt sang một bên các yếu tố khác như chủng tộc và thu nhập. Họ cũng kiếm được nhiều tiền hơn sau khi tốt nghiệp đại học.

Tại sao toán học lại quan trọng đến vậy? Có một số lý do rất thực tế: Ngày càng có nhiều công việc cần phải biết xác suất, thống kê và hình học. Một lý do khác là toán học không chỉ là toán học.

Toán học là một ngôn ngữ logic. Đó là cách tư duy có kỷ luật và tổ chức. Có một câu trả lời đúng; có những quy tắc cần phải tuân theo. Hơn bất kỳ môn học nào, toán học mang tính chặt chẽ. Thành thạo ngôn ngữ logic giúp hình thành và củng cố những thói quen cấp cao hơn trong tư duy của trẻ: ví dụ như khả năng viện dẫn giúp phát hiện ra các mẫu và dự đoán thông tin. Những loại kỹ năng này làm tăng giá trị trong một thế giới mà thông tin ngày càng rẻ mạt và lộn xộn.

Khó khăn trong toán học tại Mỹ ảnh hưởng ngay cả đến những trẻ em có điều kiện nhất, những trẻ có điều kiện *hơn* cả những bạn đồng trang lứa có chất lượng sống tốt nhất ở hầu hết các nước khác, bao gồm cả Ba Lan. Những trẻ xuất thân từ những gia đình giàu có nhất tại Mỹ đến học tại các ngôi trường có công nghệ cao nhất và được tài trợ nhiều nhất

trên thế giới. Tuy nhiên, những đứa trẻ này, gồm cả những em học tại các trường tư, vẫn xếp thứ 18 ở môn toán so với những đứa trẻ giàu nhất ở các nước khác. Chúng đạt điểm thấp hơn những trẻ em giàu có ở Slovenia, Hungary hay Bồ Đào Nha.

Những đứa trẻ nghèo nhất tại Mỹ thậm chí còn tệ hơn, tương đối mà nói, xếp thứ 27 so với những đứa trẻ nghèo ở các nước phát triển khác, thấp hơn nhiều so các trẻ em thiệt thòi nhất ở Estonia, Phần Lan, Hàn Quốc, Canada, Ba Lan và nhiều quốc gia khác.

Tại sao trẻ em Mỹ không học thứ ngôn ngữ logic phổ quát này?

Khi đi khắp thế giới để phục vụ cuộc nghiên cứu, tôi liên tục bắt gặp câu hỏi đánh đố này. Hết lần này đến lần khác, dữ liệu cho thấy sự thiếu hụt về kiến thức toán học đáng ngạc nhiên tại Hoa Kỳ. Như hiện tượng thiếu chất dinh dưỡng, nó bắt đầu từ khi trẻ còn nhỏ và tích lũy dần theo thời gian. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng học sinh lớp 3 của Mỹ phải trả lời những câu hỏi về toán học dễ hơn, đơn giản hơn những trẻ ở cùng độ tuổi tại những nơi như Hong Kong. Đến khi trẻ em Mỹ tốt nghiệp trung học, chưa đến một nửa số trẻ đó sẵn sàng cho môn toán năm nhất tại đại học. Nếu thành tích quốc tế của Mỹ là một bí ẩn thì môn toán nắm giữ những đầu mối quan trọng nhất.

Sáng hôm đó, ở Wroclaw, Ba Lan, Tom cầm lấy viên phấn từ tay cô giáo. Tất cả những cảm xúc xưa cũ bất ngờ dội về. Cậu bắt đầu viết. Cậu biết mình có thể làm được phép tính này; nó không quá khó và cậu lại còn lớn tuổi hơn hầu hết các bạn trong lớp.

Ngay lúc đó, viên phấn gãy làm đôi. Cậu để các mảnh vụn rơi và tiếp tục viết. Nhưng có vấn đề gì đó; hẳn là cậu đã bỏ lỡ một bước. Dù làm gì, phép toán vẫn không ra kết quả và cậu biết điều đó. Cậu tiếp tục viết. Phía sau cậu, một trong những học sinh Ba Lan cười khúc khích. Tay cậu đổ mồ hôi. Cuối cùng, giáo viên lên tiếng.

"Có ai khác muốn thử không?"

Tom lê bước trở lại chỗ ngồi. Cô không gọi cậu nữa.

Khi học kỳ dần trôi qua, Tom nhận thấy sự khác biệt giữa lớp toán tại Ba Lan và lớp toán tại Pennsylvania. Ở Mỹ, Tom và tất cả các bạn cùng lớp đều sử dụng máy tính. Trong lớp toán ở Ba Lan, học sinh không được phép sử dụng máy tính. Tom thấy các bạn nhẩm tính rất nhanh. Họ học được các thủ thuật và điều đó đã trở nên tự động, do đó, bộ não của họ được giải phóng để thực hiện các phép toán khó hơn. Đó là sự khác biệt giữa việc thông thạo một ngôn ngữ và không.

Sau bài thi đầu tiên, giáo viên công bố điểm số trước cả lớp, vì vậy tất cả mọi người đều có thể biết điểm của nhau. Là một học sinh trao đổi mới, Tom được miễn thi. Nhưng khi nghe thông báo trước lớp, cậu cảm thấy rất khó chịu. Giống như Eric tại Hàn Quốc, cậu không thể tưởng tượng ra việc công khai điểm số như vậy tại các lớp học Mỹ.

Cậu cũng không thể ngờ tới việc tất cả các bạn đều làm kém đến vậy: Ở Ba Lan, điểm thấp nhất luôn là 1 và cao nhất là 5. Sau mỗi lần kiểm tra, cậu chờ xem ai nhận được điểm 5; nhưng không có ai. Dường như không ai ngạc nhiên hay suy sụp. Họ đeo cặp sách lên vai

và chuyển sang các lớp tiếp theo. Cậu cố gắng tưởng tượng xem giả sử không ai nhận được điểm A ở Gettysburg. Họ sẽ bỏ cuộc hay sẽ cố gắng hơn nữa?

Dường như trẻ em Ba Lan đã quen với thất bại. Logic này có vẻ đúng. Nếu gặp khó khăn, thất bại thường xuyên là cách duy nhất để học hỏi. “Thành công”, như Winston Churchill từng nói, “là đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất sự nhiệt tình của bản thân.”

Tom cũng thất bại với môn toán năm lớp 8 ở Pennsylvania. Nhưng cậu không coi thất bại đó là chuyện bình thường hoặc chấp nhận được. Với cậu, đó là nỗi đau riêng. Thất bại ở các trường học Mỹ làm mất tinh thần và được né tránh bằng mọi giá. Trẻ em Mỹ không thể đối mặt với thất bại thường xuyên, hoặc chí ít là theo suy nghĩ của người lớn.

Giống như nhiều người trẻ, bài học mà Tom đã góp nhặt được từ thất bại của mình đó là cậu không giỏi toán và rằng cậu nên tránh xa nó bất cứ khi nào có thể. Cậu không biết ở trường trung học môn toán giữ vai trò trung tâm như thế nào so với triết học và âm nhạc, hai môn mà cậu yêu thích. Cậu không biết rằng toán học rất tuyệt vời và đó là môn học cậu có thể giỏi nếu chăm chỉ, dành thời gian cho nó, kiên trì, giống như cách cậu làm với Chekhov.

Vùng quê Minnesota

Trong ba học sinh Mỹ tôi theo dõi, Eric là người duy nhất không ghét môn toán. Không biết đó có phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay không, nhưng tiểu bang quê hương của Eric, Minnesota là một trong hai bang gần đạt đến thành tích toán học đẳng cấp thế giới. Đại khái là, Minnesota xếp hạng chỉ sau một chục quốc gia khác (bao gồm Canada, Hàn Quốc và Phần Lan) về trình độ toán học; và nó chỉ xếp hạng sau Massachusetts về thành tích cao ở Mỹ.

Khi đến Hàn Quốc, Eric có nền tảng toán học rất chắc chắn. Có rất nhiều lý do cho điều này: Một người có thể đạt được thành tích đó nếu có thời cơ. Nếu cậu được sinh ra sớm hơn, mọi thứ có thể đã chuyển sang một hướng khác.

Năm 1995, các học sinh lớp 4 ở Minnesota đạt điểm dưới mức trung bình trong một kỳ thi toán học quốc tế. Mặc dù đều gồm trẻ em da trắng, thuộc toàn những gia đình trung lưu, nhưng Minnesota không đạt thành tích cao về toán học. Tuy nhiên, khi Eric học mẫu giáo muộn hơn hai năm, bang có các tiêu chuẩn về toán học thông minh hơn và tập trung hơn. Năm cậu 11 tuổi, Minnesota đã cập nhật lại các tiêu chuẩn này, với tầm nhìn hướng tới các tiêu chuẩn quốc tế. Đến khi học trung học, các bạn đồng môn của cậu đều đạt điểm trên mức trung bình so với các tiêu chí của Hoa Kỳ và nhiều nơi trên thế giới. Trong năm 2007, các học sinh tiểu học Minnesota đã đạt được thành tích rất cao trong một kỳ thi quốc tế lớn, ngang với trẻ em Nhật Bản.

Minnesota làm được gì mà các tiểu bang khác không làm được? Câu trả lời không có gì bí ẩn. Minnesota đã khởi đầu với một hệ thống giáo dục tương đối mạnh mẽ. Sau đó, họ thực hiện một vài thay đổi thực tế, kiểu thay đổi thông thường mà bạn sẽ đưa ra nếu tin rằng toán học thực sự rất quan trọng *và* rằng tất cả trẻ em đều có khả năng học toán.

Đầu tiên, các quan chức Minnesota đã nhất trí về một bộ tiêu chuẩn rõ ràng và đúng mục tiêu. Đó là một thay đổi triệt để. Thêm nữa, tiểu bang đã vượt qua vấn đề rõ ràng nhất liên quan đến hệ thống phân mảnh của Mỹ. Cho đến lúc đó, các giáo viên Minnesota – giống như giáo viên trên toàn quốc – đã phải vật lộn với những xung đột về hướng dẫn kiến thức giảng dạy. Nhiều giáo viên Mỹ phải đấu tranh với các tiêu chuẩn của cả khu vực địa phương lẫn bang, vốn thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Sau đó, vào mỗi mùa xuân, giáo viên phải chuẩn bị cho trẻ những bài thi tiêu chuẩn hóa, thường không liên quan gì đến các tiêu chuẩn hoặc chương trình giảng dạy khác. Mắc vào một loạt các nhiệm vụ chéo, họ phải lựa chọn bỏ qua hoặc tuân theo.

Mục đích của giáo dục Mỹ lộn xộn đủ đường. Càng nhìn bao quát, tôi càng rõ hơn về cục diện vấn đề. Không có minh chứng nào tốt hơn cho sự lộn xộn này ngoài sách giáo khoa Mỹ.

Các giáo viên Hoa Kỳ giảng dạy bằng sách giáo khoa được viết ra nhằm làm thỏa mãn hàng ngàn các quận và nhiều bang cùng lúc, như nhà nghiên cứu giáo dục William Schmidt đã thống kê lại chi tiết. Điều đó có nghĩa rằng sách giáo khoa Mỹ có xu hướng quá dài bao gồm (và lặp lại) quá nhiều chủ đề nhưng lại quá hời hợt về nội dung. Trên thế giới, sách giáo khoa toán lớp 8 trung bình dài 225 trang; ở Mỹ, số trang lên đến 800, dài hơn tổng 13 tập cuốn *Element* (tạm dịch: Cơ sở) của Euclid những 300 trang.

Truyền thống kiểm soát ở cấp địa phương của Mỹ là một cơn ác mộng đối với các giáo viên. Họ được quyền chọn giữa các tiêu chuẩn xung đột theo khả năng, lặp lại các môn học dưới sự chỉ đạo của những cuốn sách giáo khoa ngổn ngang, dày sụ. Một số trẻ nhập học vào mỗi mùa thu biết các số nguyên tố là gì trong khi một số khác thì không. Thật khó để dự đoán được chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo.

Kết quả, các học sinh Mỹ đã được học về phân số mỗi năm, từ lớp 1 đến lớp 8, trong khi các bạn cùng trang lứa ở các quốc gia thông minh hơn được học về phân số từ lớp 3 đến lớp 6. Ở đa số các bang, học sinh Mỹ học về số thập phân trong sáu năm, đến khi chúng gần như ngủ gật vì chán ngán, trong khi trẻ em tại các siêu cường về giáo dục được học về số thập phân trong ba năm và tiếp tục học nâng cao lên. Điều đó có nghĩa rằng phần lớn thời gian mà trẻ Mỹ học đi học lại phân số và số thập phân đã không thể được dành để học thêm những điều khác.

Điều đó cũng có nghĩa là các lớp học đại số khác nhau trong cùng trường hoặc quận có các tài liệu rất khác nhau, tùy thuộc vào mẫu sách giáo khoa của giáo viên. Sách giáo khoa hình học rất tùy tiện; hai cuốn sách hình học Mỹ đặt cạnh nhau thường không có điểm gì chung. Điều này phần nào giải thích những chênh lệch về dữ liệu liên quan đến các trường học trên khắp đất nước, những khác biệt lớn và khó giải thích về những gì trẻ tiếp thu được.

Ở Minnesota, có một bộ các tiêu chuẩn rõ ràng và mạch lạc, trong đó tập trung vào một số chủ đề quan trọng mỗi năm, thay vì hàng chục chủ đề, đã giúp khắc phục tổn thất này. Đồng thời, các học sinh tiểu học trên toàn bang bắt đầu dành 60 phút mỗi ngày vào toán học, tăng từ 30 phút vào năm 1995. Có điều gì đó khác nữa cũng đã xảy ra. Các tiêu chuẩn mới không chỉ bao gồm ít chủ đề và mỗi chủ đề ở mức sâu hơn; mà còn đề cập đến các tài

liệu khó hơn. Có lúc Eric có thể cảm thấy chán nản, nhưng vẫn còn chưa đến mức chán ngán như phần lớn các nơi khác tại Hoa Kỳ. Bang của cậu đã cố ý bắt chước mô hình giáo dục toán học dựa theo những thực tế tốt nhất được sử dụng tại các siêu cường giáo dục trên thế giới và đã thành công.

Năm Eric đến Hàn Quốc, các bang còn lại của Hoa Kỳ đang xem xét áp dụng mô hình đào tạo của Minnesota. Bất chấp một lịch sử lâu dài các tiêu chuẩn không mạch lạc và cục bộ thiếu hợp lý, 45 bang nhất trí thông qua các tiêu chuẩn mới, chặt chẽ hơn về những gì trẻ nên biết trong toán học và đọc. Được biết đến như là Cốt lõi chung (Common Core), chúng được dựa theo các tiêu chuẩn tại các siêu cường về giáo dục. Trẻ không còn phải học về phân số trong tám năm; thay vào đó, họ sẽ phân chia môn học trong năm năm, bắt đầu muộn hơn vài năm so với trước đây và đi sâu hơn.

Thậm chí vẫn còn các nhà phê bình tấn công vào Tiêu chuẩn Cốt lõi chung (Common Core Standards) như là một hành động phạm đến chính quyền địa phương; số khác chỉ ra rằng nếu giáo viên không có các kỹ năng toán học hoặc được đào tạo để đưa ra các tiêu chuẩn thực tế thì những tiêu chuẩn này chỉ là thứ giấy bỏ đi. Trớ trêu thay, các quan chức Minnesota đã từ chối áp dụng tiêu chuẩn này, tiếp tục chọn với những gì bang có từ trước. Texas, Virginia và một số bang khác cũng làm điều tương tự. Vẫn cần phải xem liệu Mỹ sẽ áp dụng các tiêu chuẩn này để thực hiện một bước tiến rõ ràng về phía các trường đẳng cấp thế giới hay tụt hậu thêm một lần nữa.

Thú vị thay, giờ học duy nhất Eric thực sự hứng thú ở Hàn Quốc là giờ toán. Cậu chú ý đến nó từ ngày đầu tiên đến trường. Có gì đó rất khác biệt về cách dạy toán ở Hàn Quốc. Một điều gì đó mà thậm chí cả Minnesota cũng đã không phát hiện ra.

Giờ hình học. Bởi cậu đã học hình học và tốt nghiệp trung học, nên Eric hiểu gần hết. Tuy nhiên, cậu nhận thấy các học sinh ở đây học theo cách hoàn toàn khác so với cách mà cậu đã được học.

Giáo viên đan cài lượng giác với tính toán vào bài học, theo sát mạch của bài học đặt trong tổng thể môn học, như thể hình học chỉ là một hệ mặt trời trong một vũ trụ toán học lớn hơn. Cùng với đó, các môn học khác có thể giải quyết vấn đề trong thế giới thực, nơi mà toán học không được phân chia thành các mục rõ ràng. Hình học nghiên cứu về các hình dạng, còn tính toán nghiên cứu về sự thay đổi. Để tìm ra cơ chế hoạt động của các hình dạng khi chúng thay đổi – có lẽ là để thiết kế một trò chơi video – bạn cần cả hai.

Eric như thức tỉnh. Cậu đã không biết hình học lại thú vị đến thế. Mặc dù cậu luôn học tốt toán học ở Minnesota, nhưng đôi khi cậu cảm thấy nhàm chán. Năm lớp 3, cô giáo đã nói với mẹ cậu rằng cậu gặp vấn đề về việc cộng hai chữ số và làm bài kiểm tra rất tệ. Mẹ cậu rất ngạc nhiên; Eric đã học cộng hai chữ số ở nhà trong nhiều năm. Khi bà đề nghị được xem bài kiểm tra, bà thấy Eric đã bỏ trống nhiều câu. Sau đó, bà giơ tờ bài kiểm tra lên và thấy rằng những câu cậu đã trả lời tạo thành một hình. Đó là chữ E. Eric đã chán học toán đến độ bắt đầu khắc chữ cái đầu tiên trong tên cậu vào bài kiểm tra.

Ở Hàn Quốc, giờ toán diễn ra rất nhịp nhàng. Khi giáo viên đặt ra câu hỏi, học sinh trả lời như thể toán học là một ngôn ngữ mà họ nói trôi chảy. Như trong lớp Tom ở Ba Lan,

máy tính không được phép sử dụng, vì vậy bọn trẻ đã học được các thủ thuật nhẩm tính để thao tác rất nhanh với các con số.

Eric đã rất ấn tượng khi thấy các học sinh tương đương học sinh năm 2 trung học hiểu rõ các tài liệu tham khảo để tính toán. Những đứa trẻ này, chưa từng tham gia các lớp nâng cao nào, đang làm toán rất tốt trên cả mức độ của học sinh năm 2 ở quê hương cậu. Nếu Minnesota tìm thấy những đứa trẻ có thể nâng tầm các kỳ vọng cao hơn trong toán học thì Hàn Quốc đã chứng minh rằng mức cao nhất vẫn có thể cao hơn.

Các bang còn lại của nước Mỹ vẫn tiếp tục đánh giá thấp những gì trẻ có thể làm và bản thân những đứa trẻ biết điều đó. Khi Kim, Eric và Tom lớn lên, 4/10 học sinh lớp 4 của Mỹ cho biết toán học quá dễ. Đến lớp 8, 7/10 trẻ đi học tại các trường mà thậm chí không cung cấp các khóa học đại số với kiểu nội dung tiêu chuẩn ở hầu hết các nước khác. Vậy nên, đương nhiên trẻ em Mỹ xếp sau các bạn đồng trang lứa ở các quốc gia có trẻ thông minh; về cơ bản, chúng đang học toán học khắc phục hậu quả, cho dù có cần thiết hay không.

So với các nước trên thế giới, các tiết toán lớp 8 điển hình ở Hoa Kỳ được học nội dung tương đương với lớp 6 hoặc lớp 7; theo tiêu chí đo lường tương tự, các quốc gia có thành tích cao nhất giảng dạy cho học sinh lớp 8 kiến thức toán học của lớp 9.

Tại sao những đứa trẻ Mỹ luôn bị đánh giá thấp về toán học?

Ở trung học, Kim và Tom đều cho rằng môn toán là môn bạn có thể giỏi hoặc không và họ đã không học tốt. Thú vị ở chỗ, đó *không phải* là điều mà hầu hết người Mỹ nói về môn đọc. Đa số mọi người cho rằng, nếu bạn không giỏi đọc, bạn có thể học tốt hơn nếu chăm chỉ và được giảng dạy tốt. Nhưng tại Hoa Kỳ, vì một lý do nào đó, toán học được vin cho khả năng bẩm sinh nhiều hơn, giống như việc cử động các khớp.

Sự thật là những người Mỹ trưởng thành không thích toán học và cũng không nghĩ rằng nó quan trọng đối với các cơ hội trong cuộc đời của trẻ. Trong năm 2009, hầu hết các bậc phụ huynh Mỹ được khảo sát nói rằng việc kết thúc trung học với các kỹ năng đọc hiểu và viết quan trong hơn các kỹ năng về toán học và khoa học. Người ta mặc định môn toán là môn tùy chọn giống như môn vẽ. Một nửa số các phụ huynh cho rằng khoa học và toán học mà bọn trẻ đang học ở trường thế là ổn rồi và họ đã đúng, dựa trên tiêu chuẩn từ một thời đại khác.

Nhưng dựa trên các tiêu chuẩn hiện đại, mọi việc làm phù hợp đều cần kiến thức toán và khoa học trôi chảy. Các nhà thầu cần phải đưa lạm phát vào dự toán chi phí. Các kỹ thuật viên X-quang sử dụng hình học. Trong đời thực, toán học không phải là môn tùy chọn và chưa từng là môn tùy chọn.

Người ta chấp nhận rộng rãi rằng trẻ có thể học ngoại ngữ một cách dễ dàng. Năm 2 hoặc 3 tuổi, bộ não của chúng hấp thụ và tích hợp một ngôn ngữ thứ hai hoặc thứ ba với tốc độ mà một đứa trẻ lên 10 không thể bắt đầu. Tại sao chúng tôi không nhận ra rằng chúng có thể làm điều tương tự với ngôn ngữ toán học?

Chương trình mầm non ở Mỹ thiên về các kỹ năng đọc hiểu, làm thủ công và hành vi

ứng xử – các kỹ năng quan trọng. Tuy nhiên, việc chơi với các con số vẫn được coi là điều cấm kỵ, một môn học mà tốt nhất là để lại năm sau, bất chấp những thiếu hụt về toán học lâu dài và rõ ràng tại Mỹ.

Đã quá lâu rồi, những gì trẻ em Mỹ học liên quan đến vấn đề về cơ hội. Vấn đề của cơ hội đó là coi toán học như một hệ thống phân cấp. Nếu những đứa trẻ như Tom và Kim đã bỏ lỡ một bậc trên bậc thang, chúng có thể sẽ căng thẳng, trượt chân và không bao giờ có được một chỗ đứng vững chắc trên nấc thang tiếp theo. Khóa học đại số đầu tiên của một đứa trẻ có tác động kéo dài, ảnh hưởng đến việc liệu học sinh đó sẽ chọn toán học ở bậc trung học hoặc bỏ hẳn nó.

PHẦN II. MÙA ĐÔNG



Từ Oklahoma đến Phần Lan: Kim ở Pietarsaari.

Chương 5. MỘT NGƯỜI MỸ Ở UTOPIA

Cuối tháng Mười một, hành trình đến trường của Kim đã trở thành một cuộc phiêu lưu lạnh lẽo và tối tăm. Vào buổi sáng đặc biệt này, nhiệt độ chỉ 5°C và gió thổi rất mạnh. Mặt trời 9 giờ mới mọc, đó cũng là lúc Kim vào giờ học đầu tiên. Tiếng bước chân cô nghe rõ mồn một trong không khí tĩnh lặng buốt giá, cô tự hỏi làm sao Pietarsaari lại có thể là nơi cư ngụ của nhiều người. Nằm trên bờ biển phía tây của Phần Lan, thị trấn này cách Helsinki 300 dặm. Làm thế nào mọi người có thể chịu đựng được mùa đông giá lạnh nhường này và coi đó là một ý tưởng tuyệt vời để đến sinh sống ở đây cùng nhau? Pietarsaari có khoảng 20 ngàn dân tại thời điểm đó, nhưng ngoài chiếc xe vẫn hoạt động đều đặn, Kim không thấy ai khác trên suốt đường đi.

Từ xa, cô có thể nhận ra tấm biển sáng đèn, Pietarsaari *Lukio*, trường trung học của cô. Nhìn từ bên ngoài, thậm chí trông nó còn ảm đạm hơn cả trường học ở quê Kim, một thực tế vẫn khiến cô ngạc nhiên sau ba tháng đến đây. Cả hai trường đều thấp, được xây dựng bằng gạch, nhưng trường này được xây dựng bằng gạch trắng nhờ nhờ đã chuyển thành màu xám và cũ kỹ theo năm tháng. Một chiếc đồng hồ lớn đặt bên ngoài bức tường chính của toà nhà đã ngừng quay một thời gian. Điều này không hề có trong tưởng tượng của cô về các trường học ở Phần Lan.

Cô bước vào trong khi các nhóm nam thanh nữ tú đang rôm rả cười nói đi ngang qua, phớt lờ cô. Lối vào của trường nhỏ và gọn gàng. Các danh hiệu được treo dọc đường vào, giống như tại trường trung học Sallisaw, nhưng chúng có vẻ lỗi thời, bám bụi và ngớ ngẩn. Cái mới nhất cũng phải được 10 năm tuổi. Không có đội nào giành được danh hiệu nào trong một thập kỷ qua sao? Cô bước tiếp, cố gắng không để va vào bất cứ ai.

Cô ngồi vào lớp học, mỉm cười bẽn lẽn với các cô gái bên cạnh. Giáo viên người Phần Lan của Kim có vẻ sôi nổi hơn bình thường và nói điều gì đó bằng tiếng Phần Lan mà Kim không hiểu. Sau đó, giáo viên bắt đầu phát các bản sao của một cuốn sách nặng trịch cho tất cả các học sinh. Kim nhận ra trang bìa của cuốn sách. Đó là *Seven Brothers* (tạm dịch: Bảy anh em), một cuốn sách cổ của Phần Lan được xuất bản vào năm 1870.

Ngay cả Kim cũng biết về *Bảy anh em*. Khi cuốn sách ra đời, người Phần Lan là tầng lớp bị trị tại chính đất nước của họ. Họ phải chịu áp bức 5 thế kỷ dưới thời đô hộ của Thụy Điển, sau đó là Nga. *Bảy anh em* ra đời, là cuốn sách lớn đầu tiên viết bằng tiếng Phần Lan. Câu chuyện kể về bảy chàng trai trẻ ồn ào, thô kệch và thường lơ là nhiệm vụ, những người cuối cùng cũng đã tự học để trở thành một biểu tượng đối với người Phần Lan, một đất nước mà thậm chí đến năm 1917 mới tuyên bố độc lập.

Kim cảm thấy hoang mang. Cô biết mình không thể đọc *Bảy anh em*. Nó được viết bằng tiếng Phần Lan cổ, trong khi tiếng Phần Lan hiện đại, cô cũng mù tịt nữa là. Cô sẽ làm gì? Cô hít một hơi thật sâu, cố gắng tỏ ra tò mò một cách bình tĩnh, như thể cô đã mong đợi nó từ rất lâu rồi.

Sau đó, giáo viên xuất hiện bên cạnh cô. Giáo viên của Kim, cô Tiina Stara, có thân hình mảnh mai và đầy cuốn hút với mái tóc nâu xếp lớp và nụ cười tươi. Cô cúi người về phía Kim. Trong tay cô là một cuốn sách khác. Cuốn sách này có bề rộng lớn hơn và mỏng hơn với trang bìa được cán bóng.

"Cuốn này dành cho em đây!", cô nói khẽ bằng tiếng Anh.

Kim nhìn trang bìa. Thay vì cuốn *Bảy anh em*, đó là hình ảnh hoạt hình của bảy chú chó, mặc các trang phục cũ và đang hú. Cô nhẩm dịch tựa sách trong đầu: *Seven Dog Brothers* (Tạm dịch: Bảy anh em nhà chó). Kim cười. Đó là cuốn sách dành cho trẻ em.

"Nó được viết bằng tiếng Phần Lan, nhưng là tiếng Phần Lan giản thể," Stara giải thích. Cô tỏ ra căng thẳng, như thể sợ mình làm tổn thương đến cảm xúc của Kim. "Cô hy vọng em không nghĩ nó trẻ con. Chỉ là cô mong em có thể trải nghiệm câu chuyện này, bởi nó rất quan trọng đối với người Phần Lan. Và cốt truyện tương tự nhau, vì vậy em có thể bắt nhịp thảo luận với cả lớp."

Kim đưa tay cầm cuốn sách, đôi mắt tỏ lòng biết ơn. *"Kiitos,"* (Cảm ơn cô nhiều ạ), cô nói.

Trong ba tháng ở Phần Lan, Kim đã thu thập được kha khá những điểm khác biệt giữa trường ở đây và ở Oklahoma. Rõ ràng nhất là những thứ bị bỏ sót. Không có công nghệ cao, bảng trắng tương tác trong lớp học. Không có nhân viên cảnh sát ở hành lang. Dù vậy, theo

thời gian, cô bé đã bắt đầu nhận thấy những khác biệt quan trọng hơn nữa – những khác biệt mà một người lớn "đến làm khách" sẽ không thể nhìn thấy.

Lấy đứa trẻ ngang ngược, như biệt danh Kim đặt cho cậu ta trong đầu, làm ví dụ. Cậu ta bước vào lớp học ngày hôm đó, nhìn quanh với đôi mắt trong veo như thường lệ. Cậu ta sở hữu mái tóc màu đồng được cắt ngắn, đôi mắt xanh băng giá và một chiếc mũi luôn đỏ hơn phần da còn lại trên mặt. Cậu ta không nói nhiều trong lớp nhưng khi đứng cùng bạn bè, hút thuốc lá bên ngoài, cậu ta có vẻ ồn ào hơn.

Kim đã gặp rất nhiều bạn học như cậu chàng này ở Sallisaw. Bằng cách nào đó, cô không mong đợi nhìn thấy những đứa trẻ ngang ngược ở Phần Lan. Nhưng thực tế thì ngược lại. Hóa ra mọi quốc gia đều có những đứa trẻ ngang ngược. Đó là bài học thứ nhất. Chỉ có một sự khác biệt rất lớn, như cô có thể quan sát thấy và đây là bài học thứ hai. Đứa trẻ ngang ngược Phần Lan có vẻ là một học sinh gương mẫu. Cậu ta đến lớp và chăm chú nghe giảng. Cậu ta ghi chép. Khi cô Stara giao các bài tiểu luận, cậu thường xuyên làm bài, như tất cả các bạn khác trong lớp.

Theo Kim, ở Oklahoma, những đứa trẻ ngang ngược không học được nhiều ở trường. Chúng không quan tâm đến việc học. Ở đây, bọn trẻ đều phàn nàn về trường học và có những giáo viên chúng thích hoặc không thích. Tuy nhiên, hầu hết đều có vẻ nhất trí với một quan niệm về giáo dục ở mức độ nào đó.

Thi thoảng, Kim nhìn chằm chằm cậu chàng nọ và các bạn của cậu ta. Họ chẳng hợp với bất kỳ khung hình nào mà cô đã sử dụng để vẽ ra thế giới. Thật khó để giải thích nhưng có vấn đề gì đó ở đây. Cho dù đó là gì, nó đều khiến mọi người nghiêm túc hơn trong việc học, ngay cả những đứa trẻ không nghe theo lời chỉ dạy của người lớn.

Kim nhận thấy rằng một số giáo viên có vẻ tâm huyết với việc dạy học. Stara, giáo viên tiếng Phần Lan, nhận ra rằng nếu dựa trên ngôn ngữ gốc của Kim thì thật vô lý khi để cô bé học ở một lớp học tiếng Phần Lan cùng với các học sinh trung học Phần Lan. Và cô Stara cũng có khá nhiều học sinh khác cần phải lo lắng, những học sinh thuộc các mức kỹ năng khác nhau. Tuy nhiên, cô vẫn dành thời gian để đưa một cuốn sách thay thế cho Kim – một cách để khiến cô hòa đồng vào lớp, bất chấp mọi yếu tố khác. Cuốn sách thay thế là một giải pháp sáng tạo. Kim đã mở sách ra và bắt đầu đọc về bảy anh em nhà chó.

Truyện kể về hai giáo viên

Giống như giáo viên toán của Kim ở Oklahoma, Stara là một giáo viên kỳ cựu, với gần hai thập kỷ gắn bó với nghề. Cả hai người đều làm công việc được các công đoàn mạnh mẽ bảo vệ và không ai dễ dàng bị sa thải. Mô hình này là quy chuẩn ở hầu hết các nước phát triển trên thế giới: Các công đoàn giáo viên nắm giữ rất nhiều quyền lực và các giáo viên hiếm khi bị đuổi việc ở bất cứ đâu.

Những điểm tương đồng chỉ có vậy. Từ giây phút quyết định chọn học ngành sư phạm ở trường đại học, Stara đã bước chân vào một ngành nghề hoàn toàn khác so với giáo viên của Kim ở Oklahoma. Để trở thành một giáo viên ở Phần Lan, trước tiên, Stara phải được chấp nhận bởi một trong tám trường sư phạm có uy tín. Cô đạt điểm thi cao và điểm học

tập tốt, nhưng cô biết mình vẫn phải đối mặt với tỷ lệ chọi cao.

Vì muốn dạy tiếng Phần Lan, cô đã xin học tại Khoa tiếng Phần Lan thuộc Đại học Jyväskylä. Ngoài việc gửi cho họ điểm tốt nghiệp, cô còn phải đọc bốn cuốn sách trường cung cấp, sau đó tham gia một kỳ thi văn học Phần Lan đặc biệt. Sau đó, cô chờ đợi: chỉ 20% trong số các ứng viên được chấp nhận.

Vào thời điểm đó, tất cả các trường sư phạm của Phần Lan đều có tiêu chuẩn cao, khiến chúng mang tính chọn lọc như Đại học Georgetown hoặc Đại học California, Berkeley ở Mỹ. Ngày nay, các chương trình giáo dục của Phần Lan thậm chí còn chọn lọc hơn trước, tương đương với Đại học MIT. Thật khó để phóng đại những hàm ý tuôn ra từ thực tế này. Chỉ một trong mỗi 20 trường sư phạm có tính chọn lọc cao tại Hoa Kỳ. Còn lại nói chung không có tiêu chuẩn nhập học nào. Nói cách khác, để giáo dục trẻ em tại Mỹ, chúng tôi đã mời bất cứ ai – dù họ được đào tạo chẳng ra gì – đến để thử sức. Thật trớ trêu, điều này có chút giống với việc tuyển dụng người hướng dẫn bay chưa từng hạ cánh thành công một chiếc máy bay nào, sau đó tự hỏi tại sao có nhiều máy bay bị rơi đến vậy.

Sau khi dành nhiều năm "tích lũy" các khoản vay để học đại học, các giáo viên tương lai ở Hoa Kỳ đều phải vượt qua những kỳ thi tiêu chuẩn hóa để có được một vị trí giảng dạy. Nhưng những bài thi này lại không khó và không mấy liên quan chặt chẽ đến hoạt động giảng dạy hiệu quả. Tới đây, thiệt hại đã xảy ra: Mọi người đều cho rằng những người làm nghề giáo dục không phải là những sinh viên giỏi nhất ở trường đại học và nghề nghiệp của họ vì thế sẽ ít được tôn trọng.

Ở Phần Lan, *tất cả* các trường sư phạm đều mang tính chọn lọc. Được chấp nhận vào một trường sư phạm có uy tín chẳng khác nào vào được trường y tại Hoa Kỳ. Sự chặt chẽ bắt đầu ngay từ đầu thay vì nhiều năm sau khi đã vào nghề với các quy trình đánh giá phức tạp được thiết kế để loại bỏ những người tệ nhất và có mục đích làm mất tinh thần người khác.

Một lời khen ngợi công đoàn giáo viên từ cuối những năm 1980 bắt đầu với sự tự hào hoa mỹ rằng: "Một giáo viên Phần Lan nhận được nền giáo dục cấp độ cao nhất trên thế giới." Một tuyên bố như vậy có thể không bao giờ được đưa ra tại Hoa Kỳ, hoặc ở hầu hết các nước khác trên thế giới.

Ví dụ, Na Uy có chung biên giới với Phần Lan và chi mạnh tay hơn cho giáo dục. Nhưng Na Uy không chọn lọc gắt gao những giáo viên tiềm năng và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, giống như ở Hoa Kỳ. Người Na Uy phiền lòng về chất lượng của các trường sư phạm của họ trong nhiều thập kỷ và chính quyền thường xuyên can thiệp vào việc đào tạo giáo viên để cố gắng khiến tình hình tốt đẹp hơn. Như ở nhiều quốc gia, các giáo viên buộc phải được giáo dục và đào tạo trong một thời gian nhất định, bất chấp vấn đề về chất lượng. Do vậy, như một phần kết quả trong đó, trẻ 15 tuổi ở Na Uy đạt thành tích trung bình như trẻ em Hoa Kỳ trong bài thi PISA và ngay cả những đứa trẻ có điều kiện nhất trong số đó cũng đạt kết quả rất kém về toán học so với thanh thiếu niên có điều kiện tương tự trên toàn thế giới.

Trở lại Phần Lan, Stara vẫn nhớ như in ngày cô nhận được lá thư chấp nhận rồi sự

phấn khích của mẹ cô, bà thở phào nhẹ nhõm. Cô không ăn mừng; người Phần Lan quá khiêm tốn để có thể khoe khoang về điều đó, vào thời đó. Nhưng cô cảm thấy mình rất, rất may mắn.

Khi đến học tại Đại học Jyväskylä, Stara dành ba năm đầu tiên nghiên cứu văn học Phần Lan. Cô đọc rất nhiều và đã viết nhiều bài tập 20 trang. Cô phân tích tiểu thuyết, thơ và truyện ngắn – thứ mà các giáo viên thực tập tiếng Anh thường không làm tại Hoa Kỳ. Đồng thời, cô tham gia các khóa học theo yêu cầu khác, bao gồm cả số liệu thống kê. Vào năm thứ tư (hệ sáu năm), cô bắt đầu học chương trình đào tạo giáo viên. Tất cả giáo viên của Phần Lan phải có bằng thạc sĩ, một điểm rất khác so với Hoa Kỳ.

Trong chương trình thạc sĩ, Stara được đào tạo tại một trong những trường công lập tốt nhất trên cả nước. Cô có ba giáo viên cố vấn ở đó và cô đã theo sát lớp học của họ thật chặt chẽ. Khi cô tự dạy lớp của riêng mình, các cố vấn và các bạn cùng lớp của cô sẽ quan sát và ghi chép. Sau đó, cô nhận được phản hồi, một số khá nghiêm khắc, giống như các bác sỹ nội trú bị phê bình tại bệnh viện mà họ thực tập.

Việc đó thật khó khăn nhưng khiến cô rất phấn khởi. Cô biết mình cần phải phấn đấu hơn nữa để thúc đẩy học sinh của mình từ đầu bài học, trước khi cô làm bất cứ điều gì khác. Theo thời gian, cô dần tiến bộ hơn. Khi Stara trống giờ dạy hoặc có tiết dự thính các giáo viên khác, cô cùng với các giáo viên tương lai thiết kế bài học sao cho chúng có thể tích hợp được tài liệu từ mọi môn học bao gồm cả lịch sử và nghệ thuật. Sau đó, họ luyện giảng dạy, tự đóng vai học sinh. Giống như tất cả các giáo viên Phần Lan, Stara cũng phải làm nghiên cứu ban đầu để nhận được bằng, vì vậy cô đã viết một luận án 200 trang về ngôn ngữ giao tiếp của các thanh thiếu niên Phần Lan đã hình văn viết như thế nào.

Bây giờ, hãy cùng "gặp gỡ" giáo viên toán của Kim ở quê nhà, thầy Scott Bethel. Anh đã quyết định trở thành một giáo viên chủ yếu là để có thể trở thành một huấn luyện viên bóng đá. Ở Mỹ, điều này rất có ý nghĩa. Là một học sinh tại trường Trung học Sallisaw, anh từng là một hậu vệ nổi tiếng, đại diện cho toàn bang trong năm 1989. "Cha tôi giảng dạy tại một trường cách đây khoảng 10 dặm," Bethel nói với tôi. "Ông cũng là một huấn luyện viên bóng đá và tôi thì rất giỏi thể thao; tôi muốn trở thành một huấn luyện viên."

Mặc dù Bethel không chú tâm vào toán học ở trung học, nhưng anh luôn giỏi môn toán. Vì vậy, anh đã tìm ra cách tốt nhất để trở thành một huấn luyện viên là trở thành một giáo viên toán. Bethel là một trong những huấn luyện viên từng làm giáo viên trong nhiều năm, một sự kết hợp công việc được coi là kỳ lạ ở Phần Lan và nhiều quốc gia, nơi mà thể thao nằm ngoài trọng tâm giáo dục ở trường.

Chỉ ở Oklahoma, Bethel đã có thể chọn từ hơn 20 chương trình đào tạo giáo viên – gần gấp ba lần so với tổng số các chương trình ở Phần Lan, một đất nước lớn hơn nhiều. Oklahoma, giống như hầu hết các bang, đào tạo nhiều giáo viên hơn mức cần thiết. Tại đa số các trường đại học Mỹ, giáo dục được biết đến là một trong những chuyên ngành dễ nhất. Các khoa sư phạm thường hoan nghênh gần như bất cứ ai tuyên bố rằng mình yêu quý trẻ em. Một khi các sinh viên đến đó học, họ nhận được điểm số cao và việc học hành cũng không quá khó. Ví dụ, thay vì tham gia các lớp học toán nghiêm ngặt hơn dành cho các sinh viên khác, các sinh viên sư phạm có xu hướng theo học các lớp toán đặc biệt được

thiết kế cho những sinh viên không thích toán học.

Bethel đã được đào tạo tại Đại học Northeastern State, giống như hiệu trưởng của Sallisaw và nhiều giáo viên Oklahoma khác, bao gồm cả mẹ của Kim. Trường này đào tạo nhiều giáo viên hơn bất kỳ tổ chức nào khác trong tiểu bang và rất có danh tiếng. Tuy nhiên, nó cũng đạt tỷ lệ chấp nhận 75%, có nghĩa là nó chấp nhận các học sinh có các kỹ năng toán học, đọc và khoa học kém hơn các trường sư phạm ở Phần Lan. Điểm ACT điển hình của trường thấp hơn so với điểm trung bình toàn quốc dành cho những người tham gia thi ACT – một mô hình đúng với nhiều chương trình đào tạo giáo viên trên toàn nước Mỹ.

Để được giảng dạy tại Oklahoma, Bethel không cần bằng thạc sĩ. Anh có thể được tăng lương nếu có bằng này và vì thế nhiều giáo viên Mỹ đã tìm cách sở hữu nó. Nhưng, bởi trường sư phạm điển hình có các tiêu chuẩn thấp và ít sự chặt chẽ nên một bằng cấp cao hơn không có ý nghĩa nhiều. Tại nhiều tiểu bang, giáo viên không được yêu cầu có bằng ở môn họ dạy, vì vậy họ học bằng thạc sĩ giảng dạy thay thế. Nói chung, một bằng thạc sĩ không giúp các giáo viên Mỹ giỏi chuyên môn hơn và một nghiên cứu nào đó cho thấy nó còn khiến việc đó tệ hơn.

Mỗi năm, Hoa Kỳ đã đào tạo ra số giáo viên gấp 2,5 lần nhu cầu thực tế trên khắp cả nước. Sự chênh lệch về nguồn cung và cầu này thể hiện rõ ở các giáo viên tiểu học. Hoa Kỳ không phải là một ngoại lệ về vấn đề này. Sự kết hợp của các tiêu chuẩn thấp và nguồn cung cao cản trở hệ thống giáo dục trên toàn thế giới, hạ thấp toàn bộ ngành sư phạm nói chung. Người Oklahoma ca ngợi giáo viên của họ vì những người này đã phải làm một công việc khó khăn và đúng là như vậy, nhưng họ không khoe khoang về mức độ tốt đẹp của ngành giáo dục nói chung.

Điều thú vị là, Phần Lan từng nổi tiếng với đủ loại trường sư phạm với chất lượng khác nhau, giống như tại Hoa Kỳ. Điều đó giúp lý giải tại sao giai đoạn đầu cải cách ở Phần Lan rất khắc nghiệt, theo các tiêu chí dựa trên trách nhiệm và phân cấp. Hóa ra, Phần Lan cũng có thời khắc "Không đứa trẻ nào bị bỏ lại phía sau", một khẩu hiệu có vẻ quen thuộc với các giáo viên ở Hoa Kỳ và nhiều nước khác ngày nay. Trong thập niên 1970, các giáo viên Phần Lan phải ghi nhật ký những gì họ dạy mỗi giờ. Các thanh tra trường học quốc gia sẽ ghé thăm thường xuyên để chắc chắn rằng đội ngũ giáo viên đang theo sát chương trình giảng dạy tập trung 700 trang đầy mệt mỏi. Chính quyền trung ương phê duyệt sách giáo khoa. Các giáo viên không được phép tự đưa ra quyết định.

Trong khoảng thời gian đó, chính phủ Phần Lan cũng đã có một động thái khác – một điều chưa từng xảy ra ở Mỹ hoặc các nước khác. Phần Lan khởi động lại các trường sư phạm, buộc họ phải chọn lọc và nghiêm ngặt hơn nữa. Như một phần của cuộc cải cách lớn hơn về giáo dục đại học, chính phủ cho ngừng hoạt động các trường nhỏ hơn và chuyển quá trình đào tạo giáo viên sang các trường đại học có danh tiếng hơn. Rõ ràng, đó là một cuộc cải cách táo bạo. Những người phản đối lập luận rằng hệ thống mới quá xa xỉ và sẽ, như một biên tập viên từng cảnh báo, "chặn đường của thế hệ trẻ nông thôn khi họ được thôi thúc tiến đến sự nghiệp giảng dạy". Một số lãnh đạo các trường đại học cũng phản đối, sợ rằng việc tích hợp đào tạo thực hành và chuyên môn có thể pha loãng các tiêu chuẩn học thuật đối với phần còn lại của các khoa và hạ thấp uy tín các tổ chức của họ. Điều thú vị là, những lời phản đối tương tự như vậy cũng được đưa ra ở Hoa Kỳ bất cứ khi nào có ai đó có

ý định khiến hoạt động đào tạo giáo viên mang tính chọn lọc hơn.

Tuy nhiên, Phần Lan vẫn nỗ lực hiện đại hóa và các nhà lãnh đạo của đất nước này đồng ý rằng giáo dục là điều duy nhất có thể cứu đất nước họ khỏi bị tụt hậu. Càng đọc lịch sử và nói chuyện với người Phần Lan am hiểu về nó, tôi càng ngưỡng mộ câu chuyện này hơn. Người Phần Lan cho rằng cách duy nhất để nghiêm túc về giáo dục là lựa chọn các giáo viên có trình độ cao, những người giỏi nhất và thông minh nhất trong mỗi thế hệ và đào tạo họ một cách nghiêm ngặt. Vì vậy, đó là những gì họ đã làm. Đó là một chiến lược hoàn toàn cấp thiết mà ít quốc gia làm được.

Sau đó, vào những năm 1980 và 1990, một điều thật tuyệt vời xảy ra. Phần Lan đã đạt đến một trạng thái hoàn toàn mới, chưa từng diễn ra ở gần như bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Điều đó xảy ra từ từ và một phần do sự tình cờ, nhưng cũng giải thích rất nhiều về thành công của Phần Lan.

Với các tiêu chuẩn cao hơn, mới mẻ hơn và hoạt động đào tạo giáo viên chặt chẽ, tại chỗ, từ trên xuống của Phần Lan, nhiệm vụ “Không có đứa trẻ nào bị bỏ lại phía sau” đã không còn cần thiết. Hơn thế nữa, đó là gánh nặng ngăn các giáo viên và trường học đạt đến một mức độ xuất sắc hơn. Vì vậy, Phần Lan đã bắt đầu tháo gỡ các quy định áp bức nhất, từng phần một, như thể dỡ bỏ dàn giáo khỏi một tác phẩm điêu khắc đẹp.

Chính phủ bãi bỏ hoạt động thanh tra trường học. Họ không cần các hoạt động đó nữa. Giờ đây giáo viên được huấn luyện và đào tạo cẩn thận, họ được tin tưởng sẽ giúp phát triển một chương trình giảng dạy cốt lõi mang tầm quốc gia, tự quản lý lớp học riêng của họ và tự lựa chọn sách giáo khoa riêng. Họ được đào tạo theo cách mà giáo viên cần được đào tạo và được đối xử theo cách giáo viên cần được đối xử.

Trớ trêu thay, trong những năm 1990, một cuộc khủng hoảng kinh tế đã làm tăng tốc quá trình cải cách này. Do cuộc suy thoái sâu, chính quyền địa phương của Phần Lan cần phải cắt giảm chi tiêu. Ngân sách giáo dục phải được cắt giảm từ 15% đến 20%. Cách duy nhất để các quan chức địa phương đồng ý với vấn đề cắt giảm mạnh tay là đổi lại chúng phải mang lại lợi nhuận. Vì vậy, các nhà lãnh đạo quốc gia đã đồng ý để các cơ quan địa phương tự quyết, nhiều hơn hầu hết các quốc gia khác đã từng dám làm. Công cuộc giải phóng này hoạt động nhờ những thay đổi đã diễn ra trước đó. Đến lúc đó, người Phần Lan đã thiết kế ra một hệ thống giáo dục vững chắc với đội ngũ giáo viên được đào tạo chất lượng và các tiêu chuẩn tương đối rõ ràng (và cao). Một khi hệ thống này đi vào hoạt động, việc kiểm tra và cân bằng trách nhiệm không còn cần thiết. Lãnh đạo và giáo viên nhà trường được thoải mái lập giáo án dạy và học, đưa ra các thử nghiệm tại trường của họ để tìm ra những gì mang lại hiệu quả và tạo nên một hệ thống sáng tạo hơn bất kỳ hệ thống nào mà một cơ quan trung ương có thể thực hiện được.

Thời điểm Kim tới Phần Lan, các giáo viên, hiệu trưởng, các lãnh đạo công đoàn cũng như các chính trị gia đang thường xuyên làm việc với nhau để tiếp tục cải thiện hệ thống giáo dục. Có lúc họ bất đồng, nhưng sự hợp tác vẫn diễn ra bình thường với mức độ tin tưởng cao. Chính phủ đã tiến hành bài thi tiêu chuẩn hóa với các mẫu sinh viên tùy chọn – để chắc chắn rằng trường học đang làm tốt. Nhưng không cần phải kiểm tra tất cả các sinh viên theo từng năm.

Tại sao công cuộc cải cách đó chưa từng xảy ra ở Hoa Kỳ hay ở các nước khác? Có ai từng thử chưa?

Dưới đây là số ít các ví dụ nhưng lại có khả năng tiết lộ nhiều điều. Với cương vị ủy viên giáo dục mới ở Rhode Island, một trong những hành động đầu tiên của Deborah Gist là nâng cao mức điểm thi tối thiểu đối với các giáo viên tương lai vào năm 2009. Vào thời điểm đó, Rhode Island có điểm đầu vào thấp hơn so với hầu hết các tiểu bang trên toàn quốc. Cô có quyền thay đổi điều này đơn phương và cô đã làm vậy, thực hiện một bước tiến nhỏ theo hướng của Phần Lan bằng cách yêu cầu các giáo viên mới đạt điểm số cao hơn đáng kể trong các kỳ thi SAT, ACT và Praxis, một bài kiểm tra cấp giấy chứng nhận hành nghề giáo viên.

Ngay lập tức, các nhà phê bình cho rằng cô có hành động hơi thái quá, đưa ra những lời phê bình cáo buộc tương tự đã từng được sử dụng để chống lại các nhà cải cách ở Phần Lan trong những năm 1970. Một số cho rằng một giáo viên phải chật vật ở trường thực sự là một giáo viên tốt, bởi họ có thể quan tâm đến các học sinh đang học kém đi. Đó là một logic ngoan cố. Một bác sĩ thực hiện hỏng nhiều ca phẫu thuật sẽ là một giáo sư trường y lý tưởng?

Những người khác lo lắng rằng tiêu chuẩn cao hơn sẽ dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên. Tuy nhiên, các trường sư phạm tại Rhode Island đã đào tạo ra 1.000 giáo viên mỗi năm, cao hơn mức cần thiết mà hệ thống trường học cần khoảng 800 người. Nguồn cung, đặc biệt là giáo viên tiểu học, không phải là một vấn đề. Hơn nữa, theo quy luật về bản chất con người: Một khi việc trở thành giáo viên khó khăn hơn, nó cũng trở nên hấp dẫn hơn. Nhiều người muốn làm điều đó và sẽ có ít giáo viên bỏ nghề.

Bởi đây là nước Mỹ, một quốc gia đa dạng với lịch sử lâu dài về nạn phân biệt chủng tộc ở các trường cao đẳng, các trường công và mọi tổ chức khác, nên những nỗ lực của Gist cũng được coi là một hiện tượng phân biệt đối xử. Các nhà lãnh đạo giáo dục đại học cảnh báo rằng những tiêu chuẩn mới có thể ngăn chặn các học sinh dân tộc thiểu số, những người có khả năng đạt điểm số thấp hơn trong các bài thi, trở thành giáo viên.

Thực tế, đội ngũ giáo viên ở Rhode Island có quá nhiều người da trắng và quá nhiều nữ; cụ thể, để trở nên đa dạng hơn và thu hút nhiều người hơn, người ta có thể cho rằng nghề nghiệp này cần nhiều uy tín hơn, chứ không phải là ít đi. Hơn thế nữa, các học sinh dân tộc thiểu số cần giáo viên có học vấn cao *và* đa dạng. Thật thú vị khi nhận ra rằng các tiêu chuẩn cao hơn không được coi là một vụ đầu tư vào sinh viên; thay vào đó, đầu tiên và quan trọng nhất, chúng được nhìn nhận như là một mối đe dọa đối với giáo viên.

Các chương trình đào tạo giáo viên của Rhode Island đã tạo ra số giáo viên cao gấp *năm lần* số giáo viên được các trường công lập của tiểu bang Rhode Island thực sự tuyển dụng mỗi năm. Tổ chức duy nhất được hưởng lợi từ hệ thống này dường như chính là bản thân các trường đại học, nhưng lãnh đạo của các trường vẫn còn phàn nàn rằng họ sẽ mất quá nhiều sinh viên nếu các tiêu chuẩn được nâng lên mức cao hơn. Họ bày tỏ mối quan tâm này với các phóng viên báo chí và các phóng viên đã trích dẫn chúng một cách thẳng thắn.

“Chúng sẽ tước đi quá nhiều sinh viên,” Roger G. Eldridge Jr, quyền hiệu trưởng của Trường Sư phạm thuộc Đại học Rhode Island chia sẻ với tạp chí *Providence*. Đó là một lựa chọn từ ngữ tiết lộ nhiều điều: Tước đi thường có nghĩa là lấy mất một quyền hợp pháp thiêng liêng nào đó khỏi một người, chẳng hạn như quyền bầu cử. Và điều đó nằm ở thực tế số người nhìn nhận về công việc này; hầu hết người Mỹ cho biết sư phạm là một công việc khó khăn và quan trọng, nhưng nhiều người trong số họ, bao gồm cả giáo viên và các giáo sư giảng dạy, dường như không tin việc giảng dạy đòi hỏi nhiều trí tuệ.

Theo tiêu chuẩn mới cao hơn, khoảng 85% sinh viên sư phạm của Đại học Rhode Island sẽ không đạt tiêu chuẩn, hiệu trưởng trường đưa ra lời đe dọa. Xuất phát từ ngôi trường đã cung cấp nhiều giáo viên Rhode Island hơn bất kỳ trường nào khác, đây là một con số thống kê đáng kinh ngạc, một con số đáng lẽ nên là nỗi xấu hổ nhưng thực tế lại không.

Tuy nhiên, Gist đã không dừng bước. “Tôi tự tin tuyệt đối rằng các giáo viên tương lai ở Rhode Island có khả năng đạt được thành tích này,” cô nói. Cô đã đồng ý thực hiện từng bước nâng cấp điểm số trong vòng hai năm và cho phép các trường đại học xin miễn trừ cho các ứng viên tiềm năng, những người có điểm số chưa đạt. Ba năm sau, cô không nhận được bất kỳ yêu cầu miễn trừ nào. Tại Đại học Rhode Island, tỷ lệ sinh viên sư phạm là người dân tộc thiểu số tăng từ 8,8% lên 9,24%, còn lại về cơ bản không có gì thay đổi, bất chấp các dự đoán trái chiều.

Đối với một số giáo viên Hoa Kỳ, việc thiếu các hoạt động đào tạo nghiêm túc không quan trọng; họ bù lại những gì không biết bằng cách học hỏi trong công việc. Một số may mắn có một hiệu trưởng hoặc người cố vấn giỏi. Tuy nhiên, đối với các giáo viên khác, khoảng cách giáo dục này trở thành vấn đề. Khi có nhiều học sinh khao khát được học đại học và nền kinh tế ngày càng tưởng thưởng tư duy bậc cao, ngày càng có nhiều giáo viên được yêu cầu dạy các tài liệu mà họ chưa từng được học.

Ngoài những hiệu quả thiết thực, các tiêu chuẩn thấp mang đến một thông điệp gây nản lòng: Ở Mỹ, Na Uy và nhiều nước khác, chúng tôi không mong đợi giáo viên là những người giỏi nhất và sáng dạ nhất trong thế hệ của họ. Chúng tôi nói với họ như vậy theo hàng ngàn cách khác nhau và thông điệp bắt đầu từ ngày họ nhập học đại học.

Khi Kim bắt đầu học mẫu giáo năm 2000, 10/10 giáo viên Phần Lan đã tốt nghiệp với vị trí một trong ba người giỏi nhất lớp từ trung học; chỉ 2/10 giáo viên Hoa Kỳ làm được điều đó. Tại một số trường đại học Mỹ, sinh viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn học tập cao hơn để chơi bóng đá thay vì trở thành giáo viên.

Ở Phần Lan, chính phủ trả tiền học phí cho Stara và tất cả các bạn sinh viên đại học. Ở Oklahoma, học phí của Bethel cũng được chi trả nhưng khoản tiền miễn phí này đến từ một mạng lưới an toàn được tổng hợp một cách thận trọng từ các khoản trợ cấp Pell, học bổng thể thao từng phần và các nhà tài trợ của Ấn Độ. Sinh viên thường không thể kiểm soát được việc này.

Trong năm thứ hai tại Đại học Northeastern State, Bethel xin học tại trường sư phạm trực thuộc đại học này. Đây cũng là một cơ hội khác để trường chọn được những cá nhân

giỏi nhất và sáng dạ nhất trở thành giáo viên. Nhưng phải thừa nhận rằng, Bethel chỉ cần đạt điểm trung bình khoảng 2,5 hoặc cao hơn (thang điểm 4). Anh sẽ cần điểm trung bình cao hơn để trở thành một chuyên viên đo mắt tại cùng trường đại học này ngày nay. Để trở thành giáo viên, anh cũng phải có ít nhất bằng C tiếng Anh năm nhất và bằng C về thuyết trình hoặc chứng chỉ tham gia một lớp học về các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp.

Anh cũng cần đủ 19 điểm ACT, một bài thi chuẩn hóa như SAT. Điểm trung bình toàn quốc ACT lúc đó là 20,6 điểm. Điều này có nghĩa là: Thành tích *dưới mức trung bình* trên cả nước trong bài thi liên quan đến những gì bạn đã học trong suốt thời trung học có thể được chấp nhận nếu bạn khao khát cống hiến cuộc đời mình cho giáo dục.

Tại trường sư phạm, Bethel đã phát hiện ra rằng anh không cần phải học chuyên ngành toán học để trở thành một giáo viên toán trung học. Vì vậy, anh cũng không cần đăng ký chuyên ngành này. Trên toàn quốc, chưa đến một nửa số giáo viên toán trung học Mỹ học chuyên ngành toán học. Gần 1/3 thậm chí không học chuyên ngành toán học.

Hoạt động đào tạo giáo viên giảng dạy trẻ nhỏ còn tệ hơn. “Phần lớn các sinh viên sư phạm tiểu học sợ môn toán,” một chủ nhiệm khoa toán tại Oklahoma trả lời một cuộc khảo sát năm 2005. “Sự sợ hãi này sẽ được chuyển sang học sinh của họ.” Một người khác ước tính khoảng 1/4 giáo viên tốt nghiệp đại học rất ghét môn toán và không mấy hứng thú với việc cải thiện nó.

Bethel thích toán học, nhưng mục tiêu chính của anh là trở thành một huấn luyện viên, vì vậy anh học chuyên ngành giáo dục thể chất và học thêm toán học. Khi anh tham gia bài thi cần thiết để trở thành giáo viên toán trung học ở Oklahoma, anh đã vượt qua nó một cách dễ dàng. Hầu hết các tài liệu ở mức độ lớp 10 hoặc 11 và anh thấy không khó. Tuy nhiên, nếu không được, anh sẽ thi lại cho đến khi qua.

Trên toàn nước Mỹ, những giáo viên toán học tương lai không thực sự biết nhiều về toán bằng giáo viên tại các siêu cường về giáo dục. Mức thâm hụt này đặc biệt đáng báo động ở các giáo viên toán học bậc trung học. Khi các nhà nghiên cứu kiểm tra hàng ngàn giáo viên ở 16 quốc gia, họ thấy rằng giáo viên dạy toán trung học tương lai tại Hoa Kỳ có kiến thức về toán tương đương với các đồng nghiệp ở Thái Lan và Oman. Họ không đạt được năng lực toán học như các giáo viên thực tập tại Đài Loan, Singapore hoặc Ba Lan. Vì vậy, chẳng ngạc nhiên khi học sinh của chính các giáo viên này sẽ đạt thành tích không mấy ấn tượng sau này. Thực tế là bạn không thể dạy những gì bạn không biết.

Tuy nhiên, phần giá trị nhất trong bất kỳ chương trình đào tạo giáo viên nào là thực tế giảng dạy hay thời gian giáo viên trực tiếp lên lớp. Không có cách chuẩn bị nào tốt cho việc giảng dạy hơn là trải nghiệm thực tế – nhận được những phản hồi có ý nghĩa để tiến bộ hơn sau này.

Ở Oklahoma, thời gian thực tập giảng dạy của Bethel đã giúp anh học cách soạn giáo án và quản lý lớp học. Nhưng kỳ thực tập đó chỉ kéo dài 12 tuần, so với cả năm ở Phần Lan. Trên toàn nước Mỹ, các trường sư phạm chỉ cần trung bình 12 đến 15 tuần thực tập và chất lượng rất khác nhau tùy thuộc vào từng nơi.

Khi Bethel được đứng lớp lần đầu tiên, anh nhanh chóng nhận ra rằng nếu chọn chuyên ngành chính là toán học thì sẽ có được rất nhiều lợi thế. Nhưng chuyện đã rồi. Đến khi dạy Kim, lương của anh vào khoảng 49.000 đô-la mỗi năm, cao hơn mức lương trung bình ở Sallisaw nhưng vẫn chưa phải là nhiều. Phía bên kia Đại Tây Dương, Stara đã kiếm được khoảng 67.000 đô-la mỗi năm. Các chi phí sinh hoạt ở Phần Lan cao hơn, nhưng lương của Stara như vậy vẫn cao. Và tiền lương của cô gần với mức các sinh viên đại học khác kiếm được sau khi tốt nghiệp ở Phần Lan hơn tình trạng của Bethel ở Hoa Kỳ.

Điều thú vị là, trên toàn thế giới, những khoản tiền lương lớn chưa chắc đã tương xứng với sự xuất sắc. Những giáo viên được trả lương cao nhất thế giới sống ở Tây Ban Nha, nơi các thanh thiếu niên có thành tích toán học, đọc và khoa học tệ hơn học sinh tại Hoa Kỳ. Nhưng trong các hệ thống giáo dục đại học, mức tiền lương cao hơn có thể giúp các trường thu hút những giáo viên được đào tạo tốt hơn và giữ chân họ qua thời gian, thiết lập một nền tảng về tính chuyên nghiệp và uy tín. Trong tất cả các siêu cường giáo dục, thu nhập của giáo viên gần bằng mức lương của các chuyên gia đào tạo đại học khác ở Mỹ. Trong nhiều trường hợp, lớp học ở những nơi này cũng đông hơn các lớp học tại Hoa Kỳ, khiến chi phí tiền lương dễ quản lý hơn.

Khi lắng nghe các giáo viên như Stara và Bethel nói chuyện, tôi bắt đầu ngờ rằng tất cả những khác biệt này có liên quan đến nhau theo thứ tự thời gian. Bởi ở Phần Lan và các siêu cường giáo dục khác, các trường sư phạm chỉ lựa chọn những ứng viên hàng đầu để có thể dành ít thời gian cho những hướng dẫn lý thuyết và tập trung vào thực hành đào tạo nghiêm ngặt; bởi các giáo viên lên lớp với kiến thức chắc chắn và kỷ luật cao nên ít có người bỏ việc vì chán nản hơn so với các giáo viên Hoa Kỳ. Mô hình về sự chuẩn bị và ổn định này đã cung cấp cho các giáo viên những lớp học có quy mô lớn hơn và trả lương hậu hĩnh hơn cho họ, vì chi phí cho việc thay đổi giáo viên thấp hơn nhiều so với các nước khác. Và, bởi họ đã được đào tạo và hỗ trợ bài bản, nên họ có sẵn các công cụ để giúp học sinh học hỏi tích lũy kiến thức theo từng năm và cuối cùng là vượt qua kỳ thi tốt nghiệp trung học đầy khó khăn.

Những tác động về tiềm thức cũng rất mạnh mẽ. Như một học sinh trao đổi từ Mỹ đến Phần Lan giải thích trong cuộc khảo sát được tiến hành cho cuốn sách này:

"Trường học ở Phần Lan của tôi đặc biệt khuyến khích lòng tôn trọng từ học sinh. Một phần là do sự khắc nghiệt trong hành trình trở thành nhà giáo của các giáo viên. Học sinh đều ý thức rõ về những gian khó mà giáo viên của họ phải trải qua để đạt được thành quả như ngày nay."

Tuy nhiên, cũng phải nói, nếu sự chặt chẽ không được thực hiện ngay từ đầu thì kỳ thi tốt nghiệp trung học khó khăn nhất thế giới sẽ không thành công. Các nhiệm vụ liên bang cũng chỉ đến vậy. Nếu không có các giáo viên và hiệu trưởng có trình độ cao, được đào tạo tốt, thì bọn trẻ chỉ có thể tiến bộ ở mức giới hạn mỗi năm. Khi nhận ra rằng mình có thể không bao giờ vượt qua được kỳ thi tốt nghiệp, nhiều em sẽ mất tập trung và bỏ cuộc.

Càng dành nhiều thời gian ở Phần Lan, tôi càng lo lắng rằng những cuộc cải cách trên khắp Hoa Kỳ sẽ đạt được những kết quả ngược lại. Chúng tôi đã cố gắng lội ngược dòng để thiết kế một nền văn hóa giảng dạy thành tích cao thông qua những đánh giá thành tích rất

phức tạp và phân tích dữ liệu kiểu bổ sung giá trị. Việc trao thưởng, đào tạo và loại bỏ các giáo viên dựa trên hiệu suất của họ có thể hiệu quả, nhưng cách tiếp cận đó cho rằng các giáo viên kém nhất sẽ được thay thế bằng những người giỏi hơn nhiều và rằng các giáo viên bình thường sẽ tiến bộ đủ để cung cấp cho học sinh loại hình giáo dục mà chúng xứng đáng được nhận. Tuy nhiên, không có nhiều bằng chứng cho thấy một trong hai kịch bản này được thực thi.

Chuyện gì xảy ra nếu vấn đề chính không nằm ở động lực? Liệu có thể biến 3,6 triệu giáo viên Hoa Kỳ thành các nhà giáo dục tài năng nếu điểm SAT của họ dưới mức trung bình?

Bài học từ Phần Lan cho thấy: Nếu muốn có sự tôn nghiêm trong giáo dục, chúng ta cần phải bắt đầu từ đầu. Dựa trên ví dụ về Phần Lan, các trường sư phạm chỉ được phép nhận sinh viên với điểm SAT thuộc 1/3 nhóm dẫn đầu trên toàn quốc, nếu họ muốn được chính phủ tài trợ và công nhận. Bởi 1,6 triệu giáo viên Mỹ sẽ nghỉ hưu từ năm 2011 đến năm 2021, nên một cuộc cách mạng trong việc tuyển dụng và đào tạo có thể thay đổi toàn bộ ngành trong một thời gian ngắn.

Tại sao điều này không xảy ra ở bất cứ bang nào tại Mỹ? Do các trường đại học đào tạo ra nhiều giáo viên hơn mức cần thiết nên chưa chắc sự thay đổi này sẽ dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên. Không những thế, nó còn có thể làm gia tăng sự phổ biến của ngành nghề này bằng cách khiến ngành sư phạm trở nên có uy tín hơn.

Đó là một tầm nhìn kỳ lạ. Với thời gian và năng lượng lớn mà các nhà giáo dục Mỹ dành để ca ngợi Phần Lan, không hiểu sao họ lại không cương quyết với bước tiến đầu tiên rõ ràng nhất này. Đây chẳng khác nào việc chúng ta muốn có uy tín của các giáo viên Phần Lan nhưng không thực sự tin rằng các giáo viên của chúng ta cần được đào tạo ở mức cao hơn và thay đổi để đạt được uy tín đó. Tại sao Phần Lan lại làm được như vậy?

“Tại sao các bạn lại lo lắng nhiều đến vậy?”

Sau giờ học, Kim có một khoảng thời gian rảnh rỗi – khoảng 70 phút không có lịch trình gì. Đây là một sự khác biệt lớn nữa mà cô nhận thấy ở Phần Lan: khoảng thời gian rảnh rỗi xa xỉ kéo dài đến khó hiểu. Cô bé để mình thảnh thơi, tin rằng mình sẽ tìm được cách trải qua khoảng thời gian dài này. Cô thậm chí còn ra khỏi trường vào giữa buổi và đi đến một quán cà phê trong làng cho tới khi giờ học tiếp theo bắt đầu. Thật khó để có thể quen với việc đó.

Ngay cả ở ngoài trường học, cô cũng cảm nhận được sự tự do này. Cô đã tự tìm được đường đến siêu thị Halpa-Halli bằng xe đạp, dù cô đã mất khá nhiều thời gian để tìm được những nguyên liệu đơn giản nhất nhưng cô chủ nhà có vẻ không bận tâm đến việc cô có về nhà đúng giờ hay không.

Các bậc cha mẹ ở đây nhìn chung có vẻ tin tưởng con cái mình hơn. Kim thường xuyên thấy những đứa trẻ khoảng 8 tuổi đi bộ đến trường một mình, mặc những chiếc áo phản quang để người khác có thể phát hiện ra chúng trong bóng tối. Tại trường, cô hiếm khi thấy các bậc cha mẹ xuất hiện ở đây vì bất cứ lý do nào. Học sinh được đối xử giống như người

lớn. Không có các buổi họp phụ huynh được lên lịch thường xuyên. Nếu giáo viên có vấn đề gì với học sinh, họ thường chỉ gặp gỡ những học sinh đó.

Kim đi lang thang vào sảnh trung tâm của trường và ngồi trên dãy ghế màu xám. Ở Mỹ, cô có năm phút nghỉ giải lao giữa các giờ học và bất cứ ai bị bắt gặp đi lang thang sẽ gặp rắc rối. Một phần tâm trí cô vẫn ở Oklahoma, chờ ai đó ập đến bắt cô.

Hai bạn nữ cùng lớp ngồi xuống bên cạnh cô. Họ chào Kim và bắt đầu than vãn về việc đã học hành vất vả để chuẩn bị cho các kỳ thi giữa kỳ năm ngoái ra sao, rồi phiền não về những gì họ sắp phải trải qua.

Nhìn chung, các học sinh Phần Lan có chút tách biệt như những cuốn sách hướng dẫn đã cho Kim biết về họ. Nhưng Kim mới đến và chưa đủ thân thiết để có thể hỏi họ về Phần Lan. Vì vậy, cô thu hết can đảm và thốt ra câu hỏi chực chờ trong đầu.

“Tại sao các bạn lại lo lắng nhiều đến vậy?”

Hai bạn nữ nhìn cô, bối rối. Kim cảm thấy má cô nóng lên nhưng vẫn tiếp tục nói.

“Ý tớ là, sao các bạn phải học hành chăm chỉ ở trường?”

Cô nhận thấy đó là một câu hỏi khó trả lời nhưng vẫn phải hỏi. Những cô gái này tham gia tiệc tùng, nhắn tin trong lớp học và vẽ nguệch ngoạc trong vở. Nói cách khác, họ rất bình thường. Tuy nhiên, họ có vẻ tôn trọng các quy tắc cơ bản ở trường và Kim muốn biết lý do tại sao.

Lúc này, cả hai bạn nữ đều có vẻ bối rối, như thể Kim vừa hỏi họ tại sao họ lại thở nhiều đến vậy.

“Đó là trường học,” một trong hai bạn cuối cùng cũng cất tiếng. “Làm sao tớ có thể tốt nghiệp, vào đại học và có được một công việc tốt nếu không học hành chăm chỉ?”

Kim gật đầu. Đó là một câu hỏi trả lời cho câu hỏi của cô. Có lẽ bí ẩn thực sự không phải ở lý do tại sao trẻ em Phần Lan lo lắng nhiều, mà là tại sao nhiều bạn cùng lớp ở Oklahoma của cô lại quá vô lo vô nghĩ. Suy cho cùng, đối với họ, được học hành tử tế là cách duy nhất để vào trường đại học và có được một công việc tốt. Tuy nhiên, ở đâu đó trên cuộc hành trình, nhiều người trong số họ đã không còn tin vào điều này. Họ không học hành nghiêm túc. Có thể vì họ lười biếng, hư hỏng theo một cách nào đó, hoặc có thể vì, theo kinh nghiệm của họ, giáo dục không có gì đáng phải bận tâm.

“Sao bạn có thể không biết điều đó?”

Nghe những ấn tượng của Kim về Phần Lan, tôi tự hỏi liệu cô có phải là người duy nhất có những suy nghĩ đó. Kim đến từ một bang có thành tích tương đối thấp và không ai có thể nói rằng cô dành tình cảm ưu ái cho quê hương mình. Những học sinh trao đổi khác có nhận ra những khác biệt như vậy không? Thế còn một thiếu niên đi theo hành trình ngược lại thì sao? Một cô gái Phần Lan đến Hoa Kỳ sẽ thấy hình ảnh phản chiếu của những

gì Kim thấy ở Phần Lan chứ?

Mỗi năm, có khoảng 400 trẻ em Phần Lan đến Hoa Kỳ để sinh sống và học tập. Hầu hết chúng đều đến vùng Trung Tây và học tại các trường trung học công lập. Để tìm ra những gì chúng nghĩ về mảnh đất đang tạm dừng chân, tôi bắt đầu để mắt đến chúng. Tôi đã không mất nhiều thời gian để tìm ra một khuôn mẫu cảm nhận chung.

Elina từ Helsinki đến Hoa Kỳ năm 16 tuổi, cùng độ tuổi với Kim. Cô đã mơ được đến các trường trung học Mỹ mà cô thấy trên truyền hình và trong các bộ phim: vũ hội, những cuộc tranh luận sôi nổi và tất cả những nghi lễ lấp lánh của thanh thiếu niên Mỹ.

Ở Mỹ, Elina sống với một gia đình bản xứ tại Colon, Michigan, một thị trấn nhỏ ngay ngoài Kalamazoo. Lúc đầu, thế giới mới của Elina chẳng khác ở nhà. Colon là mảnh đất hiền hòa với rất nhiều hồ nước và cây xanh. Khoảng 95% dân số ở đây là người da trắng và người bản địa. Vào cuối tuần, những người đàn ông khoác những chiếc áo to sụ và chơi hockey trên mặt hồ đã đóng băng. Mùa đông ở đây kéo dài suốt năm, giống như ở nhà cô.

Tuy nhiên, Elina sớm phát hiện ra một điểm khác biệt quan trọng ở nước Mỹ. Ở nhà, cô là một học sinh giỏi. Ở Colon, cô là một học sinh đặc biệt. Cô tham gia lớp Đại số II, lớp toán cao nhất tại trường trung học Colon. Trong bài kiểm tra đầu tiên, cô nhận được 105 điểm. Cho đến tận lúc đó, Elina nghĩ rằng về khía cạnh toán học, cô không thể nhận được điểm số 105.

Cô nghĩ mình có thể gặp khó khăn hơn trong lớp học lịch sử Hoa Kỳ, bởi cô không phải là người Mỹ. May mắn thay, cô giáo đã cung cấp cho cả lớp một tài liệu hướng dẫn ôn thi với mọi câu hỏi và cả câu trả lời trong đó. Vào ngày thi, Elina làm hết được mọi câu bởi cô đã được xem trước đáp án.

Khi giáo viên trả bài, Elina không ngạc nhiên khi nhận được một điểm A. Tuy nhiên, cô rất ngạc nhiên khi thấy một số bạn học nhận được điểm C. Một trong số họ nhìn cô và cười nhạo về sự vô lý.

“Sao bạn có thể biết điều này?”

“Sao bạn có thể *không* biết điều đó?” Elina trả lời.

Tôi đã nói chuyện với Elina sau khi cô rời Hoa Kỳ và về học đại học tại Phần Lan. Cô đang lên kế hoạch làm việc trong ngành đối ngoại trong tương lai. Giờ đây, khi thời gian trôi đi, tôi tự hỏi liệu cô biết gì về những thứ thấy được ở trường học Mỹ. Liệu các học sinh ở đây có được nuông chiều quá? Hoặc ngược lại, quá dốt? Quá đa dạng? Họ có mất tinh thần trước các kỳ thi tiêu chuẩn?

Elina không nghĩ như vậy. Theo cô, học sinh Mỹ không học nhiều bởi họ không cần phải học nhiều. “Học sinh Mỹ không bị đặt dưới các yêu cầu quá cao,” cô nói. Ở Phần Lan, kỳ thi của cô thường liên quan đến các bài luận, buộc cô phải viết ba hoặc bốn trang giấy trả lời. “Bạn phải học thực sự. Bạn phải chứng minh rằng bạn biết điều đó,” Elina nói với tôi về các trường trung học Phần Lan. Tại Hoa Kỳ, bài thi của cô chỉ là các câu hỏi trắc nghiệm.

"Giống như tôi đang ở trường tiểu học tại Phần Lan", cô nói. Cô nhớ trong giờ lịch sử, cả lớp dành một khoảng thời gian để làm các áp phích. "Chúng tôi làm rất nhiều áp phích. Tôi nhớ đã nói với các bạn của mình rằng, 'các bạn đang đùa đấy à? Một tấm áp phích nữa sao?'" Việc đó giống như môn nghệ thuật và thủ công, thậm chí nó còn nhàm chán hơn thế. Giáo viên cung cấp cho học sinh thông tin về tấm áp phích và học sinh phải cắt và dán để có được sản phẩm cuối. Áp phích của mọi người đều liên quan đến cùng một chủ đề.

Elina cho rằng, các kỳ vọng lẫn kết quả ở Mỹ đều thấp. Cô tham gia một lớp học báo chí ở Colon, được giảng dạy bởi một giáo viên xuất sắc. Ai nấy đều yêu mến giáo viên này, Elina cũng vậy. Có lẽ quan trọng hơn là họ tôn trọng cô ấy và biết họ đang học lớp của cô ấy. Tuy nhiên, khi giáo viên giao cho mọi người tập viết 10 bài báo trước khi kết thúc học kỳ, chỉ mình Elina hoàn thành 10 bài báo ngắn. Giáo viên rất khó chịu nhưng những học sinh khác vẫn qua môn này.

Những quan sát của Elina và Kim không mấy khái quát. Chúng ta có thể làm gì với ký ức của một vài đứa trẻ? Nhưng đáng chú ý là có rất nhiều trẻ từ tất cả các vùng khác nhau đều đồng ý với điểm này. Trong một cuộc khảo sát lớn mang tầm quốc gia, hơn một nửa số học sinh trung học Mỹ lặp lại ấn tượng của Elina, cho biết giờ học lịch sử của họ thường xuyên quá dễ. Chưa đến một nửa số học sinh đó nói rằng họ lúc nào cũng theo học được gì đó trong các giờ toán.

Trong cuộc khảo sát của riêng tôi với 202 học sinh trao đổi nước ngoài, đa số cho biết các lớp học của họ tại Mỹ dễ hơn các lớp học ở nước ngoài. (Trong số các học sinh quốc tế đến Mỹ, 9/10 người cho biết các lớp học ở Mỹ dễ hơn; trong số các thanh thiếu niên Mỹ ra nước ngoài, 7/10 người đồng ý với nhận định đó.) Trường học ở Mỹ cung cấp rất nhiều kiến thức về đa dạng các lĩnh vực, nhưng nói chung, việc học không khó.

Trong suốt cả năm sống tại Mỹ, Elina đã xem một chương trình sân khấu Broadway và đến thăm Đài tưởng niệm Washington. Cô quan sát các thành tích và tập trung vào cuốn Niên giám. Cô đã rất ngạc nhiên trước việc các bậc phụ huynh tham gia vào trường học nhiều hơn phụ huynh ở quê hương cô. Tuy nhiên, tại lớp học ở trường trung học Colon – một ngôi trường *không* gặp vấn nạn đói nghèo, tình trạng nhập cư, các băng nhóm, hoặc bất kỳ tai họa nào, thường xuyên được cho là nguyên nhân dẫn đến mức trung bình về thành tích giáo dục – cô không học được nhiều, theo cách nhìn truyền thống.

Cuộc sống sau giờ học

Khi ngày học của Kim ở Phần Lan kết thúc vào lúc 3 giờ 45 phút, trời đã tối. Tất cả các bạn cùng lớp của cô bắt đầu tỏa ra các hướng khác nhau. Một vài chàng trai trong một ban nhạc đường phố tiếp tục gặp gỡ nhau để luyện tập; một vài cô gái đi mua sắm. Không ai mà Kim biết đến các lớp dạy kèm sau giờ học. Trẻ em Phần Lan có nhiều thời gian rảnh rỗi hơn trẻ em Mỹ và không chỉ bởi họ làm ít bài tập về nhà hơn. Họ cũng ít chơi thể thao hoặc làm thêm sau giờ học.

Khi Kim đi qua phố để đến thư viện, cô cảm thấy rất phấn chấn. Cô dành rất nhiều thời gian rảnh để thả hồn với những suy nghĩ của bản thân. Nhưng, cô đã phát hiện ra rằng cuộc sống ở Phần Lan rất khác. Những khác biệt này rất nhỏ: sự tự do, những bữa ăn được nấu

bằng thực phẩm tươi sống trong quán ăn tự phục vụ, sự văn minh. Thật khó để mô tả ảnh hưởng tổng thể của những khác biệt này, nhưng vào những ngày như ngày hôm nay, nó mang lại cảm giác như thể cô vừa được tạm tha vì có hành vi ứng xử đẹp.

Phố xá nơi đây có vẻ sạch và đẹp hơn Sallisaw, giống như chúng được xây dựng để dành cho người dân thay vì xe cộ. Khi bước dọc theo vỉa hè lát gạch, cô đi ngang qua một nhóm những chàng trai với mái tóc kiểu Justin Bieber, những cô gái xăm mình và những tấm biển quảng cáo cho bikini H&M. Mọi người ở đây ăn mặc chỉn chu hơn ở quê cô, nhưng không mấy khác biệt. Gần như không có nhiều phụ nữ tóc vàng, dáng cao như cô mong đợi.

Trường học của Kim được bao quanh bởi những ngôi nhà bằng gỗ thế kỷ XVIII và XIX, được xây dựng sau khi người Nga bị đuổi cổ khỏi làng những năm 1700. Kim vẫn nhớ trong đầu một danh sách những khó khăn thử thách mà Pietarsaari đã phải chịu đựng, từ nạn đói đến chế độ cộng sản; nó bị thiêu rụi bởi Hải quân Anh và bị oanh tạc bằng bom bởi các đồng minh trong Thế chiến II. Vùng đất huyền bí của những đứa trẻ thông minh và Nokia, vùng đất mà cô đã được đọc thấy từ ngày còn ở Mỹ, giờ đã thay da đổi thịt.

Sau khi rời thư viện, cô đi bộ đến Nemo, một trong những quán cà phê yêu thích của cô. Cô đến đây thường xuyên đến mức chủ quán người Anh đã đặt biệt danh cho cô là *Oklahoma*. Cô gọi đồ uống bằng tiếng Phần Lan, tự hào vì đã chịu đựng được thứ cà phê đặc sánh của người Phần Lan.

Cuối cùng, đã đến lúc trở về căn hộ. Cô không còn lý do gì nữa. Mặc dù yêu mến cô Susanne, người chủ nhà hoạt bát, nhưng phải về nhà là một trong những việc làm căng thẳng trong ngày của Kim. Dù cô đã nỗ lực hết sức, nhưng cặp song sinh 5 tuổi không mấy dành thiện cảm cho cô. Chúng tỏ ra khó chịu khi người mẹ đơn thân của chúng quan tâm đến kẻ lạ này. Chúng tưởng (và thi thoảng Kim cũng tưởng) mẹ chúng đã đưa một cô con gái khác về nhà.

Khi cô Susanne không ở trong phòng, hai nhóc sinh đôi gọi cô là *tyhmä* và cười phá lên. Kim tra từ điển và thấy nó có nghĩa là “kẻ ngốc”. Khi cô học bài, hai đứa lén lại gần và đập tay vào bàn phím máy tính xách tay của cô. Số 4 trên bàn phím gần đây đã bị liệt. Tuy nhiên, phòng ngủ của cô gấp đôi phòng chơi của chúng, do đó, Kim cảm thấy cô không có quyền buộc chúng phải ra ngoài.

Hai nhóc đang thử cô như cái cách bọn trẻ nhỏ vẫn làm. Kim không có em gái và cô không biết cách xử lý hai nhóc sinh đôi. Chúng không phải là con cô cũng không phải là em cô. Cô tự trách mình. Mỗi ngày, cô đều tự nhủ sẽ tìm ra cách để khiến chúng yêu quý cô.

Ở nhiều góc độ, Phần Lan là một cuộc phiêu lưu như kỳ vọng của cô. Cô nhảy vào một chiếc hố trên mặt hồ nước đóng băng, một truyền thống điên rồ ăn khớp với lịch sử tự hào của người Phần Lan về sức chịu đựng. Cô thèm khát sự ấm áp của căn phòng tắm hơi nhỏ của gia đình chủ nhà sau khi đi bộ về trong gió lạnh. Cô thậm chí còn kết bạn và không phải tất cả bọn họ đều là học sinh trao đổi.

Vấn đề lớn nhất của cô bé là bản thân cô không thay đổi nhiều, không hề. Cô luôn cảm

thấy không chắc chắn về bản thân. Ở trường, cô hiếm khi nói chuyện. Ở nhà, cô háo hức làm hài lòng gia đình chủ nhà, cô kiềm chế sự thất vọng của mình. Sau đó, cô rời nhà trong im lặng và ủ rũ khi sự thất vọng ngày một lớn lên trong cô. Kim tự nhủ đó là rào cản về ngôn ngữ: thật khó để tìm thấy tiếng nói của mình khi cô không biết tiếng. Nhưng cảm giác này có vẻ quen thuộc đến mức khó chịu, như một thói quen xấu mà cô mang theo đến tận đây. Đêm, cô nằm thao thức trên chiếc giường ở Pietarsaari, tự hỏi rằng liệu cảm giác này có bám riết lấy mình ở mọi nơi?



Vị khách du lịch tình cờ:
Jenny đi học tại Busan, Hàn Quốc

Chương 6.ĐỘNG LỰC

Eric lên chuyến xe buýt đông đúc số 80 trở về nhà sau giờ học ngày thứ Bảy. Các cô gái đã ngừng la hét; tiếng tăm về Eric đã dịu lại. Còn cậu dành rất nhiều thời gian để đọc *Ulysses*.

"Xin chào. Cậu thế nào?"

Eric ngước lên. Một cô gái Hàn Quốc với mái tóc đen dài được đẩy ngược ra sau bằng một chiếc bờm đang nói chuyện với cậu bằng giọng Mỹ gần như hoàn hảo. Cậu từng nhìn thấy cô ở quanh Namsan và biết cô sống cùng khu chung cư với mình, nhưng kể từ khi rời Minnesota, cậu đã không còn được nghe thứ âm thanh quen thuộc của quê hương qua giọng nói của bất kỳ ai.

"Tớ là Jenny". Cô sở hữu giọng nói trầm ấm và biểu cảm nghiêm túc. Nhưng sau đó cô mỉm cười và cả khuôn mặt cô như bừng lên. Eric mỉm cười lại.

"Sao cậu nói tiếng Anh tốt vậy?"

Jenny cười. Cô giải thích rằng dù được sinh ra tại Hàn Quốc nhưng cô đã sống ở Lincoln, Nebraska và Pittsburgh, Pennsylvania khi còn bé. Cô dành phần lớn thời thơ ấu ở trung tâm của nước Mỹ, đó là lý do sao cô lại có giọng nói như vậy. Nhưng sau đó, khi lên trung học, gia đình cô đã chuyển về Hàn Quốc. Trở lại trường học Hàn Quốc là một trong những trải nghiệm đau thương với cô và cô hiểu cảm giác hiện tại của Eric.

"Hồi đầu, tớ không thể tin vào mắt mình khi thấy các bạn ngủ trong lớp học," cô nói. "Nhưng ngay sau đó, tớ lại là một trong số đó."

Tại Hoa Kỳ, Jenny học bơi và chơi cello. Cô đi ngủ vào lúc 10 giờ mỗi đêm. Nhưng tại Hàn Quốc, cô bắt đầu đến hagwon giống như tất cả những đứa trẻ khác. Cô luôn học quá nửa đêm. Jenny là bằng chứng sống về những gì các nhà nghiên cứu gọi là hiệu ứng đồng mức: Cách cư xử của cô khác nhau tùy thuộc vào những bạn học ngồi cạnh cô.

"Chỉ là tớ cảm thấy cần phải học ở đây bởi tất cả bạn bè tớ đều làm vậy."

Eric nói chuyện với Jenny dọc đường trở về căn hộ, cảm thấy nhẹ nhõm khi có một người Hàn Quốc thực sự hiểu cảm giác của mình. Cậu không chỉ là một cậu bé da trắng không biết gì; thực tế, khách quan mà nói, trường trung học Hàn Quốc thật khủng khiếp. Họ đều nhất trí vậy.

"Trẻ ở cả hai nước đều như nhau," Jenny nói. "Chúng đều là những đứa trẻ! Sự khác biệt nằm ở cách chúng được nuôi dạy. Trẻ em Hàn Quốc sở hữu một thứ, chính là động lực đã thúc đẩy họ."

Và bây giờ Jenny cũng đã có nó. Cô xếp thứ 27 vào năm lớp 11 ở Namsan, trong khoảng 400 học sinh. Cô có những tiêu chuẩn khác nhau về bản thân hơn hồi còn ở Hoa Kỳ. "Tớ cần phải làm tốt hơn. Tớ hối hận vì đã không chăm chỉ trong năm nay," cô nói với Eric, vừa nói vừa lắc đầu. Trông cô thật sự đau khổ, dù đã làm rất tốt. Eric lúng túng. Việc đó giống như nghe thấy một vận động viên bơi lội Olympic phàn nàn về việc không có sức khỏe. Jenny thuộc nhóm 10% đứng đầu lớp, nhưng thế vẫn chưa đủ. Eric bắt đầu nhận ra có một hội chứng liên quan đến việc học hành đã nối kết các học sinh Hàn Quốc lại. Họ tự sỉ vả bản thân để có động lực cố gắng hơn nữa.

Giống như hầu hết những người Hàn Quốc mà cậu đã gặp, Jenny đặt ra những kỳ vọng cao cho bản thân và đánh giá thấp thành tích của mình. Cậu tự hỏi liệu cô có đánh giá mình khác đi nếu đang sống tại Hoa Kỳ không. Những tiêu chuẩn của cô sẽ chạm đất thay vì lên trời như ở Hàn Quốc không? Động lực chỉ mang tính tương đối phải không?

Jenny sắp tìm ra rồi. Cô nói với Eric, năm sau, cô phải trở lại Hoa Kỳ, lần này là đến New Jersey. Gia đình cô lại chuyển nơi ở một lần nữa.

"Tớ không muốn xa bạn bè," Jenny nói, khuôn mặt lộ rõ vẻ buồn bã. "Nhưng họ cứ luôn nói rằng họ rất ghen tị với tớ – đến mức tớ phải rời đi."

Khả năng làm cha mẹ theo khu vực địa lý

Trở lại căn hộ, Eric lấy chiếc Nintendo DS mang từ Mỹ ra. Con trai cô chủ nhà phát hiện ra chiếc máy này giống của một người bạn cũ và bắt đầu hỏi Eric nhiều điều về các trò chơi mà cậu từng chơi.

"Em có muốn chơi không?" Eric đề nghị.

"Không, không, em không thể," cậu bé vừa nói vừa lắc đầu.

Trước đây, mẹ cậu đã bắt được anh trai cậu bé đang chơi Nintendo DS mà chưa làm

bài tập về nhà, vì vậy cô ấy đã tịch thu chiếc máy của con. Thế vẫn chưa đủ; để nghiêm trị, cô cũng tịch thu luôn chiếc Nintendo DS của cậu em. Cậu em hoàn toàn vô tội, nhưng vài tháng sau đó, cậu vẫn chưa được mẹ trả lại chiếc máy. Cậu cũng không biết liệu có nhận lại được nó hay không nữa.

Khi nói đến giáo dục, cô chủ nhà của Eric có những thông điệp rất rõ ràng. Cô nấu bữa tối cho bọn trẻ hàng ngày và nỗ lực để các con có mọi cơ hội sẵn có; nhưng về vấn đề học tập, cô không khoan nhượng. Chúng phải học hành chăm chỉ, đặc biệt là tiếng Anh và trường học phải là ưu tiên hàng đầu.

Cô không ép Eric phải tuân thủ các tiêu chuẩn tương tự, vì vậy cậu thở phào. Cô đối xử với cậu kiên nhẫn và tốt bụng, như thể đối với đứa cháu trai đáng yêu của mình. Tuy nhiên, cô lại đối xử với các con mình như một huấn luyện viên đối với các tuyển thủ ngôi sao. Công việc của cô là đào tạo bọn trẻ, khuyến khích chúng và thậm chí rèn giũa chúng vào khuôn khổ thay vì bảo vệ chúng khỏi những áp lực căng thẳng.

Từ những gì Eric được chứng kiến, cô chủ nhà không có gì bất thường. Hầu hết các bậc cha mẹ Hàn Quốc đều coi mình là các huấn luyện viên, trong khi phụ huynh Mỹ có xu hướng hành động giống như đội trưởng đội cổ vũ. Cậu có thể nói rằng trẻ em Hàn Quốc bị đặt lên vai những kỳ vọng rất cao từ khi còn rất bé và các kỳ vọng ấy không chỉ xuất phát từ trường học.

Nuôi dạy con cái, giống như động lực và sự kiên trì, thường bị bỏ qua trong các nghiên cứu quốc tế về giáo dục. Bằng chứng sẵn có thường tập trung vào một quốc gia duy nhất và nó thường cho thấy những gì bạn kỳ vọng: các gia đình càng quan tâm đến con cái thì con cái họ càng sở hữu điểm số cao hơn, điểm thi tốt hơn, hành vi được cải thiện hơn và thành tích học tập tốt hơn. Sự đa dạng này đúng ở mọi lứa tuổi, chủng tộc và mức thu nhập tại Hoa Kỳ. Nhưng kiểu quan tâm nào của các bậc cha mẹ là quan trọng nhất? Và các bậc cha mẹ khác nhau có làm những điều khác nhau ở các nước khác nhau không?

Andreas Schleicher, nhà khoa học PISA, sau kỳ thi PISA đầu tiên vào năm 2000 nhận thấy rằng môi trường gia đình của một học sinh ảnh hưởng rất lớn đến điểm số của chúng. Vì muốn biết thêm về mức độ ảnh hưởng của gia đình đến giáo dục, anh đã cố gắng khiến mọi nước tham gia đều đồng ý khảo sát các bậc cha mẹ. Quan chức các nước có vẻ hứng thú nhiều hơn đến những đòn bẩy truyền thống dành cho chính sách giáo dục, tuy nhiên: các yếu tố ở trường như chi phí và quy mô lớp học mà họ cảm thấy có thể kiểm soát, thì thật đáng tiếc, các bậc cha mẹ cũng có thể kiểm soát chúng nếu họ biết những gì là quan trọng.

Đến năm 2009, Schleicher và các đồng nghiệp của anh đã cố gắng thuyết phục 13 quốc gia và vùng lãnh thổ đưa các bậc cha mẹ vào kỳ thi PISA. 5.000 học sinh đã tham gia bài thi PISA mang về nhà một phiếu khảo sát đặc biệt dành cho cha mẹ mình. Phiếu khảo sát này đặt ra câu hỏi về việc họ đã nuôi con và tham gia vào quá trình giáo dục con, bắt đầu từ khi chúng còn rất bé như thế nào.

Những mô hình lạ lẫm xuất hiện. Ví dụ, trung bình các bậc cha mẹ tình nguyện tham gia vào các hoạt động ngoại khóa của con trẻ có con sở hữu thành tích *kém ở* khả năng đọc hiểu hơn các bậc cha mẹ không tự nguyện, thậm chí sau khi đã xét đến các yếu tố khác như

nền tảng kinh tế xã hội. Ở mười ba nơi khác nhau, chỉ hai nơi (Đan Mạch và New Zealand) có hành động tình nguyện của cha mẹ tác động tích cực đến điểm số của con cái nói chung nhưng ảnh hưởng này rất nhỏ.

Sao điều này lại có thể xảy ra? Chẳng phải các bậc phụ huynh tình nguyện tham gia vào hoạt động của nhà trường sẽ cho con cái họ thấy họ coi trọng giáo dục đến nhường nào sao? Chẳng phải những bà mẹ tham gia vào từng chuyến tham quan và những ông bố mang cam đến các trận đấu bóng đá là những người có nhiều thời gian và năng lượng nhất dành cho con cái của mình sao? Dữ liệu thật khó hiểu. Tuy nhiên, một nghiên cứu khác tại Hoa Kỳ cũng hé lộ động lực khó hiểu tương tự: việc tình nguyện tham gia vào các sự kiện và hoạt động tại trường của con trẻ dường như có ảnh hưởng rất thấp đến lượng kiến thức mà trẻ học được.

Một cách giải thích khác nữa có thể là các bậc cha mẹ tình nguyện năng động hơn *chủ yếu bởi* con cái họ đều có thành tích ở trường kém hơn con cái của các bậc cha mẹ *không* tham gia hoặc quan tâm đến các hoạt động đó. Và cũng có thể, các bậc cha mẹ tình nguyện đang dành khoảng thời hạn chế của họ để huấn luyện đội bóng rổ hoặc quản lý các chương trình đấu giá ở trường *thay vì* giúp con cái mình học.

Ngược lại, cuộc khảo sát cho thấy những nỗ lực nuôi dạy con cái kiểu khác mang lại kết quả khả quan hơn. Khi trẻ còn nhỏ, các bậc cha mẹ đọc sách cho chúng nghe mỗi ngày hoặc gần như thế sẽ giúp các con đạt được thành tích cao hơn ở môn đọc, trên toàn thế giới, đến năm chúng 15 tuổi. Điều đó nghe như một lời nói sáo rỗng: Đọc cho trẻ nghe. Chỉ đơn giản vậy thôi sao?

Đúng vậy. Suy cho cùng, việc đọc sách cho bọn trẻ có nghĩa là gì? Nếu làm tốt, nó có nghĩa là dạy cho chúng về thế giới – chia sẻ từng câu chuyện về những nơi xa xôi, về những ngọn núi lửa đang bốc khói, những cậu bé đi ngủ với cái bụng đói meo. Nó có nghĩa là đặt ra cho chúng những câu hỏi về cuốn sách, những câu hỏi khuyến khích chúng tư duy. Nó có nghĩa là gửi một tín hiệu đến trẻ về tầm quan trọng của việc không chỉ đọc mà còn phải học hỏi về mọi điều mới mẻ.

Khi trẻ lớn lên, sự can thiệp cần thiết của cha mẹ sẽ khác đi nhưng vẫn còn nhiều liên hệ. Trên toàn thế giới, các bậc cha mẹ thảo luận về phim ảnh, sách vở và các vấn đề hiện tại với con cái sẽ có những đứa con vào tuổi thanh thiếu niên có thành tích đọc tốt hơn. Một lần nữa, về cơ bản, những bậc phụ huynh để bọn trẻ tham gia vào cuộc trò chuyện về những điều lớn lao hơn bản thân chúng chính là đang dạy trẻ cách trở thành những người trưởng thành biết suy nghĩ. Không giống như hoạt động tình nguyện ở trường học, những nỗ lực kiểu này của phụ huynh sẽ mang lại những kết quả rõ ràng và thuyết phục, dù họ ở các quốc gia khác nhau với mức thu nhập khác nhau.

Trên thực tế, những đứa trẻ có cha mẹ cùng chia sẻ về các vấn đề xã hội phức tạp với chúng không chỉ có điểm số PISA cao hơn mà còn ưa thích việc đọc hơn. Ở New Zealand và Đức, các học sinh được cha mẹ thường xuyên đọc cho nghe trong những năm tiểu học sẽ phát triển tư duy trước những đứa trẻ không được cha mẹ đọc cho nghe khoảng 1,5 năm.

Nghiên cứu từ Mỹ đã lặp lại những phát hiện này. Những gì cha mẹ làm với con trẻ ở

nhà dường như quan trọng hơn nhiều so với những gì họ làm cho các con ở trường. Nhưng phát hiện này đi ngược lại với những lý tưởng về việc nuôi dạy con cái ở Mỹ trong thời kỳ hiện đại.

Nói một cách khuôn sáo thì việc nuôi dạy con cái ở Mỹ vào đầu thế kỷ XXI có thể được gọi là Khả năng làm cha mẹ kiểu Hiệp hội Giáo viên Cha mẹ (PTA). Các bậc cha mẹ PTA quan tâm sâu sắc đến con cái và tham gia quá nhiều vào các hoạt động ở trường. Họ biết giáo dục rất quan trọng và thực tế, các bậc cha mẹ Mỹ có xu hướng có học vấn cao hơn các bậc cha mẹ ở hầu hết các nước phát triển.

Đồng thời, nhiều bậc phụ huynh Mỹ lo lắng về việc đánh cắp tuổi thơ của con thông qua việc học hành có tổ chức. Họ cho rằng trẻ em học tốt nhất thông qua việc vừa học vừa chơi – và rằng tâm lý của một đứa trẻ rất nhạy cảm. Trong những năm 1980 và 1990, các bậc cha mẹ và giáo viên Mỹ đã bị hoang mang bởi những tuyên bố rằng lòng tự trọng của trẻ cần được bảo vệ khỏi những xô bồ cạnh tranh để thành công sau này. Dù thiếu bằng chứng, nhưng phong trào lòng tự trọng vẫn giữ vị trí không nhỏ tại Hoa Kỳ trong khi lại chẳng mấy quan trọng ở hầu hết các nước trên thế giới. Vì vậy, có thể hiểu rằng các bậc cha mẹ PTA đầu tư công sức vào khía cạnh phi học thuật ở trường con em họ theo học. Họ bán bánh tại các quầy bán đồ nướng và giúp huấn luyện cả đội bóng đá. Họ dành tặng những lời khen ngợi và danh hiệu cho con trẻ với tốc độ mà các nước khác không thể sánh kịp. Họ là nguồn động lực của con em họ, là người hâm mộ số một của chúng.

Đây là những bậc cha mẹ mà hiệu trưởng trường Kim theo học ở Oklahoma ca ngợi về sự nhiệt tình. Và các bậc cha mẹ PTA chắc chắn có đóng góp rất lớn cho văn hóa, ngân sách và ý thức cộng đồng của nhà trường. Tuy nhiên, không có nhiều bằng chứng cho thấy các bậc cha mẹ PTA có thể giúp con cái của họ trở thành những người biết tư duy phản biện. Ở các quốc gia mà phụ huynh tham gia vào khảo sát PISA, các bậc cha mẹ PTA có các con trong đội tuổi thanh thiếu niên đạt thành tích đọc kém hơn.

Cha mẹ Hàn Quốc, ngược lại, là các huấn luyện viên của con em họ. Các bậc cha mẹ huấn luyện viên cũng rất quan tâm đến con cái. Tuy nhiên, họ dành rất ít thời gian tham dự các sự kiện của trường và dành nhiều thời gian hơn cho việc dạy dỗ con cái ở nhà: đọc sách cho chúng, dạy chúng học bảng cửu chương trong khi nấu bữa tối và khuyến khích chúng cố gắng hơn nữa. Họ coi giáo dục là một trong những công việc của họ.

Kiểu nuôi dạy con cái như thế này rất điển hình ở nhiều nước châu Á – và trong cộng đồng phụ huynh nhập cư người châu Á sống tại Hoa Kỳ. Trái ngược với khuôn mẫu, mô hình nuôi dạy này không nhất thiết phải khiến bọn trẻ trở nên đáng thương. Thực tế, bọn trẻ được nuôi dạy theo cách này ở Mỹ không chỉ có thành tích tốt hơn mà còn thực sự thích đọc và học nhiều hơn các bạn đồng trang lứa người da trắng của chúng *ở cùng* trường.

Trong khi các bậc cha mẹ Mỹ đánh số lên miếng bìa và dạy con đó là ngày thứ mấy thì các bậc cha mẹ châu Á dạy con họ phép cộng trước cả khi chúng biết đọc. Họ đã làm việc này một cách có hệ thống và trực tiếp, vậy đó, từ 6 giờ 30 phút đến 7 giờ mỗi tối, bằng một cuốn vở bài tập – không phải tự nhiên như cách nhiều phụ huynh Mỹ thích con cái của họ học toán.

Các bậc phụ huynh huấn luyện viên không nhất thiết phải kiếm được nhiều tiền hoặc có học vấn cao. Họ cũng không nhất thiết phải là người châu Á. Nghiên cứu cho thấy rằng các bậc cha mẹ Âu – Mỹ, những người hành động giống như huấn luyện viên, cũng có xu hướng nuôi dạy con thông minh hơn.

Cha mẹ đọc cho con cái nghe hàng tuần hoặc hàng ngày khi chúng còn bé có thể nuôi dạy con đạt được điểm PISA cao hơn các bạn khác (năm chúng 15 tuổi) 25 điểm. Điểm số đó tương đương với cả năm học. Các bậc cha mẹ giàu có hơn có điều kiện đọc cho con cái của họ ở khắp nơi, nhưng ngay cả giữa các gia đình thuộc nhóm kinh tế xã hội tương tự, các bậc cha mẹ đọc cho con nghe từ bé có xu hướng nuôi dạy được những đứa con có khả năng đạt điểm PISA cao hơn mức trung bình 14 điểm. Ngược lại, các bậc cha mẹ thường xuyên cùng con chơi các đồ chơi bảng chữ cái không thấy những lợi ích tương tự.

Và ít nhất một dạng quan tâm của các bậc cha mẹ có ảnh hưởng rất lớn nhưng không hề liên quan đến trẻ hoặc trường học: Nếu các bậc cha mẹ thích đọc sách thì con cái của họ có nhiều khả năng cũng thích đọc sách. Mô hình này lan nhanh ở nhiều quốc gia với các gia đình có mức độ thu nhập khác nhau. Trẻ em có thể thấy thứ gì mà cha mẹ chúng coi trọng và điều đó quan trọng hơn nhiều so với những gì cha mẹ chúng nói.

Chỉ 4/10 các bậc cha mẹ trong cuộc khảo sát PISA thường xuyên đọc ở nhà để giải trí. Chuyện gì xảy ra nếu họ biết rằng thói quen giải trí này của mình sẽ giúp con cái giỏi đọc hơn? Chuyện gì xảy ra nếu trường học, thay vì cầu xin các bậc phụ huynh dành thời gian, tài trợ bánh nướng xốp hoặc tiền bạc, sách vở, thì cho họ mượn tạp chí và sách đồng thời kêu gọi họ tự đọc rồi kể lại những gì họ đã đọc để giúp đỡ con cái? Có bằng chứng cho thấy phụ huynh nào cũng có thể làm những điều có ích giúp con cái họ đọc và tư duy tốt hơn, khi họ biết những điều này có ý nghĩa như thế nào.

Cha mẹ có thể làm tốt việc hướng dẫn và thực hành học tập, cũng như họ có thể làm với thể thao và rất nhiều bậc cha mẹ Hàn Quốc đã làm được như vậy. Điều ngược lại cũng rất đúng. Sự nâng đỡ, quan tâm thái quá trong thời thơ ấu có thể tạo ra những người trẻ chưa từng quen với thất bại hay phát triển khả năng tự kiểm soát hoặc chịu đựng – những trải nghiệm quan trọng hoặc thậm chí quan trọng hơn cả các kỹ năng học tập.

Nhiều bậc phụ huynh người Mỹ đối xử với con em họ theo kiểu "nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa". Theo một nghiên cứu của Đại học Columbia, 85% các bậc phụ huynh Mỹ được khảo sát nói rằng họ nghĩ họ cần khen ngợi trí thông minh của con em mình để đảm bảo với chúng rằng chúng thông minh. Tuy nhiên, nghiên cứu thực tế về lời khen ngợi cho ta sự thật ngược lại. Những lời khen ngợi quá mơ hồ, không thành thật hoặc quá lời sẽ có xu hướng khuyến khích trẻ thôi không nỗ lực hoặc thử sức với những điều mới mẻ. Chúng gây ảnh hưởng tiêu cực, trái với ý định của cha mẹ.

Để mang lại hiệu quả, những lời khen ngợi phải cụ thể, xác thực và hạn chế. Tuy nhiên văn hóa tương tự về việc thúc đẩy lòng tự trọng đã lan ra nhiều lớp học tại Mỹ. Trong cuộc khảo sát các học sinh trao đổi được thực hiện cho cuốn sách này, khoảng một nửa số học sinh Mỹ và học sinh quốc tế cho rằng giáo viên toán ở Mỹ thường khen ngợi thành tích của học sinh nhiều hơn các đồng nghiệp nước ngoài. (Chưa đến 10% nói rằng các giáo viên quốc tế của họ thường khen ngợi nhiều hơn.) Phát hiện này thật trớ trêu, dựa trên việc các

học sinh Mỹ đạt thành tích dưới trung bình trong khu vực các nước phát triển. Nó cũng cho thấy rằng dù có chủ ý đến thế nào đi chăng nữa, những lời khen ngợi của các giáo viên Mỹ không phải lúc nào cũng luôn cụ thể, xác thực và hạn chế.

Người lớn không phải cứ nghiêm khắc hoặc tách biệt mới có thể giúp trẻ học. Trên thực tế, chỉ cần hỏi con bạn về ngày học của chúng và thể hiện sự quan tâm chân thành đến những gì chúng đang học cũng có thể mang lại tác dụng tương tự đối với bài thi PISA tương đương với nhiều giờ dạy kèm. Hay nói cách khác, đặt ra những câu hỏi nghiêm túc về cuốn sách trẻ đang đọc có giá trị hơn nhiều so với việc chúc mừng con vì đã đọc xong nó.

Trên toàn thế giới, các nhà nghiên cứu thường chia phong cách nuôi dạy con thành bốn loại cơ bản: Các bậc cha mẹ chuyên quyền là các giám sát viên kỷ luật nghiêm ngặt, đây là những bậc cha mẹ “bố/mẹ nói sao phải nghe vậy”. Những bậc cha mẹ dễ dãi có xu hướng nuông chiều và không thích xung đột. Họ hành động giống như bạn bè của con hơn là cha mẹ chúng. Trong một số nghiên cứu, những cha mẹ dễ dãi thường giàu có và có học vấn cao hơn các bậc phụ huynh khác. Cha mẹ lơ là thì đúng như tên gọi: họ không mấy tình cảm và xa cách với con cái. Họ có thể có mức sống nghèo.

Tiếp đến là kiểu cha mẹ thứ tư: *quyền lực*. Từ này giống như một kết hợp của sự độc đoán và sự cho phép. Họ dung hòa giữa hai thái cực: Ấm áp, lắng nghe, phản hồi, gần gũi với trẻ, nhưng khi con cái đã lớn, họ để chúng tự do khám phá và thất bại, đồng thời để chúng tự đưa ra những lựa chọn riêng. Trong suốt quá trình nuôi dạy con cái, các bậc cha mẹ quyền lực cũng có những giới hạn và quy tắc rõ ràng, không chấp nhận thương lượng.

“Chúng tôi đã dần tin rằng sự ấm áp và nghiêm khắc ở hai thái cực đối lập nhau,” Doug Lemov viết trong cuốn sách *Teach like a champion* (tạm dịch: Dạy như dạy một nhà vô địch). “Thực tế là, mức độ ấm áp của bạn không liên quan đến mức độ nghiêm khắc và ngược lại.” Phụ huynh và giáo viên tìm cách để *vừa* thể hiện sự ấm áp *vừa* nghiêm khắc đã có được sự cộng hưởng rất tốt với trẻ, lại thêm sự tin tưởng và tôn trọng từ chúng.

Khi nhà nghiên cứu Jelani Mandara tại Đại học Northwestern nghiên cứu 4.754 thanh thiếu niên Mỹ và cha mẹ của chúng, ông đã phát hiện ra rằng trẻ có cha mẹ quyền lực đạt được mức thành tích học tập cao hơn, ít gặp các triệu chứng của bệnh trầm cảm hơn, ít có các vấn đề khủng hoảng tâm lý, không vâng lời hay có nhiều hành vi chống đối xã hội khác hơn. Các nghiên cứu khác cũng phát hiện ra những lợi ích tương tự. Cha mẹ quyền lực huấn luyện trẻ kiên trì và điều đó có hiệu quả.

Thật nguy hiểm khi đưa ra những nhận định khái quát hóa sâu rộng về con người dựa trên những đặc điểm thừa hưởng mang tính sắc tộc, nhưng nghiên cứu này không đưa ra các nhận định đó. Tại Hoa Kỳ, các bậc cha mẹ Âu – Mỹ thường thể hiện phong cách quyền lực hơn các cha mẹ gốc Tây Ban Nha hoặc Mỹ gốc Phi, những người có xu hướng thể hiện phong cách độc đoán trong việc nuôi dạy con cái. (Mặc dù tất cả các dân tộc này đều gồm bốn kiểu cha mẹ.) Tuy nhiên, phong cách làm cha mẹ của người Mỹ gốc Á thường mang tính quyền lực nhất.

Ví dụ, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các bậc cha mẹ Mỹ gốc Trung Quốc dành nhiều thời gian cho con họ khi chúng còn bé, dạy chúng cách đọc, viết và toán học, nhưng sau đó

họ để trẻ được tự chủ nhiều hơn khi lớn lên (một mô hình tương tự như khuôn mẫu của các bậc cha mẹ Phần Lan). "Ở trường trung học, các bậc cha mẹ nhập cư người châu Á thực sự để con tự do hơn," Ruth Chao, người đã nghiên cứu các cách nuôi dạy con cái trong hơn hai thập kỷ nói: "Họ không đưa ra hướng dẫn trực tiếp. Họ không quản lý việc học của con ở trường. Họ cảm thấy rằng nếu vẫn phải làm điều đó thì thực sự có vấn đề."

Sau khi nghiên cứu dữ liệu, Schleicher đưa ra lời khuyên của mình. Vợ chồng anh có ba con. Chúng đều học trường công lập quốc gia tại Paris; giống như Hoa Kỳ, nơi đây không có điểm PISA cao. Trước khi biết tới nghiên cứu này, anh luôn cho rằng một phụ huynh lý tưởng sẽ dành vài giờ giúp con họ làm bài tập về nhà hoặc hoàn thành những bài tập khác ở trường của chúng. Nhưng vấn đề là: Anh thường xuyên không có thời gian rảnh để quan sát chúng. Do vậy, anh hầu như chẳng giúp được gì.

Số liệu cho thấy anh có nhiều sự lựa chọn hơn anh nghĩ. Từ đó về sau, ngay cả vào những ngày bận rộn nhất, Schleicher ít nhất cũng hỏi bọn trẻ xem việc đi học của chúng thế nào, chúng đã học được những gì và chúng thích gì nhất. Anh đã nói chuyện với chúng về tin tức và các vấn đề xã hội trong ngày. Anh vẫn không có đủ thời gian để đọc sách cho cô con gái út thường xuyên, nhưng ít nhất anh cũng biết mình cảm thấy có lỗi về những gì không thể làm cho con. Giống như mọi phụ huynh, anh muốn các con mình lớn lên sẽ biết sống chu đáo, tò mò và thông minh. Đó là đích đến của các chiến lược gây ảnh hưởng đến việc học tập của các con – bất chấp hệ thống các trường học Pháp ra sao.

Kỳ thi mang tên lo lắng

Vào đêm trước kỳ thi quan trọng, các bạn cùng lớp Eric đã thực hiện một loạt nghi thức phức tạp. Học sinh lớp dưới dọn sạch phòng học cho các anh chị lớp trên. Họ dọn các bức tường dán đầy áp phích và thậm chí còn treo cờ để các thí sinh có thể tập trung vào kỳ thi tuyển sinh đại học mà không gặp bất kỳ phiền nhiễu nào.

Eric thấy siêu thị bày bán những viên kẹo may mắn hấp dẫn để các bậc cha mẹ mua cho con họ, những tấm bùa hộ mệnh để bảo vệ chúng vượt qua thử thách này. Trên phố, cha mẹ đi lễ chùa và vào nhà thờ để cầu nguyện cho con em mình.

Cả nước bị ám ảnh về kỳ thi. Công ty Điện lực Hàn Quốc đã cử nhân viên đến kiểm tra các đường dây điện phục vụ một ngàn địa điểm thi, từng nơi một. Buổi sáng ngày thi, thị trường chứng khoán mở muộn một giờ đồng hồ để đường phố bớt đông cho hơn 600.000 học sinh đến trường thi. Taxi chở học sinh miễn phí.

Ngày hôm đó, Eric bắt xe buýt đến trường như thường lệ. Khi đến gần trường, cậu nghe thấy những tiếng reo hò. Một số bạn cùng lớp cậu xếp hàng ngoài cổng để đưa trà cho các thí sinh và vẫy các tấm biển có nội dung: "Cố gắng lên!" Các học sinh cuối cấp bước qua họ, đầu cúi xuống, giống như các võ sĩ bước vào sân đấu, chuẩn bị cho cuộc chiến có thể kéo dài 9 giờ. Các nhân viên cảnh sát tuần tra xung quanh trường học để hạn chế những chiếc xe kéo còi gây mất tập trung cho học sinh. Eric tình cờ gặp một nam sinh mà cậu biết, cậu ta đã giải thích rằng hôm nay không có phòng học cho các lớp dưới. Sau đó, cậu ta và Eric rủ nhau đi chơi điện tử.

Gần trưa hôm đó, Eric đã đến Shinsegae Centum City của Busan, cửa hàng bách hóa lớn nhất thế giới, để mua sắm. Trong phần nghe tiếng Anh của kỳ thi, khi mà máy bay được lệnh hạ cánh để giảm tiếng ồn không cần thiết, Eric đang ở trong một rạp chiếu phim.

Đến lúc đó, Eric đã đưa ra một quyết định. Cậu sẽ nghỉ học ở Hàn Quốc. Cậu không thể chờ đến hết năm với tình trạng như thế này. Cậu có cảm giác như thể đang trải qua mỗi ngày trong một cái lồng lớn, quan sát những đứa trẻ khác chạy như chú chuột trên một bánh xe quay vòng. Bánh xe này không bao giờ dừng lại; nó quay liên tục cả ngày lẫn đêm. Và cậu đã quá mệt mỏi với việc ngồi lặng lẽ dưới cái bóng của bánh xe, chờ đợi cuộc sống của mình ở Hàn Quốc bắt đầu.

Cậu cần phải nói chuyện với các bạn nếu muốn học tiếng Hàn và sống cuộc sống ở đây. Cậu biết đó là điều phải làm, nhưng lại không biết làm thế nào. Cậu hy vọng rằng việc rời trường trung học không có nghĩa là cậu sẽ phải rời Hàn Quốc.

Tối hôm đó, khi Eric đi lòng vòng trên phố để về nhà, các xe tải vội vã giao báo cuối ngày với nội dung đáp án của kỳ thi để các gia đình thảo luận trong bữa tối. Toàn bộ cảnh tượng có vẻ quá khoa trương đối với Eric, như kiểu một trò chơi sinh tử của đầu óc. Tại sao cả nước phải thi trong cùng một ngày? Học sinh ở Minnesota thi SAT nhiều lần một năm mà chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc sống thường nhật.

Tuy nhiên, đứa trẻ nào lớn lên ở Hàn Quốc cũng đều biết rõ khẩu hiệu: Giáo dục là kho báu quốc gia. Tổ chức tốt kỳ thi còn quan trọng hơn các vụ giao dịch chứng khoán hoặc việc máy bay cất cánh. Và tất cả mọi người, từ cha mẹ đến giáo viên, đến sĩ quan cảnh sát đều sắm một vai trong nhiệm vụ đó.

Phương trình bí ẩn

Nghe những câu chuyện của Kim và Eric, tôi bắt đầu chú ý đến một chủ đề nền tảng. Ở Hàn Quốc và Phần Lan, bất chấp mọi khác biệt, mọi người – từ trẻ em, phụ huynh đến giáo viên – đều coi việc học hành là một nhiệm vụ nghiêm túc, quan trọng hơn thể thao hoặc lòng tự trọng. Sự đồng thuận này về tầm quan trọng của một nền giáo dục nghiêm túc dẫn đến mọi hậu quả tất yếu: không chỉ có một chương trình học tập trung và chặt chẽ hơn mà cả các trường sư phạm cũng nghiêm túc hơn, những bài thi khó hơn, thậm chí các cuộc trò chuyện quanh bàn ăn ở nhà cũng thẳng thắn hơn. Tất cả mọi thứ đều có yêu cầu cao hơn.

Ở những nước này, mọi người nghĩ rằng việc học quan trọng đến mức chỉ những công dân đạt thành tích cao và có học vấn mới được phép làm công việc giảng dạy. Chính phủ của các quốc gia này chi tiền vào hoạt động đào tạo và giữ chân các giáo viên tài năng, thay vì mua iPad cho học sinh tiểu học hoặc duy trì quy mô lớp học nhỏ. Công chúng không chỉ dành sự tôn trọng cho những giáo viên dạy học như một số nhà giáo dục Mỹ tuyên bố sau khi đến thăm Phần Lan mà còn dành cả sự tôn trọng cho nỗ lực học tập của những sinh viên sư phạm để có thể giảng dạy tốt nhất. Tất nhiên mọi người đều tôn trọng các giáo viên; công việc của họ phức tạp, yêu cầu cao và đương nhiên, họ đã phải rất nỗ lực để có được vị trí đó.

Tiếp nữa, các giáo viên có trình độ cao cũng chọn tài liệu kỹ lưỡng hơn và cung cấp

kiến thức cho học sinh thận trọng hơn. Bởi họ là những người nghiêm túc với nghề và mọi người đều biết điều đó, nên họ có nhiều quyền tự chủ trong công việc hơn. Quyền tự chủ là biểu hiện của sự chặt chẽ. Các giáo viên và hiệu trưởng dành đủ thời gian để khiến công việc của họ giống như công việc của các chuyên gia thực sự. Họ chịu trách nhiệm về kết quả, nhưng độc lập trong phương pháp giảng dạy.

Trẻ em cũng được tự do hơn. Sự tự do này rất quan trọng và đó không phải là một món quà. Theo định nghĩa, sự nghiêm túc trong công việc phải cần đến sự thất bại; bạn đơn giản không thể đạt được điều đó nếu không thất bại. Điều này có nghĩa rằng các thanh thiếu niên được tự do thất bại khi còn đủ trẻ để học được cách đứng lên. Nếu không chăm chỉ, chúng sẽ bị điểm kém. Hậu quả rất rõ ràng và chắc chắn sẽ xảy ra. Chúng không tham gia nhiều các kỳ thi tiêu chuẩn hóa, nhưng phải nghiêm túc tham gia kỳ thi cuối cấp, vốn có thể ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của mình.

Như Kim phát hiện ra, các thanh thiếu niên được kỳ vọng có thể tự quản lý thời gian của bản thân và thực tế chúng đã làm được. Điều thú vị là, đây là một điểm khác biệt khác mà các học sinh trao đổi chú ý thấy. 6/10 người được khảo sát nói rằng các bậc cha mẹ Mỹ không để con họ được tự do như các bậc cha mẹ ở nước ngoài. (Chỉ có 1/10 người nói rằng cha mẹ Mỹ để họ tự do hơn.) Một học sinh Phần Lan đã dành một năm ở Hoa Kỳ giải thích về sự khác biệt này như sau:

"Ở Mỹ, mọi thứ đều được kiểm soát và giám sát. Bạn thậm chí không thể đi tắm nếu không xin phép. Bạn trình kiến mọi bài tập về nhà, nhưng lại không phải tự suy nghĩ hoặc đưa ra bất kỳ quyết định nào."

Tôi đã đi khắp thế giới để tìm các manh mối về những gì các nước khác đang làm đúng, nhưng những khác biệt quan trọng không nằm ở chi phí, hoạt động kiểm soát địa phương hoặc các chương trình đào tạo; không gì trong các yếu tố này quá quan trọng. Các chính sách chủ yếu đóng vai trò phụ. Sự khác biệt cơ bản nằm ở vấn đề tâm lý.

Các siêu cường giáo dục tin vào sự chặt chẽ. Mọi người ở các quốc gia này nhất trí về mục đích của trường học: Trường học tồn tại để giúp học sinh nắm vững các tài liệu học thuật phức tạp. Những thứ khác cũng quan trọng nhưng không quá lớn.

Sự rõ ràng về mục đích đồng nghĩa với việc mọi người đều coi việc học là việc cần nghiêm túc, đặc biệt là trẻ em. Sự khác biệt quan trọng nhất mà tôi đã thấy từ trước đến nay vẫn nằm ở động lực của học sinh và gia đình họ. Nó có tính lây lan và quan trọng hơn tôi tưởng. Eric và bạn của cậu, Jenny, đã nhắc nhở tôi về những gì tôi bỏ lỡ khi đã trưởng thành: Trẻ có khả năng tự nâng đỡ lẫn nhau. Vòng phản hồi này bắt đầu từ mẫu giáo và dần mạnh mẽ hơn mỗi năm, theo cả hướng tiêu cực và tích cực. Trường học và các bậc phụ huynh có thể tác động đến trẻ thông qua các bài thi có ý nghĩa hơn, thông minh hơn đi kèm với những ảnh hưởng thực sự đến cuộc sống của chúng; thông qua việc để chúng tự chủ, thử và sai; thông qua một số việc làm mang tính rủi ro cao nhưng đem lại thành quả lớn và việc được hướng dẫn bởi các giáo viên được đào tạo bài bản nhất thế giới. Nhưng những chính sách này là kết quả của niềm tin vào sự chặt chẽ. Nếu thiếu nó, những điều đó không thể xảy ra.

Câu hỏi đặt ra sau đó không phải là các quốc gia khác đang *làm gì* mà là *tại sao họ lại làm vậy*. Tại sao các nước này đạt được sự đồng thuận về tính chặt chẽ? Ở các siêu cường giáo dục, mọi đứa trẻ đều biết tầm quan trọng của giáo dục. Họ đã trải qua thất bại mang tầm quốc gia trong thời gian gần đây; họ biết một cuộc khủng hoảng hiện sinh sẽ mang lại cảm giác ra sao. Tuy nhiên, tại nhiều trường Mỹ, các ưu tiên lẫn lộn đến mức khó có thể nhận ra nổi.

Thể thao là trọng tâm trong cuộc sống của học sinh Mỹ và là văn hóa trường học, trái ngược với hầu hết các siêu cường giáo dục khác. Các học sinh trao đổi đều nhất trí về điểm này. 9/10 học sinh quốc tế mà tôi khảo sát cho rằng trẻ em Mỹ ưu tiên thể thao hơn và 6/10 học sinh trao đổi người Mỹ đồng ý với họ. Ngay cả ở trường trung học, các nhà nghiên cứu khác cũng nhận thấy, học sinh Mỹ đã dành gấp đôi thời gian để chơi thể thao so với học sinh Hàn Quốc.

Không nghi ngờ gì nữa, thể thao mang lại nhiều lợi ích, bao gồm cả những bài học về khả năng lãnh đạo và sự kiên trì, chưa nói đến việc rèn luyện sức khỏe. Tuy nhiên, ở các trường trung học Mỹ, chỉ có một số ít học sinh thực sự chơi thể thao. Vì vậy, không phải ai cũng luyện tập thể thao và tỷ lệ béo phì ở Mỹ phản ánh điều đó. Và những bài học về giá trị cuộc sống, về khả năng lãnh đạo cùng sự kiên trì có thể được giảng dạy thông qua việc học tập nghiêm túc, theo những cách có thể dễ áp dụng trong đời thực hơn. Tại nhiều trường của Mỹ, thể thao thấm đẫm tinh thần lãnh đạo và kiên trì trong một nhóm trẻ, đồng thời cũng rút cạn sự tập trung và các nguồn lực cho việc học tập của chúng.

Bài học ở đây không phải là thể thao không thể cùng tồn tại với giáo dục mà là thể thao không liên quan gì đến giáo dục. Ở các nước như Phần Lan, đương nhiên cũng có các đội thể thao. Chúng được cha mẹ hoặc các câu lạc bộ bên ngoài quản lý. Nhưng khi trẻ lớn lên, hầu hết các em đều chuyển trọng tâm sang học thuật hoặc các kỹ năng nghề nghiệp – đi ngược lại mô hình điển hình của Mỹ. Khoảng 10% các bạn cùng lớp với Kim ở Phần Lan chơi thể thao nhưng họ chơi ở các trung tâm cộng đồng, tách biệt với trường học. Nhiều người trong số họ nghỉ chơi thể thao vào năm cuối cấp để dành thời gian ôn thi tốt nghiệp. Khi tôi hỏi giáo viên tiếng Phần Lan của Kim rằng liệu cô có biết bất cứ giáo viên nào kiêm huấn luyện viên ở đây không, cô chỉ có thể đưa ra thông tin về một người. "Giáo viên đã làm rất nhiều việc ở trường," cô nói, "thế là quá đủ, theo tôi là vậy".

Sự giàu có từ trước đến nay đã khiến tính chặt chẽ không còn cần thiết ở Hoa Kỳ. Trẻ em không cần phải nắm vững các tài liệu phức tạp để thành công trong cuộc sống – ít nhất là cho đến gần đây. Nhiều yếu tố khác bao gồm cả thể thao giữ một phần vai trò trong giáo dục, buộc hiệu trưởng các trường phải thuê giáo viên có khả năng huấn luyện (hoặc ngược lại). Liên minh thái quá giữa nhà trường và thể thao đã đẩy các vận động viên học sinh đến mức dành quá nhiều năng lượng và thời gian vào việc luyện tập trước và sau giờ học.

Xét riêng rẽ, tất nhiên, thể thao không có gì sai. Nhưng vấn đề là chúng không hoạt động tách biệt với giáo dục. Cùng với các tài liệu ít tính nghiêm ngặt, tỷ lệ trẻ em nghèo và mức độ đào tạo và chọn lọc giáo viên thấp, sự đề cao các môn thể thao đã dần lấy đi động lực học tập của trẻ em Mỹ. Tính ưu việt của thể thao gửi đi một thông điệp rằng những gì quan trọng, những gì thực sự dẫn đến sự vĩ đại – không liên quan nhiều đến những gì xảy ra trong lớp học. Việc thiếu động lực khiến công việc của các giáo viên trở nên khó khăn

hơn và mang đến các hậu quả tiêu cực hơn.

Tôi muốn quay ngược trở lại thời gian trước kia. Giờ đây khi đã biết rõ tình hình ở các quốc gia, tôi muốn xem cách họ đạt được kết quả đó. Làm thế nào họ có thể đạt đến sự đồng thuận về tính chặt chẽ? Làm thế nào Phần Lan và Hàn Quốc đã thực hiện được những gì Oklahoma không thể làm?

Trong thế kỷ XXI, Phần Lan là nguồn cảm hứng rõ ràng, là mô hình cho tương lai. Nó đã đạt được sự cân bằng và nhân đạo vượt qua cả Hàn Quốc. Nhưng đối với hầu hết các nước trên thế giới, kể cả Hoa Kỳ, câu hỏi đặt ra là cần làm gì trước nhất để một ngày không xa, những điều này mang tính khả thi hơn.

Lập bản đồ ý chí

Vào giữa những năm 1970, một số ít các nhà kinh tế và xã hội học bắt đầu nhận thấy rằng các kỹ năng học tập không phải tối quan trọng. Điều đó có vẻ hiển nhiên, nhưng trong cơn sốt đếm và so sánh chỉ số IQ và điểm đọc hiểu, sự thật đơn giản này đã dễ dàng bị lãng quên. Trong hơn ba thập kỷ tiếp theo, ngày càng nhiều các nghiên cứu cho thấy khi nói đến việc dự đoán đứa trẻ nào sẽ trở thành những người trưởng thành thành đạt trong tương lai – người sẽ thành công trong cuộc sống và công việc – thì các khả năng về nhận thức chỉ dừng lại ở đó.

Có điều gì khác cũng rất quan trọng hoặc thậm chí quan trọng hơn đối với các cơ hội trong cuộc sống của trẻ. Điều này liên quan nhiều đến thái độ hơn là khả năng giải một bài toán. Ví dụ, trong một nghiên cứu về học sinh lớp 8 của Mỹ, chỉ số dự đoán kết quả học tập không phải là điểm IQ của trẻ mà là tính kỷ luật ở chúng.

Giỏi toán không bao giờ khiến ai đó đi làm đúng giờ, hoàn thành một luận án hoặc sử dụng bao cao su. Những kỹ năng đó liên quan đến động lực, sự đồng cảm, khả năng tự kiểm soát và sự kiên trì. Đây là những thói quen cơ bản đôi khi được gói gọn trong một từ khá cũ – *nhân cách.*_

Người ta cho rằng *nhân cách* là thứ không thể thay đổi. Nhưng các nhà nghiên cứu này cũng khám phá ra một điều thật tuyệt vời: *Nhân cách* dễ uốn, dễ thay đổi hơn chỉ số IQ rất nhiều. *Nhân cách* có thể thay đổi đáng kể và tương đối nhanh chóng – theo hướng tích cực và tiêu cực – tùy theo thời gian và không gian.

Vì vậy, quả thật công bằng khi cho rằng các cộng đồng và nền văn hóa khác nhau sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến nhân cách của con trẻ. Ở Phần Lan, Kim phát hiện ra một sự khác biệt mà cô cho là rất quan trọng: theo cô, sự khác biệt nằm ở mức độ trẻ em và giáo viên quan tâm đến trường học. Eric cũng đã chứng kiến động lực này, mặc dù phiên bản Hàn Quốc có chút lộn xộn.

Có thể nói, quan tâm đến việc học không phải là đặc điểm quan trọng nhất ở một con người. Nhưng, trên toàn cầu, dạng động lực đặc biệt này đã bắt đầu trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, ít nhất là về mặt kinh tế. Nghiên cứu này vẫn còn phải đi một chặng đường dài nữa để xác định được mọi đặc điểm quan trọng trong cuộc sống của những người trẻ,

nhưng liệu có thể đo lường động lực giữa các quốc gia không? Có cách nào có thể định lượng được những gì Kim và Eric quan sát thấy không? Và động lực có thể được ươm trồng ở những nơi cần nó hơn không?

Có rất ít người cố gắng tìm hiểu điều này. Các cuộc điều tra có xu hướng yêu cầu trẻ mô tả động lực và thái độ riêng của chúng, khiến việc tách biệt câu trả lời với những thành kiến văn hóa riêng của chúng là điều bất khả thi. Một học sinh Hàn Quốc, người nói rằng mình không học hành *chăm chỉ* có một ý hiểu khác về từ chăm chỉ so với một học sinh điển hình ở Vương quốc Anh hoặc Ý.

Năm 2002, các nhà nghiên cứu tại Đại học Pennsylvania nảy ra một ý tưởng. Họ nghĩ có thể đo lường sự kiên trì và động lực của học sinh bằng cách quan sát không chỉ câu trả lời của chúng trong các bài thi quốc tế, mà cả cách học sinh đó trả lời các phiếu điều tra đính kèm các bài thi này.

Sau phần thi PISA và các kỳ thi quốc tế khác, các học sinh thường được yêu cầu điền vào phiếu điều tra về gia đình và hoàn cảnh sống của họ. Không có câu trả lời đúng nào cho các câu hỏi này. Trên thực tế, các giáo sư Erling Boe, Robert Boruch và nghiên cứu sinh trẻ tuổi Henry May, thậm chí không quan tâm đến các câu trả lời. Họ muốn theo dõi sự kiên trì của học sinh khi điền vào các mẫu phiếu. Vì vậy, họ đã nghiên cứu phiếu điều tra đính kèm với một bài thi năm 1995 được thực hiện bởi trẻ em ở các độ tuổi khác nhau tại hơn 40 quốc gia (có tên là "Các xu hướng trong nghiên cứu Toán học và Khoa học quốc tế").

Các nhà nghiên cứu đã gặp phải một số bất ngờ ngay sau đó. Đầu tiên, học sinh trên toàn thế giới tuân thủ việc trả lời các câu hỏi một cách đáng ngạc nhiên. Phần lớn đều nghiêm túc điền hầu hết các câu trả lời, mặc dù phiếu điều tra không ảnh hưởng gì đến cuộc sống của chúng. Tỷ lệ trả lời thấp nhất ở các nước là 90%. Có sự chênh lệch ở mỗi nước nhất định, nhưng mức chênh lệch này không tiết lộ nhiều về các học sinh.

Tuy nhiên, sự khác biệt về mức độ kiên trì giữa các quốc gia là rất quan trọng. Sự khác biệt này thực ra lại là điểm dự báo tuyệt vời nhất về mức độ thành tích của các quốc gia trong phần nội dung thực của bài thi.

Tiêu chí đơn giản này – sự kiên trì của các học sinh khi trả lời phiếu điều tra – dễ giúp tiên đoán về điểm số của các quốc gia hơn tình trạng kinh tế xã hội hoặc quy mô lớp học hoặc bất kỳ yếu tố nào khác đã được nghiên cứu.

Tại sao điều này lại có thể xảy ra? Khi May phân tích lại dữ liệu PISA năm 2009, anh nhận thấy động lực tương tự: Một nửa sự khác biệt giữa điểm số của các quốc gia trong bài thi môn toán PISA có thể được giải thích bằng số lượng trung bình các câu hỏi cá nhân mà các học sinh điền trong phiếu khảo sát ở mỗi nước.

Tại Hoa Kỳ, những người tham gia trả lời trung bình 96% số câu hỏi khảo sát, một con số có vẻ rất đáng nể. Tuy nhiên, Mỹ vẫn xếp thứ 33 về sự nhiệt tình. Hàn Quốc xếp thứ 4. Phần Lan xếp thứ 6. Trẻ em ở đây trả lời 98% số câu hỏi. Các con số có vẻ gần giống nhau, phải vậy không? Nhưng những khác biệt nhỏ về tỷ lệ trả lời trung bình dự đoán sự khác biệt lớn trong thành tích học tập ở cùng một bài thi.

Trẻ em ở Phần Lan và Hàn Quốc đã trả lời phiếu điều tra nhân khẩu học đầy đủ hơn các bạn tại Hoa Kỳ, Pháp, Đan Mạch hay Brazil. Nguyên nhân của hiện tượng này vẫn là một bí ẩn. May băn khoăn rằng liệu PISA và các kỳ thi quốc tế khác có phải đang không đo lường các kỹ năng mà đo lường *sự tuân thủ;* một số quốc gia có nền văn hóa mà ở đó trẻ em chỉ cần làm mọi bài thi còn các nhà chức trách thì nghiêm túc hơn nhiều. Không khó để suy ra rằng các quốc gia này bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc và những nước đứng đầu khác về điểm số PISA. Có lẽ đó là lý do tại sao những đứa trẻ trả lời cuộc khảo sát kỹ lưỡng hơn cũng có thành tích tốt hơn trong học tập. Những đứa trẻ này được quản lý bởi những người biết tuân thủ. Trong khi đó, ở các nước khác, giá trị cá nhân được coi trọng hơn sự tuân thủ. Có lẽ đơn giản là những đứa trẻ này không cảm thấy bắt buộc phải tham gia khảo sát nghiêm túc. "Tại một số quốc gia," May cho biết, "có rất nhiều trẻ có vẻ không thể không quan tâm. Chúng làm lu mờ nhận định trên một chút."

Vậy tại sao học sinh Mỹ đạt điểm đọc hiểu cao hơn và điểm toán thấp hơn trong cùng bài thi? Nói chung, nếu trẻ em Mỹ không quan tâm đến bài thi thì chúng hẳn đều phải làm kém ở *tất cả* các phần thi chứ. Tương tự như vậy, có lẽ chúng ta đã không thể thấy các nước như Ba Lan tiến nhanh trên bảng xếp hạng chỉ trong một thời gian ngắn. Thật khó để tưởng tượng rằng Ba Lan đã ươm trồng nên một nền văn hóa tuân thủ trong giai đoạn 3-9 năm.

Không ai biết câu trả lời chắc chắn, nhưng có thể những đứa trẻ kiên trì thể hiện sự kiên trì của chúng thông qua việc trả lời các câu hỏi khảo sát nói chung. Nói cách khác, có thể một số trẻ đã học được cách hoàn thành mọi việc ở trường: kiên trì ngay cả với thứ không quan trọng. Điều ngược lại cũng đúng. Một số trẻ em đã không học được cách kiên trì và sự kiên trì nhìn chung không được đánh giá cao ở trường học hoặc trong xã hội chúng đang sống.

Sự tận tâm trong một cuộc khảo sát có vẻ chỉ là chuyện thường. Trong cuộc sống, đó là một vấn đề rất lớn. Sự tận tâm – một đức tính dẫn đến khả năng chịu trách nhiệm, chăm chỉ và có tổ chức – rất quan trọng ở mọi khía cạnh trong cuộc sống. Nó thậm chí còn dự đoán tuổi thọ của con người – với độ chính xác cao hơn trí thông minh hoặc nền tảng xuất thân.

Bản đồ về sự tận tâm thực sự có hình dạng như thế nào? Có lẽ việc tìm ra những đứa trẻ thông minh không mấy quan trọng, thay vào đó là việc tìm ra được những trẻ hoàn thành tốt mọi việc dù việc đó là gì đi chăng nữa. Liệu có nền văn hóa cụ thể nào ươm mầm sự kiên trì như cách các nền văn hóa khác đào tạo và nuôi dưỡng các vận động viên thể dục cũng như các cầu thủ bóng đá không?

Các kết quả của cuộc khảo sát cung cấp một số đầu mối quan trọng, nhưng không phải tất cả đều rõ ràng. Các quốc gia có trẻ tham gia khảo sát không nhất thiết phải là những nơi có những đứa trẻ sống trong các gia đình giàu có nhất; sự sung túc không phải lúc nào cũng mang lại sự kiên trì như chúng ta đã biết. Thực tế, quốc gia có tỷ lệ trả lời cao nhất trong cuộc khảo sát có tỷ lệ trẻ nghèo gần như tương đương với Hoa Kỳ.

Đất nước đó là Ba Lan.

Chương 7. SỰ CHUYỂN BIẾN

Trẻ em Breslau, kéo va li, đi sau mẹ chúng, đưa mắt nhìn theo những mảnh giấy bay trên đầu. Chúng nheo mắt nhìn lên bầu trời xanh thẳm, nơi bóng dáng một chiếc chiến cơ Xô Viết vừa vụt qua. Xung quanh chúng, những tờ rơi bay lả tả trong không trung rồi đậu xuống mặt đất, hệt như những bông tuyết: “Quân Đức đã đầu hàng! Các bạn an toàn rồi!”

Ngày 22 tháng Một năm 1945, Breslau là một trung tâm công nghiệp quan trọng còn sót lại lúc đó ở Đông Đức. Thành phố bị ảnh hưởng nặng nề bởi Chiến tranh Thế giới thứ II. 800 ngàn dân thành phố, cùng với quảng trường thời trung cổ và các nhà máy vũ khí, nằm ngoài tầm với của những oanh tạc cơ đồng minh. Hầu hết người dân Breslau vẫn còn niềm tin rằng cuộc sống có thể trở lại bình thường một ngày nào đó.

Dù vậy, lúc đó Hồng quân bị đẩy về phía tây dọc theo sông Oder, phía bên kia thành phố. Nhưng theo tin mật báo thì binh lính Liên Xô áp đảo quân lính Đức với tỷ lệ 5-1.

Lúc các chỉ huy Đức Quốc xã cho phép phụ nữ và trẻ em Breslau rời đi thì đã quá muộn. Các gia đình lao đến trạm xe lửa và khu vực biên giới, làm tắc nghẽn đường phố vốn đầy rẫy những người tị nạn kéo đến từ các thành phố khác của Đức. Những người phụ nữ đẩy những chiếc xe kéo đầy nồi niêu, xoong chảo trong khi những người đàn ông, được ra lệnh chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, vác súng máy leo lên tháp chuông nhà thờ. Lúc này nhiệt độ ngoài trời vào khoảng 3°C và nhiều trẻ em chạy trốn gần như chết rét trước khi chúng đặt chân được đến thị trấn lân cận. Định mệnh đã kết thúc những gì con người khởi xướng. Trước khi một quả bom duy nhất rơi xuống, khoảng 90 ngàn người sơ tán đã chết vì cố trốn chạy khỏi Breslau.

Vào đêm 13 tháng Hai, những chiếc xe tăng Liên Xô bao quanh thành phố, từ từ tiến sâu vào trong qua các vùng ngoại ô. Hỏa lực pháo từ xa dần hiện rõ hơn mỗi ngày đến khi nó khai màn một cuộc chiến đường phố ở trung tâm thành phố. Quân Liên Xô mở đường băng qua những dãy nhà cổ kính của Breslau, đè sập những bức tường và lúc họ chiếm đóng thành phố cũng là lúc họ san bằng nó.

Quân Đức vừa rút lui vừa ném lựu đạn qua cửa sổ đồng thời đốt trụi các khu phố lân cận trước khi rời đi, với ý định ngăn bước quân Liên Xô tiến lên bằng việc san lấp toàn thành phố của chính họ. Những cuộc oanh tạc trên không đạt đến đỉnh điểm ngay sau lễ Phục Sinh. Đến ngày 30 tháng Tư, Hitler thậm chí đã bỏ cuộc, tự sát trong hầm ngầm của hắn ở Berlin. Nhưng, ở Breslau, cuộc bao vây tiếp tục, ròng rã ngày đêm, bất chấp logic.

Cuối cùng, vào ngày 6 tháng Năm, Breslau quy hàng. Ba phần tư thành phố bị san phẳng trong hai tháng rưỡi. Chỉ khoảng ba ngày sau đó, cuộc chiến tranh khốc liệt, trường kỳ của châu Âu đi đến hồi kết thúc. Những gì còn sót lại ở Breslau hoặc là bị cướp bóc hoặc

là bị đốt trụi bởi lính Xô Viết.

Trong vòng vài tháng, quân đồng minh đã vẽ lại bản đồ châu Âu. Joseph Stalin, Winston Churchill, Franklin Roosevelt đã coi Breslau như một quân cờ. Họ hất nó sang phía Ba Lan, dưới cái tên mới là Wroclaw (đọc là: VROTZ – waf). Phần lớn những người Đức còn lại trốn khỏi thành phố và hàng trăm ngàn người tị nạn Ba Lan khốn khổ đổ vào chiếm vị trí của họ – theo đúng nghĩa đen – di chuyển vào những ngôi nhà cũ của người Đức, có lúc trước cả khi chúng bị người chủ cũ bỏ lại.

Đây là thành phố mà Tom sống. Để hiểu nó, ta phải hiểu lịch sử bị tàn phá, bị bóp méo bởi những địa điểm hoang tàn và rối rắm với nhiều loại tên gọi. Qua nhiều thế kỷ, thành phố đã được gọi bằng hơn 50 cái tên khác nhau. Những người sống ở đó, cũng như ở nhiều vùng của Ba Lan ngày nay, không bao giờ cư trú ổn định hoàn toàn. Nơi này có quá nhiều bóng ma, quá nhiều dấu tích lịch sử đau thương như thế.

"Những người Ba Lan tiên phong", như người ta vẫn gọi, đã vui vẻ cố gắng để tái tạo lại thành phố mà họ tự nhận là quê hương của mình. Họ đổi tên đường Adolf Hitler thành Adam Mickiewicz theo tên một nhà thơ Ba Lan; sân vận động Herman Göring đã trở thành sân vận động Olympic. Nhưng họ đang sống ở một nơi bị ma ám. Ở khắp mọi nơi, trong những bức tượng bị phá hủy và những đường nét phác thảo lờ mờ bị bỏ lại bên những chữ thập ngoặc không còn nguyên vẹn, họ nhìn thấy những gì gợi nhớ ký ức đau thương gắn liền với những kẻ bắt bớ thời Đức Quốc xã.

Những người mới đến có rất ít thời gian quý báu để để mắt đến những trớ trêu này. Ngay sau khi Chiến tranh Thế giới thứ II kết thúc, Ba Lan đi theo đường lối của chế độ cộng sản trong 40 năm. Hàng chục ngàn người Ba Lan, trong đó có hàng trăm linh mục và các nhà hoạt động chính trị, đã bị giam cầm. Cảnh sát mật thâm nhập vào mọi khu vực. Ở Wroclaw, tên các đường phố lại thay đổi một lần nữa. Một kiểu áp bức mới thay thế cho kiểu áp bức cũ.

Phép lạ Ba Lan

Những người bảo vệ hệ thống giáo dục tầm thường của nước Mỹ, những người đổ lỗi các vấn đề của họ cho nghèo đói và hỗn loạn, đã nói như thể chỉ có nước Mỹ gặp rắc rối. Có lẽ họ chưa bao giờ đến Ba Lan.

Rất khó để có thể tóm tắt lại những hỗn loạn đã xảy ra ở Ba Lan trong không gian của một nửa thế kỷ. Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản vào năm 1989, lạm phát phi mã đã tấn công đất nước này: các cửa hàng tạp hóa trống không và các bà mẹ không thể tìm được sữa cho con mình. Đất nước dường như đứng trên bờ vực của sự hỗn loạn, nếu không muốn nói là một cuộc nội chiến chực chờ. Thế nhưng, Ba Lan đã chuyển mình bằng một cuộc chuyển đổi khác, mở cửa các tổ chức và nổi lên như một nền dân chủ thị trường tự do. Các công dân của Wroclaw đổi tên đường phố của họ lần thứ ba. Một cộng đồng nhỏ người Do Thái thậm chí đã quay trở lại thành phố.

Đến năm 2010, khi Tom từ Gettysburg, Pennsylvania đến, thì Ba Lan đã gia nhập Liên minh châu Âu. Tuy nhiên, đất nước vẫn còn phải vật lộn với sự thiếu thốn, tội phạm và

bệnh tật các loại. Trong khi Tom ở đó, các đội bóng đá địa phương bắt đầu chơi trong các sân vận động bị bỏ trống, những trận đấu diễn ra gần như trong im lặng ngoài âm thanh tiếng va chạm chân vào quả bóng. Đã từng có rất nhiều bạo lực diễn ra giữa những người hâm mộ đến mức họ bị cấm xem các trận đấu bóng đá.

Gần 1/6 trẻ em Ba Lan sống trong nghèo đói, một tỷ lệ gần bằng Hoa Kỳ, nơi 1/5 trẻ em phải chật vật với cái nghèo. Thật khó để so sánh các mức độ tương đối về nỗi khổ, nhưng dữ liệu cho thấy trẻ em nghèo ở Ba Lan có cuộc sống rất bấp bênh. Trong một so sánh của Liên Hợp Quốc về sự giàu có vật chất của trẻ, Ba Lan xếp hạng chót trong các nước phát triển.

Giống như Hoa Kỳ, Ba Lan là một nước lớn, nơi mọi người không tin tưởng vào chính phủ tập trung. Thế nhưng, một điều gì đó rất đáng chú ý đã xảy ra ở Ba Lan. Đất nước này đã cố gắng làm những gì mà các quốc gia khác không thể. Từ năm 2000 đến năm 2006, điểm trung bình môn đọc hiểu của trẻ 15 tuổi tại Ba Lan tăng lên 29 điểm trong các kỳ thi PISA. Điều đó giống như thể trẻ em Ba Lan đã bằng cách nào đó gói gọn gần như 3/4 năm học học thêm vào bộ não của chúng. Trong vòng chưa đầy một thập kỷ, họ đã đi từ mức dưới trung bình đối với các nước phát triển lên *trên* mức trung bình. Trong cùng giai đoạn, điểm số của trẻ em Mỹ không hề thay đổi.

Tom đang sống trong cơn chuyển mình mà Phần Lan và Hàn Quốc đã hoàn thành nhiều thập kỷ trước đó. Để thấy sự thay đổi này gần hơn thì tốt nhất ta nên ngược thời gian trở lại. Ba Lan vẫn chưa gia nhập vào nhóm đầu các siêu cường giáo dục. Nhưng, không giống như Hoa Kỳ, nước này đã cải thiện đáng kể các kết quả chỉ trong một vài năm – bất chấp nạn tội phạm, nghèo đói và một ngàn lý do chứng minh họ sẽ thất bại. Đó là một câu chuyện còn dang dở, nhưng là một câu chuyện đã chuyển theo hướng của niềm hy vọng một cách đầy bất ngờ.

Từ Pennsylvania đến Ba Lan

Tôi đã gặp Tom ở trung tâm Wroclaw tại một khách sạn cổ rộng lớn nơi Adolf Hitler, Pablo Picasso và Marlene Dietrich đều đã từng trú chân. Cậu mặc quần jeans và chiếc sơ mi nhàu nhĩ, bỏ ngoài quần, với cánh tay áo được kéo cao quá khuỷu. Cậu nhóc 18 tuổi và là học sinh cuối cấp trung học. Kể từ khi cậu đến đây, cô chủ nhà người Ba Lan đã cố gắng “đắp thịt” vào bộ khung da bọc xương của cậu nhưng bất thành.

Chúng tôi đi lòng vòng quanh thành phố cổ và nơi đây giống hệt những gì Tom đã mô tả cho tôi vài tháng trước: một bức tranh đầy màu sắc với những mảnh ghép gồm những nhà thờ Barốc, những con đường rải sỏi và những căn hộ lớn kiểu Xô Viết thô mộc. Tại quảng trường thời trung cổ mang tên Rynek, du khách ngồi uống bia Piast tại các quán cà phê ngoài trời, bên dưới chiếc đồng hồ thế kỷ XVI được đặt theo thời gian âm lịch. *Babcias*, những phụ nữ Ba Lan lớn tuổi với những chiếc khăn quàng cổ buộc dưới cằm luống cuống với túi xách nằm dưới cánh tay. Rynek đã được xây dựng lại và trùng tu nhiều lần. Phiên bản này hơi quá rực rỡ, màu sơn sáng hơn mức cần thiết nhưng vẫn tráng lệ ở quy mô và đường nét.

Chúng tôi dừng chân ở Literatka, một nơi phần nào đại diện cho lý do Tom rời

Pennsylvania. Đó là một quán cà phê tu viện nhỏ với làn khói phảng phất trong không khí. Vài người ngồi một mình, mải miết đọc sách hoặc xem máy tính. Không ai ngẩng lên khi chúng tôi bước vào.

Tom dẫn tôi vào quán với niềm kiêu hãnh mà các chàng trai khác để dành cho việc khoe chiếc xe mới coóng của họ. Quán khá độc đáo với "những bức tường làm bằng các giá sách" cao tới trần nhà. Vài cuốn sách hóa học được xếp dựa lưng vào những tập sách triết học lớn, cũ mèm. Khi Tom còn ở Hoa Kỳ và tưởng tượng về Đông Âu, đây chính là cảnh cậu đã nghĩ đến.

Đã sáu tháng kể từ khi giáo viên toán người Ba Lan gọi cậu lên bảng để làm tính và cậu không thể giải được nó. Kể từ ngày đó, giáo viên toán của cậu không gọi cậu thêm lần nào nữa. Tuy nhiên, Tom đã quyết định học chơi Chopin trên piano (Khúc dạo đầu – cung Mi thứ), giống như những gì cậu nghĩ mình sẽ làm. Điểm tiếng Ba Lan của cậu cũng khá tốt. Và mặc dù cậu không thấy nhiều tài liệu tham khảo về Nabokov nhưng lại từng lén nghe hai người đàn ông lớn tuổi tranh luận về triết học tại một trong những chiếc bàn đá cẩm thạch nhỏ ở Literatka. Tom đã nhìn chằm chằm vào họ sau chiếc MacBook của mình, mừng thầm. "Nie rozumiesz filozofii!" (Ông không hiểu triết học!), một người đàn ông đã hét lên khi cậu đứng lên để rời đi. Thật tuyệt.

Những đứa trẻ ở Tam giác Bermuda

Chúng tôi rời Literatka và đi bộ về trường của Tom, LO XIII, được biết đến ở địa chỉ số 13. Không khí thay đổi đột ngột khi chúng tôi rảo bước. Ngôi trường trung học nằm bên cạnh một khu phố mang tên *Trójkąt Bermudzki,* hay Tam giác Bermuda. Người ta đặt cái tên này cho nó từ nhiều năm trước đây, khi những người bên ngoài lang thang vào các khu phố rồi biến mất và không ai nghe thấy tin tức gì về họ nữa. Tỷ lệ tội phạm đã giảm kể từ đó, nhưng đây vẫn là một nơi phức tạp. Chỉ một vài tuần trước đó, một người bạn của Tom đã bị cướp bằng dao vào ban ngày khi cậu ta đang đi bộ từ trường về nhà.

Đường phố trong khu vực Tam giác uốn lượn quanh những tòa nhà cao tầng được trang trí công phu còn sót lại từ Thế chiến II nhưng giờ đây chỉ còn là những khu đổ nát. Những bức tượng sơn đen nhìn chằm chằm xuống từ những mặt tiền méo mó, mòn vẹt. Những lối vào sực mùi nước tiểu, những bức vẽ graffiti nguệch ngoạc đè lên những bức họa màu hồng, bạc phếch trên tường. Phần Lan trở nên thật quá xa xôi.

Khi chúng tôi đi bộ cùng nhau, một đứa trẻ chạy qua chúng tôi để đến một sân chơi nhỏ nằm khuất sau dãy nhà hun hút. Cho đến năm 2007, nơi đây đã từng là một sân đất và bọn trẻ khu Tam giác này cũng đã chơi ở đây do chẳng còn chỗ chơi. Một ngày, khi chiếc máy xúc đến để biến nơi này thành một bãi đậu xe, bọn trẻ đã biểu tình phản đối việc "phải từ bỏ" khu vui chơi của chúng. Chúng đã làm các biển hiệu bằng những tấm ván gỗ với nội dung: "Chúng cháu cần một sân chơi!", "Máy xúc hãy cút đi!" Đứng đầu bọn, một đứa trẻ 16 tuổi mà sau này hẳn còn tiến xa, tên là Krystek đã gọi điện cho các tòa soạn. Các nhà cải cách đã phải chùn bước, đồng ý xây dựng một vài khu đậu xe và một sân chơi khiêm tốn.

Cuộc sống của những đứa trẻ ở khu Tam giác không mấy dễ dàng. Một số đứa có cha đi tù; số khác có mẹ nghiện rượu. Có những ngày, bọn trẻ đến trường trong sự mệt mỏi và đói

lả. Đối với một người ngoài cuộc, nơi đó chẳng khác gì một khu ổ chuột của Mỹ.

Tuy nhiên, một thay đổi đáng kể đã xảy đến với lũ trẻ ở khu Tam giác này trong thập kỷ qua, một điều gì đó khó có thể nhìn thấy trên đường phố. Những đứa trẻ này dành thời gian cho một hệ thống giáo dục tái cấu trúc những gì khả thi. Đổi thay đã không diễn ra bên lề như hầu hết các cuộc cải cách diễn ra khắp mọi nơi khác trên hành tinh này; họ đã phá vỡ vào tận cốt lõi, về cơ bản làm thay đổi cấu trúc và bản chất của nền giáo dục ở Ba Lan, trao cho những đứa trẻ này cơ hội tốt hơn nhiều khu vực trường học tại Hoa Kỳ, một quốc gia giàu có hơn nhiều. Những đứa trẻ vẫn sống trong khu vực Tam giác, nhưng về mặt thống kê mà nói, chúng không thể biến mất mãi mãi.

Nhà giả kim

Vào năm 1997, khi Miroslaw Handke trở thành Bộ trưởng Giáo dục Ba Lan, ông là kẻ ngoại đạo. Một nhà hóa học với bộ ria mép trắng và đôi lông mày ngang đen ấn tượng, giống phiên bản Đông Âu của Sean Connery[5]. Handke được theo đuổi thế giới riêng của mình tại Đại học Khoa học và Công nghệ AGH ở Kraków. Ông xuất bản hơn 80 nghiên cứu về các thuộc tính mơ hồ của khoáng chất và trở thành hiệu trưởng trường đại học đó, một trong những trường tốt nhất của Ba Lan. Tuy nhiên, ông không biết gì về các chính sách hoặc chính trị giáo dục. Việc thiếu những manh mối cần thiết sẽ giúp ông rất nhiều, ít nhất là trong một thời gian ngắn.

Đến lúc đó, khoảng 38 triệu công dân Ba Lan đã trải qua nhiều năm trị liệu cú sốc kinh tế, được thiết kế để đưa đất nước về phía phương Tây sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản. Cho đến nay, việc bãi bỏ các quy định và tư nhân hóa đã mang lại hiệu quả, biến Ba Lan trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất trên thế giới; tỷ lệ thất nghiệp cùng với lạm phát liên tục giảm.

Bây giờ đất nước lại đứng trên bờ vực một lần nữa; không có các cải cách xã hội cấp thiết, các hệ thống chăm sóc sức khỏe, hưu trí và giáo dục có thể đè cổ nền kinh tế Ba Lan, đẩy lạm phát tăng cao trở lại và gây nguy hiểm cho quỹ đạo từ sự tù túng của chủ nghĩa Cộng sản đến một quyền lực châu Âu của đất nước này.

Đáng chỉ trích nhất là những người Ba Lan trưởng thành không có những kỹ năng để cạnh tranh trong thế giới hiện đại. Chỉ một nửa số người trưởng thành ở nông thôn tốt nghiệp tiểu học. Người Ba Lan được chuyển xuống làm những công việc lương thấp, cần tay nghề thấp mà người châu Âu khác không muốn làm.

Đối mặt với cuộc khủng hoảng tồn tại này, Handke đã nghiên cứu hệ thống giáo dục của các nước khác, trong đó có Hoa Kỳ, nơi ông đã sinh sống trong hai năm. Ông đi khắp Ba Lan, gặp gỡ các giáo viên, các nhà nghiên cứu và các chính trị gia. Vào mùa xuân năm 1998, ông và cấp trên của mình, Thủ tướng mới, Jerzy Buzek (một giáo sư hóa học khác), đã công bố một loạt các cải cách mà họ có thể không bao giờ dự tính được nếu có nhiều kinh nghiệm với sự nhạy cảm chính trị về giáo dục.

“Chúng tôi phải di dời toàn bộ hệ thống – đẩy nó ra khỏi trạng thái cân bằng này để nó đạt đến trạng thái cân bằng mới,” Handke nói. Ông vẫn giảng dạy hóa học, lần này là cho 38

triệu người.

Để có được trạng thái cân bằng mới, đất nước này sẽ phải bước vào giai đoạn mà các nhà khoa học gọi là *kỳ chuyển tiếp*. Như Handke nói thì giai đoạn này sẽ "cung cấp cho học sinh một cơ hội". Nó gồm bốn phần chính, nằm trong một cuốn sách màu cam dài 225 trang được phân phát ở các trường học trên cả nước. Đầu tiên, các cuộc cải cách sẽ đưa sự chặt chẽ vào hệ thống. Một chương trình giảng dạy mới sẽ thay thế cái cũ, một chương trình dạy từ trên xuống buộc các giáo viên phải bao quát nhiều chủ đề trong một thời gian ngắn. Chương trình mới sẽ đặt ra các mục tiêu cơ bản, còn phần chi tiết là việc của các trường. Cùng lúc đó, chính phủ sẽ yêu cầu một phần tư số giáo viên trở lại trường học để nâng cao trình độ học vấn của họ.

Cùng với sự chặt chẽ là trách nhiệm. Để đảm bảo các học sinh học tốt, chúng phải được tham gia các kỳ thi tiêu chuẩn hóa thường xuyên trong giai đoạn chuyển cấp – không thường xuyên như trẻ em Mỹ, nhưng vào cuối cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Những bài thi sẽ giống nhau trên cả nước, dành cho vài triệu trẻ em Ba Lan.

Đối với những trẻ ở cấp thấp hơn, các bài thi sẽ giúp xác định xem học sinh, giáo viên và các trường nào cần được hỗ trợ nhiều hơn nữa. Đối với các học sinh cấp cao hơn, kỳ thi cũng có mục đích xác định các trường trung học và sau đó là các trường đại học nào chúng có thể theo học. Lần đầu tiên, tất cả học sinh sẽ tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học vào cuối cấp và các kỳ thi sẽ không còn được chấm điểm bởi giáo viên địa phương. Theo đó, các trường đại học và các nhà tuyển dụng có thể tin tưởng kết quả học tập của học sinh sẽ đồng nhất ở mọi nơi.

Ba Lan vẫn không thể biết chắc điều đó, nhưng loại kỳ thi tiêu chuẩn hóa có mục tiêu này được chứng minh là rất quan trọng ở bất kỳ quốc gia nào có tỷ lệ nghèo đói đáng kể, theo một phân tích PISA được thực hiện nhiều năm sau đó. Trên thế giới, các hệ thống trường học sử dụng kỳ thi tiêu chuẩn hóa thường xuyên thường là những nơi công bằng hơn, với khoảng cách nhỏ hơn giữa những gì trẻ em giàu và nghèo biết. Ngay cả ở Mỹ, nơi mà các kỳ thi trước đây vốn thiếu sự chặt chẽ và mục tiêu cụ thể, điểm môn đọc hiểu và toán của học sinh người Mỹ gốc Phi và Tây Ban Nha đã tăng lên trong thời đại các kỳ thi tiêu chuẩn hóa được nhân rộng.

Tại sao các kỳ thi này khiến trường học nói chung trở nên công bằng hơn? Kỳ thi giúp các trường học thấy những gì họ đang làm đúng hay sai và những ai cần được giúp đỡ thêm. Tầm nhìn sâu sắc đó là một điều kiện tiên quyết, chứ không phải là một giải pháp. Đưa ra các vấn đề không thể đảm bảo cho việc chúng được giải quyết như hàng ngàn các quận trường học Mỹ đã chứng minh trong chương trình "Không đứa trẻ nào bị bỏ lại phía sau." Nhưng việc xác định các vấn đề có vẻ là một bước đi cần thiết đầu tiên tại những nơi có sự thay đổi tự nhiên ở những gì trẻ biết.

Cuộc cải cách thứ ba nhưng quan trọng nhất: theo nghĩa đen là nâng cao kỳ vọng về những gì con trẻ có thể đạt được. Để làm được điều này, các cuộc cải cách này sẽ buộc tất cả trẻ em phải ở cùng nhau trong môi trường học tập tương đồng thêm một năm nữa, tương đương với năm thứ nhất ở trường trung học. Thay vì được nhận trực tiếp vào các chương trình dạy nghề hoặc trường trung học vào năm 15 tuổi, hay còn gọi là hoạt động *phân loại*,

học sinh sẽ gia nhập các trường trung học cơ sở như nhau, cùng nhau, cho đến khi 16 tuổi. Sự khác biệt chỉ vỏn vẹn 12 tháng nhưng có tác động rất đáng ngạc nhiên.

Ở Ba Lan, trì hoãn phân loại có nghĩa là tạo ra 4.000 trường trung học cơ sở mới, dường như chỉ qua một đêm. Chẳng còn cách nào khác để chứa mọi học sinh mà bình thường sẽ vào các trường dạy nghề năm 15 tuổi.

Handke đã có thể dừng lại ở đó. Một chương trình trọng tâm mới, một tập hợp các kỳ thi nghiêm túc hơn và hàng ngàn trường học mới sẽ đại diện cho một giai đoạn gián đoạn lớn, những gì mà không bang nào ở Mỹ từng thấy trong một thời gian ngắn đến vậy.

Nhưng có một vấn đề rất rõ ràng. Ba Lan vẫn mang trong mình ký ức đau thương gần đây về chế độ cộng sản. Về mặt chính trị, không thể áp đặt những thay đổi như thế từ chính quyền trung ương mà không đổi lại những quyền tự do khác. Để thu hút thêm trách nhiệm, Handke đã quyết định để các trường học có nhiều quyền kiểm soát hơn.

Quyền tự chủ là cải cách thứ tư. Giáo viên sẽ được tự do chọn sách giáo khoa và chương trình đào tạo cụ thể từ hơn 100 sự lựa chọn đã được phê duyệt, cùng với sự phát triển về chuyên môn riêng của họ. Họ sẽ bắt đầu có được những khoản tiền thưởng dựa một phần vào mức độ phát triển nghề nghiệp mà họ có. Ở một đất nước đang bùng nổ, nơi mọi người được đánh giá bởi lượng tiền họ kiếm được, số tiền mà các giáo viên kiếm được sẽ cho mọi người thấy rằng các giáo viên không còn là những người lao động chân tay nữa. Trong khi đó, hiệu trưởng nhà trường sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc tuyển dụng giáo viên. Chính quyền địa phương sẽ có toàn quyền kiểm soát các quyết định về ngân sách, bao gồm vị trí và cách thức mở các trường trung học cơ sở mới.

Nói cách khác, hệ thống mới sẽ đòi hỏi trách nhiệm nhiều hơn để mang lại kết quả, trong khi trao nhiều quyền tự chủ hơn cho các phương pháp. Động lực này có thể được tìm thấy ở tất cả các nước đã có sự chuyển biến đáng kể trong kết quả bao gồm cả Phần Lan và trong mọi tổ chức hiệu suất cao, từ US Coast Guard đến Apple Inc.

Handke tuyên bố, mọi thay đổi sẽ diễn ra trong một năm.

Liệu pháp sốc

Cuốn sách màu cam đã gây ra những phản ứng cực đoan. Một số người Ba Lan hoan nghênh sự táo bạo của kế hoạch Handke: “Đây là tấm vé giúp chúng tôi đến với châu Âu và thế giới hiện đại,” theo tuyên bố của một nhà báo của tờ *Gazeta Wyborcza*, một trong những tờ báo lớn nhất của Ba Lan. Tuy nhiên, Liên đoàn giáo viên Ba Lan đã phản đối các cuộc cải cách, cáo buộc Handke cố gắng thay đổi quá nhiều và quá nhanh chóng với quá ít kinh phí. Trong một bài viết khác trên cùng tờ báo này, một hiệu trưởng đã dự đoán thảm họa: “Chúng ta sẽ được thấy sự suy giảm về tiêu chuẩn giáo dục đối với hầu hết những người trẻ tuổi, một việc làm khơi sâu thêm sự thất học và sự miễn cưỡng rộng rãi trong quá trình theo đuổi giáo dục bậc cao.”

Tuy nhiên, thời cơ là ngoại lệ: Ba Lan có một chính phủ mới đầy ắp các nhà cải cách. Họ không thể dễ dàng tự gọi mình là nhà cải cách và sau đó gây cản trở cải cách. Quan

trọng hơn, đã có quá nhiều sự phân tán. Chính phủ đang cải cách hệ thống chăm sóc sức khỏe và phúc lợi cùng lúc. Tốc độ thay đổi chóng mặt đã trao cho Handke tấm bia đỡ.

Vào ngày 1 tháng Chín năm 1999, 4.000 trường trung học cơ sở mới mở cửa trên toàn Ba Lan. Những thay đổi bắt đầu. Handke đã khôn ngoan bắt đầu ngày mới bằng cách cầu nguyện cho điều tốt đẹp nhất. Ở thành phố cổ Ba Lan, Gniezno, ông đã tham dự một thánh lễ đặc biệt tại nhà thờ Gothic. Sau đó, ông đến trường trung học mới của thành phố, một ngôi trường ba tầng, kết cấu bê tông và kính, ở địa chỉ số 3, khởi đầu cho kỷ nguyên giáo dục mới của Ba Lan. Ông khẳng định hệ thống mới sẽ "sáng tạo và an toàn hơn, không nhồi nhét các thông tin dư thừa vào đầu trẻ". Được thiết kế hiện đại thay vì cổ lỗ, hệ thống mới sẽ dạy cho các em cách tư duy.

Trong thực tế, đó là một ngày hỗn loạn. Nhiều giáo viên và hiệu trưởng chưa sẵn sàng. Xe buýt không xuất hiện ở nhiều thị trấn nông thôn, nơi các học sinh sống xa trường mới. Cha mẹ, giáo viên và hiệu trưởng phàn nàn gay gắt về những thay đổi. Những cuốn sách màu cam là một ý tưởng tốt đẹp, nhưng không thuyết phục được công chúng và các giáo viên rằng những thay đổi này là một lựa chọn khôn ngoan. Vào cuối năm học, 60% người Ba Lan được khảo sát nói rằng họ không nghĩ những cải cách này đảm bảo cho một sự tiếp cận giáo dục công bằng. Không ai, kể cả Handke, biết liệu những thay đổi có mang lại hiệu quả hay không.

"Chúng tôi không muốn bị bỏ lại phía sau."

Trong khi nhà hóa học Handke đang phá vỡ thế cân bằng ở Ba Lan, thì nhà vật lý Schleicher lại cố gắng thuyết phục các nước tham gia vào kỳ thi PISA đầu tiên. Nhiều quốc gia đã đăng ký nhưng Ba Lan không nằm trong số đó.

Ba Lan có rất ít kinh nghiệm trong các kỳ thi quốc tế và nhiều người cảm thấy rằng tiền nên được dùng vào mục đích khác tốt hơn. Tuy nhiên, một vài quan chức, như Jerzy Wiśniewski, cố vấn Bộ Giáo dục kiêm cựu giáo viên toán trung học, đã vận động Ba Lan tham gia thí nghiệm. Đối với họ, PISA đại diện cho sự hiện đại – một công cụ tinh vi và đầy lý trí của thế giới thứ nhất.

"Nước phát triển duy nhất vẫn phản đối là Thổ Nhĩ Kỳ," Wiśniewski chỉ ra. "Chúng tôi không muốn bị bỏ lại phía sau."

Áp lực của ảnh hưởng đồng mức đã có tác dụng và vào năm 2000, những đứa trẻ 15 tuổi của Ba Lan đã tham dự kỳ thi PISA. Không ai nhận ra vào lúc đó, nhưng thời cơ đã chín muồi. Hoàn toàn do sự trùng hợp, PISA đã nắm bắt được khoảnh khắc của Ba Lan trước và sau khi cải cách.

Những đứa trẻ Ba Lan tham gia kỳ thi PISA đầu tiên vào năm 2000 đã lớn lên dưới hệ thống cũ. Một nửa đã được phân vào các trường dạy nghề, một nửa vào các trường học. Có thể nói, chúng là nhóm bị kiểm soát.

Không ai ở Ba Lan mong vị trí đứng đầu thế giới, nhưng kết quả lại vẫn luôn gây thất vọng. Những đứa trẻ Ba Lan 15 tuổi đã xếp thứ 21 về môn đọc hiệu và thứ 20 về môn toán,

dưới Hoa Kỳ và dưới mức trung bình đối với các nước phát triển. Một lần nữa, Ba Lan nhìn thấy tấm gương phản chiếu chính mình. Nếu các học sinh nghề được đánh giá riêng, sự khác biệt sẽ gây sửng sốt. Hơn 2/3 số học sinh chỉ vừa đạt chuẩn mức xóa mù.

Ba năm sau, vào năm 2003, một nhóm trẻ 15 tuổi mới của Ba Lan đã dự thi PISA. Chúng đã dành nhiều năm tiểu học trong hệ thống cũ nhưng sau đó được vào các trường trung học kiểu mới. Không giống như những anh chị đi trước, chúng vẫn chưa được phân loại. Chúng là nhóm thử nghiệm.

Kết quả lại gây sốc *một lần nữa*. Ba Lan, chủ đề đàm tiếu của thế giới, xếp thứ 13 về môn đọc và thứ 18 về toán học, ngay trên Mỹ ở cả hai môn. Trong khoảng thời gian ba năm, Ba Lan đã bắt kịp các nước phát triển.

Làm sao có thể? Thông thường, phải mất nhiều năm để các cuộc cải cách có bất kỳ tác động nào và phần lớn những tác động này không bao giờ rõ rệt. Nhưng kết quả đã cho thấy. Đến năm 2009, Ba Lan đã vượt Mỹ về toán học và khoa học, mặc dù chi chưa đến một nửa số tiền vào mỗi học sinh so với Mỹ. Ở môn đọc hiểu và toán, những đứa trẻ nghèo nhất Ba Lan có số điểm vượt xa những đứa trẻ nghèo nhất tại Hoa Kỳ. Đó là một chiến công đáng chú ý, dựa trên việc chúng ở ngưỡng tồi tệ nhất, về kinh tế xã hội, so với trẻ em nghèo nhất tại Mỹ.

Kết quả cho thấy tiềm năng của các nước còn lại trên thế giới: trẻ em nghèo *có thể* học nhiều hơn những gì chúng đang học. Có lẽ tất cả đã không biến mất. Ấn tượng nhất là 85% học sinh Ba Lan tốt nghiệp trung học năm đó, so với 76% ở Hoa Kỳ.

Trong cùng giai đoạn này, Hoa Kỳ đã trải qua các cuộc cải cách giáo dục riêng, bao gồm các kỳ thi và việc trừng trị công khai các trường thất bại trong chương trình “Không đứa trẻ nào bị bỏ lại phía sau”. Nhưng cuối cùng, điểm PISA của trẻ em Mỹ vẫn không có thay đổi gì đáng kể. Hoa Kỳ chỉ làm tăng áp lực lên các trường học thay vì đưa sự chặt chẽ vào hệ thống, hoãn phân loại học sinh hoặc trao quyền tự chủ cho những giáo viên giỏi nhất.

Khi Wiśniewski quan sát kỹ các dữ liệu, ông thấy rất nhiều thay đổi của Ba Lan đến từ những học sinh có thể bị phân vào các trường dạy nghề. Điểm số của chúng tăng vọt trên cả nước. Các trường của Ba Lan cũng đã nhất quán hơn. Khoảng cách về điểm số giữa các trường đã được thu hẹp nhanh hơn ở bất kỳ quốc gia phát triển nào khác. Thời thơ ấu đã trở thành một giai đoạn tươi sáng hơn ở Ba Lan, gần như chỉ qua một đêm. Và thay đổi này *không* có lợi cho những đứa trẻ có điều kiện nhất Ba Lan, những đứa cũng tăng được điểm số của mình. Hơn một phần ba thanh thiếu niên Ba Lan đạt điểm số cao hơn mức trung bình đối với các nước phát triển.

Điều gì đã làm nên sự khác biệt ở Ba Lan? Trong số mọi thay đổi, có một cuộc cải cách đã giữ vai trò quan trọng nhất, theo một nghiên cứu được thực hiện bởi Wiśniewski và các cộng sự của ông: sự trì hoãn phân loại. Trẻ có khả năng bị đưa vào các trường dạy nghề đã ghi điểm cao hơn các bạn đồng trang lứa đã được phân loại khoảng 100 điểm vào năm 2000. Những kỳ vọng tăng lên và bọn trẻ đã đáp ứng được chúng.

4.000 trường mới rõ ràng đã bắt đầu hệ thống giáo dục này theo những cách không ai

mong đợi. Các hiệu trưởng tình nguyện quản lý những trường học mới có xu hướng là các nhà lãnh đạo trường tham vọng hơn và họ được phép tự chọn các giáo viên cho trường. Khá tình cờ, hệ thống mới tự chọn những người tài năng và các trường mới nhờ thế được xây dựng dựa trên uy tín. Các trường mới gửi một thông điệp tới phần còn lại của nền giáo dục, rằng những cuộc cải cách này là thật, chứ không phải là một sự bộc phát về chính trị có thể bị phớt lờ sớm sau đó.

Handke đã rất vui mừng, coi điểm PISA như là dẫn chứng khẳng định hiệu quả các cuộc cải cách của ông. "Các thanh thiếu niên của chúng tôi đã bắt đầu tư duy rồi."

Nhưng dữ liệu cũng tiết lộ một khía cạnh không mấy hấp dẫn: Các kỳ vọng có thể giảm nhanh như lúc tăng. Năm 2006 và 2009, Ba Lan đã để một nhóm học sinh 16-17 tuổi thi thử PISA, để xem chuyện gì xảy ra một khi chúng được phân vào các trường dạy nghề. Thật ngạc nhiên, thành tích biến mất: Khoảng cách thành tích từ bài thi PISA đầu tiên đã trở lại, chỉ một năm sau đó. Đến năm 16 tuổi, các học sinh nghề đạt điểm số tệ hơn nhiều so với học sinh tại các trường học. Các cải cách chỉ trì hoãn khoảng cách chứ không loại bỏ được nó.

Wiśniewski cảm thấy bối rối. Sao những thay đổi có thể biến mất nhanh như vậy? "Đó có thể là do động lực," ông nói. "Và điều đó cần được nghiên cứu thêm. Nhưng bằng cách nào đó, những ảnh hưởng đồng mức vẫn rất lớn." Điều gì đó đã xảy ra với bọn trẻ một khi chúng được phân vào các trường dạy nghề cùng với những học sinh và giáo viên nghề khác. Chúng dường như đã đánh mất khả năng hoặc có thể là cả động lực, chỉ sau một đêm.

Những học sinh năng khiếu và tài năng tại Mỹ

Theo trực giác, phân loại mang lại rất nhiều ý nghĩa. Một lớp học sẽ hiệu quả hơn nếu tất cả học sinh đều có kiến thức tương đồng nhau. Dù vậy, trên thực tế, kiểu phân loại thứ cấp hầu như luôn đi kèm với các kỳ vọng thứ cấp.

Về mặt thống kê, phân loại có xu hướng làm giảm khả năng học tập và đẩy mạnh sự bất bình đẳng ở bất cứ đâu nó được thử nghiệm. Nói chung, phân loại ở tuổi càng trẻ thì điểm số PISA trên cả nước càng tệ. Dường như có một kiểu hiệu ứng khu ổ chuột nào đó: Khi trẻ bị gán mác và phân loại vào nhóm cấp thấp hơn, khả năng học của chúng cũng giảm.

Ở Pennsylvania, Tom được phân lớp từ năm lớp 3. Một giáo viên khuyên cậu nên thử kiểm tra phân loại và cậu đã làm rất tốt. Vì vậy, năm 8 tuổi, Tom được tham gia Chương trình năng khiếu và tài năng ở Gettysburg. Lúc đầu, sự khác biệt này mang lại rất ít ảnh hưởng thực tế. Mỗi tuần một lần, cậu và các bạn khác được tham gia một lớp học đặc biệt, họ được học tiếng Latin và làm quen với các tiết học dài hơn từ sớm. Khi lớn hơn, cậu được tham gia lớp phân loại rõ ràng hơn. Năm 15 tuổi, các giờ học chính của cậu đều được xem xét để nâng cao hơn. Cậu học tiếng Anh, xã hội học và khoa học theo chế độ phân loại *tăng tốc* với các học sinh có thành tích cao hơn khác. Cậu chỉ thấy các bạn không theo hệ tăng tốc ở phòng tập thể dục, nghệ thuật hoặc các lớp học không cần thiết khác.

Thật khó để biết ảnh hưởng của việc phân loại này, nhưng có thể nói rằng những trẻ được cho biết là chúng có năng khiếu từ năm 8 tuổi có xu hướng quan sát chính mình theo

hướng đó và ngược lại. Từ *năng khiếu* bản thân ngụ ý một tài năng bẩm sinh mà không sự chăm chỉ nào có thể thay đổi được. Điều đó trái ngược với quan niệm con đường duy nhất để hiểu biết thực sự là học, học nữa, học mãi.

Khi Tom là học sinh năm nhất, trường trung học Gettysburg có ba hệ phân loại chính. Kiểu phân loại nghiêm ngặt nhất là hệ *tăng tốc*, vốn trở thành hệ Nâng cao ở năm thứ hai và năm cuối cấp. Kiểu phân loại thứ hai là dành cho những đứa trẻ bình thường. Sau đó, có thêm kiểu phân loại khác nữa, hoa mỹ mà nói là hệ *ứng dụng*. Hệ này chiếm 10% đến 15% các bạn cùng lớp Tom, những người, vì bất cứ lý do gì, hướng đến mục đích rất thấp. Thay vì học tiếng Anh, những đứa trẻ này chọn ”tiếng Anh cho người đi làm”. Mỗi người đều tham gia một hệ riêng, cho dù kết quả sau này thế nào.

Khi nghĩ đến phân loại, hầu hết mọi người nghĩ đến những nơi như Đức hoặc Áo, nơi các học sinh được chuyển đến các trường học riêng biệt tùy thuộc vào nguyện vọng của chúng. Phân loại có nhiều dạng khác nhau ở những nước như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Canada, Nhật Bản, Na Uy và Thụy Điển. Nhưng điều đó không có nghĩa là nó ít mạnh mẽ hơn.

Phân loại ở trường tiểu học là một chính sách Mỹ đầy độc đáo. Việc phân loại bắt đầu ở độ tuổi rất nhỏ dưới dạng các trường chọn, các lớp học danh dự, các khóa học nâng cao hoặc các chương trình Tú tài Quốc tế. Hoa Kỳ là một trong số ít các quốc gia mà ở đó trường học không chỉ phân loại trẻ theo khả năng, mà còn giảng dạy *nội dung* khác nhau cho hệ nâng cao hơn. Ở các nước khác, trong đó có Đức và Singapore, mọi trẻ em đều theo học chương trình chính khóa như nhau; những em ở lớp nâng cao nhất chỉ nghiên cứu tài liệu sâu hơn mà thôi.

Trong khi đó, nạn phân biệt lâu dài theo chủng tộc và thu nhập ở các trường tại Mỹ đã tạo ra một hệ thống phân loại *ngầm* khác, trong đó những đứa trẻ dân tộc thiểu số và con em các gia đình có thu nhập thấp có nhiều khả năng được học tại các trường kém chất lượng hơn với ít lớp nâng cao hơn và giáo viên ít kinh nghiệm hơn.

Đến đầu thế kỷ XXI, rất nhiều quốc gia đã dần cân nhắc việc trì hoãn phân loại. Khi họ làm vậy, trẻ em thường đạt thành tích cao hơn. Ở hầu hết các trường Ba Lan, phân loại diễn ra ở độ tuổi 16. Ở trường của Tom tại Wroclaw, việc phân loại đã xong xuôi; chỉ 1/3 đến một nửa số học sinh xin phân loại được chấp nhận. Tom chỉ thấy những bạn học nghề khi đến lớp thể dục. Họ rời đi khi đến giờ học của cậu.

Phần Lan cũng phân loại ở độ tuổi rất trẻ. Như ở Ba Lan, sự phân loại xảy ra muộn hơn, năm 16 tuổi, hậu quả của 40 năm cải cách, mỗi giai đoạn lại trì hoãn phân loại lâu hơn một chút. Dù vậy, cho đến khi học sinh 16 tuổi, các trường học Phần Lan vẫn theo sát một quy luật nghiêm ngặt về sự công bằng. Theo quy tắc, các giáo viên không thể giữ trẻ lại hoặc đẩy chúng lên lớp khi chúng chưa sẵn sàng. Việc đó để lại duy nhất một lựa chọn: Mọi trẻ đều phải học. Để khiến việc này khả thi, hệ thống giáo dục của Phần Lan đã đổ tiền vào những đứa trẻ cần sự trợ giúp. Ngay khi một số trẻ có dấu hiệu tụt lại, các giáo viên bất ngờ tập trung vào chúng giống như một đội bảo trì trước khi chúng học sa sút hơn nữa. Khoảng 1/3 số trẻ nhận được sự trợ giúp đặc biệt trong thời gian chín năm đầu tiên đến trường. Chỉ 2% ở lại lớp tiểu học ở Phần Lan (so với 11% ở Hoa Kỳ, mức trên trung bình đối với các

nước phát triển).

Một khi phân loại xảy ra, không còn là sự kỳ thị ở Phần Lan. Chính phủ chi thêm tiền cho các trường nghề và ở nhiều thị trấn, những trường này có uy tín như các trường học. Thực tế, các trường càng xa xôi hoặc có hoàn cảnh khó khăn càng nhận được nhiều tiền đầu tư. Sự cân bằng này cũng quan trọng như việc trì hoãn phân loại; một khi các học sinh chuyển sang hệ nghề, ít nhất cũng phải có hiệu quả nào đó. Không phải đứa trẻ nào cũng phải học đại học, nhưng tất cả đều phải học các kỹ năng hữu ích.

Ở Phần Lan và tất cả các quốc gia hàng đầu, chi phí giáo dục đi liền với nhu cầu, một việc vốn rất hợp lý. Các học sinh càng kém, các trường chúng theo học càng nhận được nhiều tiền. Ở Pennsylvania, tiểu bang quê hương của Tom, thì ngược lại. Những khu học chánh nghèo nhất chi tiền trên mỗi học sinh *ít hơn* 20%, khoảng 9.000 đô-la so với khoảng 11.000 đô-la ở các khu vực giàu có nhất.

Sự tụt hậu ở điểm toán là một trong những khác biệt rõ ràng nhất giữa Hoa Kỳ và các nước khác. Ở hầu hết các nước phát triển khác, trường có những học sinh nghèo nhất sẽ có tỷ lệ *nhiều* giáo viên trên mỗi học sinh hơn; điều này trái với thực tế ở bốn quốc gia: Hoa Kỳ, Israel, Slovenia và Thổ Nhĩ Kỳ, nơi các trường có học sinh nghèo nhất có tỷ lệ ít giáo viên trên mỗi học sinh hơn.

Đó là một khác biệt nổi bật và liên quan đến sự chặt chẽ. Ở các nước nơi ai cũng coi việc học là nghiêm túc thì đúng là vậy. Nếu sự chặt chẽ là một điều kiện tiên quyết cho thành công trong cuộc sống, nó phải được áp dụng đồng đều. Sự hợp lý – một giá trị cốt lõi của sự công bằng, được hỗ trợ bằng tiền và thể chế hoá bằng việc trì hoãn phân loại – là một dấu hiệu của sự chặt chẽ.

Hang của Plato[6]

Sau năm đầu tiên ở trường Trung học Gettysburg, Tom có một hiệu trưởng mới. Tên ông là Mark Blanchard và hiện ông vẫn đang tại vị. Điểm thi của trường thấp hơn mức nên đạt được và vị hiệu trưởng mới tập trung tìm hiểu lý do. Ông đã làm việc tại hai trường công lập khác có thành tích cao hơn ở Pennsylvania, vì vậy ông nghĩ mình có thể làm mới Gettysburg khi tìm ra vấn đề.

Nhưng ông không thể.

Trường trung học Gettysburg rất lớn. Nó trải rộng trên khoảng 124 mẫu Anh, một khuôn viên thoáng đãng với những tòa nhà được xây bằng gạch đỏ và kính nằm sau một bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận. Cơ sở vật chất trị giá 40 triệu đô-la, được xây dựng vào năm 1998, bao gồm một phòng thí nghiệm kỹ thuật, một nhà kính, ba sân bóng rổ và một giảng đường 1.600 chỗ ngồi kiểu dáng hiện đại. Trường chi số tiền trên mỗi đầu học sinh cao gần gấp đôi trường Kim ở Oklahoma, ngay cả sau khi điều chỉnh chi phí sinh hoạt và những khác biệt về nhu cầu của học sinh. Nếu có bất cứ thứ gì trường cần, thì đó hẳn không phải là tiền.

Blanchard lo lắng rằng vấn đề có thể nằm ở đội ngũ giáo viên; một việc rất khó thay đổi. Tuy nhiên, ông đã rất ngạc nhiên khi phát hiện ra nhiều giáo viên tài năng và có kinh

nghiệm ở đây. Ông cũng đã gặp hàng trăm những học sinh chăm chỉ, sáng tạo bao gồm cả Tom. 1/5 học sinh Gettysburg đến từ các gia đình thuộc diện nghèo đói, một mức tương đối dễ quản lý và hầu hết các bạn cùng lớp với Tom xuất thân từ các gia đình có thu nhập trung bình hoặc cao.

Cùng lúc đó, Blanchard nhận ra vấn đề có nhiều khúc mắc hơn. Thách thức không phải ở việc thiếu tiềm năng mà là thất bại trong tầm nhìn. Một số cha mẹ – bao gồm cả những người là giáo sư ở các trường đại học gần Gettysburg – cho rằng con cái của họ sẽ phải học đại học. Nhưng Blanchard nhận ra, hầu hết các bậc cha mẹ chỉ muốn con cái họ tốt nghiệp trung học và vấn đề là ở đó. Nhiều người trong số họ làm nông nghiệp và chưa bao giờ cần học cao hơn thế. Mục tiêu của họ có phần khiêm tốn.

Ở một số nước khác, tư duy thế kỷ XX đã bị gián đoạn – thường là do các cuộc khủng hoảng kinh tế. Các gia đình ở Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan đã bắt đầu cho rằng con cái họ sẽ học đại học hoặc học nghề sau khi tốt nghiệp trung học và hầu hết họ đều thực hiện theo hướng đó.

Tuy nhiên, ở Gettysburg và nhiều trường trên toàn thế giới, hiện trạng này đã ăn sâu vào tiềm thức của họ. Và không chỉ các bậc phụ huynh đưa ra kỳ vọng thấp hơn mà suy nghĩ đó cũng bao trùm rất nhiều lớp học. Trong cuộc trò chuyện với các giáo viên ở hành lang, Blanchard nhận thấy khả năng các giáo viên từ chức không hề nhỏ. Sao họ phải đứng trước mặt bọn trẻ và nói về chính trị, văn học, toán cao cấp nếu tất cả các học sinh của họ chỉ muốn tốt nghiệp trung học?

Blanchard bắt đầu quan sát vấn đề như dụ ngôn về cái hang của Plato. Mọi người cho rằng những chiếc bóng quen thuộc họ nhìn thấy trên tường trước mặt họ là thật, ngay cả khi chúng chỉ phản ánh trí tưởng tượng của riêng họ. Ông cần phải khiến họ nghĩ lại và phát hiện ra rằng thế giới rất khác. Mọi thứ thay đổi và họ có thể mơ ước lớn hơn.

Đầu tiên, Blanchard đã cố gắng thúc đẩy bằng hùng biện. Ông bắt đầu nói về việc Gettysburg sẽ trở thành trường tốt nhất. Ông công bố kế hoạch gấp đôi quy mô chương trình nâng cao. Ông nói với các giáo viên dàn nhạc rằng ông muốn có chương trình âm nhạc lớn nhất vùng. “Tôi muốn mọi thứ đều phải tuyệt vời để không ai có thể nói đây là trường trung học bóng đá.”

Sau đó, ông cố gắng để nâng các kỳ vọng học tập lên một chút. Khi nghe về các lớp học ứng dụng, ông bắt đầu đặt câu hỏi. Chẳng có trường nào ông từng làm việc trước đây cần các khóa học ứng dụng. Tại sao Gettysburg lại cần? Ông bắt đầu ám chỉ chúng là các lớp “ngu đần” và đề xuất xoá bỏ chúng.

“Trẻ em đáp ứng được những kỳ vọng mà bạn đặt ra cho chúng,” ông nói với các nhân viên của mình.

Một số giáo viên và nhân viên tư vấn hướng dẫn phản đối. “Học sinh sẽ không thể vượt qua các kỳ vọng đó,“ họ cảnh báo ông. “Chúng sẽ không thể tốt nghiệp.”

Blanchard nói với họ rằng việc của họ là giảng dạy cho tất cả bọn trẻ, chứ không chỉ là

những đứa chăm học. Vì vậy, vào năm thứ hai của Tom, trường không có lớp dành cho học sinh yếu kém. Chỉ cần thế, Gettysburg đã xóa sổ được hệ học thấp nhất.

Điều thú vị là, không có gì xảy ra. Không ai bỏ học vì lớp “tiếng Anh dành cho trẻ yếu kém” không còn. Ngay sau đó, các giáo viên ngừng nói về nó và mọi chuyện diễn ra như thể các lớp học ứng dụng chưa từng tồn tại.

Gettysburg và các học khu khác cũng đã cùng nhau xây dựng một trường kỹ thuật mới, để những đứa trẻ muốn học nghề có thể dành nửa ngày cho các chương trình cơ khí diesel hoặc điều dưỡng sơ cấp, đồng thời có được tín chỉ đại học cộng đồng. Chúng không được tham gia các chương trình này cho đến năm 16 tuổi, cũng như ở Ba Lan. Cho đến lúc đó, chúng phải tiếp tục học tiếng Anh, khoa học và toán.

Cơ khí diesel cần kiến thức về hình học và kiến thức cơ bản về vật lý để chẩn đoán và sửa chữa máy móc hiện đại hạng nặng. Trẻ phải có khả năng đọc bản thiết kế và các hướng dẫn sử dụng kỹ thuật. Chúng phải hiểu tỷ lệ phần trăm và tỷ lệ để đo lường khí trong khí thải. Mọi việc đều phức tạp hơn, bao gồm cả những công việc chân tay.

Tuy nhiên, bên cạnh những thay đổi quan trọng, mọi thứ ở Gettysburg vẫn vậy. Vẫn có rất nhiều lớp riêng biệt và trẻ được phân loại vào các lớp này từ rất sớm. Chương trình nâng cao đã phát triển nhưng không tăng quy mô gấp đôi. Phần lớn các giáo viên vẫn như cũ. Và, dù nhiều người rất quyết tâm, nhưng một số khác thì không, một giáo viên về hưu ở Gettysburg đã nói với tôi: “Cha mẹ phàn nàn và bọn trẻ cũng vậy, thế nhưng chúng vẫn học ở đây.”

Pennsylvania đã nhận được một điểm D+ cho hoạt động quản lý giáo viên từ Hội đồng quốc gia về Chất lượng giáo viên trong năm 2011 và 2012; một điểm F cho các hoạt động liên quan đến việc loại bỏ các giáo viên không hiệu quả.

Thể thao vẫn là văn hóa cốt lõi của trường Trung học Gettysburg. Tại mỗi trận bóng đá, không dưới bốn phóng viên địa phương xuất hiện. Cả hai tờ báo địa phương đều dành toàn bộ các mục cho thể thao trung học. Nhiều trận được phát sóng trên đài phát thanh. Các vận động viên học sinh có lịch trình dày đặc đến mức không còn thời gian và sức lực để học tập. Chúng phải nâng tạ suốt mùa hè, nhưng không cần phải làm nhiều bài tập toán. Blanchard đã rất nỗ lực để gia tăng động lực tại trường học, nhưng kết quả không có gì khác.

Trong năm 2011, 4/10 học sinh lớp 10 ở Gettysburg vẫn không làm được những bài toán ở đúng độ tuổi, theo bài thi của chính bang đó, vốn được cho là không quá khó. Khi các bạn cùng lớp của Tom tham gia kỳ thi SAT, chúng đạt điểm tốt hơn một chút so với mức trung bình toàn quốc về khả năng đọc hiểu và thấp hơn một chút ở môn toán. Điểm nâng cao của chúng rất cao, nhưng chỉ 1/3 học sinh tham gia lớp nâng cao. Mọi việc diễn ra như thể Gettysburg là hai trường học khác nhau, với một bộ ý tưởng dành cho các học sinh hàng đầu và một bộ ý tưởng dành cho phần còn lại. Sự chuyển biến đã ngừng lại.

Những nguyên tắc cơ bản

Tom thích hiệu trưởng Blanchard, dù cậu không biết rõ về ông và cậu không muốn nói

bất cứ điều gì về quê hương mình. Nhưng khi chúng tôi đi dạo ở Wroclaw và trò chuyện về những điểm khác biệt, cậu đã mô tả vấn đề của Gettysburg như sau: “Nhà trường không mấy quan tâm đến việc hướng học sinh tới những việc lớn lao.” Đó là một lý do khiến cậu muốn dành năm cuối cấp ở một nơi khác. Cậu muốn làm những việc lớn.

Chúng tôi đã đến địa chỉ số 13 ngay trước tiết học đầu tiên, một đám đông học sinh vừa mới tới. Tòa nhà được xây bằng gạch đỏ sẫm và đen với những khung cửa sổ chấn song. Giống phần còn lại của thành phố, số 13 là sự tương phản giữa cái cũ và mới; một nửa của nó được xây dựng lại sau Chiến tranh Thế giới thứ II, trong khi nửa còn lại được xây từ những năm 1800. Một nhân viên bảo vệ cau có đã cho phép chúng tôi băng qua tiền sảnh vào đại sảnh.

Số 13 là một trường học song ngữ của Đức, được coi là một trong những trường trung học tốt của thành phố. Sàn gỗ cứng, trần nhà cao và bàn gỗ nhưng không giống cơ sở vật chất ở Gettysburg. Ví dụ, trường không có quán ăn tự chọn. Bọn trẻ mang bánh mì từ nhà hoặc mua đồ ăn tại quầy bán thức ăn nhẹ trong trường.

Không có bảng trắng công nghệ cao hay máy tính xách tay ở đây. Ở Gettysburg, một nửa các lớp học có máy tính xách tay cho học sinh và một nửa còn lại sử dụng một trong năm phòng máy tính khi cần thiết. Khi chúng tôi xuống cầu thang, tôi hỏi Tom rằng cậu làm gì với những chiếc máy tính xách tay ấy. “Chúng cháu chơi trò Flash,” cậu vừa nói vừa cười, “hoặc tìm cách để vào Facebook”.

Tất nhiên, trẻ em Ba Lan cũng lãng phí thời gian vào Facebook. Chúng bị xao nhãng bởi trò World of Warcraft, giống hệt như bọn trẻ ở Mỹ. Tuy nhiên, chúng cũng đã dành rất nhiều thời gian ôn thi cuối cấp, nhiều hơn so với hầu hết các bạn cùng lớp với Tom đã học để thi SAT. Khi trẻ em Ba Lan tham dự kỳ thi tốt nghiệp đó, chúng mặc quần áo đẹp nhất – như các cầu thủ bóng đá trung học ở Mỹ vào sân thi đấu.

Và một điều khác nữa: Không có môn thể thao nào tại trường học của Tom ở Ba Lan. Thể thao đơn giản là không được xuất hiện trong giờ học ở trường. Tại sao vậy? Nhiều trẻ em chơi bóng bầu dục hoặc bóng rổ sau giờ học, nhưng không có sự lẫn lộn giữa mục đích đến trường hay điều gì quan trọng đối với những cơ hội trong cuộc sống sau này của trẻ. Không giống như hiệu trưởng Blanchard ở Pennsylvania, hiệu trưởng trường của Tom ở Ba Lan không phải tốn nhiều thời gian lo lắng về việc liệu giáo viên toán mới của cô có thể huấn luyện cả môn bóng chày hay không.

Khi chuông báo giờ học kết thúc, tôi theo Tom ra ngoài để nghỉ giải lao và hút thuốc theo thói quen của cậu. Chúng tôi đứng bên cạnh trường, cùng với hàng chục học sinh khác, một chiếc xe điện chạy ngang qua, làm rúng động chỗ chúng tôi đứng. Cậu đã có thói quen này ngay sau khi đến đây. Hồi ở Gettysburg, cậu có thể bị đình chỉ học vì hút thuốc ngoài giờ.

Giống như nhiều học sinh trao đổi người Mỹ khác, Tom tận hưởng sự tự do cậu có trong thời gian ở nước ngoài. Sau giờ học, cậu thích đến một trong 12 ốc đảo nằm trên sông Odra chạy qua thành phố. Ở đó, với đám đông các thanh thiếu niên Ba Lan khác, cậu và bạn bè của mình uống bia và hút thuốc. Cậu cảm thấy mình giống một người lớn có thể quyết

định làm gì, ngay cả khi đó là hành động ảnh hưởng xấu đến cậu.

Tuy nhiên, quyền tự chủ đó không phải lúc nào cũng hay. Nếu các thanh thiếu niên có thể tự chăm sóc bản thân sau giờ học thì họ cũng được kỳ vọng sẽ phải tự đối mặt với những khó khăn ở trường. Chúng sẽ không được che chắn, bao bọc trước những khó khăn. Tom nhớ, một lần trong lớp học, giáo viên công bố điểm thi trước lớp. Cậu rất ngạc nhiên khi nghe thấy kết quả: 22/26 học sinh trượt, một tỷ lệ không thể tưởng tượng nổi ở hầu hết các trường trung học Mỹ. Theo quan điểm của Tom, trường học ở Ba Lan không nhất thiết phải có vẻ tuyệt hơn ở Mỹ nhưng thực tế nó có vẻ tàn khốc.

Sau hôm đó, tôi đề nghị Tom giới thiệu tôi với cô hiệu trưởng, Urszula Spalka. Cậu đưa tôi đến văn phòng của cô và chúng tôi ngồi bên dưới một con đại bàng lớn, biểu tượng quốc gia của Ba Lan, treo trên bức tường màu tím nhạt. Spalka mặc một chiếc áo cánh ngắn màu đen và khoác ngoài chiếc vest nâu với bộ đồ trang sức to bản. Cô bắt đầu sự nghiệp như một giáo viên toán nhưng đã trở thành hiệu trưởng ở địa chỉ số 13 này được gần 20 năm.

Giống như Hoa Kỳ, Ba Lan điều hành các trường học ở cấp độ địa phương. Đất nước được chia thành 2.500 thành phố. Trung bình, Spalka và các hiệu trưởng khác phải chi khoảng 4.681 đô-la trên mỗi học sinh một năm, so với khoản 11.000 đô-la cho mục đích tương tự ở Gettysburg.

Spalka đưa ra những câu trả lời ngắn gọn cho câu hỏi của tôi, không biểu lộ nhiều cảm xúc. Khi tôi hỏi cô về những cuộc cải cách đã biến đất nước cô thành một hình mẫu cho phần còn lại của thế giới, cô có vẻ căng thẳng.

“Chúng tôi không quá vui mừng về những cuộc cải cách,” cô nói đầy lạnh nhạt. “Các trường học không thích những thay đổi triệt để trong khi thực tế là vậy.”

Mặc dù điểm số PISA của Ba Lan cao hơn, nhưng nhiều người Ba Lan vẫn nghĩ rằng thật sai lầm khi để mọi trẻ quy tụ về một trường trong suốt những năm tháng tuổi vị thành niên. Hoặc chúng buộc phải tập trung vào các vấn đề khác: Nhiều người nghĩ kỳ thi tốt nghiệp trước đó quá dễ và các giáo viên của đất nước đang đổ lỗi cho chính phủ về động thái làm tăng số giờ làm việc của họ.

Bất cứ đâu tôi đến, ở mọi quốc gia, mọi người đều phàn nàn về hệ thống giáo dục của họ. Đó là một chân lý phổ quát đến kỳ lạ. Không ai bằng lòng. Giáo dục trẻ em học cao hơn rất khó và mỗi quốc gia – mỗi người – đều vẫn đang phải nỗ lực rất nhiều để làm điều đó.

Vào mùa hè năm 2000, sau khi chứng kiến kết quả của giai đoạn cải cách đầu tiên, Handke đã từ chức. Ông đã thất bại trong việc đảm bảo kinh phí cần thiết nhằm chi trả cho mức tăng lương đã hứa với giáo viên, ngoài ra, ông đã quá mệt mỏi. Ông trở lại với môn hóa và ngay sau đó, đảng của ông bị đánh bại trong một kỳ bầu cử.

Ba Lan đã khắt khe hơn trước: Mức độ động lực, quyền tự chủ và sự công bằng cao hơn. Nhưng, giống như trường trung học Gettysburg, sự chuyển biến ở đây vẫn chưa đủ. Vẫn có quá nhiều trường sư phạm với chất lượng vô cùng chênh lệch. Các giáo viên chật vật tìm việc vẫn không nhận được mức lương tương xứng. Nếu không tăng gấp đôi sự chặt chẽ

và cố định chất lượng giảng dạy, Ba Lan có thể sẽ không bao giờ làm được như Phần Lan.

Ba Lan đã tạo ra một bước đột phá. Họ đã chứng minh rằng ngay cả các nước gặp khó khăn vẫn có thể làm tốt hơn cho con em họ chỉ trong một vài năm. Sự chặt chẽ có thể được ươm trồng. Nó không xuất hiện một cách tự nhiên. Thực tế, không có bằng chứng nào cho thấy điều đó xảy ra ở bất cứ nước nào. Các kỳ vọng có thể được nâng lên. Các nhà lãnh đạo táo bạo có thể giúp tạo nên cả một thế hệ trẻ thông minh hơn.

Trước khi được phân loại, trẻ em Ba Lan đã hoàn thành khảo sát đó, khảo sát gắn liền với kỳ thi PISA, nổi tiếng lần đầu tiên trên thế giới vì sự kiên trì. Dường như, ở đâu đó trên dọc hành trình, chúng có ý tưởng rằng nên coi việc học là một hành động nghiêm túc. Có lẽ bởi chúng được kỳ vọng như vậy.

Khi tôi nói chuyện với Handke vào năm 2012, ông đang hồi phục sau cơn đột quỵ, mà theo ông là do ba năm qua, ông đã bỏ công sức cải cách hệ thống giáo dục của đất nước mình. Nhìn lại, ông ước mình và đồng nghiệp đã làm một việc gì đó tốt hơn là cải cách. Họ đã tập trung vào chính sách thay vì quan hệ công chúng, mà đáng lý ra họ nên làm ngược lại. Đó là một sai lầm phổ biến, nhưng hối tiếc thì đã muộn. Chính trị, lịch sử và sự sợ hãi luôn quan trọng hơn chính sách, mọi lúc, mọi nơi. Tuy nhiên, ông an ủi mình bằng suy nghĩ rằng tranh cãi là điều không thể tránh khỏi.

“Mọi cải cách đều mang lại đau thương. Ai cũng muốn hòa bình. Khi bạn vốn quen với một điều gì đó, thì tốt hơn là chẳng có gì khác nên xảy ra.”

Tôi hỏi ông rằng ông sẽ làm gì nếu được trở lại quá khứ và bắt tay vào một thay đổi cuối cùng trước khi qua đời. Ông đã không ngần ngại trả lời.

“Các giáo viên. Mọi thứ đều dựa trên đội ngũ giáo viên. Chúng ta cần những giáo viên giỏi – có sự chuẩn bị, được lựa chọn kỹ lưỡng. Tôi sẽ không thay đổi bất cứ điều gì khác ngoài điều đó.”

PHẦN III. MÙA XUÂN



Phần Lan mới: Bức tự họa của
một học sinh ở Espoo, Phần Lan

Chương 8. SỰ KHÁC BIỆT

Một ngày thứ Sáu vào mùa đông tối tăm và dài lê thê, cô chủ nhà đề nghị với Kim rằng cô bé cần được giúp đỡ. Một vấn đề đã xảy ra vào khoảng thời gian sinh nhật thứ 16 của cô vào tháng Hai năm đó; cô bắt đầu khóc không rõ lý do, ở trường và cả ở nhà. Kim không biết tại sao. Đó là một trong những mùa đông lạnh nhất trong lịch sử Phần Lan và mặt trời chỉ chiếu sáng sáu tiếng mỗi ngày. Có lẽ đó là lý do. Hoặc có thể là do cuộc chiến tranh lạnh với hai cô bé sinh đôi 5 tuổi muốn giành lại mẹ. Cặp song sinh đã kiên trì hơn cô. Tất cả những gì Kim biết chắc chắn là cô cảm thấy cạn lực, gần như kiệt sức.

Cô tâm sự với cô chủ nhà rằng có lúc cô cảm thấy mất hết hy vọng. Cô Susanne đã nói chuyện với những người trong chương trình trao đổi và họ đã quyết định rằng Kim phải đến Helsinki để gặp bác sỹ tâm lý xem cô có nên trở về Mỹ sớm hay không.

Kim không phản đối. Cô lấy chiếc va li của bà ngoại ra và lặng lẽ xếp đồ vào. Cô gói đôi găng tay mà em gái Kate đã tặng cô và chiếc áo len Ai-len từ một người bạn của dì cô, mọi thứ mà họ nghĩ cô sẽ cần để sống sót ở Phần Lan. Những tấm lòng tuyệt vời, cô nghĩ thầm.

Cô nói lời tạm biệt hai bé gái, cuối cùng cô cũng phải nhường phòng chơi cho những kẻ chiến thắng. Mang theo mọi thứ, đề phòng phải về Oklahoma luôn, cô cảm thấy như thể những điều này đang xảy ra với một người nào khác. Lặng im, Kim thu mình trong chiếc vỏ

ốc quen thuộc của mình.

Khi ngồi trên tàu cao tốc đến Helsinki, lướt qua những hồ nước xanh thẳm và những cây thông phủ đầy tuyết trắng, Kim nhắm mắt lại. Cô thấy những chiếc bánh gạo được gói gọn gàng mà cô đã bán để kiếm tiền, những chiếc giường tầng ở ngôi nhà mới tại Phần Lan, cuốn sách thiếu nhi mà giáo viên tiếng Phần Lan đã đưa cho cô. Cô nghĩ về cảnh tượng phải rời Phần Lan sớm vài tháng, không thể hoàn thành nốt những việc còn dang dở.

Kim đã được cảnh báo về chuyện này trong hàng loạt các email từ AFS, chương trình trao đổi mà cô tham gia. Thanh thiếu niên sống ở nước ngoài có xu hướng trải qua các giai đoạn có thể dự đoán được, xuất hiện vào giữa năm thì càng tệ. Nhiều người cảm thấy chán nản và bị cô lập. Sự hứng khởi ban đầu mất dần khi kỳ nghỉ đến. Tuy nhiên, Kim đã không nghĩ rằng tình trạng bất ổn này có thể xảy đến với cô, sau tất cả những gì cô đã làm để đến được đây.

Nhìn ra cửa sổ trên tàu, Kim thấy bóng mình phản chiếu qua tấm kính. Cô cảm thấy như trong cô đang tồn tại hai người. Một phần đầu hàng thất bại, sẵn sàng chứng minh mọi người đã đúng. Có lẽ lúc trước cô nên đến Ý, một nơi nào đó ấm áp và tươi sáng, hoặc có lẽ cô nên ở lại Oklahoma, giống như mẹ cô đã nói.

Phần còn lại trong cô, chỉ chực chờ đứng dậy, bắt đầu khuấy động sau một khoảng im lặng dài. Đây là cô gái đã viết thư cho 60 doanh nghiệp ở Sallisaw, Oklahoma, đề nghị họ tài trợ cho chuyến đi của cô đến Phần Lan. Khi không có ai phản hồi, cô đã chuyển sang bán thịt bò khô, giao hàng tận nhà. Phần ấy trong cô vẫn còn nguyên vẹn, ở đâu đó. Trong tâm trí, cô tưởng tượng rằng cô gái đó đang cột dây giày chiến đấu. Cô gái đó không có ý định lập tức quay trở lại Oklahoma.

Tại Helsinki, Kim gặp bác sỹ tâm lý. Họ nói chuyện về lý do cô đến Phần Lan, việc bố mẹ cô ly hôn và những nỗ lực của cô để sống ở nước ngoài. Bác sỹ tâm lý nọ đã loại trừ chứng trầm cảm nghiêm trọng và họ đồng ý gặp lại nhau.

Giữa các buổi gặp mặt, Kim đi thăm thú Helsinki, tham quan viện bảo tàng, đi xe buýt và quan sát mọi người. Sau 16 năm ở vùng nông thôn Oklahoma và sáu tháng ở vùng nông thôn Phần Lan, cô thấy thật phấn khởi khi được thấy rất nhiều người quy tụ ở một nơi. Đứng bên bến cảng vào buổi chiều tà, Kim quá ấn tượng khi bắt gặp không biết bao nhiêu đứa trẻ. Giờ học đã kết thúc, nhưng việc tình cờ nhìn thấy chúng đi trên các đường phố Helsinki thật tuyệt. Có một cậu bé, chắc chưa đến 10 tuổi, ngồi trên một chiếc ghế dài; xa xa có hai cô bé, chơi gần một đài phun nước. Cô quan sát những đứa trẻ ở Pietarsaari; cả những đứa nhỏ tự đi đến trường. Tuy nhiên, cô đã không mong đợi sẽ được nhìn thấy một điều tương tự tại thành phố lớn nhất của Phần Lan này. Cảm thấy ghen tị với chúng một cách kỳ lạ, cô tự hỏi sẽ thế nào nếu mình được lớn lên với sự tự do như vậy?

Sau hai tuần, bác sỹ tâm lý nói với Kim rằng cô có thể ở lại Phần Lan. Cô đã được trao cơ hội thứ hai. Kim cảm thấy hồi hộp như thể vừa nhận được hộ chiếu một lần nữa. AFS tìm thấy một cặp vợ chồng lớn tuổi sở hữu một ngôi nhà lớn ở Pietarsaari để Kim trú chân đến hết năm. Cô có thể trở lại thị trấn trước đây và còn có hẳn một phòng riêng.

Lần này, Kim biết, cô cần phải lên tiếng. Lẽ ra cô nên nói với cô Susanne rằng cô rất yêu mến cô ấy nhưng cô cần một gia chủ có đủ không gian về tinh thần và vật chất dành cho cô. Cô không muốn xúc phạm bất cứ ai, vì vậy cô đã im lặng quá lâu.

Có một từ trong tiếng Phần Lan là *sisu*. Nó có nghĩa là sức mạnh khi đối mặt với những rủi ro lớn, như một dạng nội lực. Kim lần đầu tiên biết đến từ *sisu* khi cô học tiếng Phần Lan ở Oklahoma. "Nó là sự kết hợp của lòng can đảm và dũng cảm, của sự quyết liệt và kiên trì," tạp chí *Time* đã viết trong một câu chuyện về Phần Lan vào năm 1940, "của khả năng tiếp tục chiến đấu sau khi hầu hết mọi người bỏ cuộc và chiến đấu với ý chí giành chiến thắng."

Nó có thể là một từ gói gọn cách sống của người Phần Lan đầy đủ hơn bất kỳ từ nào khác. Tinh thần sisu đã giúp Phần Lan tự đứng lên từ bờ vực của khó khăn để trở thành một siêu cường về giáo dục. *Sisu* giúp giải thích làm thế nào một quốc gia nhỏ hơn Montana đã phát minh ra Nokia, Marimekko và hệ điều hành Linux, chưa kể đến trò chơi *Angry Birds*. *Sisu* là phiên bản động lực của Phần Lan, một nguồn lực âm thầm nhưng không bao giờ tắt. Trong tiếng Anh không có từ nào chuyển nghĩa được cho *sisu*, mặc dù từ đồng nghĩa gần nhất có thể là *grit* (sự chịu đựng bền bỉ).

Ngày hôm đó, khi đến trạm ga gần Pietarsaari, Kim cảm thấy như cô đã hiểu *sisu* là gì. Không biết cảm giác đó sẽ kéo dài bao lâu nhưng cô hy vọng mình sẽ nhớ nó. Khi nhấc va li xuống tàu và ra ngoài cùng các hành khách khác, cô cảm thấy như thể cô thuộc về nơi đây.

Hiện thực trực tuyến

Tôi đã gặp Kim và vợ chồng chủ nhà của cô bé trong một bữa tối mùa xuân ở Pietarsaari. Lúc đó, tuyết đã tan. Chúng tôi gặp nhau tại một nhà hàng có mái che lớn màu trắng bên bờ biển. Kim vẫn giữ liên lạc với cô Susanne dù đã chuyển ra ngoài. Cô viết bài thường xuyên cho một mục báo của Susanne còn Susanne đang tập trung viết truyện về Kim trên một tạp chí của Phần Lan.

Chúng tôi ăn cá tuyết cùng quả mâm xôi. Kim ngồi giữa, mặc chiếc áo khoác đỏ và kể chuyện về những ngày đầu đến Phần Lan. Cô bé có vẻ hiểu rõ bản thân mình hơn, khác nhiều so với cô của vài tháng trước, khi nói với tôi về dự định quay trở lại Mỹ.

"Cháu đang xin học qua mạng," cô nói.

Kim đã quyết định không trở lại trường Trung học Sallisaw. Cô không muốn là cô của trước đây và cô sợ mình không thể thay đổi nếu mọi thứ ở đó không đổi.

"Cháu e rằng sự thờ ơ sẽ lại bắt đầu ảnh hưởng đến cháu. Rằng cháu sẽ rơi vào chiếc bẫy quan điểm như các bạn học của cháu."

"Quan điểm gì vậy?"

"Đó là 'việc học không quan trọng; trường học chết tiệt này, sao chúng ta lại phải ở đây?' Cháu cảm thấy như thể mình nằm ngoài suy nghĩ đó."

Kim đã nghiên cứu các trường nội trú qua Internet, giống như cô đã từng nghiên cứu về Phần Lan. Thật kỳ diệu. Sau đó cô đã bắt gặp một đường link về trường trung học Oklahoma trực tuyến. Cô khám phá ra tuy đó là trường trực tuyến nhưng đó là một trường trung học thực sự. Và nó miễn phí, không giống như các trường nội trú. Cô và mẹ sẽ trao đổi thêm về nó, nhưng có vẻ Kim rất tự tin về việc cô sẽ tìm ra cách để học hết những năm cuối cấp ở Mỹ.

Sau đó, chúng tôi đứng dậy hòa vào hoàng hôn xanh thẫm. Lúc đó khoảng 10 giờ và trời vẫn sáng, thời gian tuyệt vời trong năm khi các nước Bắc Âu nhận được món nợ từ mùa đông. Kim để tôi chụp một vài tấm ảnh cô bé đứng trước biển, sau đó cô lên xe đạp và về nhà, giống như một người Phần Lan thực sự.

Kỳ thi căng thẳng

Hai ngày sau đó, tôi cùng Kim đến trường. Tôi tham dự các tiết học với cô bé và được cô giới thiệu với hiệu trưởng cùng các giáo viên. Đó là tuần mà các học sinh cuối cấp nhận được kết quả kỳ thi quan trọng mà họ đã tham gia trước đó trong năm – kỳ thi xác định trường đại học họ sẽ theo học. Giáo viên tiếng Phần Lan của Kim, Tiina Stara, rất lo lắng cho học sinh của mình. “Chúng gặp rất nhiều áp lực. Không đến mức như ở Nhật Bản hay Hàn Quốc, nhưng vẫn có.”

Kỳ thi này đã được thực thi trong hơn 160 năm và là một phần không thể thiếu trong hệ thống. Những quốc gia có kết quả giáo dục tốt nhất đều có những kỳ thi kiểu này vào cuối cấp. Đó là một trong những khác biệt rõ ràng nhất giữa họ và Hoa Kỳ – nơi có rất nhiều kỳ thi, nhưng rất ít trong số đó có ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống của trẻ em.

Các kỳ thi xét tuyển như ở Phần Lan đã giúp đưa động lực vào hệ thống giáo dục – tạo ra một vạch đích tươi sáng cho trẻ em và các trường để họ nỗ lực hơn nữa. Thanh thiếu niên từ các nước có kiểu kỳ thi này đạt điểm PISA cao hơn các bạn ở các quốc gia không có khoảng 16 điểm.

Tuy nhiên, Stara lo lắng rằng kỳ thi này sẽ khiến học sinh của cô căng thẳng và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch giảng dạy của cô. “Đôi khi tôi rất muốn bày trò vui vẻ với chúng”, cô nói, siết chặt nắm tay lại. “Tôi nghĩ việc vừa học vừa chơi rất quan trọng.” Ngoài kỳ thi xét tuyển ra, học sinh Phần Lan vẫn phải kiểm tra thường xuyên ở lớp và thi hết môn cứ sáu tuần một lần vào cuối mỗi học kỳ nhỏ. Trong các cuộc điều tra, trẻ em Phần Lan cho rằng số lượng lớn các bài kiểm tra là một lý do khiến chúng không thích học. Các bài kiểm tra đã gây tranh cãi trên toàn thế giới, một hiện tượng rất phổ biến.

Stara vội nói thêm rằng cô sẽ không bỏ các kỳ thi xét tuyển nếu có thể. “Đó là một kỳ thi hay,” cô vừa nói vừa gật đầu.

Sau đó cô mô tả về sự chặt chẽ như sau: kỳ thi của Phần Lan kéo dài hơn ba tuần đầy mệt mỏi và diễn ra trong khoảng *50 giờ*. Giám thị đưa học sinh vào tận nhà vệ sinh để đảm bảo rằng chúng không gian lận. Phần thi tiếng Phần Lan diễn ra trong hai ngày. Vào ngày đầu tiên, các học sinh đọc một số văn bản và viết bài luận ngắn phân tích mỗi văn bản trong thời gian sáu giờ. Vào ngày thứ hai, học sinh chọn một trong 14 chủ đề và viết một bài luận

dài duy nhất trong sáu giờ tiếp theo. Một chủ đề gần đây có nội dung là: “Tại sao rất khó để đạt được hòa bình ở Trung Đông?” hay “Tôi viết blog nên tôi tồn tại.”

Để làm tốt, học sinh phải có khả năng cấu trúc một bài luận dài, truyền đạt các ý tưởng phức tạp và tất nhiên, sử dụng đúng chính tả và ngữ pháp. Stara cảm thấy việc giúp học sinh của mình làm tốt bài thi này là một trách nhiệm nặng nề.

Thật khó để tưởng tượng ra một kỳ thi như thế ở Mỹ. SAT và ACT có mục đích tương tự, nhưng không bài thi nào toàn diện hoặc được đưa vào trường học. Nhiều tiểu bang có kỳ thi tốt nghiệp riêng, nhưng trẻ em Mỹ không cần nhiều *sisu* để vượt qua chúng. Kỳ thi tốt nghiệp Regents ở New York được coi là một trong những kỳ thi thách thức nhất. Tuy nhiên, phần tiếng Anh chỉ diễn ra trong khoảng thời gian bằng một phần tư so với kỳ thi của Phần Lan. Nó chỉ gồm một bài luận và hai câu trả lời ngắn, mỗi câu dài khoảng một đoạn văn.

Kỳ thi tiếng Anh trước đây diễn ra trong sáu giờ, nhưng Hội đồng thi đã bỏ phiếu giảm thời gian xuống một nửa vào năm 2009, với lý do liên quan đến những thách thức hậu cần trong việc quản lý một kỳ thi kéo dài, đặc biệt với những ảnh hưởng khách quan khác, như tuyết rơi, vốn là một lý do chính đáng ở Phần Lan. Nhìn chung, kỳ thi Regents cần thời gian bằng 1/3 thời gian thi ở Phần Lan.

Ở Phần Lan, học hành rất khó khăn và thi cử ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của học sinh. Tuyết không phải là một lý do chính đáng. Điều đó có thể giải thích tại sao chỉ có 20% thanh thiếu niên Phần Lan cho biết chúng muốn học toán so với 40% người Mỹ. Chúng đã phải rất nỗ lực trong khi các kỳ vọng đặt ra rất cao. Khoảng một nửa số trẻ em Phần Lan cho biết chúng đạt điểm cao môn toán, so với gần 3/4 học sinh Mỹ. (Trong thực tế, các thiếu niên 15 tuổi người Mỹ có nhiều khả năng nói chúng đạt điểm cao môn toán hơn trẻ ở 37 quốc gia khác.) Giáo dục nghiêm túc vốn rất *khó khăn*. Lý tưởng mà nói, nó cũng rất thú vị nhưng ở Phần Lan, điều này không phải lúc nào đúng.

Có rất nhiều điều để nói về các giáo viên Mỹ, những người, ở nhiều trường, đã cố gắng để khiến học trò vui vẻ và tham gia vào các hoạt động tương tác trong lớp học. Trong cuộc khảo sát của tôi với 202 học sinh trao đổi, tôi đã rất bất ngờ trước số lượng lớn học sinh dành thiện cảm cho giáo viên của họ tại Mỹ. Một học sinh trao đổi người Đức được khảo sát đã mô tả sự khác biệt thế này:

“Các giáo viên ở Mỹ thân thiện hơn. Họ giống như bạn bè của bạn... Ở Đức, chúng tôi không biết gì về giáo viên của mình. Họ chỉ là giáo viên mà thôi. Chúng tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với họ về những vấn đề cá nhân.”

Sự kết nối giữa các giáo viên và học sinh rất quan trọng và các giáo viên Mỹ xứng đáng được khen ngợi khi kết nối với học sinh của họ. Nhưng học cách tư duy bậc cao hơn, đọc và làm toán tốt hơn cũng rất quan trọng. Phần Lan có vẻ đã tìm thấy cách để tạo ra những áp lực có thể kiểm soát, thứ khiến các giáo viên nhiệt tâm lo lắng chứ không phải thứ buộc hàng triệu trẻ em học từ 15 đến 18 giờ mỗi ngày. Phần Lan đã đạt được những bước tiến dài về chất lượng giảng dạy, quyền tự chủ và sự cân bằng, đồng nghĩa với việc họ có thể đạt được động lực lớn hơn. Ở Phần Lan, trẻ em vừa được học vừa được sống.

Người da đen ở Phần Lan

Càng dành nhiều thời gian ở Phần Lan, tôi càng đánh giá cao sự cân bằng hiếm hoi mà đất nước này đạt được. Phần Lan đã đạt được sự chặt chẽ mà không gây ra bất cứ đổ vỡ nào. Tôi cũng không thể không chú ý đến một điều khác biệt nữa: Trong suốt thời gian ở Pietarsaari, tôi chỉ nhìn thấy duy nhất một người da đen. Trong các lớp học của Kim, tất cả mọi người, về cơ bản, đều giống nhau. Trên toàn quốc, chỉ có 3% học sinh Phần Lan có cha mẹ là người nhập cư (so với 20% thanh thiếu niên tại Hoa Kỳ).

Thực tế, Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan đều là những quốc gia đồng nhất với rất ít người nhập cư hoặc dân tộc thiểu số. Nhật Bản và Thượng Hải, Trung Quốc, hai siêu cường giáo dục khác cũng có tỷ lệ tương tự. Có thể sự đồng nhất là một điều kiện tiên quyết mang lại sự chặt chẽ về quy mô. Sự đồng nhất đã mang lại sự hài hòa, mà bằng cách nào đó giúp thúc đẩy việc học tập? Nếu vậy, Phần Lan chẳng có gì liên đới đến một nơi rộng lớn và ồn ào như Hoa Kỳ?

Sự đa dạng là một trong những từ bị đả phá quá thường xuyên đến mức mất hết ý nghĩa. Vấn đề là có hàng ngàn cách để *đa dạng*. Tại Hoa Kỳ, các cuộc trò chuyện về sự đa dạng thường liên quan đến vấn đề về chủng tộc. Mỹ theo dõi chặt chẽ chủng tộc của các học sinh do lịch sử phân biệt chủng tộc đã được thể chế hóa của nó: các nước khác thì không, nên quá trình so sánh khó thực hiện.

Nhưng đáng tiếc là tại Hoa Kỳ, các học sinh người Mỹ gốc Phi đạt kết quả rất kém trong kỳ thi PISA. Trung bình, họ đạt mức điểm thấp hơn các học sinh da trắng ở môn đọc hiểu khoảng 80 điểm vào năm 2009. Điều đó giống như việc những đứa trẻ da trắng đã được học trước hai năm, dù chúng cùng độ tuổi. Khoảng cách giữa học sinh da trắng và học sinh Mỹ gốc Phi cũng được thể hiện theo nhiều cách khác, từ tỷ lệ tốt nghiệp đến điểm thi SAT. Nói chung, một phần khoảng cách đó có thể được giải thích bởi tình hình kinh tế; học sinh da màu thường đến từ các gia đình có thu nhập thấp với bố mẹ là người ít học.

Phần còn lại phức tạp hơn: các bậc cha mẹ da màu thường có ít sách và ít đọc cho con cái mình hơn, một phần bởi họ có học vấn thấp. Sau đó, khi trẻ em da màu bước ra khỏi nhà và đi học mỗi ngày, sự chênh lệch dần tích tụ lại. Trẻ em người Mỹ gốc Phi thường được giảng dạy không ra gì và ít được kỳ vọng ở trường, đồng thời chúng bị ép vào các nhóm cấp thấp nhất trong môn đọc hiểu và toán học.

Mỗi ngày đến trường, trẻ em người Mỹ gốc Phi nhận được một thông điệp vốn xuất hiện ở nhiều trường học trên cả nước. Nó ngắn gọn nhưng sâu xa: Thời gian của các bạn chỉ là thứ bỏ đi và sự khác biệt của các bạn chẳng tốt đẹp gì. Những loại tín hiệu kiểu này đã ăn sâu vào tiềm thức của trẻ, nghiễm nhiên vang lên bất cứ khi nào chúng dự tính làm gì. Trong một nghiên cứu dài hạn về thanh thiếu niên Úc, các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng khát vọng của những thanh thiếu niên 15 tuổi có thể dự đoán được tương lai của chúng. Những trẻ có kỳ vọng cao về bản thân, những em đã lên kế hoạch hoàn tất việc học trung học và vào đại học, có nhiều khả năng tốt nghiệp trung học hơn. Thực tế, tình trạng kinh tế xã hội của các bậc cha mẹ dường như không ảnh hưởng nhiều đến tỷ lệ tốt nghiệp của chúng, xét về mặt thống kê, miễn là chúng có khát khao.

Tuy nhiên, bất chấp tất cả những khó khăn phải đối mặt, trẻ em người Mỹ gốc Phi không phải là nguyên nhân chính dẫn đến thành tích kém cỏi nói chung của nước Mỹ. Bởi 5/6 trẻ em Mỹ *không phải* là người da đen. Hơn nữa, những đứa trẻ da trắng cũng không giỏi toán. Trung bình, thiếu niên Mỹ da trắng đạt thành tích tệ *hơn* tất cả các học sinh ở nhiều quốc gia khác, bao gồm trẻ em ở Canada, New Zealand và Úc, những nước có tỷ lệ trẻ nhập cư cao. Dựa trên cơ sở tỷ lệ phần trăm, bang New York có ít trẻ *da trắng* đạt điểm số cao trong môn toán hơn Ba Lan và Estonia nói chung.

Thật không đơn giản. Sự đa dạng có thể làm tăng *hoặc* giảm điểm thi và thực tế đúng là vậy. 1/5 học sinh Mỹ là dân nhập cư, cao thứ 6 trong nhóm các nước phát triển. Nhưng những người nhập cư ở Mỹ rất đa dạng: ví dụ, học sinh Tây Ban Nha đạt điểm cao hơn các bạn da màu trong kỳ thi PISA và thấp hơn các bạn da trắng, nhưng người Mỹ gốc Á đạt điểm cao nhất trong tất cả.

Nhìn chung, khoảng cách về điểm đọc trong kỳ thi PISA giữa học sinh bản địa và học sinh nhập cư ở Hoa Kỳ là 22 điểm – thấp hơn so với Đức hoặc Pháp, với khoảng cách 60 điểm, nhưng không ấn tượng bằng Canada, nơi khoảng cách này bằng 0. Điều này phần nhiều phụ thuộc vào nền tảng giáo dục và thu nhập của các bậc cha mẹ nhập cư, vốn liên quan đến lịch sử và các chính sách nhập cư của từng quốc gia nhất định.

Phần còn lại phụ thuộc vào những gì các nước đã *thực hiện* với con em họ. Tại Hoa Kỳ, hoạt động tài trợ vốn cho trường học dựa trên thuế bất động sản địa phương đã khuyến khích các gia đình chuyển vào khu dân cư giàu có nhất mà họ có đủ khả năng, để con em họ được vào học tại các trường tốt. Hệ thống này thúc đẩy nạn phân biệt chủng tộc.

Bởi trẻ em da đen, gốc Tây Ban Nha và người nhập cư thường đến từ các gia đình ít có điều kiện hơn nên chúng theo học tại các trường hạng trung với những đứa trẻ cùng hoàn cảnh. Từ năm 1998 đến năm 2010, học sinh Mỹ nghèo tập trung hơn ở các trường có các bạn nghèo khác.

Vấn đề lớn nhất với kiểu đa dạng này là nó không thực sự *đa dạng*. Hầu hết trẻ em da trắng có bạn cùng lớp là người da trắng. Trong khi đó, vào năm 2005, có nhiều học sinh da đen và gốc Tây Ban Nha chọn học tại các trường có đông học sinh như chúng hơn so với năm 1980.

Học sinh có thu nhập thấp, người gốc Tây Ban Nha, hoặc Mỹ gốc Phi thường xuyên đạt điểm thấp, có đời sống gia đình không ổn định và các kỳ vọng ở chúng cũng thấp theo. Trẻ em thường học hỏi lẫn nhau, một động thái có thể mang lại ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực. Ở Ba Lan, trẻ lạc lối ngay sau khi chúng được phân vào các trường dạy nghề; tương tự như vậy, dường như có một điểm tới hạn đối với các kỳ vọng tại Hoa Kỳ. Trung bình, trường học với đa phần là trẻ em có thu nhập thấp thường thiếu vắng biểu hiện cho thấy sự chặt chẽ một cách có hệ thống. Những ngôi trường ấy có chất lượng giảng dạy không phù hợp, ít trao quyền tự chủ cho giáo viên hoặc học sinh, ít động lực học tập và ít sự công bằng. Do để trẻ có hoàn cảnh khó khăn học cùng trường, nên Hoa Kỳ đã gặp phải những vấn đề khó khăn và khiến chúng càng khó khăn hơn nữa.

Tại Singapore thì ngược lại. Ở đó, dân cư cũng rất đa dạng, khoảng 77% dân số là

người Trung Quốc, 14% là người Mã Lai, 8% là người Ấn Độ và 1,5% là các dân tộc khác. Họ nói tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Mã Lai và tiếng Tamil với năm tín ngưỡng khác nhau (Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Đạo giáo và Ấn Độ giáo). Tuy nhiên, Singapore lại đứng đầu về điểm số PISA trên thế giới, cùng Phần Lan và Hàn Quốc. Hầu như không có khoảng cách nào về điểm số giữa học sinh nhập cư và học sinh bản địa tại đây.

Tất nhiên, Singapore cơ bản là một thế giới khác so với hầu hết các nước. Nó được cai trị bởi chế độ độc tài với một bộ máy quan liêu có hiệu suất cao một cách bất thường. Chính phủ kiểm soát hầu hết mọi biến thể của sự chặt chẽ, từ quy mô các giáo viên mới đến sự pha trộn của các dân tộc trong phát triển nhà ở. Singapore không có kiểu phân biệt chủng tộc cực đoan đã tồn tại lâu đời như Hoa Kỳ, bởi các nhà hoạch định chính sách cấm điều đó.

Ở hầu hết các nền dân chủ tự do, chính phủ không có kiểu quyền lực đó. Các bậc cha mẹ ở đây có xu hướng tự tách biệt. Nếu sự phân biệt giai cấp nhẹ nhàng hơn và chất lượng của các trường học phù hợp hơn, xu hướng này có thể được kiểm soát.

Quan sát những đứa trẻ trong lớp học của Kim, một số đầy sức sống, một số tách biệt, nhưng tất cả đều là người da trắng, tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu dân số Phần Lan đột nhiên thay đổi. Liệu Phần Lan còn giữ niềm tin chung về sự chặt chẽ không nếu học sinh của họ thuộc về mọi màu da khác nhau? Hay mọi thứ sẽ khác đi?

“Tôi muốn nghĩ chúng đều như nhau.”

Phần Lan là một nơi đồng nhất, nhưng không hẳn vậy. Số người nước ngoài đã tăng lên hơn 600% từ năm 1990 và hầu hết những người mới đều đến Helsinki.

Để tìm hiểu sự đa dạng đã làm thay đổi văn hóa về sự chặt chẽ, tôi đã đến trường Tiistilä, ngay bên ngoài Helsinki, nơi một phần ba số trẻ em là dân nhập cư, nhiều em là dân tị nạn. Trường nhận trẻ từ 6 đến 13 tuổi. Nó được bao quanh bởi các tòa nhà bê tông trông khốn khó, chẳng giống như đang ở Bắc Âu.

Trong một lớp học trên tầng hai, Heikki Vuorinen đứng trước các học sinh lớp sáu của mình. Bốn trong số đó là người châu Phi; hai trẻ đội khăn trùm đầu. Một cậu bé Albania đến từ Kosovo ngồi gần một cậu bé Trung Quốc. Có rất ít trẻ da trắng sinh ra ở Phần Lan. Vuorinen giao bài cho bọn trẻ rồi ra ngoài nói chuyện với tôi.

Mặc một chiếc áo phông màu tím, quần jean và đeo kính mắt hình chữ nhật kiểu gọng nhỏ, Vuorinen tự hào cho hay anh có học sinh đến từ chín quốc gia khác nhau trong năm đó, bao gồm cả Trung Quốc, Somalia, Nga và Kosovo. Hầu hết đều có cha mẹ đơn thân. Ngoài ra, anh không muốn suy đoán gì thêm.

“Tôi không muốn nghĩ về nguồn gốc của chúng quá nhiều,” anh nói, đưa tay vuốt ngược mái tóc vàng mỏng của mình rồi mỉm cười. “Có 23 viên ngọc trai trong lớp học của tôi. Tôi không muốn chúng bị tổn thương.”

Khi được hỏi, anh kể với tôi về một trong những học sinh đặc biệt của mình. Cô bé có

sáu anh chị em: cha là một người gác cổng và mẹ là bảo mẫu. Tiền bạc đối với họ rất eo hẹp. Nhưng anh cho biết, cô bé học giỏi nhất lớp.

Vuorinen khó chịu ra mặt về chuyện gán mác các học sinh của mình. “Tôi không muốn thương hại chúng,” anh giải thích, “bởi tôi phải dạy học. Nếu nghĩ về tất cả những điều này quá nhiều, tôi sẽ cho chúng điểm cao hơn trong khi chúng học kém hơn. Tôi nghĩ rằng, ‘Ồ, bọn trẻ thật đáng thương. Tôi có thể làm gì?’ Việc đó sẽ khiến công việc của tôi trở nên quá dễ dàng.”

Dường như anh nhận thức sâu sắc được ảnh hưởng mà các kỳ vọng sẽ tác động đến việc giảng dạy của mình. Sự đồng cảm với cuộc sống gia đình trẻ có thể lấy đi sự tôn nghiêm trong lớp học của anh. “Tôi muốn nghĩ chúng đều như nhau.”

Tôi chưa bao giờ nghe một giáo viên Mỹ nào nói chuyện như vậy. Trái lại, các luật lệ của tiểu bang và liên bang *buộc* các giáo viên và hiệu trưởng suy nghĩ khác về bọn trẻ; họ phải theo dõi chủng tộc và thu nhập của gia đình học sinh để báo cáo dữ liệu cho chính phủ. Trường học được đánh giá bằng điểm thi của trẻ ở mỗi môn học. Hầu hết các hiệu trưởng đều nằm lòng tỷ lệ trẻ có thu nhập thấp và trẻ dân tộc thiểu số, giống như các cầu thủ bóng chày biết mức đánh bóng trung bình của mình. Có nhiều lý do quan trọng dẫn tới những việc làm mang tính gán mác này; chính phủ Hoa Kỳ đang cố gắng làm nổi bật sự bất công nhằm thay đổi nó. Tuy nhiên, tôi tự hỏi sự thức tỉnh ấy đã đàn áp các kỳ vọng đến mức nào trong suốt quá trình thực hiện.

Diane Ravitch, một trong những nhà bình luận giáo dục nổi tiếng nhất ở Mỹ, đã khẳng định trong nhiều năm rằng người Mỹ nên suy nghĩ về nguồn gốc của các học sinh *nhiều hơn*, chứ không phải ít hơn. “Vấn đề của chúng ta là đói nghèo, không phải trường học,” cô nói với đám đông hàng ngàn giáo viên tại một cuộc biểu tình diễn ra ở D.C. vào năm 2011. Trẻ em *không phải* đứa nào cũng giống nhau, nói theo cách khác, chúng là những cá thể riêng biệt.

Ở Phần Lan, Vuorinen nói ngược lại những gì mà Ravitch đã nói ở Mỹ.

“Sự giàu có không có nghĩa lý gì hết,” anh nói, “bộ não của bạn mới quan trọng. Bọn trẻ biết điều đó từ khi còn rất nhỏ. Chúng ta có khác gì nhau đâu.”

Càng dành thời gian ở Phần Lan, tôi càng bắt đầu nghĩ rằng câu chuyện đa dạng tại Hoa Kỳ – câu chuyện đã đổ lỗi mức trung bình học vấn của trẻ là do nền tảng gia đình và xuất thân của chúng – cũng nguy hiểm như sự bất bình đẳng về kinh phí. Câu chuyện này không sai lầm nhưng cuối cùng cũng dẫn tới một định mệnh. Hoa Kỳ có tỷ lệ đói nghèo quá cao; học sinh các dân tộc thiểu số *không được* học đủ. Các bậc cha mẹ cũng là một vấn đề, như việc chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng. Rõ ràng là vậy.

Nhưng câu chuyện cũng ẩn chứa những nguyện vọng thấp, định hình nên cách giáo viên nhìn nhận học sinh của mình, giống như nỗi lo sợ của Vuorinen. Từ những năm 1960, quá trình tìm hiểu đã chỉ ra rằng nếu các nhà nghiên cứu kiểm tra một lớp học và nói với các giáo viên rằng một số học sinh nhất định có tiềm năng học tốt hơn trong vài tháng tới, những người giáo viên sẽ cư xử khác với lũ trẻ được lựa chọn. Họ gật đầu nhiều hơn, cười

nhiều hơn và dành cho chúng nhiều thời gian hơn để trả lời câu hỏi và phản hồi cụ thể hơn.

Thực tế, những đứa trẻ đã được chọn ngẫu nhiên. Cái mác kia là giả nhưng ảnh hưởng của nó là thật. Vào cuối năm học, các giáo viên vẫn mô tả những học sinh này thú vị hơn, có khả năng thích nghi hơn và sẽ thành công hơn trong cuộc sống. Với những em khác, những trẻ học tốt ở lớp, nhưng không được chọn thì sao? Các giáo viên này mô tả chúng ít có khả năng thành công và ít được yêu thích hơn. Não bộ của con người phụ thuộc vào các nhãn mác và khuôn mẫu; nếu một nhà nghiên cứu (hoặc một câu chuyện văn hóa) cung cấp cho giáo viên một khuôn mẫu hấp dẫn, họ sẽ có xu hướng xuôi theo nó.

Chuyện gì xảy ra khi các giáo sư và nhà lãnh đạo giáo dục Mỹ đáng tôn kính trong trường sư phạm đang đối xử với các giáo viên trẻ bằng suy nghĩ rằng nghèo đói kéo theo mọi thứ khác? Chuyện gì xảy ra nếu các giáo viên được dẫn dắt để tin rằng họ chỉ có thể được kỳ vọng làm đến thế và nghèo đói là số phận?

Dựa vào khuôn mẫu có thể là bản năng tự nhiên của con người, thế nhưng một số quốc gia đã củng cố có hệ thống bản năng đó trong khi số khác hạn chế nó. Tôi biết rõ rằng sự chặt chẽ không thể tồn tại nếu thiếu sự công bằng. Sự công bằng không phải chỉ đơn thuần là vấn đề liên quan đến việc phân loại và ngân sách: nó là *mô thức*.

Điều thú vị là, mô thức này cũng lan rộng ở nền giáo dục đặc biệt ở Phần Lan. Giáo viên coi hầu hết các học học sinh được giáo dục đặc biệt chỉ đang gặp khó khăn tạm thời trong học tập, chứ không phải mắc khuyết tật vĩnh viễn. Suy nghĩ đó đã giúp giải thích tại sao Phần Lan là một trong những nước có tỷ lệ trẻ em được giáo dục đặc biệt cao nhất thế giới: cái mác đó chỉ mang tính tạm thời và không miệt thị. Phần Lan cho rằng mọi trẻ em đều có thể tiến bộ. Trong thực tế, đến năm 17 tuổi, khoảng *mộtnửa số* trẻ em Phần Lan đã tham gia một số loại hình giáo dục đặc biệt vào một thời điểm nào đó, thường là ở trường tiểu học, để chúng không bị bỏ lại phía sau.

Trong năm học 2009-2010, khoảng 1/4 trẻ em Phần Lan được tham gia một số loại hình giáo dục đặc biệt – gần như luôn diễn ra ở trường học bình thường, trong một phần thời gian nhất định hàng ngày. (So với 1/8 học sinh Mỹ nhận được các dịch vụ giáo dục đặc biệt trong cùng năm.)

Khi quan sát Vuorinen nói chuyện với học sinh của mình, tôi nghĩ về một trường công lập ở Washington, D.C. mà tôi đã dành thời gian ở đó một vài năm trước đây. Trường nằm trong một khu nghèo của thành phố với nhiều gia đình đang phải chật vật sinh sống. Một giáo viên kỳ cựu mà tôi gặp đã rất nhiệt tình với một lớp học sáng sủa và gọn gàng. Cô đã tự trả tiền để mở lớp học.

Tuy nhiên, khi nói về nền tảng của các học sinh lớp 4 của mình, cô chỉ nhấn mạnh vào khiếm khuyết nhiều nhất. Cô nói chuyện về gia đình của trẻ như thể họ là nguyên nhân khiến chúng kém cỏi: “Các bậc cha mẹ ở đây không biết cách nuôi dạy con cái họ,” cô cho biết: “Họ không biết bọn trẻ cần gì để dạy.”

Cô cảm thấy thực sự tiếc cho các học sinh của mình, nhưng sự đồng cảm của cô có gì tốt? Sau một năm học ở lớp của cô, các em học sinh còn đạt điểm đọc thấp hơn mức trung

bình nhiều so với lần đầu tiên chúng gặp cô. Chúng đã đạt thành tích tệ hơn những trẻ có thu nhập thấp khác, những trẻ đã bắt đầu năm học ở cùng cấp độ trong cùng thành phố. Tuy nhiên, cô có vẻ lạc quan đến mức kỳ quặc về những kết quả này. Câu chuyện về sự đa dạng giải thích tất cả mọi thứ, ngay cả khi nó không thể.

Nỗi sợ và thị trường

Ở trường của Vuorinen, học sinh lớp 5 đều thi toán sớm hai năm. Đó là cách chính phủ Phần Lan đảm bảo rằng các trường học đang hoạt động hiệu quả. Không giống như ở Mỹ, các bài kiểm tra chất lượng ở đây nhắm mục tiêu đến tính chính xác; chính phủ chỉ kiểm tra một nhóm học sinh. Bài kiểm tra thường chỉ mất một giờ.

So với phần còn lại của Phần Lan, học sinh trường Tiistilä đạt kết quả trên trung bình. Thật ấn tượng: Cao hơn mức trung bình ở Phần Lan có nghĩa là cao hơn mức trung bình ở bất cứ đâu.

Học sinh ở Tiistilä rất đa dạng *và* giỏi toán. Ngôi trường như một nguồn cảm hứng. Nó cũng khác với hầu hết các trường học Mỹ ở mọi khía cạnh. Thứ nhất, học sinh thực sự đa dạng từ tình trạng kinh tế đến nguồn gốc dân tộc. Ba trăm trẻ của trường đến từ các gia đình nghèo, những người sống trong những căn nhà nhỏ, đông đúc và từ cả các gia đình giàu có, những người sống gần biển. Thứ hai, chính phủ Phần Lan đầu tư thêm tiền cho học sinh nhập cư để giúp chi trả cho việc giảng dạy ngôn ngữ chuyên sâu cho chúng.

Những khác biệt khác đó là Tiistilä có các giáo viên được đào tạo bài bản. Vuorinen đã không đỗ vào trường sư phạm từ đầu. Hay sau lần thử sức thứ hai cũng vậy. Điểm thi của anh không đủ cao.

Cuối cùng, sau khi dành nhiều năm tích lũy kinh nghiệm như một giáo viên trợ giảng, Vuorinen đã đỗ trong lần thử sức thứ ba. Anh không thấy những gì được học ở đại học hữu ích như kinh nghiệm giảng dạy thực tế, nhưng anh cũng không thiên về quá trình nào. Khi tôi đề nghị anh đưa ra lời khuyên đối với Hoa Kỳ, anh nói: “Cô nên bắt đầu chọn đội ngũ giáo viên một cách thận trọng hơn và khuyến khích họ nhiều hơn. Động lực là tiền bạc. Tiếp đến là sự tôn trọng. Trừng phạt không bao giờ là một cách hay ở trường học.” Đối với Vuorinen, quyền tự chủ quan trọng như tiền bạc.

Vuorinen đã làm việc tại 10 trường trong 15 năm, nhưng anh thích Tiistilä nhất. Lý do của anh cũng giống như lý do của các giáo viên hài lòng ở khắp mọi nơi:

“Tôi thích cô hiệu trưởng. Cô ấy biết phải làm gì,” anh nói. “Tôi cảm thấy tôi được tin cậy. Và mỗi khi tôi cần sự giúp đỡ, tôi tin cô ấy sẽ giúp tôi.”

Cô hiệu trưởng của trường, Mirja Pirinen, đã làm việc tại đây 15 năm, từ khi trường còn ít đa dạng hơn. Cô đưa tôi đi một vòng và dừng lại ở sân chơi, nơi một nhóm các cô gái Hồi giáo trùm khăn hồng nhảy dây trong nắng.

Trong tám năm làm hiệu trưởng, Pirinen đã không đuổi việc bất cứ giáo viên cơ hữu nào ở Tiistilä. Như tại Hoa Kỳ, các giáo viên Phần Lan gần như không bao giờ bị mất việc

do thành tích. Họ được bảo vệ bởi một hợp đồng liên kết chắc chắn. Tuy nhiên, việc quản lý lực lượng lao động một cách linh hoạt sẽ dễ dàng hơn nếu người lao động được giáo dục tốt, được đào tạo một cách chặt chẽ và trả lương hậu hĩnh ngay từ đầu.

Đối với tôi, Tiistilä giống một trường chuẩn. Pirinen là người thông minh và có tổ chức. Cô là hiệu trưởng duy nhất tôi gặp ở bất kỳ châu lục nào có thể cho tôi biết chính xác số tiền mà chính phủ đã chi cho mỗi học sinh. (Ở các trường khác, đây là một con số bí ẩn cần nhiều cuộc điện thoại mới có được.) Nhờ đó, Pirinen đã dẫn lối Tiistilä trải qua một chuyển đổi lớn thành công, thích ứng với sự gia tăng đột biến số lượng các gia đình không thể nói tiếng Phần Lan.

Nhưng không phải ai trong khu vực cũng dành niềm tin như vậy vào trường học.

“Một số phụ huynh ở khu vực này nói rằng họ không bao giờ muốn con mình học ở trường này,” Pirinen nói với tôi một vấn đề rất hiển nhiên. Đôi khi, các bậc cha mẹ cho con em họ nhập học phải bảo vệ quyết định của mình trước những người hàng xóm.

Tại sao? Các bậc cha mẹ lo lắng về những đứa trẻ nhập cư. Họ lo lắng khi có 6% người nhập cư và lo lắng hơn khi tỷ lệ đó giờ là 30%. Pirinen đã phải rất nỗ lực để thuyết phục họ rằng trường của cô tốt, dù có sự đa dạng về học sinh.

Hầu như không có trường tư, trường bán công hay dân lập nào ở Phần Lan. Tuy nhiên, tôi khám phá ra rằng, việc lựa chọn trường rất đa dạng. Những đứa trẻ sống gần trường Tiistilä có thể xin học tại các trường quốc tế đặc biệt, các trường khoa học, âm nhạc hoặc ngoại ngữ quốc tế, vốn là các trường công lập chỉ nhận học sinh có thành tích cao (một thực tế mà đôi khi ủng hộ những bậc cha mẹ có thu nhập cao hoặc học vấn cao).

Các thanh thiếu niên của Phần Lan cũng có thể chọn học trung học nghề và khoảng một nửa trong số chúng quyết định như vậy. Chính phủ Phần Lan gần đây không ngại chi tiền thưởng và kinh phí hoạt động cho các trường dạy nghề, vì vậy các trường trung học giống như trường Kim đã phải nỗ lực hơn nữa để giữ học sinh của mình.

Thông thường, các trường Phần Lan không công bố công khai kết quả thi, nhưng Pirinen đã đăng điểm học của trường trên trang web để trấn an các bậc phụ huynh. Với nhiều học sinh đa dạng, dữ liệu bài thi trở nên có giá trị hơn, không chỉ để theo dõi hiệu quả của nhà trường, mà còn làm dịu bớt nỗi lo lắng của cha mẹ.

Ở mọi quốc gia, các bậc cha mẹ cố gắng để con cái họ được vào học tại các trường tốt nhất. Đó là một chân lý phổ quát khác và ai có thể trách họ? Vấn đề là làm sao xác định được trường *tốt nhất*. Do thiếu thông tin cụ thể, các vị phụ huynh có xu hướng đánh giá các trường dựa trên tin đồn, màu da, dân tộc, hoặc mức thu nhập của học sinh và gia đình họ.

Nếu mọi người đồng ý rằng tất cả các trường đều đạt tiêu chuẩn cơ sở nhất định, như ở Phần Lan, thì cuộc cạnh tranh sẽ diễn ra trong hòa bình. Tuy nhiên, khi có càng nhiều người nhập cư đến, các bậc cha mẹ trở nên ít tin tưởng vào trường học hơn. Thậm chí ở Phần Lan, với lịch sử lâu dài về sự công bằng, vẫn có những báo cáo về việc phụ huynh chuyển đến các vùng khác tại Helsinki để tránh các trường với chỉ 10% trẻ nhập cư.

“Không còn nghi ngờ gì nữa, tất cả chúng ta đều muốn sống trong một bầu không khí đa văn hóa và khoan dung,” một bà mẹ nói với tờ *Helsingin Sanomat* của Phần Lan vào năm 2011, giải thích lý do tại sao con mình nhập học tại một trường nằm ngoài khu phố gia đình cô đang sinh sống. “Nhưng thực tế là nếu có nhiều trẻ không nói tiếng Phần Lan, giáo viên sẽ dành nhiều thời gian hơn cho chúng.” Người mẹ không biết bất kỳ đứa trẻ nào tại trường địa phương, nhưng cô nghe người ta đồn vậy.

Tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra trong một thị trường tự do thật sự, trong đó các bậc cha mẹ có cái nhìn sâu sắc về sự chặt chẽ của một trường học và chất lượng giáo viên của nó, chứ không đơn thuần chỉ về thẩm mỹ của tòa nhà hoặc tôn giáo của các học sinh. Một số nhà cải cách giáo dục và chính trị gia người Mỹ tin rằng cạnh tranh nhiều hơn sẽ chỉ dẫn đến một loại kết cục, thúc đẩy các trường đạt được kết quả tốt hơn hoặc đóng cửa.

Vào thời điểm đó, 11% trẻ em Mỹ đăng ký học tại các trường tư – thấp hơn mức trung bình đối với các nước phát triển. Theo số liệu của PISA, các trường tư thục không tăng thêm nhiều giá trị; học sinh các trường tư đạt điểm PISA cao hơn học sinh các trường công, nhưng không tốt hơn so với kỳ vọng nếu chúng học trường công, dựa trên tình trạng kinh tế xã hội của chúng. Các trường bán công (một loại trường công lập tự chủ hơn ở nhiều thành phố của Mỹ) chiếm thêm 5% học sinh nữa. Nhưng ở đây, các lợi ích cũng rất khác nhau tùy thuộc từng trường.

Cạnh tranh tồn tại khắp mọi nơi, ngay cả khi đôi lúc ta không thể phát hiện ra nó. Ở các nước phát triển, 3/4 trẻ học tại các trường trung học cạnh tranh để có được học sinh bằng cách này hay cách khác. Nhưng ở Mỹ và hầu hết các nước khác, sự cạnh tranh rất nhỏ và bị bóp méo bởi việc thiếu thông tin. Theo tôi, thực sự chỉ có một nơi trên thế giới với một thị trường tự do thực sự cho giáo dục, nơi cung cấp và đòi hỏi các mức giá xác định và khách hàng có thông tin gần như hoàn hảo. Nơi đó không phải là Hoa Kỳ. Nơi này hầu như cũng rất khó để tìm thấy ở bất kỳ hệ thống trường công lập nào trên hành tinh.

Giờ đây, tôi đánh giá cao tầm quan trọng của sự chặt chẽ, tôi muốn xem liệu có thể nhanh chóng đạt được nó nhờ sự cạnh tranh hay không. Để tìm hiểu, tôi đã phải điều tra các hagwon của Hàn Quốc, một phép thử cùng lúc cho những thứ tốt nhất và tồi tệ nhất.



Giáo viên nổi tiếng: Andrew Kim dạy ở một hagwon lớn tại quận Daechi-dong của Seoul.

Chương 9. GIÁO VIÊN BỐN TRIỆU ĐÔ

Khi Andrew Kim dạy tiếng Anh, anh nói nhỏ vào chiếc micro không dây bé xíu được gắn vào tai phải. Anh viết trên một chiếc bảng đen cũ. Anh có vẻ không làm bất cứ điều gì đáng chú ý, nhưng trong lớp, không giống như rất nhiều lớp học khác ở Hàn Quốc, các học sinh không hề ngủ gật.

Andrew Kim kiếm được bốn triệu đô-la trong năm 2010. Ở Hàn Quốc, anh được biết đến như là một thầy giáo *ngôi sao*, một sự kết hợp từ ngữ mà tôi chưa từng nghe đến. Anh đã gắn bó với nghề dạy học hơn 20 năm và quãng thời gian này chỉ dành ở các lớp hagwon dạy thêm sau giờ học chính tại Hàn Quốc. Điều đó có nghĩa rằng anh được trả tiền theo nhu cầu về các kỹ năng của anh, không giống các giáo viên khác trên toàn thế giới. Và anh được săn tìm.

Tôi đã phỏng vấn Kim ở văn phòng của anh trong một tòa nhà cao tầng sang trọng ở Seoul vào tháng Sáu năm 2011. Một trong những nhân viên của anh đón tôi ở cửa và mời tôi uống nước. Chúng tôi ngồi quanh một chiếc bàn và Kim cho biết anh làm việc khoảng 60 giờ mỗi tuần, mặc dù anh chỉ dạy ba bài giảng trực tiếp. Internet đã biến các lớp học của anh thành hàng hóa. Mỗi bài giảng anh thực hiện đều được đưa lên mạng, nơi bọn trẻ có thể mua các dịch vụ giảng dạy của anh với mức giá 3,5 đô-la/giờ. Thời gian còn lại, anh trả lời các yêu cầu trực tuyến của học sinh để giúp đỡ chúng, soạn giáo án, viết sách giáo khoa và sách bài tập. Anh đã viết khoảng 200 cuốn sách. "Càng làm việc chăm chỉ, tôi càng kiếm được nhiều tiền," anh nói. "Tôi thích điều đó."

Anh có vẻ không quá tự hào về mức lương của mình, nhưng cũng không xấu hổ về nó. Phần lớn thu nhập của anh đến từ 150.000 đứa trẻ xem bài giảng trực tuyến của anh mỗi năm. Tôi nhận ra rằng Kim là một thương hiệu với chi phí đi kèm. Anh thuê 30 người giúp

anh quản lý việc giảng dạy. Anh điều hành một công ty xuất bản để in sách của chính mình.

Nếu gọi tên loại hình này là *dạy kèm*, ta đã đánh giá thấp quy mô và sự phức tạp của nó. Megastudy, hagwon trực tuyến mà Kim làm việc, được niêm yết trên thị trường chứng khoán Hàn Quốc. Cứ bốn trẻ em Hàn Quốc lại có ba em tham gia vào thị trường dạy kèm tư nhân. Năm 2011, các bậc cha mẹ Hàn Quốc đã chi gần 18 tỷ đô-la vào các trung tâm luyện thi, nhiều hơn cả mức chi mà chính phủ liên bang dành cho cuộc chiến ma túy tại Hoa Kỳ. Cái gọi là kinh doanh dạy kèm mang lại quá nhiều lợi nhuận đến mức nó thu hút được các khoản đầu tư từ các tập đoàn lớn như Goldman Sachs, Carlyle và A.I.G.

Sự tham gia của các tập đoàn ngân hàng đa quốc gia vào giáo dục, nói chung, rất đáng ngại. Vẫn có điều gì đó rất li kỳ khi gặp Andrew Kim. Lần đầu tiên, tôi gặp một giáo viên kiếm được số tiền mà các vận động viên chuyên nghiệp kiếm được. Đây là một giáo viên – *một giáo viên* - thuộc nhóm 1%. Người có tham vọng và khả năng có thể đã trở thành một nhân viên ngân hàng hoặc một luật sư tại Hoa Kỳ, nhưng ở Hàn Quốc, anh ta muốn trở thành một giáo viên và rất giàu có.

Ý tưởng đó thật hấp dẫn. Có cách nào tốt hơn để đảm bảo rằng những người giỏi nhất và thông minh nhất gắn bó với nghiệp dạy để biến những giáo viên giỏi nhất thành các triệu phú? Có lẽ Hàn Quốc đã cung cấp một mô hình cho thế giới.

Tuy nhiên, thế giới hagwon rất bí ẩn. Thật khó để một người ngoài cuộc hiểu rõ ngành công nghiệp này hoạt động và bùng nổ như thế nào. Để tìm hiểu về cơ chế hoạt động của nó, tôi đã đến gặp Lee Chae-yun, người sở hữu chuỗi năm hagwon tại Seoul có tên là Học viện Myungin. Chúng tôi đã dùng bữa trưa tại một nhà hàng truyền thống Hàn Quốc, ngồi trên gối và ăn bằng đũa kim loại.

Lee hiểu về các trường công và tư tường tận một cách bất thường. Cô đã từng là giáo viên trong gần hai thập kỷ tại một số trường công lập và một trường đại học. Nhưng bây giờ, cô giống một CEO hơn.

"Học sinh là khách hàng."

Cô đã nói theo nghĩa đen. Để tuyển được học viên, các hagwon mở cửa tự do, gửi thư hàng loạt và dán kết quả thi của những người đã tốt nghiệp cũng như điểm chuẩn các trường đại học bên ngoài lối vào. Trên thị trường Hàn Quốc, kết quả quan trọng hơn bất cứ điều gì khác.

Một khi học sinh đã đăng ký, các nhân viên hagwon không chờ đợi phụ huynh hỏi đến, sau đó phàn nàn nếu họ thiếu nhiệt tình; các hagwon sẽ tự tiếp cận họ. Cha mẹ nhận được tin nhắn khi con cái của họ đến hagwon; sau đó họ nhận được tin nhắn khác nữa cho biết về sự tiến bộ của học sinh. Hai đến ba lần một tháng, giáo viên gọi về nhà học sinh để phản hồi thông tin. Nếu phụ huynh không biết về quá trình học của con cái họ, các hagwon, thay vì các gia đình, được coi là đã thất bại. Rất ít các trường ở Mỹ làm tới được như vậy để phục vụ những người được gọi là khách hàng của họ.

Sự khác biệt cơ bản nhất đó là các học sinh đã đăng ký được chọn học các giáo viên cụ

thể, chứ không chỉ chọn hagwon, vì vậy những giáo viên có uy tín nhất sẽ có nhiều học sinh nhất. Andrew Kim có khoảng 120 học sinh trong mỗi bài giảng, mặc dù các lớp học tại hagwon của một giáo viên điển hình có quy mô nhỏ hơn nhiều. Thị trường tư nhân Hàn Quốc đã tách rời giáo dục thành một biến thể trường học có giá trị quan trọng nhất: người giáo viên.

Điều này gần giống như một chế độ nhân tài thuần túy nhất có thể và vô cùng tàn nhẫn. Tại các hagwon, giáo viên là các đặc vụ miễn phí. Họ không cần chứng nhận. Họ không có quyền lợi hoặc thậm chí là tiền lương cứng; lương của họ được xác định bằng số học sinh đăng ký lớp của họ, theo mức tăng điểm thi của học sinh và ở nhiều hagwon là theo kết quả điều tra sự hài lòng được phát cho học sinh và cha mẹ chúng.

Để tìm được các giáo viên ngôi sao, giám đốc hagwon như Lee lùng sục trên Internet, đọc các đánh giá của cha mẹ học sinh và xem bài giảng của các giáo viên. Các hagwon cạnh tranh nhau thường xuyên tìm cách cướp giáo viên ngôi sao của nhau. Nhưng, cũng giống như ngôi sao điện ảnh và các vòng tuyển chọn kịch bản ban đầu, các giáo viên có tên tuổi luôn đi kèm với những yêu cầu riêng.

"Thực sự rất khó để giữ chân và quản lý các giáo viên giỏi. Bạn cần phải bảo vệ cái tôi của họ," cô mỉm cười.

Tuy nhiên, hầu hết giáo viên hagwon không phải là các ngôi sao. Những người nước ngoài đến dạy tiếng Anh ở Hàn Quốc kể về chuyện làm việc quá tải, trong điều kiện bất hợp lý với mức tiền lương thấp. Đa số giáo viên hagwon kiếm được ít hơn nhiều so với giáo viên trường công nhưng do các trường sư phạm Hàn Quốc tạo ra quá nhiều giáo viên tương lai nên sự cạnh tranh để tìm việc rất căng thẳng.

Tại các hagwon của Lee, khoảng 1/5 ứng viên đến phỏng vấn trực tiếp. Ở đó, cô yêu cầu họ dạy thử hai bài để cô xem, một việc mà giáo viên tương lai tại Mỹ hiếm khi được đề nghị làm trước khi được tuyển dụng. Theo cách đó, cô có thể biết liệu họ có giảng dạy được hay không. Đó là một chiến lược tuyển dụng hoàn toàn hợp lý.

Khi các giáo viên được chấp nhận, Lee theo dõi sát sao hiệu quả làm việc của họ. Nếu điểm thi của học sinh hoặc các con số ghi danh của một giáo viên cụ thể nào đó giảm, cô đưa người đó vào dạng thử thách. Nếu những con số vẫn ở mức thấp sau sáu tháng, cô sẽ để giáo viên đó rời đi. Mỗi năm, cô sa thải khoảng 10% giáo viên. (Các trường ở Mỹ sa thải 2% giáo viên hàng năm do hiệu suất kém.)

Theo ý kiến của Lee, sự linh hoạt này đã tạo nên mọi sự khác biệt. Cô có thể sửa chữa những sai lầm trong tuyển dụng và thúc đẩy những giáo viên còn lại nỗ lực hơn nữa. Cô cho biết, giáo viên các trường công lập bình thường, ngược lại, thiếu động lực đó, vì vậy họ làm việc kém hiệu quả và thúc đẩy nhu cầu của các bậc cha mẹ về các hagwon. "Nếu không có các hagwon thì điểm PISA của Hàn Quốc sẽ giảm mạnh."

Highest, Inc.

Khi bạn của Eric, Jenny, từ Mỹ trở về Hàn Quốc, cô đã ghi danh vào một hagwon,

giống như tất cả bạn cùng lớp 8 của mình. Ở đó, cô được học lại mọi thứ trường học đã dạy trong ngày: Tiếng Hàn, toán, khoa học và xã hội học. Vào hầu hết các buổi tối, cô ở lại hagwon đến tận 10 giờ; trước kỳ thi, cô sẽ ở lại đây đến nửa đêm.

Jenny cho biết cô đã học được từ hagwon nhiều hơn ở trường. Khi tôi hỏi tại sao, cô bé đã giải thích đơn giản rằng: “Cháu nghĩ hagwon tốt hơn bởi họ dạy hiệu quả hơn.”

Đa phần thanh thiếu niên Hàn Quốc thích các giáo viên hagwon hơn các giáo viên bình thường của chúng. Trong một cuộc khảo sát 6.600 học sinh tại 116 trường trung học, học sinh Hàn Quốc đánh giá các giáo viên hagwon của chúng cao hơn: các giáo viên hagwon có sự chuẩn bị tốt hơn, tận tâm giảng dạy và tôn trọng ý kiến của học sinh hơn, chúng nói. Các học sinh cho biết giáo viên hagwon là tốt nhất khi xét đến việc đối xử với học sinh một cách công bằng, bất kể thành tích học tập của chúng ra sao.

Các biện pháp khuyến khích thị trường tự do dường như rất có tác dụng, ít nhất là theo ý kiến của cộng đồng học sinh. Giáo viên đối xử với học sinh như khách hàng. Liệu Hàn Quốc có là bằng chứng cho thấy thị trường các trường bán công đang phát triển ở Mỹ có thể mang lại hiệu quả? Cạnh tranh rõ ràng đã dẫn đến lợi nhuận và sự thân thiện với khách hàng. Nhưng học sinh có thực sự học được nhiều hơn ở các hagwon?

Rất khó để phân tách những yếu tố nào đã tạo ra điểm PISA cao của Hàn Quốc; các trường công lập hay các hagwon đã giúp trẻ đạt được thành tích cao? Theo số liệu thống kê, có vẻ như việc học thêm dẫn đến điểm thi cao hơn, đặc biệt trong môn toán, nhưng lợi ích đối với môn đọc hiểu giảm đáng kể khi học sinh lớn lên. Dữ liệu PISA trên toàn thế giới cho thấy chất lượng của các bài học ngoài giờ quan trọng hơn số lượng của chúng. Ngoài Bắc Mỹ và châu Âu, việc dạy kèm tư rất phổ biến và, ở mọi châu lục, chất lượng của chúng cũng khác nhau rất nhiều.

Như ở nhiều thị trường tự do, giá cả không mấy liên quan đến chất lượng. Và đó là vấn đề.

Có một hệ thống phân cấp trong hoạt động dạy kèm. Các bạn giàu có nhất trong lớp của Jenny gặp các gia sư tư nhân đắt đỏ để học dưới dạng một thầy một trò. Điều đó được xem là một dịch vụ cao cấp. Jenny đã đến một chuỗi các hagwon mang tên Highest cùng với vài bạn cùng lớp. Những trung tâm kiểu này cung cấp dịch vụ dạy kèm cho số đông. Dịch vụ này không rẻ, nhưng ngay cả những phụ huynh nghèo ở Hàn Quốc vẫn dành dụm tiền để cho con cái theo học. Có một số trẻ mà cha mẹ không đủ khả năng đầu tư cho chúng học theo hai hình thức này; chúng tự học hoặc tham gia vào các chương trình học thêm sau giờ học tại trường. 8/10 các bậc cha mẹ Hàn Quốc cho biết họ cảm thấy áp lực về tài chính do phải chi trả học phí hagwon. Tuy nhiên, họ vẫn trả các khoản phí, với niềm tin rằng họ càng trả nhiều, con cái họ học được càng nhiều.

Sự bất bình đẳng đó khiến Andrew Kim suy nghĩ. Mặc dù hệ thống này đã giúp anh trở thành triệu phú, nhưng anh không xem nó như là một mô hình kiểu mẫu đối với bất cứ ai. “Tôi không nghĩ rằng đây là một cách thức lý tưởng,” anh nói. “Điều này dẫn đến một vòng luẩn quẩn, các gia đình nghèo lại truyền cái nghèo sang con cái họ.”

Anh cũng nghĩ rằng nhu cầu về hagwon phản ánh sự thất bại của các trường công – một niềm tin phổ biến khó chứng minh hay bác bỏ. Rõ ràng, các bậc cha mẹ tin rằng giáo dục trường học chưa thoả đáng, nhưng thật khó để biết họ có đúng hay không. Trong bất cứ trường hợp nào, giống như Bộ trưởng Giáo dục Hàn Quốc, Kim tin rằng Phần Lan là một hình mẫu tốt hơn cho thế giới.

Anh đã kiếm được nhiều tiền từ cái vòng luẩn quẩn đó và dự định sẽ vẫn tiếp tục cho đến năm 2017, khi hợp đồng của anh với Megastudy hết hạn. Sau đó, anh muốn trở lại cuộc sống bình thường, Kim cho biết, có thể bằng cách giúp đào tạo các giáo viên trường công lập. Anh có một cậu con trai 6 tuổi và không muốn cậu bé lớn lên trong một chiếc nồi áp suất.

Cuộc chiến hagwon

Tôi không gặp bất cứ ai ở Hàn Quốc ca ngợi hệ thống giáo dục, thậm chí cả những người giàu lên nhờ nó. Bài học là nếu thiếu sự *công bằng* – những cơ hội có ý nghĩa đối với mọi người, chứ không chỉ với tầng lớp thượng lưu – hệ thống sẽ sẽ bị tê liệt và bóp méo. Những lo lắng của cha mẹ sẽ dẫn đến một cuộc chạy đua về giáo dục. Phần thưởng cho học tập ở Hàn Quốc quá lớn và quá hiếm, dựa trên các tiêu chí đánh giá quá cứng nhắc. Hàng năm, báo chí Hàn Quốc phanh phui chuyện về những tai tiếng gian lận liên quan đến giáo viên hagwon, học sinh và đôi khi là cả các bậc cha mẹ. Trong năm 2007, khoảng 900 học sinh Hàn Quốc bị hủy bỏ điểm SAT do các câu hỏi thi bị rò rỉ.

Trong nhiều thập kỷ, chính phủ Hàn Quốc đã cố gắng chế ngự nền văn hóa tàn bạo về giáo dục của đất nước này. Các chính trị gia đã đe dọa, thậm chí đến mức cấm các hagwon hoạt động trong những năm 1980, khi đất nước nằm dưới chế độ độc tài. Mặc dù vậy, sau đó các hagwon trở lại càng mạnh mẽ hơn. Sau khi chính phủ giới hạn học phí hagwon, khoảng một nửa số hagwon bất chấp các quy tắc, thu gấp đôi thậm chí gấp năm mức học phí cho phép.

Chẳng có cách nào mang lại hiệu quả bởi sau những động lực mạnh mẽ nhất, tình hình vẫn không đổi. Trẻ em Hàn Quốc lao đầu vào học bởi chúng muốn vào được một trong những trường đại học hàng đầu của đất nước. Và ai có thể đổ lỗi cho chúng? Trong năm 2007, 9/10 chánh án Tòa án Tối cao và các thẩm phán là cựu học sinh của Đại học Quốc gia Seoul, một trong ba trường đại học đứng đầu. 4/10 CEO của các công ty lớn tại Hàn Quốc đến từ các trường tương tự.

Để thay đổi những động lực này, không chỉ các trường học Hàn Quốc mà người sử dụng lao động cũng cần phải thay đổi. Chế độ nhân tài trước đây vốn cai trị cuộc sống của con trẻ có vẻ không mấy lan sang cuộc sống của người lớn.

Rất khó để nói chắc chắn, nhưng hệ thống phân cấp đó có thể đã giúp lý giải cho tỷ lệ tự tử ở Hàn Quốc, vốn đi theo một khuôn mẫu bất ngờ. Dù việc học hành chật vật như vậy, nhưng tỷ lệ tự tử ở thanh thiếu niên Hàn Quốc không cao. Trong thực tế, tỷ lệ tự tử ở Hàn Quốc đối với học sinh 15-19 tuổi thấp hơn so với ở Phần Lan, Ba Lan và Hoa Kỳ cùng với ít nhất 14 quốc gia khác. Tuy nhiên, người trưởng thành Hàn Quốc *tự tử* rất nhiều. Tỷ lệ tự tử nói chung của Hàn Quốc thuộc nhóm cao nhất thế giới. Lý do đằng sau tỷ lệ tự tử của một

quốc gia rất bí ẩn và phức tạp, nhưng có vẻ rằng những điểm nghẽn tồi tệ nhất trong hệ thống Hàn Quốc nằm ở nơi làm việc và các trường đại học của người trưởng thành, thay vì chỉ ở các các lớp học cấp thấp hơn của trẻ em.

Cho đến khi phần còn lại của xã hội thay đổi, các chính trị gia Hàn Quốc vẫn tiếp tục tung ra các cuộc tấn công thiếu thực tế vào nền văn hóa học tập 24 giờ liên tục. Nó giống như trò chơi Red Rover không hồi kết trong đó các quan chức chính phủ liên tục tấn công vào bức tường những ông bố bà mẹ Hàn Quốc mạnh hơn gấp 10 lần.

Khi tôi đến Hàn Quốc, động thái mới nhất của chính phủ là thực thi lệnh giới nghiêm ở các hagwon, kiểm tra các trung tâm luyện thi vào giữa đêm và đưa bọn trẻ về nhà ngủ. Không thể tưởng tượng các lực lượng thi hành luật pháp của chính phủ sẽ giành chiến thắng trong vòng Red Rover này, nhưng tôi mong họ vượt qua.

Tuần tra cùng cảnh sát giáo dục

Trong một buổi tối tháng Sáu trời mưa, đội tuần tra giáo dục ban đêm của Seoul tập hợp để đi tuần. Việc chuẩn bị cho cuộc đột kích đã sẵn sàng. Chúng tôi có trà và bánh gạo trong một phòng họp sáng đèn, được bao quanh bởi các phòng nhỏ của chính phủ.

Lãnh đạo đội tuần tra là Cha Byoung-chul, một quan chức bậc trung tại văn phòng giáo dục quận Gangnam, Seoul. Anh đeo mắt kính nhỏ hình bầu dục và mặc một chiếc áo khoác kẻ sọc bên ngoài sơ mi trắng pha vàng.

Khoảng 10 giờ 20 phút, Cha hút thuốc trong bãi đậu xe. "Chúng tôi không xuất quân lúc 10 giờ đúng," anh giải thích một cách quyết liệt. "Chúng tôi muốn cho họ thêm 20 phút hoặc lâu hơn. Bằng cách đó, họ không có lý do biện hộ nào hết."

Các hagwon bị bắt quả tang hoạt động sau 10 giờ sẽ bị cảnh cáo ba lần. Sau đó, nếu tái phạm, họ phải đóng cửa trong một tuần. Nếu vi phạm xảy ra sau nửa đêm, hagwon đó phải đóng cửa ngay lập tức trong hai tuần. Để tìm được những người vi phạm, chính phủ đã trả tiền cho người dân làm hoa tiêu. Một người cung cấp tin ở Hàn Quốc kiếm được 1/4 triệu đô-la chỉ bằng việc dò la đủ các hagwon khác nhau. Trong khi đó, luôn nhanh nhạy với cơ hội, các doanh nhân hagwon đã mở lớp học mới dạy cách để công dân có thể tìm thấy và báo cáo vi phạm về hagwon. Vòng trừng phạt và lợi nhuận cứ thế tiếp nối nhau. Cho đến nay, chính phủ đã chi ra ba triệu đô-la tiền thưởng.

Cuối cùng, chúng tôi đã lên một chiếc Kia Sorento màu bạc và hướng đến Daechi-dong, một trong những quận hagwon bận rộn nhất Seoul. Đường phố tắc dài với hàng trăm phụ huynh đứng đợi con cái từ các hagwon sắp đóng cửa vào giờ giới nghiêm. Sáu thanh tra đi dọc vỉa hè, nhìn chằm chằm vào các tầng nơi đặt trụ sở của hagwon, tìm kiếm đèn sáng phía sau những tấm mành treo cửa.

Khoảng 11 giờ, họ hướng về phía một cơ sở đã được hoa tiêu trước đó. Họ leo lên cầu thang xập xệ, bước qua một vỏ hộp đồ ăn nhanh. Trên tầng hai, một thành viên nữ của đội gõ cửa: "Xin chào? Có ai ở đó không ạ?" cô gọi. Một giọng thì thào từ trong phát ra: "Đợi một chút!"

Các thanh tra nhìn nhau. Cha ra hiệu cho một trong những đồng nghiệp của mình đi xuống cầu thang và chặn thang máy.

Một lúc sau, một người đàn ông lớn tuổi, lưng gù ra mở cửa. Mặt ông ta hiện rõ sự lo lắng, nhưng vẫn để các thanh tra vào. Họ cởi giày và đi nhanh vào trong.

Cơ sở này là một thư viện tự học sau giờ học, bề ngoài thì đó không phải là một hagwon. Trong dãy hành lang gồm nhiều phòng với trần nhà thấp và ánh đèn lờ mờ, có khoảng 40 thanh thiếu niên ngồi ở những chiếc bàn nhỏ, chăm chú học. Khi chúng tôi đi qua, chúng nhìn lên, chỉ nửa phần hứng thú với cái nhìn trối trân. Nơi này có cảm giác rất ngột ngạt, giống như một xưởng sản xuất bóc lột sức lao động hậu hiện đại, một trong những cơ sở sản xuất kiến thức hàng loạt thay vì áo sơ mi.

Các thư viện tự học được phép mở cửa quá giờ giới nghiêm, nhưng Cha phát hiện ra điều gì đó không ổn. Lũ trẻ đều đang đọc các tài liệu giống nhau và có một số ít người lớn giám sát. Anh nghi ngờ đây là một hagwon ngụy trang, một nỗ lực thông minh nhằm phá vỡ lệnh giới nghiêm.

Một trong những người lớn, một phụ nữ trung niên mặc áo thun màu xanh lá cây, bắt đầu tranh cãi với Cha. “Chúng tôi đang làm việc của mình ở đây. Chúng tôi không dạy học,” bà ta nói, vẻ mặt cau có. Cha lắc đầu.

“Tôi thấy chị với các học sinh ...” anh nói.

Ngay sau đó, một cậu bé mũm mĩm, khoảng 14 tuổi, lang thang ra khỏi một trong những phòng học. Cậu nhìn các thanh tra viên, nghiêng đầu sang một bên. Sau đó, lúng túng trong chiếc dép đi trong nhà, cậu bước tới phía người phụ nữ mặc áo xanh lá cây, tay cầm phiếu bài và bắt đầu đặt câu hỏi. Cô ra hiệu cho cậu bé im lặng và đuổi cậu về phòng.

Cha thông báo cho người đàn ông lớn tuổi hơn rằng thư viện có thể sẽ bị đình chỉ và hướng dẫn ông ta đến văn phòng chính phủ vào ngày hôm sau. Người đàn ông lặng lẽ lắng nghe, gương mặt thể hiện rõ sự lo lắng.

Sau đó, đội tuần tra dừng lại ở một số thư viện tự học khác, nhưng không cơ sở nào có vẻ làm trái luật. Khoảng nửa đêm, Cha đứng ở góc đường và châm điếu thuốc cuối cùng, nhìn thành phố vẫn sáng đèn. Sau đó anh về nhà đi ngủ, hài lòng vì đã giải phóng được 40 trong số bốn triệu học sinh.

Thoát khỏi bánh xe chuột

Eric đã tìm đủ mọi cách để tốt nghiệp trung học tại Hàn Quốc. Để hoàn thành các yêu cầu của chương trình trao đổi, cậu cần phải tiếp tục học. Vì vậy, khi nghe nói về một trường cao đẳng nghề có tuyển người nước ngoài, cậu đã trình bày với những người phụ trách chương trình trao đổi để được phép đến đó. Để đạt được mục đích, cậu phải biết tiếng Trung thương mại, nhưng không vì thế mà cậu chùn chân. Cậu muốn ra khỏi chiếc nồi áp suất và cậu đã bắt đầu học tiếng Trung Quốc để nhanh chóng vào được trường này.

Ngày làm việc đầu tiên của cậu là vào tháng Ba. Trường nằm trên một ngọn đồi, được xây dựng xung quanh một đài phun nước lớn hoạt động liên tục. Các tòa nhà trông khá cứng nhắc, không giống như trường trung học lúc trước. Cậu bước vào lớp tiếng Trung dành cho người đi làm và nhận thấy các học viên đang nói chuyện và cười với nhau. Một anh chàng mặc quần jeans bó và đi bốt. Họ ngồi quanh một chiếc bàn và đợi giáo sư đến. Một cô gái tên là Go-un làm quen với Eric và hỏi thăm về những việc cậu đã làm từ khi đến Hàn Quốc.

"Tớ học trung học."

Cô nhìn cậu một lúc. "Trong bao lâu vậy?"

"Sáu tháng."

Đôi mắt cô tỏ vẻ kinh ngạc. Sau đó, cô nghiêng đầu thể hiện sự cảm thông: "Ồ, thật tiếc. Chẳng ai nên đi học trung học ở Hàn Quốc cả."

Sau giờ học, các học viên vẫn còn nán lại, trò chuyện với nhau. Họ hỏi xin số di động của Eric và lưu vào điện thoại. Họ thong thả đi ăn trưa. Ở trường đại học, sinh viên Hàn Quốc có thời gian để nói chuyện với cậu bé người Mỹ này. Họ nghĩ về những thứ khác ngoài điểm thi. Họ được sống đúng nghĩa, và giờ Eric cũng vậy.



Trở lại Mỹ: Nếu mỗi bang là một quốc gia thì chúng sẽ là những quốc gia nào? (Bản đồ được lấy từ những phân tích về thành tích toán học giữa các bang và các quốc gia của Peterson và đồng nghiệp, Chương trình trao đổi học sinh quốc tế.)

Chương 10. VỀ NHÀ

Khi Tom nhận được email, ngoài trời tuyết đang rơi. Cậu đang ở tại một khu học xá dành cho thanh thiếu niên ở Ba Lan. Cậu đọc đi đọc lại từng chữ. “Chúng tôi hy vọng em sẽ tới buổi nhập học vào trường Vassar.”

Vassar là lựa chọn đầu tiên của cậu, ngôi trường mà bà nội và anh trai cậu từng theo học. Cậu tưởng tượng ra mình đang nghiên cứu nền văn học vĩ đại ở đó, cũng giống như cậu đã từng vẽ ra viễn cảnh tự tìm hiểu về Chopin ở Ba Lan. Cậu muốn học tiếng Anh và Vassar cung cấp một hội thảo dành cho học sinh năm nhất về Virginia Woolf, tác giả yêu thích của cậu. Ở Ba Lan, mùa xuân năm đó, cậu đã đọc lại *Mrs Dalloway* (tạm dịch: Bà Dalloway) và *To the lighthouse* (Tới ngọn hải đăng). Cậu không thể đợi đến khi vào đại học.

Mùa hè năm 2011, các đặc vụ thực địa của Mỹ đã trở về nhà. Đó là quãng thời gian kỳ lạ trong cuộc sống của chúng, một bước ngoặt lớn trước tuổi trưởng thành. Kim, Eric và Tom với rất nhiều mơ ước, cho rằng chúng sẽ học đại học và tốt nghiệp. Khi bọn trẻ trở về Mỹ, giải thưởng tiền mặt cho giáo dục đại học ở đây lớn hơn ở bất cứ nơi nào khác trên thế giới. Quá trình học có thể mất thời gian một chút, nhưng nếu có được bằng, chúng sẽ nhận được một công việc tốt. Mùa hè năm đó, tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên tốt nghiệp đại học vào khoảng 4%. Thế giới rộng lớn rất ưu ái người Mỹ có bằng đại học và có khả năng thích

ứng với sự thay đổi.

Nếu không học đại học, các bạn trẻ sẽ chỉ kiếm được một nửa số tiền. Họ sẽ phải đối mặt với tỷ lệ thất nghiệp cao gấp đôi. Họ vẫn có thể tìm được công việc dù khó khăn. Khi trở về nhà vào ban đêm, họ tiếp tục phải trả giá: Người Mỹ không tốt nghiệp đại học có khả năng ly hôn và nuôi con một mình cao hơn. Họ thậm chí còn chết trẻ hơn so với các sinh viên tốt nghiệp đại học.

Nếu tốt nghiệp trung học, họ sẽ bước vào một thế giới với cuộc đấu tranh lâu dài, với mức lương thấp, các lợi ích biến mất và tỷ lệ 14% thất nghiệp. Đó có vẻ không phải là số phận của Kim, Eric và Tom, mà là kết cục của khoảng 1/4 các bạn cùng trang lứa. Khi Kim 20 tuổi, sẽ có khoảng hơn sáu triệu người Mỹ không có bằng trung học sẽ thất nghiệp.

Nói cách khác, tùy thuộc vào những gì xảy ra tiếp theo, Kim, Eric và Tom có khả năng được sống ở các quốc gia khác nhau hơn các bạn học cùng lớp mẫu giáo trước đây của chúng. Vì vậy, tương lai của những đứa trẻ này vẫn còn là một câu hỏi, nhưng việc thay đổi số phận của một người Mỹ không dễ. Các lớp học bắt đầu phân loại trẻ em ở trường tiểu học sẽ vẫn tiếp diễn đến khi chúng trưởng thành. Nếu không có những thay đổi lớn lao ở cách điều hành đất nước, một lối rẽ mới sẽ không bao giờ xuất hiện.

Chiếc bánh Phần Lan mang hương vị Mỹ

Khi Tom rời Ba Lan, một người Mỹ khác đến đây. Paula Marshall từ Oklahoma, không mấy xa với nơi Kim sống. Cô không đến để học hay tham quan, mà đến để mở một nhà máy.

Nhà Marshall điều hành Bama Companies, một chuỗi công ty ở Oklahoma. Bà của Paula đã bắt đầu tự làm bánh giao cho các nhà hàng địa phương từ những năm 1920. Sau đó, cha cô đã đưa ra một ý tưởng tuyệt vời cho McDonald’s: Những chiếc bánh nướng được giao tận tay khách hàng để họ có thể ăn trong xe. Đó là câu chuyện thành công sâu sắc của nước Mỹ: một chàng thanh niên trẻ đã biến bánh táo chiên thành vàng.

Nhiều thập kỷ sau đó, Paula đã nối nghiệp gia đình, mở các nhà máy mới ở Oklahoma và Trung Quốc. Công ty đã phát triển theo cấp số nhân, cung cấp bánh mì que cho Pizza Hut và bánh quy cho McDonald’s. Khoảng 1.000 nhân viên của họ vẫn còn làm việc ở Oklahoma.

Nhưng hiện tại, cô đến Ba Lan để mở nhà máy tiếp theo. Có rất nhiều lý do khiến cô quyết định như vậy, một trong số đó là công việc ở nhà máy hiện đại cần các công nhân lành nghề biết tư duy phản biện. Người dân địa phương khẳng định rằng cô sẽ không gặp khó khăn để tìm được những người như thế ở Ba Lan. “Chúng tôi nghe nói rằng ở đây có rất nhiều người có học vấn cao,” cô nói.

Khi tôi đi uống cà phê với Marshall, cô chia sẻ rất thật về những thách thức khi tìm nhân công tại Hoa Kỳ. Ví dụ như việc bảo trì, cô nói. Những công việc này trả lương 25-30 đô-la mỗi giờ, nhưng đòi hỏi nhiều kỹ năng hơn tên gọi của chúng. Ngày nay, các kỹ sư bảo trì phải hiểu bản thiết kế kỹ thuật; giao tiếp bằng văn bản những gì đã xảy ra trong ca làm

của họ; kiểm tra các giải pháp tiềm năng cho những vấn đề phức tạp, đa dạng và tất nhiên, khắc phục sự cố và sửa chữa hệ thống cơ khí lớn.

Bama Companies gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đủ số lượng kỹ thuật viên bảo trì ở Oklahoma. Vài năm trước, họ thậm chí còn gặp khó khăn trong việc tìm nhân công để khỏa lấp vị trí của các công việc cần tay nghề thấp nhất, bởi ngay cả những công nhân này cũng phải có khả năng suy nghĩ và giao tiếp. Marshall sẵn sàng chi trả để đào tạo kỹ thuật cho người lao động, nhưng cô phát hiện ra rằng nhiều người ứng tuyển không thể đọc hoặc làm các phép toán cơ bản. Cô nhận thấy không thể tin tưởng vào tấm bằng tốt nghiệp trung học; những học sinh tốt nghiệp từ các trường trung học khác nhau trong cùng một khu học chánh ở Oklahoma cũng có kiến thức hoàn toàn khác nhau. (Thú vị ở chỗ ngành quân đội cũng nhận thấy điều tương tự. 1/4 số học sinh tốt nghiệp trung học muốn gia nhập quân đội ở Oklahoma không thể vượt qua kỳ kiểm tra năng khiếu học tập riêng của quân đội.)

Để chặn cái mác sở hữu văn bằng, các nhân viên quản lý nhân sự của Bama đề nghị ứng viên điền vào đơn đăng ký trước mặt họ, để xem người đó có thực sự hiểu câu hỏi hay không. Sau đó, họ yêu cầu ứng viên xử lý các tình huống giả định để xem họ có thể nói lên suy nghĩ của mình và giải quyết vấn đề hay không. Cuối cùng, họ kiểm tra nồng độ chất gây nghiện, kiểm tra lý lịch và kiểm tra thể chất. Đến giai đoạn này, hầu như chẳng còn lại nhiều người.

Trong năm 2012, Marshall bắt đầu thuê 200 người cho một cơ sở nhào bột ở Ba Lan. Cô có vẻ lạc quan. “Đối với tôi, Ba Lan giống như những gì xảy ra ở Mỹ trong những năm 1800,” cô nói. “Bạn cũng sẽ có cảm giác tương tự khi ở Thượng Hải. Mọi người đều bận rộn.”

Ngày đầu tiên

Sau một năm ở Phần Lan, Kim đã trở lại Oklahoma với rất nhiều cảm xúc phức tạp. Thời gian này, cô luôn nhắc nhở chính mình rằng cô sẽ khác đi, ngay cả khi mọi thứ khác vẫn không đổi. Vào ngày đầu tiên trở lại trung học Mỹ, cô đi đôi dép in mờ hình một chú chó. Cô uống cà phê được mang từ Phần Lan về Oklahoma. Sau đó, cô ngồi trên một chiếc ghế thoải mái với con mèo George để bắt đầu học trực tuyến.

Kim thích ý tưởng về trường trung học Oklahoma trực tuyến. Bằng cách này, cô có thể tái tạo quyền tự chủ đã có ở Phần Lan. Cô có thể quyết định khi nào thức dậy và khi nào làm bài tập hình học. Và cô có thể ăn trưa bằng dĩa và dao từ bếp nhà mình, giống như đã ăn ở quán ăn tự chọn trong trường học ở Phần Lan.

Cô hy vọng tự do sẽ thúc đẩy mình hơn nữa. Cô không thể kiểm soát được chất lượng giảng dạy hay sự công bằng, nhưng cô có thể có được quyền tự chủ và động lực. Và nếu vậy, về mặt lý thuyết mà nói, cô đã đi được nửa đường tới Phần Lan.

Ngày đầu tiên ở trường trực tuyến, Kim đăng nhập và kiểm tra sự tiến bộ của mình qua một bảng điều khiển. Cho đến nay, các cột đồ thị đều có màu xanh lá cây, điều này có nghĩa là cô đã đi đúng hướng. Cô bị chậm 149 ngày học. Cô xem 20 phút các video bài giảng về hình học cơ bản. Giáo viên luôn có mặt năm ngày một tuần, 24 giờ một ngày. Cô có thể liên

lạc với họ qua email, điện thoại hoặc tin nhắn. Đó là một ngày mới và là một ngày không tệ.

Trong tám giờ đồng hồ, cô không thực hiện tương tác trực tiếp – mặt đối mặt nào. Vào lúc 3 rưỡi chiều, mẹ cô đi dạy về. Lúc nửa đêm, Kim vẫn còn thức, đọc tin về các trường đại học ở Ireland, giấc mơ mới nhất của cô. Điều đó không còn là giấc mơ không tưởng như giấc mơ Phần Lan mà cô từng có. Lúc 1 giờ sáng, cô học về Lưỡng Hà trong giờ lịch sử thế giới.

"Cháu rất, rất thích thế này," cô nói với tôi vào ngày học thứ hai, ngay sau khi viết một báo cáo về chim bồ câu đưa thư. "Cháu không còn cảm giác thèm người".

"Cháu không lo sẽ bị cô lập sao?" Tôi hỏi.

"Mọi người luôn nói vậy," cô nói. "Nhưng mọi người quên rằng cháu cũng bị cô lập khi ở trường trung học Mỹ đấy thôi."

Bằng cách này, tôi bắt đầu hiểu ra, Kim cô đơn theo cách riêng của mình. Cho đến nay, nhược điểm duy nhất cô bé nhận thấy là cô có xu hướng nhân hóa con mèo và con chó của mình. "Cháu nói chuyện với chúng nhiều," cô thừa nhận. "Mọi biểu hiện của chúng đều trở nên đáng yêu."

Cô giảm nhẹ tình trạng này bằng cách tham gia câu lạc bộ của một nhà văn, họp mặt tại một quán cà phê ở thị trấn bên cạnh. Cô đăng ký học khiêu vũ Ai-len vào một buổi tối mỗi tuần. Mẹ cô lái xe đưa cô đến đó và đón cô về, vui vẻ khi đón con gái về nhưng không biết con bé ở đó bao lâu. Bằng cách này, Kim vẫn gặp mọi người thường xuyên. Cô nhớ Phần Lan, nhưng giờ đây, đối với cô, thế giới ảo tốt hơn bức tường gạch của thực tế.

Trường của Kim được điều hành bởi Advanced Academics, một công ty vì lợi nhuận có trụ sở chính tại thành phố Oklahoma, chuyên cung cấp các khóa học trực tuyến ở 30 quốc gia. Công ty này thuộc sở hữu của DeVry, một công ty giao dịch công khai đạt doanh thu hai tỷ đô-la trong năm 2011. Đối với Kim, trường trực tuyến đều miễn phí, giống như các trường công lập; phần lớn số tiền của bang thường đổ vào trường trung học Sallisaw đã chuyển sang Advanced Academics.

Trong ba năm qua, số lượng học sinh tại các trường công lập Oklahoma tham gia vào một số hình thức giáo dục trực tuyến tăng 400%. Dù vậy, không ai biết rằng liệu các trường trực tuyến tốt hơn hay tệ hơn các trường bình thường. Chúng mang lại cảm giác giống như những ngày đầu của ngành công nghiệp hagwon tại Hàn Quốc. Tuy nhiên, không có nỗi ám ảnh văn hóa về kết quả, sự tương đồng vẫn bị phá vỡ. Liệu một thị trường tự do có thực sự tự do nếu không ai biết chất lượng của sản phẩm, hoặc thậm chí đồng ý xem sản phẩm ấy nên như thế nào hay không?

Năm học đó ghi dấu một sự kiện quan trọng khác đối với bang của Kim: Sau nhiều thập kỷ tranh cãi, cuối cùng Oklahoma đã quyết định chấp nhận một kỳ thi cuối cấp giống như Phần Lan, Ba Lan và Hàn Quốc. Lần đầu tiên, các học sinh cuối cấp phải vượt qua 4/7 bài thi môn toán, tiếng Anh, sinh học hoặc lịch sử để có được một tấm bằng tốt nghiệp. Tờ *Oklahoman* đã ủng hộ hành động vốn được lên kế hoạch trong bảy năm này: "Chẳng có gì

là quá khi mong đợi các học sinh Oklahoma có kiến thức thực tế về toán học, khoa học và tiếng Anh cơ bản."

Kỳ thi không khó. 9/10 học sinh cuối cấp trung học ở Oklahoma được kỳ vọng sẽ vượt qua được. Những ai trượt kỳ thi có thể thi lại bất cứ bài thi nào ít nhất ba lần mỗi năm, tham dự một kỳ thi thay thế, hoặc hoàn thành một dự án thay thế. Học sinh thuộc diện giáo dục đặc biệt không cần phải đạt điểm số cao như các học sinh khác.

Tuy nhiên, các nhà lập pháp Oklahoma đã phản đối kỳ thi trong suốt cả năm. Một số thậm chí còn cho rằng bước chuyển mình sang một hệ thống giáo dục nghiêm ngặt hơn này quá khắc nghiệt. Nhà lập pháp dân chủ kiêm giáo viên Jerry McPeak đã đưa ra một dự luật bãi bỏ hoạt động này, so sánh kỳ thi với việc lạm dụng trẻ em: "Chúng ta sẽ là những kẻ hung bạo áp chế những đứa trẻ này bởi chúng không có khả năng trí tuệ của một đứa trẻ khác?"

Phần Lan đã duy trì một kỳ thi tốt nghiệp bắt buộc trong 160 năm; đó là một cách để khuyến khích trẻ em và giáo viên hướng tới một mục tiêu chung rõ ràng và khiến tấm bằng tốt nghiệp trung học có ý nghĩa hơn. Hàn Quốc đã đình chỉ các hoạt động hàng không để đảm bảo sự yên tĩnh tuyệt đối cho kỳ thi tốt nghiệp của họ. Trẻ em Ba Lan học để thi suốt ngày đêm, cả trong những ngày cuối tuần, chúng đi thi trong trang phục áo vest và thắt cà-vạt.

Tuy nhiên, ở Mỹ, nhiều người vẫn tin vào một tiêu chuẩn khác biệt, vốn chủ yếu lý giải cho mức trung bình về giáo dục của đất nước: Theo logic này, học sinh vượt qua các lớp học cần thiết và đến trường vào những ngày quy định sẽ nhận được bằng, bất kể chúng học được gì hoặc chuyện gì xảy ra với chúng khi cố gắng để có được một công việc ở Bama Companies. Những đứa trẻ sẽ có cơ hội thất bại sau này thay vì bây giờ. Đó là kiểu lòng từ bi chỉ dành cho một thế kỷ khác.

Lần này, thống đốc bang Oklahoma, Janet Barresi, đã nhanh chóng đưa ra ý kiến. "Nếu chúng tôi tiếp tục quay trở lại những giới hạn trước đây, các học sinh sẽ không nghiêm túc thực hiện việc này," cô nói. "Tôi quan tâm đến khả năng tìm việc của học sinh hơn là khả năng trình diễn trên sân khấu cùng với bạn bè của chúng."

Mùa xuân năm đó, chưa đến 5% trong số 39.000 học sinh trung học Oklahoma không đáp ứng được các yêu cầu tốt nghiệp mới đưa ra, thấp hơn nhiều so với dự đoán của nhiều thống đốc. Trẻ em Oklahoma đã bị đánh giá quá thấp. (Thật thú vị, tỷ lệ trượt tương đương với khoảng 6% học sinh cuối cấp không vượt qua được kỳ thi tốt nghiệp khắt khe hơn nhiều của Phần Lan.)

Ở Oklahoma, một số học sinh phản đối kết quả của chúng và vẫn được hội đồng nhà trường địa phương cấp bằng, với lý do liên quan đến tình tiết giảm nhẹ gì đó. Sự linh hoạt được đưa vào hệ thống. Tuy nhiên, các hội đồng nhà trường ở Oklahoma phản đối kỳ thi, thông qua các nghị quyết và kêu gọi sự đồng cảm. "Một số trẻ không thể làm tốt bài thi. Và việc này có vẻ không có chút công bằng nào với chúng," chủ tịch hội đồng nhà trường Owasso nói với tờ *Tulsa World*__. Sự thật là học sinh có rất nhiều lựa chọn khác nhau, bao gồm việc hoàn thành một dự án thay vì tham gia kỳ thi, chẳng hề làm dịu đi mối bận tâm

của cô.

Khi Kim hoàn thành năm học đầu tiên sau khi trở lại Mỹ, Hoa Kỳ xếp thứ 7 trong danh sách cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới. Đó thực sự là một thứ hạng rất cao, mặc dù nước này đã tụt hạng trong bốn năm liên tiếp. Thế còn quốc gia đứng thứ ba thì sao? Một đất nước nhỏ bé, ở Bắc Âu xa xôi với ít tài nguyên, ngoài một thứ gì đó mà người dân địa phương gọi là sisu.

Một học sinh năm nhất tại Mỹ

Khi Tom từ Ba Lan trở lại Gettysburg, cậu áp cho mình một chế độ đọc nghiêm ngặt, 100 trang mỗi ngày. Mùa hè năm đó, cậu đọc hết Michel Foucault, chỉ để xem mình có thể không. Cậu bỏ hút thuốc. Tuy nhiên, cậu nhớ khoảng thời gian lang thang trên những con đường của một thành phố rực rỡ và uống bia Ba Lan ấm với bạn bè khi mặt trời lặn ở Wroclaw. Trở lại Gettysburg, cậu muốn qua đêm với các bạn vào ngày đầu tiên trở về nhà nhưng cha mẹ đã phản đối và hỏi liệu cậu có mất trí không. Cậu muốn lang thang tại các cửa hàng cà phê; nhưng các quán cà phê Gettysburg đóng cửa vào lúc nhá nhem tối. Cậu nhờ mẹ, một trưởng biện lý ở Gettysburg, mua bia cho cậu nhưng bà từ chối.

Mùa thu năm đó, cậu đóng gói sách vở và những chiếc áo đồng phục ban nhạc của mình và chuyển đến Poughkeepsie, New York. Khi đến Vassar, cậu chuyển vào một ký túc xá được xây bằng gạch đỏ, cổ kính với mái nhọn, nằm ngay cạnh một thảm cỏ. Đó đúng là một trường đại học. Bạn cùng phòng của cậu trang trí tường với đèn Giáng sinh và cờ Tây Tạng. Tom đăng ký hội thảo Virginia Woolf, như đã lên kế hoạch và bắt đầu gặp gỡ một cô gái ở cách cậu hai phòng.

Tuy nhiên, khi lớp học bắt đầu, cậu có một cảm giác khó chịu. Ngồi trong hội thảo Woolf, cậu nhận ra rằng mình đã không chuẩn bị chu đáo như mong đợi. 4/10 sinh viên Vassar đã tốt nghiệp từ các trường tư, bao gồm các trường nội trú ưu tú ở vùng Đông Bắc. Họ có kỹ năng phân tích văn học rất tốt, trái ngược với cậu. Họ đưa ra tài liệu tham khảo về thần thoại Hy Lạp mà Tom không hiểu. Một học sinh mô tả *Jacob's Room* (tạm dịch: Căn phòng của Jacob) bằng cách bắt đầu *in media res* (phân tích từ giữa tác phẩm), như thể mọi người đều biết nó có nghĩa gì. Họ đọc Virgil, nhưng cậu thì không. Thật đáng sợ.

Lúc này, cách đó 800 dặm đường, Eric đã trải qua cảm giác ngược lại.

Cậu chuyển đến Chicago để vào học tại Đại học DePaul. Từ khi còn ở Hàn Quốc, cậu đã cảm nhận được sự sống động trong tiếng ồn của một thành phố lớn, nơi cậu biết mình có thể ăn sushi vào lúc 4 giờ sáng – dù có muốn hay không. Cậu đang trông chờ việc học chính trị và triết học. Nhưng, vào mùa thu năm đó, khi tham gia khóa học viết bắt buộc đối với mọi tân học sinh, cậu đã phát hiện ra một điều thật đáng ngạc nhiên. Cậu thực sự đã chuẩn bị **thái quá**.__

Không giống như hội thảo Virginia Woolf tại Vassar. Lớp học này được giảng dạy bởi các sinh viên đã tốt nghiệp và được thiết kế để đưa tất cả sinh viên đến mức độ cạnh tranh cơ bản. Eric buồn bã. Nó giống như lớp toán ở trường tiểu học, khi cậu giải khuây bằng cách trả lời các câu hỏi dưới dạng chữ cái đầu trong tên của mình.

Eric đã học được cách làm luận văn và tiến hành các nghiên cứu cơ bản ở trường trung học tại Minnesota; cậu cứ cho rằng tất cả mọi người đều đã học điều đó. Ngồi trong lớp học ở DePaul, với cuốn vở trống trơn, cậu chán nản, như một quả bóng bay xì hơi, quay về mặt đất.

Ở trường đại học, Eric và Tom đã được chứng kiến tận mắt cùng một sự thay đổi vốn định hình các trường học trên khắp nước Mỹ và thế giới – cũng là lý do khiến cuốn sách này ra đời. Khi các sinh viên chỉnh sửa bài tập của nhau, Eric đã đọc bài của các bạn học. Cậu phát hiện ra rằng nhiều người không biết cách cấu trúc một bài luận, phát triển một tranh luận hoặc truyền đạt rõ ràng một ý tưởng. Bài viết rời rạc và ngữ pháp kém cỏi. Không phải họ không muốn hoặc không thể làm tốt hơn mà vì họ chưa bao giờ được học cách thực hiện nó.

Eric thấy thích các lớp học nhỏ khác hơn. Cậu khám phá Chicago và bắt đầu nghĩ đến việc chuyển đến một trường đại học khác. Việc đó từng có tác dụng ở Hàn Quốc, vì vậy nó cũng có thể có tác dụng tương tự ở Mỹ.

Còn Tom, cậu thích nghi khá dễ dàng; cậu đọc Virgil. Cậu tra **in media res** và phát hiện ra đó là một cụm từ tiếng Latin ám chỉ việc bắt đầu một câu chuyện từ giữa cốt truyện. Cậu hiểu rất nhanh và đến mùa xuân, cậu có thể nói bóng gió về thần thoại Hy Lạp trong các giờ học tiếng Anh. Cậu nhận thấy rất nhiều câu đùa thật nhảm nhí, nhưng cậu cần phải học tiếng địa phương. Đến cuối năm thứ nhất đại học, cậu tập trung vào nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giáo sư ngành văn học kinh điển về nhà thơ La Mã Catullus.

Nhưng cậu cũng mường tượng những gì đã có thể xảy ra. Nếu cha mẹ cậu không đưa cậu đến Barnes & Noble như một nghi lễ tối thứ Sáu hàng tuần, nếu cậu không tự nghiền ngẫm văn học, cậu có thể sẽ không có thói quen đọc sách mỗi ngày. Cậu nhận ra, nếu không có thực tế đó, cậu chắc chắn sẽ bị choáng ngợp ở Vassar. Việc tham gia lớp tiếng Anh nâng cao tại trung học Gettysburg không quan trọng. Việc nhận được điểm tốt không quan trọng. Cậu cần nhiều hơn sự chặt chẽ mà trường học có thể mang tới. May mắn cho cậu, cậu đã tự mình tìm thấy nó.

Một người Hàn Quốc ở New Jersey

Giống như Kim, Jenny vẫn học tiếp trung học khi trở về Mỹ. Cả hai đều còn hai năm nữa mới tốt nghiệp. Trước đó, Jenny phải đi lại nhiều giữa Hàn Quốc và Mỹ, vì vậy cô đã biết mình mong đợi gì khi cả gia đình chuyển đến trung tâm New Jersey vào mùa hè năm 2011. Cô phát hiện ra rằng trường học ở đây nhân đạo hơn nhiều so với trường trung học Namsan nơi cô và Eric cùng học trước đây, và cô đã đúng. Các giờ học dễ dàng hơn; thầy cô giáo và bạn bè cùng lớp cũng thoải mái hơn.

Tuy nhiên, đã có những bất ngờ xảy đến.

Trong kỳ thi Đại số II đầu tiên vào mùa thu năm đó, cô bạn gái ngồi kế bên phàn nàn rằng cô ta không hiểu một trong những câu hỏi. Jenny đã trả lời rất nhanh, có thể bởi cô đã được học kiến thức này từ hai năm trước. Nhưng cô gái đó vẫn cứ cần sự trợ giúp. Sau đó, một điều kỳ diệu đã xảy ra: Giáo viên đã đến giúp cô ấy! Ngay trước mặt tất cả mọi người,

thầy đã giúp cô ấy giải bài – *trong suốt giờ thi.*

Jenny lặng lẽ quan sát, không nói nên lời. Cô tự hỏi điều gì sẽ xảy ra khi cô gái kia tham gia kỳ thi SAT mà không có giáo viên ở cạnh để giúp đỡ. Sau đó, một cậu bạn cùng lớp đã có hành động tương tự và một lần nữa, thầy giáo lại giúp cậu ta. Jenny không thể tin vào mắt mình. Cô ước những người bạn Hàn Quốc của cô có thể chứng kiến cảnh này; cô mong được kể với họ câu chuyện đó qua Skype khi về đến nhà.

Không phải mọi thứ đều dễ dàng hơn ở trường trung học Mỹ. Đó chính là một bất ngờ khác. Mùa xuân năm ấy, Jenny phát hiện ra rằng học sinh ở các trường trên khắp nước Mỹ tham gia một chương trình mang tên Presidential Fitness Test (Kỳ thi Sức khỏe Tổng thống) ở lớp thể dục. Nó đã tồn tại trong nhiều thập kỷ và suốt thời gian đó, các tiêu chuẩn lại đặc biệt cao một cách khó hiểu.

Để đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra, Jenny và bạn học cùng lớp của cô bé đã chạy một dặm trong 8 phút và đứng lên ngồi xuống 44 lần trong 60 giây. Họ bị cấm nằm nghỉ giữa những lần đứng lên ngồi xuống; không có cách nào để tránh kỳ thi này như môn đại số. Các bạn nam phải gập bụng 13 lần còn các bạn nữ phải chống đẩy 25 lần. Hoạt động này không được tính vào điểm thể dục, nhưng rất nhiều học sinh và giáo viên thể dục nghiêm túc thực hiện như thể họ đang luyện tập để thi thật.

Jenny không thể tin được điều đó. 25 lần chống đẩy không phải là chuyện đùa. Tại sao các kỳ vọng đặt ra lại cao đến vậy? Và tại sao khi đáp ứng được các kỳ vọng đó, người Mỹ vẫn phải đối mặt với hội chứng béo phì?

Trở về Hàn Quốc, Jenny đã tham gia một kỳ thi thể dục tương tự, nhưng các tiêu chuẩn thấp hơn. Thay vì chạy một dặm trong 8 phút, bọn trẻ được cho 9 phút rưỡi. Và không ai trong số chúng quan tâm cả; chúng chỉ cần đi quanh đường chạy. Chúng lo lắng về bài kiểm tra toán hơn.

Sau khi kể với bạn bè ở quê nhà về bài thi thể dục với cường độ điên rồ ở Mỹ, Jenny vẫn chưa hết bàng hoàng. “Về thể chất, tiêu chuẩn ở đây cao hơn. Còn về học tập, tiêu chuẩn ở Hàn Quốc lại cao hơn!”

May mắn thay, cô tự tin sẽ vượt qua bài thi thể dục ở New Jersey. Dù gì, cô cũng đã luyện tập giống như đã luyện toán tại Hàn Quốc. Đến lúc đó, cô biết rằng việc đáp ứng được các kỳ vọng cao chỉ đòi hỏi nỗ lực.

Bánh xe chuột và những đứa trẻ ngang ngược

Khi trở lại Hoa Kỳ vào cuối năm học, tôi đã dành một khoảng thời gian dài để định hình lại những gì đã nhìn thấy. Tôi ngạc nhiên nhận ra biết bao vấn đề phổ biến toàn cầu. Ở mọi nơi tôi đến, các giáo viên đều phàn nàn về các kỳ thi, hiệu trưởng và các bậc cha mẹ; đến lượt các bậc cha mẹ, họ mệt mỏi với việc học tập của con cái, dựa trên sự sợ hãi và cảm xúc mơ hồ. Các chính trị gia than thở về các công đoàn và các lãnh đạo công đoàn than phiền về các chính trị gia.

Trong khi đó, trẻ em vẫn chỉ là trẻ em, như Jenny đã nói với Eric trên chuyến xe buýt ngày hôm đó tại Busan, Hàn Quốc. Chúng thích giáo viên này và không thích giáo viên nọ. Chúng chơi điện tử, nhắn tin trong lớp và xem tivi ở bất cứ nước nào tôi ghé thăm. Điểm khác biệt, nhiều hơn bất cứ điều gì khác, đó là mức độ nghiêm túc mà chúng dành cho việc học. Nỗ lực đó dao động như một dòng điện tâm đồ, tùy thuộc vào nơi trẻ sinh sống.

Tại sao chúng quan tâm? Kim đã đặt ra câu hỏi này ở Phần Lan, tóm gọn quá trình tìm hiểu này chỉ trong một câu hỏi. Sau khi đến thăm cô bé, tôi bắt đầu ngờ rằng câu trả lời khá đơn giản: Chúng học hành nghiêm túc hơn bởi **thực tế** việc học đã trở nên nghiêm túc hơn. Và việc học trở nên nghiêm túc hơn bởi mọi người đều nhất trí rằng nó nên như vậy.

Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan có sự tương đồng ở chỗ mọi trẻ em phải học cách tư duy bậc cao hơn để đạt được vị thế cao hơn trên thế giới. Trong mọi trường hợp, thỏa thuận đó được sinh ra từ những cuộc khủng hoảng: những nhu cầu cấp bách về kinh tế đã tập trung tư duy quốc gia theo cách mà những ý định tốt đẹp không bao giờ làm được. Sự đồng thuận về mức độ chặt chẽ sau đó đã làm thay đổi mọi thứ.

Các trường trung học ở Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan đều hướng đến một mục đích, giống như mục đích luyện tập bóng đá của các trường trung học Mỹ. Họ hướng đến kỳ thi lớn quan trọng cuối cùng mà điểm số quyết định mọi thứ. Các giáo viên cũng rất nghiêm túc: có học vấn cao, được đào tạo và chọn lựa cẩn thận. Họ có đủ quyền tự chủ để làm việc nghiêm túc; đồng nghĩa với việc họ có cơ hội tốt hơn để thích ứng và thay đổi cùng với học sinh và nền kinh tế nước nhà. Học sinh cũng có sự độc lập riêng, khiến việc đến trường trở nên không quá khó khăn, đồng thời nuôi dưỡng động lực và quyền tự chủ hơn nữa sau khi tốt nghiệp trung học. Càng gần đến tuổi trưởng thành, chúng càng hành xử như người lớn.

Tại Hoa Kỳ và các nước khác, chúng tôi phát hiện ra rằng con trẻ sẽ luôn có được cơ hội thứ hai và thứ ba cho đến khi chúng thoải mái bước sang tuổi trưởng thành. Chúng tôi cũng có thái độ tương tự với các giáo viên: Bất cứ ai cũng có thể trở thành giáo viên, miễn là họ đi học đều, tuân thủ các quy tắc và có những dự định tốt đẹp. Chúng tôi có những trường chúng tôi muốn theo học. Các bậc cha mẹ không cần thiết phải xuất hiện ở trường học và buộc con cái họ nỗ lực nhiều hơn, đọc nhiều hơn hay buộc các con đang tuổi mẫu giáo học toán trong khi chúng vẫn yêu thích các con số. Họ xuất hiện để phàn nàn về điểm kém. Họ cũng tập trung rất đông, đem máy quay và ghế ngồi đến bãi cỏ, háo hức xem con cái mình chơi thể thao.

Mô thức đó đã từng hiệu quả đối với hầu hết trẻ em Mỹ từ trước đến nay. Phần lớn bọn trẻ không cần một nền giáo dục nghiêm ngặt và quả thật, chúng cũng không nhận được nó. Sự giàu có đã khiến sự chặt chẽ chỉ mang tính tùy chọn ở Mỹ. Nhưng mọi thứ đã thay đổi. Trong một nền kinh tế tự động toàn cầu, trẻ em cần được định hướng: chúng cần phải biết cách thích nghi, bởi đó là thứ chúng sẽ cần đến suốt cuộc đời. Chúng cần một nền văn hóa của sự chặt chẽ.

Có nhiều cách khác nhau để có được sự chặt chẽ và không phải tất cả đều hay. Tại Hàn Quốc, bánh xe chuột tạo ra nhiều vấn đề nhưng cũng giải quyết nhiều vấn đề. Học tập trong áp lực chủ yếu dẫn đến điểm thi cao thay vì mang lại sự kiên cường. Kiểu học tập không ngừng đó không thể được duy trì mãi mãi và có bằng chứng cho thấy động lực của trẻ em

Hàn Quốc giảm sút thảm hại khi chúng vào đại học.

Tuy nhiên, nếu tôi phải lựa chọn giữa sức ép của bánh xe chuột và sự thoải mái tự do của nhà phao vốn là đặc trưng của nhiều trường học ở Hoa Kỳ và các nước khác – không cần phải nói đó là một lựa chọn sai lầm – tôi nghĩ rằng tôi miễn cưỡng chọn sức ép. Guồng quay đó luôn chuyển động và áp đảo, đúng vậy, nhưng nó cũng mang lại cảm giác trung thực hơn. Trẻ em ở trong bánh xe chuột được trải nghiệm cảm giác vật lộn với những ý tưởng phức tạp và tư duy vượt ra ngoài vùng an toàn; chúng hiểu rõ giá trị của sự kiên trì. Chúng biết cảm giác của thất bại, chăm chỉ hơn và làm tốt hơn. Chúng đã được chuẩn bị cho hành trình đối mặt với thế giới hiện đại.

Ở trong nhà phao, trẻ em bị phỉnh nịnh. Chúng được nuôi dưỡng bằng một chế độ mềm mỏng bởi các chuyên gia “non tay”. Nếu chúng thất bại, hậu quả không mấy rõ ràng. Chỉ sau này, sau khi tốt nghiệp trung học, chúng mới phát hiện ra mình đã bị lừa phỉnh. Thế giới thực không phải lúc nào cũng mang đến cơ hội thứ hai và thứ ba; thế giới thực không cấp bằng cho sự có mặt. Khi gặp hoàn cảnh khó khăn, giáo viên toán của chúng không thể đưa ra đáp án.

Học tập đã trở thành một kiểu tiền tệ, có khả năng mang lại tự do. Nó không phải là tất cả những gì quan trọng trong đời sống, nhưng ngày càng quan trọng hơn bao giờ hết. Với ý nghĩ đó, các nước như Phần Lan, Canada và New Zealand đã khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên cuối cùng này. Dù sao con cái họ cũng được tự do hơn trẻ ở các nước “nồi áp suất”, bởi chúng không phải hy sinh cuộc sống để được thông minh hơn.

Xét về hạnh phúc, Phần Lan đứng thứ hai (sau Đan Mạch) trong năm 2012 theo Báo cáo Hạnh Phúc toàn cầu được ủy thác thực hiện bởi Liên Hợp Quốc. Người Phần Lan có rất nhiều lý do để được hạnh phúc, bao gồm thực tế rằng giáo dục giúp tăng thu nhập và thu nhập tăng mức độ hạnh phúc. “Nếu bạn muốn có giấc mơ Mỹ,” lãnh đạo Đảng Lao động Vương quốc Anh, Ed Miliband, cho biết tại một hội nghị về biến động xã hội vào năm 2012, “hãy đến Phần Lan”. Trong thế kỷ XXI, một người nghèo có thể dễ dàng có được một nền giáo dục tuyệt vời ở Phần Lan so với ở hầu hết các nước trên thế giới trong đó có cả Mỹ (đứng thứ 11 về hạnh phúc).

Khi nghĩ về tương lai của nền giáo dục, tôi lo lắng cho những đứa trẻ như Kim, những đứa trẻ bị thiệt thòi và không được khích lệ trong nhiều năm. Tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra với những đứa trẻ ngang ngược ở Phần Lan, và Oklahoma. Dù vậy, phần nào tôi cũng có hy vọng hơn trước đây. Rõ ràng không có quốc gia nào phát hiện ra vấn đề này; mọi nơi đều có vấn đề, nhưng đó đều là những vấn đề có thể giải quyết được.

Rõ ràng, để trẻ được trải nghiệm nền giáo dục mà chúng xứng đáng được nhận, đầu tiên, chúng ta phải đồng ý rằng sự chặt chẽ có vai trò quan trọng nhất; rằng trường học tồn tại để giúp trẻ suy nghĩ, học tập chăm chỉ và có thể thất bại. Đó là sự đồng thuận cốt lõi nhằm khả thi hóa mọi thứ khác.

Tôi trở lại một quốc gia bị tàn phá bởi suy thoái kinh tế và các phe phái chính trị. Liệu thời điểm này có đại diện đủ cho một cuộc khủng hoảng đối với nước Mỹ không? Đây sẽ là thời khắc Phần Lan của chúng tôi? Là khám phá Hàn Quốc của chúng tôi? Đây có phải lúc

chúng tôi đưa ra quyết định cuối cùng rằng một nền giáo dục thực sự sẽ là **tấm thảm gai** đối với mọi người, kể cả các giáo viên, trẻ em giàu có lẫn nghèo khổ? Những thay đổi chính sách từ trên xuống, từ chương trình “Không đứa trẻ nào bị bỏ lại phía sau” dưới thời Tổng thống George W. Bush đến chương trình “Vươn lên dẫn đầu” dưới thời Tổng thống Barack Obama cố gắng áp đặt sự chặt chẽ lên các hệ thống của Mỹ, gò ép nó vào các trường học và các gia đình trên toàn nước Mỹ. Việc đó có thể làm thay đổi chút ít nhưng không phải tất cả. Mọi người phải tin vào sự chặt chẽ; họ phải quyết định, có thể là bị cưỡng ép quyết định, đã đến lúc cần phải nghiêm túc. Có thể họ bị đẩy vào quá trình khám phá này, nhưng họ buộc phải trải nghiệm nó.

Nhưng họ sẽ làm vậy chứ?

Khi tôi trở về, người Mỹ đều cảm nhận được sự cấp bách, sự cận kề đáng lo ngại về thay đổi và cạnh tranh. Điều đó thôi chưa đủ, từ trước đến nay vẫn vậy. Suy cho cùng, hầu hết các nước trải qua khủng hoảng kinh tế đã không làm được những gì Hàn Quốc, Phần Lan và Ba Lan làm được. Họ thiếu khả năng lãnh đạo hoặc sự may mắn để thấy rằng sự giàu có về kinh tế và xã hội phụ thuộc vào trí tuệ tổng hòa của các công dân bình thường mà cách *duy nhất* để có được trí tuệ là chăm chỉ học tập và làm việc.

Trong năm 2014, Oklahoma dự kiến đưa ra một bộ tiêu chuẩn khắt khe hơn, mạch lạc và rõ ràng hơn mang tên Cốt lõi Chung. Các tiêu chuẩn, vốn được thông qua ở 44 tiểu bang khác, được thiết kế để dạy trẻ cách tư duy. Chúng được định hình bởi các tiêu chuẩn quốc tế về những gì trẻ em nên biết. Tuy nhiên, sự thay đổi này cũng bị công kích bởi các nhà lập pháp Oklahoma. “Tiêu chuẩn cốt lõi chung là kết quả mang tầm liên bang về giáo dục và điều này vi phạm quyền kiểm soát của địa phương,” Nghị sỹ Đảng Cộng hòa của bang Sally Kern nói với các nhà lập pháp đồng cấp, hối thúc họ phản đối các tiêu chuẩn.

Khi Kim, Eric và Tom kết thúc năm học đầu tiên sau khi trở về Mỹ, không ai có thể nói rằng sự đồng thuận về tính chặt chẽ đã xuất hiện. Trong một nền văn hóa nhiễu loạn, từ bảng trắng kỹ thuật số đến xây dựng lòng tự trọng đến bóng đá trường trung học, sẽ khó tìm được sự rõ ràng về mục đích. Nhưng không phải là không thể.

Học sinh nam không ba lô, học sinh nữ không điểm F

William Taylor dạy toán tại một trường công truyền thống ở Washington, D.C. Anh lớn lên ở D.C. và rất thích toán học. Khi còn là một giáo viên mới, anh tình cờ được nhận vào dạy tại một trường có vị hiệu trưởng hiểu rõ tầm quan trọng của sự chặt chẽ. Bà ấy không hoàn hảo, nhưng đã dạy anh những điều quan trọng; ví dụ, bà dạy anh, không bao giờ đuổi những học sinh có hành vi sai trái ra hành lang như một hình thức trừng phạt. Hãy tìm một cách khác để giúp chúng cư xử đúng mực.

Trường học không phải là một nhà máy sản xuất những hành vi ứng xử đẹp; nó là nhà máy học hỏi. Đây là tầm nhìn rất rõ ràng của bà. Nếu trẻ bị đuổi ra hành lang, chúng sẽ không học hỏi được gì.

Bà cũng dạy anh không bao giờ được để bọn trẻ từ trường về nhà mà không mang ba lô. Chúng sẽ để bài tập ở đâu? Chúng đến trường để học và bài tập về nhà rất quan trọng

với chúng. Những cô bé, cậu bé này sống trong một khu phố nơi mà 1/5 số người lớn bị thất nghiệp; mọi học sinh ở trường đều là người Mỹ gốc Phi và phần lớn đều thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo. Chúng phải học nếu muốn thay đổi thực tế đó. Ba lô của chúng giống như chiếc áo phao mà nếu thiếu, chúng chắc chắn sẽ chết đuối.

Vài năm sau, Taylor đã trở thành một giáo viên toán có năng lực. Mỗi năm, kiến thức của học sinh của anh lại được nâng cao hơn. Khi ra trường, chúng đạt trình độ thực học hoặc thậm chí ở bậc cao hơn. Chúng cũng được học về những khó khăn trong cuộc sống, điều đó rất quan trọng.

Will Taylor tin vào sự chặt chẽ và đưa nó vào lớp học của mình. Anh không phải là một người hùng; anh chỉ tin rằng trẻ em thông minh và mạnh mẽ hơn so với những gì người khác tưởng và anh đã có hành động phù hợp. Anh cũng rất giỏi chuyên môn và có cấp trên hỗ trợ. Theo chương trình đánh giá giáo viên đầy phức tạp của D.C, Taylor thậm chí còn được trả lương theo giá trị, một hiện tượng rất hiếm trong các trường học trên toàn thế giới. Anh cũng được đánh giá đạt hiệu quả cao ba lần liên tiếp, một thành tích bất thường và rất ấn tượng. Nhờ các chương trình tưởng thưởng gây tranh cãi được đưa vào thực hiện dưới thời cựu hiệu trưởng Michelle Rhee, Taylor đã kiếm được thu nhập sáu con số. Anh vừa mua được ngôi nhà đầu tiên của mình.

Năm 2011, Taylor đã chuyển đến một trường công lập mới ở một khu vực không kém phần khó khăn của D.C. Anh rất vui mừng khi được đến đó. Hiệu trưởng của trường rất ấm áp và luôn hỗ trợ anh, các giáo viên nhiệt tình và các phụ huynh có vẻ khá quan tâm đến việc học tập của con cái. Anh mất một chút thời gian để khám phá ra những khoảng trống nơi mà sự chặt chẽ lẽ ra nên hiện diện.

Taylor đã làm những gì anh luôn làm: Anh dạy học sinh của mình mọi trò chơi, bí quyết và cách thức giúp chúng học mà không lãng phí thời gian. Anh sử dụng các thủ thuật để đảm bảo thu hút được tất cả và phân nhóm bọn trẻ một cách chiến lược, để chúng có thể giúp đỡ lẫn nhau khi không có anh.

Trong vài tuần đầu tiên, anh đã phải dành nhiều thời gian hơn bình thường để khiến học sinh nghiêm túc trong giờ học và kiểm soát hành vi của chúng. Nhưng khi mọi thứ đi vào nề nếp, anh không cần nhắc lại các quy định riêng nữa.

Sau đó, một hôm, một nữ sinh nhỏ nhắn, khá kiệm lời đã tiến về phía anh và nói với anh điều gì đó có vẻ rất quan trọng.

“Mẹ em muốn biết lý do tại sao thầy cho em điểm F.”

Taylor nhìn xuống đôi mắt không chớp đang mang cặp kính nhỏ của cô bé.

“Thầy không cho em một điểm F,” anh trả lời. “Em giành được một điểm F đấy chứ!”

“Vâng, em sẽ cố gắng,” cô bé lí nhí trả lời.

“Thầy không cho điểm dựa trên nỗ lực mà em đạt được điểm dựa trên kết quả.”

Taylor không thay điểm của cô học trò. Anh không tin vào việc nâng đỡ trẻ sau thất bại. Anh tin vào việc cho trẻ biết sự thật.

Anh hỏi mọi người xung quanh và phát hiện ra rằng một số đồng nghiệp cho điểm *60%* dựa trên nỗ lực. *60%* cơ đấy. Ai sẽ nói thật với những đứa trẻ này rằng các kỳ thi SAT không tính điểm nỗ lực? Toán học mới quan trọng và *chỉ* có một đáp án chính xác mà thôi.

Ngay sau đó, anh bắt đầu nhận được thêm các khiếu nại khác từ nhiều bậc cha mẹ học sinh. Anh để bọn trẻ mang sách về nhà và họ không thích điều đó. Những cuốn sách này quá nặng và bài tập về nhà quá khó. Anh hỏi những giáo viên khác lý do họ không để trẻ mang sách về nhà. Họ bảo với anh rằng bọn trẻ không quan tâm đến những cuốn sách. Taylor nhướn mày. Làm sao chúng có thể học mà không cần sách?

Anh bắt đầu chú ý đến nhiều thứ khác. Khi đi qua hành lang, anh thường gặp các học sinh đứng ngoài cửa lớp. Thường thì, chúng là những học sinh nam, những chàng trai người Mỹ gốc Phi, những người luôn nhắc anh nhớ đến nguồn gốc của mình. Anh hỏi chúng đang làm gì ở đó và nhận được câu trả lời rằng chúng bị đuổi ra khỏi lớp do hành xử không đúng mực.

Một buổi chiều nọ, khi quan sát học sinh lũ lượt kéo nhau ra cổng để về nhà, Taylor thấy một điều làm tim anh chùng xuống. Hầu hết lũ trẻ đều không đeo ba lô.

Cô học trò nhỏ nhận được điểm F môn toán trong phiếu báo điểm học kỳ đó. Nhưng sau đó, cô bé có vẻ hiểu ra. Cô bắt đầu làm bài tập về nhà. Cô ít mắc lỗi hơn. Cô học nhóm với một số bạn khác và dành giờ nghỉ trưa để học. Học kỳ sau, cô nhận được một điểm D. Đến cuối năm, cô đạt được điểm C môn toán.

Khi Taylor thông báo điểm, cô bé bắt đầu khóc. "Em không thể tin mình đã làm được," cô nói. Và anh nói với cô bé rằng "Em đã làm được!" bằng giọng nói chân thành nhất có thể.

Những chiến binh đào ngũ

Có rất nhiều giáo viên giống Taylor trên khắp nước Mỹ. Thậm chí còn có cả các trường học được xây dựng dựa trên lý tưởng về việc học tập nghiêm túc và nói cho trẻ biết sự thật. Dù vậy, đây là những nơi phản văn hóa đối với các nhà lãnh đạo đã dành nhiều thời gian thuyết phục các bậc cha mẹ học sinh rằng con cái họ ương bướng hơn họ nghĩ.

Ở các trường bán công BASIS ở Arizona và Washington, D.C., giáo viên dạy học sinh theo cách mà phần lớn các trường trung học Mỹ đào tạo cầu thủ bóng đá cho những trận cầu thứ Sáu. Vào ngày diễn ra các kỳ thi Nâng cao, mỗi học sinh vào lớp trong giai điệu nhạc nền bộ phim nổi tiếng về quyền Anh – Rocky, "Eye of the Tiger" (Mắt hổ).

Trong năm 2012, thanh thiếu niên tại hai trường BASIS thuộc Arizona đã tham gia một phiên bản PISA đặc biệt mới được thiết kế để tự đánh giá và so sánh với các tiêu chuẩn quốc tế. Cho đến lúc đó, PISA chỉ công bố kết quả trên toàn quốc hoặc trên toàn tiểu bang, chứ không công bố kết quả của từng trường.

Kết quả thật ấn tượng. Học sinh BASIS trung bình không chỉ vượt trội hơn các học sinh điển hình của Mỹ (gần ba năm về kỹ năng đọc và môn khoa học và gần bốn năm ở môn toán) mà còn vượt qua mức trung bình ở Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan. Những đứa trẻ này thậm chí còn làm tốt hơn mức trung bình của học sinh đến từ Thượng Hải, Trung Quốc, khu vực đã xếp thứ nhất trên thế giới về điểm PISA vào năm 2009.

Không còn nghi ngờ gì nữa, thanh thiếu niên Mỹ có thể cho thấy kết quả hàng đầu thế giới trong một kỳ thi phức tạp về tư duy phản biện. Học sinh tại các trường trung học công lập truyền thống đã tham dự kỳ thi tại Fairfax, Virginia, cũng đánh bại các thanh thiếu niên trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, trong cùng kỳ thi đó, các học sinh đến từ một trường trung học khác tại một bang miền tây của Mỹ đã đạt được kết quả tồi tệ hơn thanh thiếu niên ở 23 quốc gia khác trong môn toán. Các nhà tổ chức PISA đã không nêu tên của ngôi trường này, nhưng không đưa ra lý do rõ ràng. Trường chủ yếu gồm học sinh da trắng, xuất thân từ tầng lớp trung lưu; chỉ 6% học sinh có mức sống cận nghèo. Tiểu bang mà ngôi trường này trực thuộc vừa trao cho trường một điểm A. Thế nhưng chưa đến 1/10 học sinh đạt điểm cao về mức độ tư duy phản biện trong toán học, so với 6/10 học sinh BASIS. Thanh thiếu niên tại trường này đạt điểm thấp hơn các thanh thiếu niên ở Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan, chưa kể đến Cộng hòa Slovak và Estonia.

Phụ huynh của ngôi trường đó có thể không bao giờ biết về những kết quả này, nhưng các em học sinh sẽ phát hiện ra chúng bằng cách này hay cách khác. Nếu không phải vào năm nhất đại học, khi chúng ngồi vào các lớp toán khắc phục hậu quả hoặc chật vật để theo kịp một bài giảng vật lý cơ bản, thì cũng là khi chúng đi làm, khi chúng hiểu sai một đồ thị tại ngân hàng nơi chúng làm việc hoặc tính toán nhầm liều thuốc tại một trạm điều dưỡng trong bệnh viện. Phát hiện này – rằng chúng thiếu các công cụ đã trở nên thiết yếu trong nền kinh tế hiện đại – sẽ xuất hiện ở khía cạnh cá nhân, một sự xấu hổ lẩn khuất khó lý giải. Chúng có thể trải nghiệm nó như một thất bại cá nhân, dù tôi chẳng mong như vậy.

Thay vào đó, tôi hy vọng chúng sẽ coi đó là một điều đáng phẫn nộ. Có lẽ, không giống như các thế hệ trước, những người Mỹ trẻ này sẽ cho rằng con cái họ, giống như trẻ em ở Phần Lan, xứng đáng được đón nhận kiến thức từ các chuyên gia được đào tạo và giáo dục tốt nhất trên thế giới. Họ có thể nhận ra rằng nếu trẻ em Hàn Quốc có thể học cách thất bại và thử lại trước khi rời trường trung học, thì con cái họ cũng vậy. Có lẽ, họ sẽ kết luận rằng Ba Lan không phải là nơi duy nhất diễn ra sự thay đổi.

Lịch sử cho chúng ta thấy rằng các nhà lãnh đạo vĩ đại rất quan trọng và may mắn cũng vậy. Chính trị cũng quan trọng như quyền lực. Tuy nhiên, tất cả những thay đổi lớn đều cần sự lan tỏa giữa mọi người giống như một lời cầu nguyện bên bàn ăn, cho đến khi số người trong đó đủ để đồng ý rằng cần làm một điều gì đó.

Những câu chuyện của Phần Lan, Hàn Quốc và Ba Lan thật phức tạp và vẫn chưa đến hồi kết. Nhưng chúng tiết lộ những khả thể. Mọi trẻ em phải được tiếp thu tư duy bậc cao chặt chẽ để sinh tồn trong thế giới hiện đại. Cách duy nhất để làm điều đó là tạo ra một nền văn hóa trí tuệ nghiêm túc trong trường học, một nền văn hóa mà những đứa trẻ có thể cảm nhận được sự hiện hữu của nó, rằng nó có thật và đúng đắn. Khi ngày càng nhiều thông tin

tràn lan khắp các trường học cũng như các quốc gia và khi học sinh có thể tự tìm được cách chứng minh với thế giới khả năng của chúng, tôi hy vọng những câu chuyện kiểu này sẽ chỉ còn là quá khứ.

Phụ lục I. LÀM THẾ NÀO ĐỂ PHÁT HIỆN RA MỘT NỀN GIÁO DỤC ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI?

Giống như đa số các phóng viên, tôi không muốn đưa ra lời khuyên; tôi chỉ muốn kể lại những câu chuyện của người khác và để độc giả đưa ra kết luận của riêng các bạn. Điều đó tốt hơn cho tất cả mọi người.

Ở khắp nơi tôi đến, các bậc cha mẹ đề nghị tôi đưa ra những hành động cụ thể để họ có thể áp dụng trong cuộc sống. Họ hỏi tôi ở siêu thị, tại sân chơi. Như thể họ sống trong thế giới thực, nơi lý thuyết chẳng mấy quan trọng, và họ cần nhiều hơn thế.

Ở hầu hết các nước, hầu hết các bậc cha mẹ đều có một vài sự lựa chọn về ngôi trường sẽ gửi con em mình theo học. Tuy nhiên, đó là một lựa chọn rất khó khăn trong khi thông tin hữu ích lại rất khó tìm. Vì vậy, cuốn sách này là nỗ lực hết sức của tôi nhằm chuyển tải những gì mọi người muốn.

Mỗi đứa trẻ là một cá thể. Một trường học tuyệt vời đối với đứa này là địa ngục trần gian đối với đứa khác. Tuy nhiên, khi nói đến việc tìm kiếm một trường học vừa nghiêm túc vừa tuyệt vời, tràn đầy tinh thần học tập, có rất ít các câu hỏi đáng tin cậy được đưa ra. Đây là cách riêng của tôi giúp tìm một trường đẳng cấp thế giới dựa trên những gì tôi đã quan sát thấy khi đến thăm các trường học ở bốn lục địa, lắng nghe trẻ em, giáo viên và các bậc cha mẹ, đồng thời tham khảo nghiên cứu những người thông minh hơn tôi. Như thế vẫn chưa đủ, đó mới chỉ là sự khởi đầu.

Quan sát các học sinh

Nếu đang cố gắng tìm hiểu một trường học, bạn nên bỏ qua hầu hết các thông tin nhận được. Sự hiếu khách? Khá vô ích. Các khoản chi trên mỗi học sinh? Vượt quá một mức độ cơ bản nhất định, tiền không biến thành chất lượng giáo dục ở bất cứ đâu. Số tiền mà các quốc gia thông minh nhất trên thế giới chi cho mỗi học sinh của họ thường ít hơn so với Hoa Kỳ.

Quy mô lớp học trung bình? Không quan trọng như mọi người nghĩ, ngoại trừ trong những năm đầu đến trường. Thực tế, các nước có thành tích cao nhất thường có các lớp học lớn hơn so với Hoa Kỳ. Các nghiên cứu chỉ ra rằng chất lượng giảng dạy quan trọng hơn quy mô lớp học.

Dữ liệu bài thi? Hữu ích hơn, nhưng rất khó giải mã. Chất lượng của các kỳ thi tốt đến

mức nào? Các trường học bổ sung thêm bao nhiêu giá trị cho trẻ ngoài những gì chúng đã biết ở nhà? Ngày càng nhiều khu học chánh ở Mỹ có được kiểu thông tin này, nhưng họ không công bố.

Thay vào đó, cách tốt nhất để đánh giá chất lượng của một trường học là dành thời gian – thậm chí chỉ khoảng 20 phút – đến thăm các lớp học, trong một ngày học bình thường.

Tuy nhiên, khi bạn đến đó, quan trọng là cần phải biết quan sát cái gì. Phụ huynh có xu hướng dành nhiều thời gian ngắm các bảng tin trong lớp học. Thay vào đó, nên quan sát các học sinh.

Theo dõi các dấu hiệu mà tất cả bọn trẻ đang chú ý đến, quan tâm đến những gì chúng đang làm và đang nỗ lực chăm chỉ. Đừng để ý quá nhiều tới những biểu hiện kỷ luật trật tự; đôi khi việc học tập diễn ra ở những nơi ồn ào, nơi những đứa trẻ tập trung theo nhóm mà không có sự tham gia của giáo viên. Một số lớp học tồi tệ nhất lại là những nơi trông yên tĩnh, gọn gàng nhất trong mắt người lớn.

Hãy nhớ rằng học tập nghiêm túc phải mang vẻ nghiêm túc thực sự. Nếu bọn trẻ đang chăm chú vào một tài liệu, chưa chắc chúng đã học. Trẻ em thi thoảng phải lo lắng và bực bội một chút, chuyện đó hoàn toàn bình thường. Chúng không nên quá thất vọng hay tuyệt vọng; thay vào đó, chúng cần giúp đỡ lẫn nhau khi cần thiết. Chúng không nên dành quá nhiều thời gian để xếp hàng ăn trưa, tụ tập nói chuyện hay nộp bài tập. Bạn sẽ nắm bắt được những biểu hiện này một cách nhanh nhạy.

Hãy tạm bỏ qua để tập trung vào người giáo viên. Trong những lớp học tốt nhất trên thế giới, giáo viên có thể im lặng. Cũng có thể lôi cuốn hoặc thậm chí điên rồ một chút (như hầu hết ký ức của chúng ta ngày còn đi học). Những gì bạn nghĩ về giáo viên khi mới gặp thoáng qua không quan trọng như những gì các em học sinh nghĩ sau khi gắn bó với họ cả năm học.

Tôi đã áp dụng cách này ở mọi quốc gia tôi đặt chân đến. Bọn trẻ hứng thú ra sao với sự xuất hiện của tôi? Những đứa trẻ chăm chú không để ý nhiều; chúng có những việc quan trọng hơn phải làm. Những đứa trẻ chán chường ngoái lại mỉm cười, rụt rè vẫy tay và đưa giấy ăn cho tôi nếu tôi hắt hơi. Thời gian của chúng đang bị lãng phí còn chúng uể oải vì mất tập trung.

Tôi thấy những đứa trẻ chán nản ở mọi nơi. Sự nhàm chán là bóng ma ám ảnh lũ trẻ từ mẫu giáo đến khi tốt nghiệp trung học ở mọi châu lục. Trong các lớp học ở Mỹ, tôi thấy một nữ sinh vẽ hình bông hoa hồng rất đẹp lên cánh tay mình bằng cây bút bi; cô bé làm việc đó từ từ, tỉ mỉ, chậm rãi như một tử tù thụ án chung thân. Tôi thấy một cậu bé đánh nhịp chân nhẹ nhàng trong đôi giày cao cổ màu trắng sáng dưới gầm bàn. Trong khi phần thân trên vẫn bất động trên ghế.

Ở Phần Lan, tôi thấy một cậu bé chú ý đặc biệt đến dây của cái rèm cửa sổ bên cạnh cậu, như thể đó là một chiếc dù có thể thả cậu đến một nơi khác. Ở Hàn Quốc, tôi thấy học sinh ngủ la liệt từng dãy – ngủ gục. Một số còn mang theo cả gối. Hàn Quốc là nơi sự nhàm

chán đi cả vào giấc ngủ, ngủ ngày cày đêm.

Sự chán nản rất đa dạng, tùy thuộc vào mỗi lớp học, thường là ở trong cùng trường. Tuy nhiên, ở những trường tốt nhất, sự nhàm chán là một ngoại lệ thay vì thông lệ. Bạn có thể bước vào năm lớp học và chỉ thấy một hoặc hai học sinh lơ đễnh, về tinh thần hoặc thể chất, thay vì 8 đến 10 đứa. Đó là cách giúp ta biết ta đang ở nơi việc học tập diễn ra thực sự.

Nói chuyện với các học sinh

Mọi người, kể cả các phóng viên, hiếm khi hỏi học sinh về quan điểm của chúng. Ai cũng chỉ tập trung vào giáo viên, hiệu trưởng, tòa nhà hoặc các bảng thông báo. Bọn trẻ bị coi là quá nhỏ nên chẳng biết gì; những đứa lớn hơn được cho là đã chán ngấy. Theo kinh nghiệm của tôi, cả hai giả định trên đều không đúng. Chỉ cần bạn đặt ra những câu hỏi thông minh, các học sinh sẽ là nguồn lực hữu ích và thật thà nhất.

Đừng hỏi: "Em có thích giáo viên này không?" hoặc "Em có thích trường em đang học không?" Chuyện gì sẽ xảy ra nếu một người lạ với dáng người cao ráo, mỉm cười bước vào văn phòng của bạn và hỏi: "Anh/chị có thích sếp của mình không?" Bạn sẽ tự hỏi liệu hắn ta có phải là một nhà tư vấn đến để hỏi bẫy nhằm sa thải bạn. Những đứa trẻ cũng có phản ứng tương tự. Và dù gì, việc yêu thích một giáo viên không giống việc học hỏi từ một giáo viên. Hãy đặt ra những câu hỏi cụ thể, khiêm nhường và có ý nghĩa.

Câu đầu tiên tôi thường hỏi rất thẳng thắn: *Em đang làm gì bây giờ? Tại sao?*

Bạn sẽ ngạc nhiên trước số lượng trẻ có thể trả lời câu hỏi đầu tiên chứ không phải câu hỏi thứ hai. Tuy nhiên, câu hỏi thứ hai là câu bắt buộc. Để thích đến trường, bọn trẻ cần phải được nhắc nhở về mục đích của trường học cả ngày, hàng ngày.

Năm 2011, một nghiên cứu lớn của Quỹ Gates cho thấy câu trả lời của trẻ đối với các câu hỏi cụ thể có khả năng đáng kinh ngạc là dự đoán mức tăng điểm số và theo thời gian sẽ đáng tin cậy hơn so với thu hoạch thực tế tại lớp học của các quan sát viên đã qua đào tạo. Hàng chục ngàn học sinh ở mọi độ tuổi được đề nghị lựa chọn đồng ý hoặc không đồng ý với 36 mục khác nhau trong cuộc điều tra đặc biệt đó (Điều tra Tripod – Điều tra Chạc ba được thiết kế bởi Ronald Ferguson tại Đại học Harvard). Khi đến thăm một trường học, bạn rõ ràng không thể tiến hành một cuộc khảo sát có giá trị một cách khoa học như thế này. Nhưng những câu hỏi liên quan đến việc học tập của học sinh trong nghiên cứu đó có thể giúp bạn định hình được câu hỏi đáng hỏi. Ví dụ:

1. Em tiếp thu được nhiều kiến thức trong lớp học này chứ?

2. Học sinh trong lớp này có thường hành xử theo ý giáo viên không?

3. Giờ học này luôn sôi nổi và không lãng phí thời gian chứ?

Đó là những loại câu hỏi mà học sinh – và chỉ học sinh – mới có thể trả lời.

Một số trường đã bắt đầu sử dụng các biến thể của cuộc khảo sát này để giúp giáo viên

thay đổi, một ý tưởng thông minh và khá rẻ. Nếu hiệu trưởng hoặc giáo viên sử dụng kiểu điều tra cấp độ lớp học này *và* dành thời gian cụ thể để nghiên cứu kết quả đồng thời tìm cách làm tốt hơn thì đó là một dấu hiệu đầy hứa hẹn.

Và có thêm một câu hỏi nữa để đặt ra cho các học sinh, câu hỏi này được cung cấp bởi Dwan Jordon, nguyên hiệu trưởng trường Trung học John P. Sousa ở Washington, D.C.: *Nếu không hiểu điều gì đó, các em sẽ làm gì?*

Ở những lớp học nghiêm túc, bọn trẻ sẽ biết câu trả lời.

Lắng nghe các bậc cha mẹ

Năm 2011, tôi đã đến thăm một trường tư ở Washington, D.C., ngôi trường vốn rất khó xin học và mất khoảng 30.000 đô-la học phí mỗi năm. Tôi thực sự không đủ tiền để cho con theo học, nhưng tôi đã đến thăm rất nhiều trường công và bán công để xem con tôi có thể bỏ lỡ những gì.

Trời nắng chói chang. Khi tôi đến dãy hành lang, tiếng bọn trẻ học bằng các ngôn ngữ khác nhau văng vẳng. Có bánh nướng xốp trong văn phòng hiệu trưởng. Nó khiến tôi có cảm giác như đang ở một spa học tập – giấc mơ của các bậc cha mẹ học sinh.

Nhưng có những điều kỳ lạ đã xảy đến trong chuyến thăm này. Khi hiệu trưởng của trường nói chuyện, tôi cảm thấy toàn những thứ trống rỗng. Bà ấy sử dụng rất nhiều thuật ngữ về chương trình giảng dạy và những lời hứa mơ hồ về các chuyến tham quan tuyệt vời hay những dự án toàn diện. Tất cả các bậc cha mẹ đến thăm trường đều gật gù; tôi có cảm giác rằng không ai muốn nói bất cứ điều gì có thể ảnh hưởng đến cơ hội nhập học của con họ.

Sau đó, một bậc phụ huynh có ba đứa con học tại trường này đã đưa chúng tôi đi một vòng. Chúng tôi thấy những sàn nhà bóng loáng, những bức tường tươi sáng, đầy màu sắc, các dự án nghệ thuật được đóng khung đẹp đẽ và nhiều loại bằng khen khác. Cuối cùng, một ông bố đã đặt ra câu hỏi rất hay:

“Mỗi trường đều có điểm yếu của nó. Điểm yếu của trường này là gì vậy?”

Tôi ngẩng đầu lên, căng thẳng đón chờ lời giải thích từ người phụ huynh dẫn đường có ba đứa con nọ.

“Anh biết đấy, tôi phải nói rằng điểm yếu ở đây là chương trình toán học.”

Tôi đã không nói nên lời. Hãy tưởng tượng bạn đến thăm một bệnh viện tư nhân chỉ tiếp nhận các bệnh nhân khỏe mạnh có đủ khả năng về tài chính và phát hiện ra rằng khả năng phẫu thuật là một điểm yếu của bệnh viện. Nếu chương trình toán học là điểm yếu tại một trường học buộc trẻ phải làm bài kiểm tra chỉ số IQ thậm chí trước khi chúng được nhận vào học thì điều đó có nghĩa lý gì? Vị phụ huynh đó đã ký séc chi trả khoảng 90.000 đô-la tiền học phí mỗi năm cho ba đứa con tại trường. Chắc hẳn cô ấy không muốn đổi lại những giờ học toán kém chất lượng.

Nhưng không ai nói bất cứ điều gì. Có lẽ tất cả các bậc phụ huynh cũng đang kinh ngạc giống tôi. Sau đó, vị phụ huynh ấy nói thêm một điều nữa:

"Ồ, tôi mong là chương trình bóng đá sẽ mạnh hơn."

Đột nhiên, các bậc cha mẹ vui tươi trở lại.

"Thật vậy không, ý cô là gì? Ở đây có một đội bóng đá sao? Trẻ mấy tuổi mới được tham gia?"

Tôi lang thang ra bãi đậu xe với cảm giác bối rối. Có lẽ điều này giải thích lý do tại sao con em các gia đình giàu có nhất nước Mỹ xếp thứ 18 về toán học so với những đứa trẻ có điều kiện tương tự trên toàn thế giới: Ngay cả các bậc cha mẹ giàu có người Mỹ cũng không quan tâm đến toán học nhiều như bóng đá.

Đó là một khác biệt lớn giữa Mỹ và Phần Lan, Hàn Quốc hay Ba Lan. Tại các siêu cường giáo dục trên thế giới, các bậc phụ huynh đồng ý rằng một nền giáo dục nghiêm túc rất quan trọng đối với tương lai của con em họ.

Dù bạn sống ở đâu, nếu có thể tìm thấy một cộng đồng hoặc nhà trường nơi cha mẹ và các nhà giáo dục có chung niềm tin cơ bản này thì tức là bạn đã tìm thấy một điều gì đó có giá trị đối với trẻ hơn nhiều các chương trình bóng đá tốt nhất hành tinh.

Khi tìm kiếm một trường học đẳng cấp thế giới, hãy đề nghị phụ huynh ở mỗi nơi chia sẻ về điểm yếu của trường. Hãy cẩn trọng lắng nghe. Nếu các bậc cha mẹ nói rằng họ đang rất quan tâm đến nhà trường, hãy hỏi cách họ đang làm. Các bậc cha mẹ Mỹ có xu hướng tham gia vào hoạt động ở trường nhiều hơn các bậc cha mẹ tại các siêu cường giáo dục, nhưng nói chung, không phải theo những cách khiến con em họ học tập chăm chỉ hơn.

Quyên góp tiền, đến các trận đấu bóng đá và tham gia vào các ủy ban đánh giá giáo viên là những điều tuyệt vời cần làm. Tuy nhiên, những hành động đó không ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của con cái họ như đã được nhắc đến trong cuốn sách này.

Trên thế giới này, cha mẹ có ảnh hưởng đáng kể đến việc học tập của con cái. Nhưng các cuộc họp của Hiệp hội Giáo viên – Cha mẹ học sinh chẳng khiến việc học tập diễn ra. Nghiên cứu cũng cho thấy các bậc cha mẹ tích cực tham gia vào hoạt động tại trường của con em họ theo học chưa chắc đã nuôi dạy được những đứa con thông minh hơn. Tác động thực sự chủ yếu xảy ra ở nhà.

Các bậc cha mẹ tự coi mình là huấn luyện viên giáo dục thường đọc sách cho con nghe mỗi ngày khi chúng còn nhỏ; khi bọn trẻ lớn lên, họ tâm sự với chúng về những câu chuyện trong ngày và về tin tức quốc tế. Họ để cho con cái mắc sai lầm và được phép sửa sai. Họ dạy chúng những thói quen tốt và để chúng có quyền tự chủ. Nói cách khác, họ là những giáo viên và họ tin vào kỷ luật từ đầu. Họ muốn con cái thất bại khi chúng còn bé. Họ biết những bài học về sự chăm chỉ, sự kiên trì, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và các hệ quả sẽ giúp con họ trong nhiều năm sắp tới.

Vì những lý do khác nhau mang tính văn hóa và lịch sử, hầu hết các bậc phụ huynh ở những nước thông minh nhất thế giới đều hiểu được tầm quan trọng của sự kiên trì học tập giống như cách các bậc cha mẹ người Mỹ hiểu tại sao huấn luyện viên để con họ ngồi trên băng ghế dự bị nếu chúng không luyện tập đủ. Một hiệu trưởng đẳng cấp thế giới sẽ hướng phụ huynh tập trung vào những gì quan trọng, ngay cả khi điều đó có nghĩa là doanh thu bán bánh sẽ giảm 500 đô-la trong mỗi học kỳ.

Bỏ qua những thứ hào nhoáng

Những ngôi trường kiểu cũ có thể lại là lựa chọn hay. Trường trung học của Eric tại Busan, Hàn Quốc có những phòng học tồi tàn với các phòng máy tính "thiết yếu". Phía trước, học sinh chơi bóng trên một bãi đất bụi bẩn. Từ các góc độ nhất định, nơi này giống một trường học Mỹ từ những năm 1950. Đa số lớp học của Kim ở Phần Lan đều có vẻ giống nhau: các dãy bàn đặt trước một bảng phấn đơn giản hoặc một bảng trắng kiểu cũ, loại bảng không kết nối với bất cứ thứ gì ngoài bức tường phía sau nó.

Trường của Tom tại Ba Lan thậm chí không có một quầy ăn tự chọn, chứ đừng nói tới một nhà hát tối tân, như trường công của cậu ở Pennsylvania. Tại trường ở Mỹ của cậu, mỗi lớp *đều* có một bảng trắng tương tác, loại bảng đã trở nên phổ biến tại rất nhiều trường học ở Mỹ. (Thực tế, khi tôi đến thăm trường của Tom ở Mỹ vào năm 2012, những chiếc bảng này đã được thay thế bằng một loại bảng thế hệ mới hơn.) Không có lớp học nào tại Ba Lan của cậu có bảng trắng tương tác.

Thật không may, có rất ít dữ liệu để so sánh mức độ đầu tư cho công nghệ giữa các quốc gia. Nhưng nhiều giai thoại cho thấy người Mỹ chi một khoản rất lớn vào các dụng cụ công nghệ cao dành cho giáo viên và học sinh, mà hầu hết trong số đó được chứng minh là không có giá trị về học tập. Như ở mọi ngành công nghiệp khác, máy tính rất hữu ích khi chúng giúp tiết kiệm thời gian và tiền bạc, bằng cách phân loại những gì trẻ em biết và trẻ nào cần được giúp đỡ. Ngược lại, việc cung cấp cho trẻ những chiếc máy không dây cá nhân đắt tiền để chúng có thể ngồi bình chọn trong lớp là việc không tưởng ở hầu hết các nước trên toàn thế giới. (Ở đó, trẻ em chỉ giơ tay phát biểu và điều này mang lại hiệu quả cao.)

"Ở những hệ thống giáo dục có thành tích cao nhất, công nghệ hầu như không xuất hiện trong lớp học", Andreas Schleicher, bậc thầy về giáo dục quốc tế của OECD, nói với tôi. "Tôi không biết tại sao lại vậy nhưng có vẻ những hệ thống đó đặt nỗ lực chủ yếu vào việc giảng dạy thay vì các tiện ích kỹ thuật số."

Trong cuộc khảo sát được tiến hành cho cuốn sách này, 7/10 học sinh trao đổi Mỹ và quốc tế đồng ý rằng các trường ở Mỹ được trang bị nhiều công nghệ hơn. Không một học sinh Mỹ nào được khảo sát cho biết công nghệ không được áp dụng nhiều tại các trường ở đây.

Các quốc gia thông minh nhất ưu tiên vấn đề lương giáo viên và sự công bằng (cung cấp nhiều nguồn lực hơn đến những học sinh nghèo nhất). Khi tìm kiếm một nền giáo dục đẳng cấp thế giới, hãy nhớ rằng con người luôn quan trọng hơn công cụ.

Đặt ra cho hiệu trưởng những câu hỏi khó

Khi gặp một hiệu trưởng, hãy đặt ra những câu hỏi bạn dùng để hỏi một nhà tuyển dụng tiềm năng. Hãy cảm nhận về những ưu tiên cũng như văn hóa của trường. Đừng ngại tỏ ra quyết đoán nhất có thể như khi bạn mua một chiếc xe hơi hoặc nhận một công việc mới.

Khi tìm kiếm một trường học, nhà lãnh đạo quan trọng hơn bất kỳ yếu tố nào khác. Đúng vậy, các giáo viên cũng rất quan trọng, nhưng bạn không thể chọn giáo viên cho con mình ở Mỹ. Vì vậy, bạn phải "nhờ" vị hiệu trưởng làm điều đó giúp bạn.

Các vị lựa chọn giáo viên bằng cách nào?

Phần Lan, Hàn Quốc và tất cả các siêu cường giáo dục chọn lựa giáo viên tương đối hiệu quả, bằng cách yêu cầu mọi sinh viên sư phạm được chọn đều phải thuộc nhóm 1/3 đứng đầu về điểm số tốt nghiệp trung học. Sự chọn lọc này thôi không đủ nhưng nó đảm bảo mức độ uy tín và kiến thức nhất định nhằm khả thi hóa các chính sách ganh đua trên toàn thế giới.

Bởi hầu hết các quốc gia *không* có bước đi hợp lý này, nên các vị hiệu trưởng thậm chí còn có vai trò quan trọng hơn nhiều. Nhà lãnh đạo đó giống như một bộ lọc thay vì trường sư phạm hay hệ thống chứng nhận giáo viên, vốn không phải điểm mạnh ở nhiều nơi. Không có gì quan trọng hơn những quyết định mà các vị hiệu trưởng đưa ra liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự, đào tạo và sa thải. "Tầm nhìn lớn mà thiếu vắng những con người vĩ đại thì chỉ là đồ bỏ đi," như Jim Collins đã viết trong cuốn sách kinh điển của mình, *Từ tốt đến vĩ đại* (Good to Great).

Hãy tìm hiểu xem hiệu trưởng của trường có thể lựa chọn những ứng viên để phỏng vấn và tuyển dụng không. Kiểu quyền tự chủ phổ biến đó rất hiếm ở nhiều trường. Sau đó hãy hỏi xem hiệu trưởng đó có thực sự xem các ứng viên *dạy* không. Việc này cũng hầu như không diễn ra ở nhiều nước trong đó có Hoa Kỳ – mặc dù đó là một cách hiệu quả để xem liệu một người có khả năng quản lý cần thiết để trở thành một giáo viên tuyệt vời, một trong những công việc có yêu cầu cao và phức tạp trong thời hiện đại, hay không. Ngay cả khi các ứng cử viên dạy thử – trước một nhóm người lớn – như một phần của quá trình tuyển dụng, thế còn hơn không.

Làm sao để khiến các giáo viên giỏi hơn?

Bạn càng nghe câu trả lời một cách chi tiết càng tốt. Hầu như các giáo viên dạy mà không nhận được những thông tin phản hồi có ý nghĩa. Ngày nay, việc đó không thể được chấp nhận. Việc phát triển chuyên môn nên được tùy chỉnh theo những điểm mạnh và điểm yếu của mỗi giáo viên. Không thể áp dụng một tiêu chuẩn cho hàng trăm giáo viên ngồi trên giảng đường.

Không có nơi nào giải quyết được vấn đề này. Nhưng một số quốc gia làm điều đó tốt hơn những quốc gia khác. Ở Phần Lan, các giáo viên thường dự giờ của nhau – trong quá trình đào tạo và trong suốt sự nghiệp của họ. Nhiều quốc gia cho giáo viên thêm thời gian để cộng tác và lập kế hoạch cùng nhau; Hoa Kỳ xếp hạng rất thấp trong lĩnh vực này. Năm học ở Mỹ khá ngắn, nhưng giáo viên ở đây có rất ít thời gian để chia sẻ ý tưởng và nhận

được phản hồi. Hãy hỏi các hiệu trưởng về cách họ có thể giúp giáo viên cộng tác với nhau và kiểu vai trò lãnh đạo mà họ cung cấp cho các giáo viên hàng đầu.

Các vị đo lường thành công của mình bằng cách nào?

Các nhà lãnh đạo tài năng có thể giải thích rõ tầm nhìn của họ. Nếu được nghe một câu trả lời mơ hồ, dài dòng, ngắt quãng thì bạn có thể thấy mình đang ở một trường học không có mục đích cụ thể – có thể nói, một trường ở mức trung bình. Tại Hoa Kỳ, hầu hết các hiệu trưởng sẽ coi dữ liệu điểm thi như một thước đo về thành công, một tiêu chí công bằng nhưng không đủ. Họ cũng có thể đề cập đến tỷ lệ tốt nghiệp, các khảo sát về sự hài lòng của cha mẹ.

Tốt thôi. Nhưng làm thế nào họ đo lường được những kết quả vô hình quan trọng tương tự? Làm thế nào họ biết liệu họ có đang dạy trẻ cách tư duy bậc cao và giải quyết các vấn đề mà chúng chưa bao giờ gặp trước đó? Các kỳ thi tiêu chuẩn hầu như không nắm bắt được những kỹ năng đó. Làm thế nào họ đánh giá được liệu họ có đang dạy bọn trẻ những bí mật đằng sau những câu chuyện thành công nhất trên thế giới, những kỹ năng như sự kiên trì, tự chủ và khả năng thích ứng với hoàn cảnh?

Họ có hỏi học sinh của mình về những gì cần phải cải thiện hay không? Những ý kiến này về cơ bản có làm thay đổi hoạt động của các trường vào mỗi học kỳ hay không? Các nhà giáo dục đẳng cấp thế giới có tầm nhìn về hướng đi trong tương lai, có các công cụ để xác định xem họ có lạc lối không và một nền văn hóa của sự đổi thay liên tiếp để ngày càng phát triển.

Làm thế nào các vị chắc chắn được công việc mình làm đã đủ nghiêm túc? Làm thế nào để tiếp tục nâng cao các tiêu chuẩn nhằm khám phá xem bọn trẻ có thể đạt tới đâu?

Tại các trường bán công Success Academy ở New York, học sinh dành một giờ rưỡi đọc và thảo luận về các cuốn sách mỗi ngày. Sau đó, chúng dành một giờ rưỡi để viết. Trẻ em bắt đầu học khoa học mỗi ngày ở trường mẫu giáo. Đó là biểu hiện của sự chặt chẽ. Ở hầu hết các trường công tại New York, đến trung học bọn trẻ mới học khoa học hàng ngày.

Đó không phải tất cả. Các học sinh Success Academy cũng học âm nhạc, nghệ thuật và khiêu vũ; chúng học chơi cờ vua. Chúng gần như không bao giờ bỏ qua các giờ nghỉ giải lao, ngay cả trong thời tiết xấu – một chính sách giống Phần Lan. Họ gọi chiến lược đó là "sự nghiêm túc vui vẻ."

Nó có hiệu quả không? Tất cả các học sinh lớp 4 tại Success Academy đều thành thạo khoa học, theo kỳ thi của New York và 95% đạt các cấp độ nâng cao. Success Academy Harlem I, nơi phần lớn học sinh có thu nhập thấp được nhận ngẫu nhiên, đạt thành tích như các trường năng khiếu và tài năng ở New York.

Giáo viên tại những trường này được kỳ vọng sẽ có sự chuẩn bị tốt và chuyên môn cao; họ được đào tạo để đánh giá cao những gì bọn trẻ có thể làm, hơn là lo lắng về lòng tự trọng của trẻ. Tại các trường này, giáo viên mẫu giáo bị cấm nói chuyện với trẻ bằng giọng dỗ dành. Thật khó để tôn trọng trẻ em khi bạn lên giọng với chúng.

“Đó là một sự xúc phạm đến trí thông minh của các học giả,” nhà sáng lập trường kiêm CEO Eva Moskowitz và là đồng tác giả với Arin Lavinia trong cuốn sách của họ xuất bản năm 2012, *Mission Impossible* (Tạm dịch: Nhiệm vụ bất khả thi) đã viết. “Những gì giáo viên nói nên thú vị tới mức những đứa trẻ phải ngồi ra mép ghế, với theo để lắng nghe từng từ. Trí tuệ là thứ nắm giữ sự chú ý của chúng, chứ không phải kiểu vừa dạy vừa dỗ.”

Sự tham gia của các bậc phụ huynh mang ý nghĩa khác ở Success Academy; cha mẹ không được yêu cầu nướng bánh hoặc bán giấy gói quà. Thay vào đó, họ được yêu cầu đọc sách cho trẻ em sáu buổi tối mỗi tuần. Họ được kỳ vọng sẽ hỗ trợ việc học ở nhà để giúp con em mình sẵn sàng cho việc vào đại học, cũng giống như cha mẹ Hàn Quốc đã làm. Họ có số điện thoại di động của giáo viên và hiệu trưởng.

Năm 2011, Success Academy đã mở một trường mới ở khu Thượng phía tây Manhattan, một khu phố giàu có hơn địa điểm cũ. Không giống như hầu hết các trường ở Mỹ, bao gồm cả các trường bán công tốt nhất, những trường kiểu mới này thực sự rất đa dạng, theo nghĩa đen. Moskowitz muốn một sự kết hợp thật sự giữa các học sinh da trắng, châu Á, Mỹ gốc Phi và Tây Ban Nha với các mức thu nhập khác nhau và cô đã làm được điều đó. Đó là cách trẻ học hỏi tốt nhất – cùng với nhau, với sự kết hợp các kỳ vọng, lợi thế và rắc rối – dựa theo những bài học khó kiếm của các nước trên thế giới.

Có nhiều câu chuyện như thế trên cả nước: các trường bán công Success Academy tại New York, đại diện gần gũi nhất với Phần Lan tại Hoa Kỳ; William Taylor, một giáo viên trường công có các kỳ vọng gần như giống Hàn Quốc đối với các học sinh có thu nhập thấp của mình ở Washington , D.C.; và Deborah Gist ở Rhode Island, một nhà lãnh đạo dám nâng cao tiêu chuẩn về kiến thức của giáo viên, giống như các nhà cải cách ở Phần Lan và Hàn Quốc.

Các nhà giáo dục đẳng cấp thế giới này có tồn tại, nhưng họ đang chiến đấu chống lại bản chất của nền văn hóa và các thể chế. Cuộc chiến đó tiêu tốn của họ khá nhiều năng lượng và thời gian. Nếu họ từng chiến thắng, thì đó là bởi phụ huynh và học sinh đã động viên họ, tin rằng con trẻ không chỉ có thể tiếp thu một nền giáo dục nghiêm túc mà còn thèm khát nó hơn bao giờ hết.

Phụ lục II. KHẢO SÁT TRẢI NGHIỆM CỦA HỌC SINH AFS

Giới thiệu

Chưa có quốc gia nào tìm ra cách giúp tất cả trẻ em đạt đến ngưỡng tiềm năng học tập cao nhất của chúng. Giống như các hệ thống chăm sóc y tế, hệ thống giáo dục cũng rất phức tạp và luôn luôn có nhu cầu thay đổi. Để cải thiện, các quốc gia có thể học hỏi lẫn nhau; nhưng vấn đề là phải tìm ra sự khác biệt quan trọng nhất.

Thi cử có thể đo lường kỹ năng và các cuộc khảo sát trong phạm vi một quốc gia có thể đo lường thái độ. Tuy nhiên, rất khó để so sánh kết quả khảo sát ở các quốc gia khác nhau, bởi phạm vi khảo sát phụ thuộc vào từng bối cảnh văn hóa cụ thể.

Tuy nhiên, những người đã sống và học tập ở nhiều quốc gia có thể vượt qua một số rào cản văn hóa và xác định được những khác biệt có ý nghĩa. Tiếng nói của họ, kết hợp với nghiên cứu định lượng, có thể giúp chúng ta loại bỏ sự bí ẩn này.

Mỗi năm, hàng chục ngàn thanh thiếu niên khắp thế giới rời ngôi nhà của mình để sống và học tập trong các chương trình trao đổi. Trong năm học 2011-2012, 1.376 học sinh Mỹ đã ra nước ngoài và 27.688 học sinh quốc tế khác đã đến Mỹ. Đắm mình trong nền văn hóa mới, gia đình và trường học mới, những học sinh này có thể so sánh các hệ thống giáo dục theo cách mà không một nhà nghiên cứu trưởng thành nào làm được.

thay đổi so với cuộc khảo sát trước đó được tiến hành trong năm học 2001-2002, sau một thập kỷ cải cách hệ thống giáo dục Hoa Kỳ, hay không. Cuối cùng, việc chúng tôi tò mò điều tra nhất là liệu những khác biệt ở trải nghiệm của học sinh có liên quan đến những khác biệt về kết quả kỳ thi PISA hay không.

Các em học sinh đã chứng minh mình là những nhà quan sát đáng tin cậy về giáo viên và môi trường lớp học. Dự án Các biện pháp đo lường hiệu quả giảng dạy, một nỗ lực của Quỹ Bill & Melinda Gates nhằm tìm hiểu về chất lượng của hoạt động giảng dạy, đã phát hiện ra rằng chỉ số xếp hạng học sinh liên quan chặt chẽ đến thành tích học tập của chúng, và có sự nhất quán khi các nhóm học sinh khác nhau được giảng dạy bởi cùng một giáo viên. Việc đặt hỏi về những gì các học sinh biết giữ vai trò quan trọng nhất.

Để bắt đầu cuộc điều tra, AFS-Hoa Kỳ đã gửi thư mời đến 242 học sinh Mỹ học tập ở 30 quốc gia và AFS-Quốc tế gửi lời mời đến 1.104 học sinh đến Hoa Kỳ từ 19 quốc gia khác nhau.

Khảo sát bao gồm 13 câu hỏi. (Toàn bộ sẽ xuất hiện ở cuối của phụ lục này.) Phần lớn câu hỏi là kết quả của hàng chục cuộc đối thoại mà tác giả đã thực hiện với các học sinh trao đổi khác nhau trong nhiều năm. Hai câu hỏi, liên quan đến những khó khăn chung của việc học tập ở nước ngoài và tầm quan trọng của thể thao, được xây dựng lại từ khảo sát của Học viện Brookings về các học sinh quốc tế và Hoa Kỳ trong năm học 2001-2002. Khảo sát cũng bao gồm hai câu hỏi mở để nắm bắt những khía cạnh khó phát hiện nếu thay vào đó là những câu hỏi đóng khung cứng nhắc. Vì lý do riêng tư, không câu hỏi nào thu thập thông tin về danh tính của người tham gia.

Để phân tích các câu trả lời, chúng tôi chia câu hỏi thành hai nhóm dựa trên nước chủ nhà (học sinh Hoa Kỳ hay học sinh quốc tế), và trong số các học sinh quốc tế, dựa theo nước có thành tích cao (HAC: High-Achieving Country) và nước có thành tích thấp hơn (LAC: Lower-Achieving Country). Mỗi nước gửi học sinh đi được phân loại dựa trên xếp hạng điểm toán PISA trung bình. Chúng tôi chọn toán học bởi thành tích toán học dễ so sánh giữa các quốc gia hơn và bởi các kỹ năng toán học có xu hướng dễ dự đoán các khoản thu nhập trong tương lai và các kết quả kinh tế hơn các môn học khác.

Các quốc gia có điểm toán PISA trên trung bình trong diện các nước phát triển được phân loại thành nhóm các nước đạt thành tích cao (HAC); những nước có điểm toán quanh mức trung bình hoặc dưới mức trung bình được phân loại thành nhóm các nước có thành tích thấp hơn (LAC). Trong số các nước tham gia vào dự án này, những đại diện đạt thành tích cao là Đan Mạch, Phần Lan, Đức, Hồng Kông, Iceland, Nhật Bản, Hà Lan, New Zealand và Thụy Sĩ. Các nước có thành tích thấp hơn là Brazil, Colombia, Costa Rica, Pháp, Honduras, Ấn Độ, Ý, Latvia, Philippines và Nga.

Những hạn chế về dữ liệu

Trong số 1.346 học sinh được mời tham gia, tổng cộng có 202 người hoàn thành khảo sát (xem bảng 1), tỷ lệ trả lời là 15%. Có nhiều lý do khác nhau lý giải tại sao nhiều học sinh không tham gia, bao gồm cả thực tế rằng các em đã thay đổi địa chỉ email kể từ lần cuối cùng AFS liên lạc được. Tuy nhiên, tỷ lệ trả lời đủ cao để cấu thành kết luận rộng rãi về

nhận thức của học sinh, sau một số báo cáo nền tảng.

Trong số những học sinh Mỹ tham gia trả lời, có một số lượng đáng kể (19%) các em đến học tại Italia. Trong số các học sinh quốc tế học tại Mỹ tham gia trả lời, có tỷ lệ lớn (37%) các em đến từ Đức. Các tỷ lệ này phản ánh sự phân bố của học sinh AFS nói chung, nhưng kết quả cũng nên được cân nhắc dựa trên xu hướng này.

Ví dụ, Đức nằm trong số các quốc gia đạt thành tích cao vì thanh thiếu niên Đức đạt điểm trên trung bình môn toán trong kỳ thi PISA. Điều đó có nghĩa rằng 54% học sinh quốc tế tiêu biểu đạt thành tích cao đến từ Đức. Tuy nhiên, Đức không ngang hàng với Phần Lan hay Hàn Quốc – hai quốc gia đứng đầu thế giới về toán, đọc và khoa học trong bài thi PISA.

Hơn nữa, các học sinh trao đổi quốc tế nói chung không nhất thiết phải đại diện cho các bạn đồng lứa ở quê hương mình. Một số học sinh trao đổi (mặc dù không phải tất cả) đến từ các gia đình có thu nhập cao và từ các trường có thành tích cao. Họ cũng có thể sở hữu mức độ động lực và sự phiêu lưu cao hơn những người không tham gia vào chương trình trao đổi. Ở nước chủ nhà, những học sinh này không được đối xử như các bạn cùng lớp; sự khác biệt đó, kết hợp với các rào cản rõ ràng về ngôn ngữ, có thể hạn chế khả năng tiếp cận hệ thống giáo dục và văn hóa khác của chúng.

Mặc dù vậy, quan sát của 202 học sinh này đều cho thấy những xu hướng thú vị. Chúng nhất trí nhiều hơn bất đồng. Chúng tôi chân thành cảm ơn các em học sinh và AFS đã giúp chúng tôi thu thập thông tin từ nhóm đối tượng hiếm khi được “chưng cầu ý kiến” trong các cuộc tranh luận về giáo dục trên toàn thế giới – bản thân các học sinh.

B

ảng 1: Tỷ lệ trả lời của các học sinh quốc tế và Mỹ

	Học sinh Mỹ			Học sinh quốc tế		
Nước chủ nhà	N	n	%	N	n	%
Argentina	16	0	0%			
Áo	9	1	11,1%			
Bỉ	12	1	8,3%			
Brazil	4	2	50%	47	4	8,5%
Chile	3	0	0%			
Trung Quốc	5	0	0%			
[illegible]						[illegible]

Columbia				19	2	10,5%
Costa Rica	3	0	0%	5	0	0%
Cộng hòa Séc	2	0	0%			
Đan Mạch	4	0	0%	51	6	11,8%
Cộng hòa Dominca	2	0	0%			
Ecuador	6	1	16,7%			
Ai Cập	3	0	0%			
Phần Lan	4	2	50%	38	10	26,3%
Pháp	29	3	10,3%	62	14	22,6%
Đức	16	3	18,8%	334	61	18,3%
Honduras				4	0	0%
Hong Kong	2	1	50%	22	3	13,6%
Hungary	1	0	0%			
Iceland	1	0	0%	11	4	36,4%
Ấn Độ	1	1	100%	15	0	0%
Italia	33	7	21,2%	234	30	12,8%
Nhật Bản				136	6	4,4%
Latvia				5	1	20%
Hà Lan	8	3	37,5%	24	4	16,7%
New Zealand	1	0	0%	3	1	33,3%
Na Uy	5	0	0%			

Panama	4	0	0%			
Paraguay	9	4	44,4%			
Peru	1	0	0%			
Philippines				14	0	0%
Bồ Đào Nha	8	0	0%			
Nga	2	1	50%	7	0	0%
Tây Ban Nha	28	4	14,3%			
Thụy Điển	7	1	14,3%			
Thụy Sỹ	10	2	20%	73	19	26%
Thái Lan	2	0	0%			
Thổ Nhĩ Kỳ	1	0	0%			
Tổng HAC				692	114	16,5%
Tổng LAC				412	51	12,4%
Tổng*	242	37	15,3%	1104	165	14,9%

- Loại trừ câu trả lời của bốn học sinh. Ba học sinh cho biết Mỹ không phải là quê hương hay đất nước họ đến học. Một học sinh cho rằng Mỹ vừa là quê hương vừa là nơi em đến trao đổi.

ȷ Các quốc gia đạt thành tích cao gửi học sinh đến Mỹ

ȷ Các quốc gia đạt thành tích thấp hơn gửi học sinh đến Mỹ

N = tổng số học sinh được mời tham gia vào khảo sát

n = tổng số học sinh hoàn thành khảo sát

Serbia và Canada đều đồng ý tham gia vào khảo sát nhưng họ không gửi học sinh nào đến Mỹ thông qua chương trình AFS tương ứng vào năm học 2009-2010.

Kết quả và thảo luận

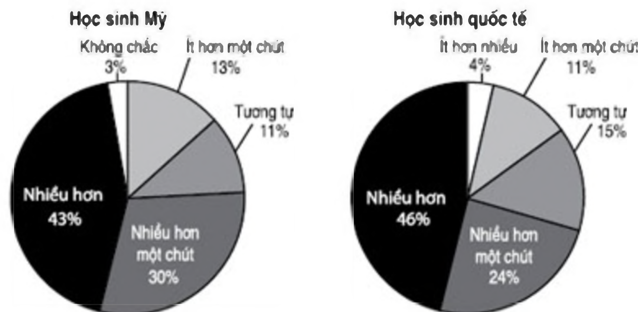
Để rõ ràng, chúng tôi điều chỉnh các câu hỏi và câu trả lời đối với các học sinh khác nhau. Ví dụ, các học sinh quốc tế được hỏi: "So với trường ở nước bạn, tỷ lệ công nghệ (máy tính, máy tính xách tay, bảng trắng kỹ thuật số, v.v...) mà bạn thấy được sử dụng ở các trường tại Mỹ mà bạn theo học trong diện trao đổi là bao nhiêu?" Học sinh Mỹ được nhận câu hỏi tương tự, theo cách ngược lại: "So với trường học tại Hoa Kỳ, bạn có thấy công nghệ (máy tính, máy tính xách tay, bảng trắng kỹ thuật số, v.v...) có được sử dụng nhiều tại trường học của nước bạn hay không?" Tuy nhiên, để dễ dàng so sánh kết quả, chúng tôi đã trình bày mọi câu trả lời dưới dạng ý kiến của học sinh về hệ thống giáo dục Mỹ so với trải nghiệm của chúng ở nước ngoài.

Công nghệ

Học sinh quốc tế và Mỹ đều đồng ý rằng công nghệ được sử dụng nhiều trong các trường tại Hoa Kỳ. 70% học sinh quốc tế và 73% học sinh Mỹ có chung quan điểm này; mặc dù so với các học sinh quốc tế, học sinh Mỹ thường cho hay công nghệ được sử dụng nhiều hơn một chút tại các trường của Mỹ chứ không phải rất nhiều (xem Biểu đồ 1). Không có học sinh Mỹ nào cho rằng các trường học của Mỹ sử dụng ít công nghệ hơn.

Cho đến nay, có rất ít nghiên cứu so sánh các khoản đầu tư tương ứng vào công nghệ ở các trường trên toàn thế giới. Chúng ta biết rất ít về lượng tiền mà các nước chi cho công nghệ, chưa kể đến việc liệu những chi phí này có thực sự được đầu tư vào học tập hay không.

Biểu đồ 1: Học sinh Mỹ và học sinh quốc tế nhận thấy công nghệ được sử dụng nhiều hơn tại các trường học ở Mỹ



Kết quả của chúng tôi cho thấy Hoa Kỳ đầu tư vào công nghệ tại các lớp học nhiều hơn cả nhóm các nước có thành tích cao. (Trong cuộc khảo sát của chúng tôi, 61% học sinh đến từ nhóm HAC nói rằng Hoa Kỳ sử dụng nhiều công nghệ trong lớp học hơn.) Tất nhiên, điều đó không có nghĩa rằng công nghệ cao tỷ lệ nghịch với thành tích giáo dục; có nhiều yếu tố tương tác dẫn đến hệ quả giáo dục và kết quả của chúng tôi gợi ý rằng các nước có thành tích thấp hơn sử dụng công nghệ thậm chí còn ít hơn so với các quốc gia đạt thành tích cao. (Gần 3/4 số học sinh từ LAC nói rằng ở Hoa Kỳ công nghệ được sử dụng "nhiều

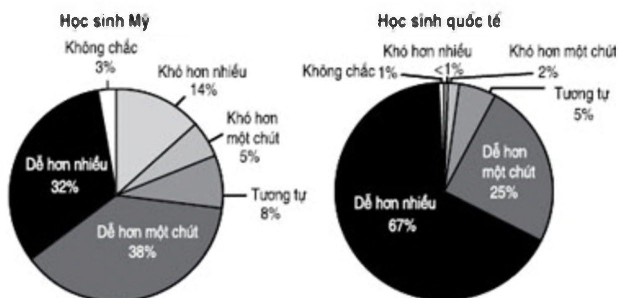
hơn" so với 1/3 học sinh đến từ HAC.)

Tuy nhiên, sự khác biệt này có thể giúp giải thích (một phần) lý do tại sao Mỹ chi mạnh tay vào mỗi học sinh hơn hầu hết các nước trên thế giới. Sự ưu ái của chúng tôi cho công nghệ giáo dục đã quá đắt đỏ, thiếu tập trung và mang tính một chiều trong một thời gian quá dài.

Khó khăn

Các học sinh quốc tế và Mỹ đều đồng ý rằng học ở Hoa Kỳ dễ hơn ở nước ngoài. 92% học sinh quốc tế và 70% học sinh Mỹ trong đó cho biết học ở Hoa Kỳ dễ hơn ở nước ngoài. Học sinh Mỹ có khả năng nói học tại Hoa Kỳ có "chút dễ dàng hơn" chứ không phải "dễ hơn rất nhiều" so với các quốc gia khác (xem Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Học sinh Mỹ và quốc tế cho rằng việc học tập tại Mỹ dễ dàng hơn



Kết quả này chứng thực những phát hiện từ năm 2001 và 2002 từ các cuộc khảo sát của Học viện Brookings về các học sinh trao đổi Mỹ và quốc tế. Trong những cuộc khảo sát này, 85% học sinh quốc tế và 56% học sinh Mỹ nhận thấy học tại Mỹ dễ dàng hơn.

Sự tương đồng về các phát hiện, với mẫu tương tự nhau, cho thấy 10 năm can thiệp cải cách giáo dục theo chương trình liên bang "Không đứa trẻ nào bị bỏ lại phía sau" đã không khiến việc so sánh các trường Mỹ với các trường quốc tế khó khăn hơn chút nào.

Một phát hiện thú vị khác đã chỉ ra sự thiếu chặt chẽ trong các khoá học của Hoa Kỳ. Học sinh quốc tế từ cả các quốc gia đạt thành tích cao và thấp đều nhất trí rằng học ở Mỹ dễ dàng hơn. Học sinh quốc tế từ các trường đạt thành tích cao thường nói rằng học ở Mỹ "dễ hơn nhiều" so với học ở nhà. Cụ thể, con số đó là 73% so với chỉ 53% học sinh đến từ các nước có thành tích thấp hơn. Phát hiện này phù hợp với giả thuyết của cuốn sách: Ở các nước có hệ thống giáo dục vững mạnh, việc học thực sự khó khăn hơn rất nhiều. Sự chặt chẽ xuyên suốt phương pháp tiếp cận của các quốc gia này đối với việc học tập và làm cha mẹ, định hình mọi thứ từ đào tạo giáo viên cho tới hình thức đưa ra các bài thi chuẩn hóa.

Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng ngay cả học sinh đến từ các nước có thành tích thấp hơn cũng cho rằng việc học tại Mỹ dễ dàng hơn. Có thể tồn tại chút thiên vị sự chặt chẽ của nền giáo dục nước nhà, nhưng điều đó không giải thích lý do tại sao các học sinh Mỹ

cũng cho rằng việc học của chúng tại Mỹ dễ dàng hơn.

Sự khác biệt này có thể liên quan đến nhận thức của học sinh về khó khăn tại trường học. Ở nhiều nước trên thế giới, cả các nước đạt thành tích cao và thấp, trường học là một môi trường chính thống và có tổ chức hơn các trường ở Hoa Kỳ. Các quy tắc ứng xử cũng cứng nhắc hơn và hậu quả cho những thất bại trong học tập cũng nghiêm túc hơn, đặc biệt ở trường trung học. Trong một số trường hợp, học sinh có thể phản ứng với những khác biệt về văn hóa ở trường học, trái ngược với mức độ thách thức thực sự về kiến thức phải học. Dù vậy, một nghiên cứu khác cũng cho thấy sự thiếu chặt chẽ về vấn đề sách giáo khoa, chương trình giảng dạy và đào tạo giáo viên tại Mỹ, sự khác biệt về tính chặt chẽ này được cho là rất quan trọng và đáng nghiên cứu thêm.

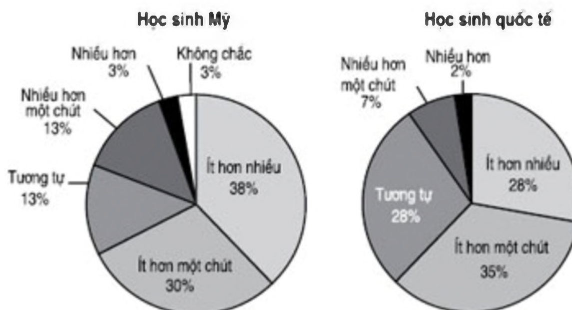
Mức độ tự do

Các học sinh quốc tế và Mỹ cũng đồng ý rằng phụ huynh người Mỹ ít để con cái tự do hơn các bậc cha mẹ ở nước ngoài. 63% học sinh quốc tế và 68% học sinh Mỹ trả lời khảo sát đã đồng ý với nhận định này (xem Biểu đồ 3).

Điều thú vị là học sinh quốc tế đến từ các nước có thành tích cao có nhiều khả năng cho rằng các bậc cha mẹ Mỹ để con cái họ ít tự do hơn các học sinh đến từ các quốc gia có thành tích thấp. Cụ thể, con số đó là 70% so với 45% học sinh đến từ các quốc gia có thành tích thấp hơn.

Những phát hiện này hỗ trợ cho tài liệu hiện có cho rằng trẻ em Hoa Kỳ có một cuộc sống mang tính tổ chức cao. Những lý do cho sự khác biệt này rất phức tạp và khó tháo gỡ. Các bậc phụ huynh Mỹ có thiên hướng bảo vệ con cái họ nhiều hơn do nỗi lo ngại phổ biến về nạn tội phạm và bạo lực. Ở một số vùng của Hoa Kỳ, đặc biệt là các khu phố có thu nhập thấp, mối quan tâm này có thể dựa trên thực tế khó khăn; trong một số khu vực có thu nhập cao hơn khác, tỷ lệ tội phạm có thể thấp nhưng sự lo lắng của các bậc cha mẹ về tội phạm vẫn rất cao.

Biểu đồ 3: Học sinh Mỹ và quốc tế cho rằng các bậc cha mẹ Mỹ để con cái họ ít được tự do hơn



Bất kể lý do gì, các kết quả giáo dục còn có nghĩa lý gì nếu các bậc cha mẹ Mỹ *thực sự* ít

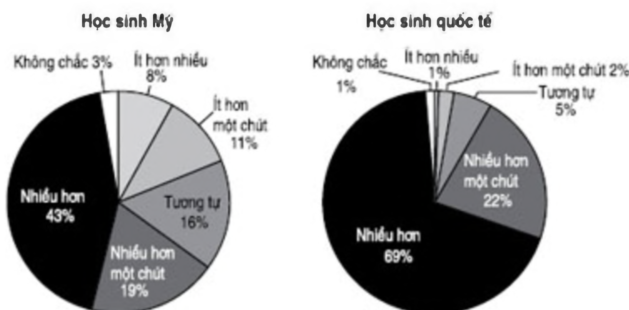
cho con cái họ quyền tự chủ? Một lần nữa, thật khó để suy đoán, nhưng các tài liệu hiện có về cách nuôi dạy những đứa trẻ kiên trì cho thấy giá trị rất lớn của việc cho phép chúng được tự do đưa ra các quyết định và mắc sai lầm (trong giới hạn) khi chúng còn bé. Ngược lại, thanh thiếu niên lớn lên trong sự kiểm soát chặt chẽ của gia đình và nhà trường chỉ phát hiện ra những nguy hiểm và trải nghiệm cảm giác mạnh của sự độc lập khi chúng lớn lên và chủ yếu là sự tự phát hiện.

Tầm quan trọng của thể thao

Các học sinh quốc tế và Mỹ đều nhất trí về tầm quan trọng của thể thao trong đời sống của thanh thiếu niên Mỹ. 91% học sinh quốc tế và 62% học sinh Mỹ cho biết học sinh Mỹ đề cao khả năng chơi thể thao giỏi hơn các học sinh nước ngoài (xem Biểu đồ 4). Phần lớn học sinh quốc tế nói rằng học sinh Mỹ quan tâm "nhiều hơn" đến thành tích thể thao.

Phát hiện này chứng thực kết quả các cuộc điều tra của Học viện Brookings trước đây. Trong các cuộc khảo sát này, 85% học sinh quốc tế và 82% học sinh Mỹ nói rằng học sinh Mỹ đề cao thành tích thể thao hơn các học sinh nước ngoài.

Biểu đồ 4: Học sinh Mỹ và học sinh quốc tế cho rằng học sinh Mỹ đề cao thành tích thể thao hơn



Việc đề cao thành tích thể thao chưa chắc có ảnh hưởng tiêu cực đến thành tích học tập. Trong số các học sinh quốc tế, 88% đến từ các quốc gia đạt thành tích cao cho biết học sinh Mỹ đề cao thành tích thể thao hơn các học sinh nước ngoài; trong khi gần như tất cả học sinh (96%) từ các quốc gia có thành tích thấp cho biết học sinh Mỹ đề cao thành tích thể thao hơn. Điều này cho thấy các học sinh đến từ các quốc gia đạt thành tích cao quan tâm đến thể thao hơn các học sinh đến từ các nước có thành tích thấp, mặc dù không ai trong số họ quan tâm nhiều như các học sinh Mỹ.

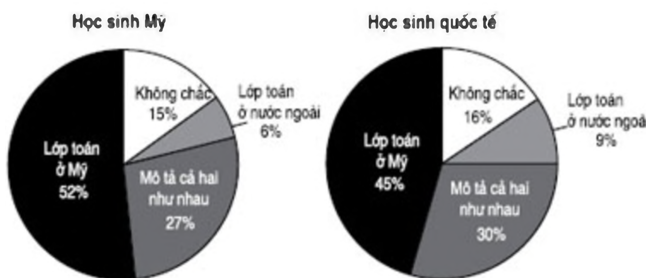
Dù sao đi nữa, tầm quan trọng chưa từng thấy của thành tích thể thao tại các trường trung học Mỹ nên trở thành chủ đề của các cuộc tranh luận nghiêm túc. Thể thao, ngoài những giá trị mà nó mang lại, cũng bòn rút tiền bạc và sự chú ý từ việc học tập. Đó là tầm quan trọng tương đối của chúng – không phải tuyệt đối – một điều vốn rất đáng lo ngại.

Lời khen ngợi

Các học sinh quốc tế và Mỹ đồng ý rằng giáo viên toán học ở Mỹ thường khen ngợi khả năng của học sinh hơn các giáo viên toán học ở nước ngoài. Khoảng một nửa số học sinh quốc tế và Mỹ cho biết các giáo viên toán học Mỹ thường khen ngợi học sinh hơn; khoảng 1/3 nghĩ rằng các giáo viên toán học khen ngợi học sinh tương tự nhau; và chưa đến 10% ở cả hai nhóm nghĩ rằng giáo viên toán ở nước ngoài khen ngợi thành tích của học sinh nhiều (xem Biểu đồ 5).

Lưu ý rằng câu hỏi này chỉ được đặt ra trong một nhóm nhỏ. Chúng tôi đã yêu cầu các học sinh so sánh cụ thể trải nghiệm của chúng ở lớp học toán trong và ngoài nước. Trong số các học sinh quốc tế tham gia khảo sát, 82% tham dự các giờ toán học ở Hoa Kỳ nên có thể trả lời câu hỏi này. Trong số những người được hỏi ở Mỹ, 89% đã học giờ toán và hoàn thành câu hỏi này.

Biểu đồ 5: Học sinh Mỹ và học sinh quốc tế cho rằng giáo viên toán ở Mỹ khen ngợi thành tích của học sinh nhiều hơn các giáo viên nước ngoài



Kết quả dấy lên câu hỏi: Có phải việc giáo viên Mỹ khen ngợi học sinh của mình rất nhiều chỉ nằm trong phạm vi báo cáo của cuộc khảo sát này? Hoa Kỳ chắc chắn nằm trong các nước đạt thành tích thấp hơn về toán học, nhưng trẻ em Mỹ thường nhận được điểm số cao ở môn toán như đã thảo thuận trong các phần khác của cuốn sách này.

Những ảnh hưởng của việc khen ngợi thành tích của học sinh không đạt mức trung bình ở các nước phát triển khác là gì? Những lời khen ngợi phổ biến ảnh hưởng đến môi trường học tập và kỳ vọng của học sinh về bản thân như thế nào? Lời khen ngợi có liên quan đến xu hướng (như được đề xuất trong cuộc khảo sát này) của các bậc cha mẹ Mỹ trong việc để con cái họ ít tự do hơn không? Có phải các giáo viên và cha mẹ Mỹ đối xử với con cái của họ như thể chúng dễ bị tổn thương hơn thực tế không? Hay các quốc gia khác *không mấy* quan tâm đến con em họ?

Khen ngợi không phải lúc nào cũng xấu. Thật vậy, kết quả cho thấy một mối quan hệ phức tạp giữa lời khen ngợi và kết quả: Học sinh đến từ các nước có thành tích thấp hơn có khả năng cao trong việc khẳng định rằng các giáo viên Hoa Kỳ khen ngợi học sinh nhiều hơn so với học sinh đến từ các quốc gia có thành tích cao. 38% học sinh quốc tế đến từ các quốc gia đạt thành tích cao cho biết các giáo viên Mỹ khen ngợi học sinh thường xuyên hơn; so với 62% học sinh từ các nước có thành tích thấp nói như vậy. Khen ngợi có thể không dẫn đến việc học tốt hơn, nhưng sự vắng mặt của những lời khen ngợi chưa chắc đã khiến mọi việc tồi tệ hơn.

Thực tế, một số học sinh trong cuộc khảo sát này được trải nghiệm văn hóa lớp học tích cực tại Mỹ thể hiện qua câu trả lời cho những câu hỏi mở. Như một học sinh trao đổi người Italia sang Mỹ đã nói: "Giáo viên (Mỹ) tin ở bạn, tin vào khả năng của bạn và không bao giờ khiến bạn chán nản về bản thân."

Một học sinh Pháp so sánh hai trải nghiệm theo cách này:

"Ở Pháp, các giáo viên gây áp lực thêm cho học sinh – bằng bài tập về nhà, điểm số. Tại Hoa Kỳ, giáo viên thường chúc mừng học sinh về thành tích chúng đạt được."

Điều đó cho thấy khen ngợi là một loại tiền tệ mang tính rủi ro cao. Để hiệu quả, lời khen ngợi phải cụ thể, chân thành, chính xác và được sử dụng chừng mực. Những kết quả này cho thấy lời khen ngợi thường xuất hiện tại các lớp học của Mỹ có thể không đáp ứng được những yêu cầu này. Những lời khen ngợi thường được đưa ra quá nhiều, mơ hồ, hoặc trống rỗng và có tác dụng ăn mòn, như nhiều nghiên cứu đã chỉ ra; những đứa trẻ được khen ngợi ít chấp nhận rủi ro hơn và bỏ cuộc dễ dàng hơn. Lòng tự trọng rất quan trọng, nhưng nó xuất phát từ nỗ lực và thành tựu đích thực, chứ không phải từ sự nịnh bợ.

Những kết quả rối rắm hoặc chưa thể kết luận

Kết quả trả lời của học sinh Hoa Kỳ và quốc tế đối với bốn câu hỏi có phần rối rắm và chưa thể giúp đưa ra kết luận. Chúng tập trung vào các vấn đề sau:

Tầm quan trọng của việc học tốt ở trường. Đa số học sinh quốc tế cho rằng học sinh tại Hoa Kỳ và nước ngoài đều coi trọng việc học tốt ở trường như nhau, trong khi hầu hết học sinh Mỹ cho biết các bạn của họ *không mấy* coi trọng việc học tốt ở trường. Điểm đồng thuận rõ ràng duy nhất là học sinh Mỹ *không* quan tâm "nhiều" đến việc học tốt ở trường. Chỉ 4% học sinh quốc tế và 3% học sinh Mỹ chọn câu trả lời này. Lý do tại sao học sinh Mỹ và quốc tế không đồng tình về vấn đề này chưa rõ ràng ngay lập tức, dù có thể các em học sinh đã gặp khó khăn trong việc đánh giá mức độ quan tâm của các học sinh khác về việc học ở trường trong một bối cảnh đan xen văn hóa.

Thách thức trong giờ toán. Các câu trả lời của học sinh Mỹ về vấn đề này rất phức tạp, nhưng các học sinh quốc tế cho thấy sự rõ ràng trong câu trả lời này hơn những câu khác. Cụ thể, 58% học sinh quốc tế cho biết các giờ toán học ở nước ngoài khó hơn nhiều so với ở Hoa Kỳ.

Xu hướng "luôn chăm chú và không lãng phí thời gian" trong giờ toán. Cả học sinh Mỹ và học sinh quốc tế đều có những câu trả lời khác nhau về vấn đề này. Đối với cả hai nhóm, khoảng 1/3 cho biết họ vẫn chăm chú trong lớp học toán ở Mỹ, 1/3 chọn "nước ngoài" và 1/3 cho rằng trải nghiệm của họ trong các giờ học sôi nổi là như nhau cả ở Mỹ và ở nước ngoài.

Xu hướng "không chấp nhận gì ngoài nỗ lực hết mình" của các giáo viên toán. Như trong trường hợp ở trên, học sinh Mỹ và quốc tế cho thấy họ không thiên về bất cứ câu trả lời nào. Có thể nhận ra sự không rõ ràng ở câu hỏi bởi một lượng lớn người được hỏi ở cả hai nhóm đã chọn câu trả lời "Không chắc". Tổng thể, 18% học sinh quốc tế và 12% học sinh

Mỹ đã chọn “Không chắc”.

Khảo sát

Khi bắt đầu khảo sát, những người tham gia được chia thành hai nhóm riêng biệt – học sinh Mỹ và học sinh quốc tế – nhờ câu hỏi: “Nước chủ nhà của bạn là gì?” Bằng cách đó, các câu hỏi có thể được nhóm lại rõ ràng hơn, điều mà những người không sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ bản địa quan tâm.

Các câu hỏi được đặt ra cho học sinh quốc tế xuất hiện dưới dạng chữ thường; câu hỏi dành cho học sinh Mỹ xuất hiện dưới dạng *chữ in nghiêng*.

Ngoài ra, các học sinh còn được hỏi liệu họ có tham gia khóa học toán học trong suốt thời gian trao đổi không. Những học sinh trả lời “có” được dẫn sang trang câu hỏi tiếp theo để so sánh các lớp học toán trong và ngoài nước; học sinh trả lời “không” được trải nghiệm giáo dục tổng thể của họ.